

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Mạnh Côn (II)

Tiểu sử

Sinh ngày 7.5.1920

Tác phẩm

Hòa bình...nghĩ gì...làm gì
Lạc đường vào lịch sử
Đem tâm tình viết lịch sử



Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn. Ảnh năm 1957 khi ông gia nhập quân đội với cấp bậc Thiếu Úy đồng hoá.

Mục Lục

- Nói chuyện với tác giả “hòa bình.. nghĩ gì? làm gì?” – Bùi Vị Xuyên – 2
Vài nét về Nguyễn Mạnh Côn – Tạ Ty - 9
Cặp kính của bác Côn – 10
Giới thiệu *Đêm nghe tiếng đại bác* - 12
Người bạn tù Nguyễn Mạnh Côn – Lê Đình – 14
Nguyễn Mạnh Côn: Tranh đấu và chết trong tù – Lê Thanh Sơn - 16
Nguyễn Mạnh Côn, nhà văn miền Nam tuyệt thực chết trong tù – Viên Linh - 23

Phụ đính :

- Nguyễn Mạnh Côn, đem tâm tình viết lịch sử - Nguyễn Mạnh Trinh - 26
Đem tâm tình viết lịch sử - Nguyễn Mạnh Côn - 32
Truyện về ba người lính nhảy dù lâm nạn của Nguyễn Mạnh Côn
Hai bài học từ Nguyễn Mạnh Côn

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nói chuyện với tác giả “hòa bình.. nghĩ gì? làm gì?” Bùi Vị Xuyên



(đăng lại từ tạp chí Văn số 141-142)

Như Tin Văn ... Vấn số trước (140) đã loan, nhà văn Nguyễn Mạnh-Côn và nhà xuất bản Đồng Nai, đã tổ chức một bữa ăn thân mật tại nhà hàng Văn-Cảnh, mời quần hùng trong văn lâm tới nhận sách tặng và nghe tác giả trần tình về tác phẩm tâm huyết của ông.

Sau bữa tiệc, dư luận về tác giả xôn xao không ít. Chê và khen; nghi ngờ và tin cậy: quảng cáo hay thiện chí? – Anh Nguyễn Mạnh-Côn có biết thế hay không? Chúng tôi gặp anh, và làm một cuộc phỏng vấn về cuốn “Hòa Bình.. Nghĩ gì? Làm gì?” mà anh mới xuất bản.

Là một tác giả hay viết về chính mình – cả tốt lẫn xấu – anh Côn, đối với bạn hữu, là một người thật khó hiểu. Có nhiều lúc anh tỏ ra rất nghệ sĩ, không tha thiết với bất cứ thứ gì ở đời, nhưng cũng có nhiều lúc anh đầy vẻ lạc quan, muốn làm đủ mọi việc. Vào cuối năm 1969, hình như anh đang ở trong trạng thái thứ hai.

Chúng tôi hỏi anh như vậy, và anh đã trả lời:

- Tôi thiết nghĩ ở trong hoàn cảnh của chúng ta mà tôi có thái độ khác mới đáng lấy làm lạ. Xã hội và đời sống khắp thế giới, cũng như ở Việt Nam, đầy những trái ngược. Chúng ta chán nản khi gặp khó khăn, hăng hái khi gặp thuận lợi.

BVX: Như vậy, anh đang ở hoàn cảnh thuận lợi?

NMC: Có thể nói như vậy. Từ khi lớn lên đến bây giờ, năm nay là năm đầu tiên tôi phải vay tiền để chi tiêu trong gia đình. Nhưng nếu các anh muốn nói về cuốn “Hòa Bình...” của tôi thì nguyên nhân sự vận động của tôi có phần khác hơn. Và ... (ngẫm nghĩ) có thể nói to tát hơn sự làm ăn của cá nhân. Và cũng phức tạp hơn.

BVX: Có điều gì thuộc phạm vi bí mật cá nhân không?

NMC: Không. Nhưng rất khó giải bày, vì điều nọ cài vào, lẫn vào điều kia. Tuy nhiên, nếu muốn tóm tắt, với điều kiện các anh đừng vội suy luận ngay, thì tôi có thể kể mấy yếu tố chính, khách quan, là sự thất bại của Cộng-sản về quân sự, sự lóng ngóng của phe Quốc-gia về chính trị, sự tin tưởng tai hại của rất nhiều người Mỹ vào những sai lầm của họ. Còn một yếu tố chủ quan, là số tuổi mỗi ngày một nhiều, và sức khỏe mỗi ngày một suy yếu của tôi.

BVX: Đồng ý rằng anh viết chính trị tất nhiên phải có liên quan đến thời thế, nhưng nghe anh kể từng nguyên nhân một, tôi có cảm tưởng sự liên quan đã có phần nào thay đổi?

NMC: Đúng thế. Từ năm 1967 trở về trước, Cộng-sản còn rất mạnh về quân sự, thì tất cả mọi cố gắng của những người tự do, Mỹ cũng như Việt, chính quyền cũng như thường dân, đều phải hướng về chiến tranh. Dù muốn dù không, và bằng cách này hay cách khác, những ai không muốn Cộng-sản chiếm được miền Nam, đều cố gắng giúp ích chính phủ và quân đội. Sự liên quan, vì thế, rất giản dị.

BVX: Còn bây giờ?

NMC: Bây giờ thì khác. Sự đe dọa của Cộng-sản đã giảm hẳn về quân sự, thì nội bộ của phe Quốc-gia bắt đầu phân hóa, và khi nào tiếng súng im hẳn, sự phân hóa đó sẽ tăng thêm và thành trầm trọng, nguy hiểm. Riêng phần tôi, tôi nghĩ rằng trong tình trạng hòa bình, chính quyền ta còn cần được sự giúp đỡ nhiều hơn trong chiến tranh.

BVX: Vì sao?

NMC: Vì chiến tranh là việc của quân lực Việt-nam và của Phái bộ Viện trợ quân sự Mỹ. Các vấn đề văn hóa, chính trị, kinh tế vẫn quan trọng, nhưng chỉ quan trọng ở thủ đô và một số thị trấn mà thôi.

BVX: Còn bây giờ?

NMC: Bây giờ, theo ý riêng tôi, thì Cộng-sản hoàn toàn thất bại về quân sự rồi. Sự phá hủy các cơ sở tiếp vận – mà họ gọi là hậu cần – không cho phép họ tiếp tục chiến tranh, kể cả chiến tranh du kích. Các vấn đề chính trị, kinh tế, v.v... trở thành quan trọng gấp bội, ở cả thành thị và thôn quê. Nhất là ở thôn quê. Mà, trong khi đó, tôi chờ đợi hoài hủy, không thấy chính quyền, kể cả Lập pháp lẫn Hành pháp, đưa ra một chính sách nào, một kế hoạch nào khả dĩ đương đầu với những khó khăn mới.

BVX: Những khó khăn thuộc loại nào? Kinh tế hay chính trị?

NMC: Thật ra thì chính trị và kinh tế đã lẫn lộn vào nhau, và hợp thành một từ lâu rồi. Chúng ta khó có thể nói đến một vấn đề kinh tế mà không nói đến chính trị, và ngược lại. Cho nên, theo tôi nghĩ, phải dùng đối phương, đối tượng mà chia thành vấn đề.

BVX: Ví dụ vấn đề đối với người Mỹ, vấn đề đối với Cộng-sản?

NMC: Đúng thế.

BVX: Đối với người Mỹ ra sao? Đối với Cộng-sản thế nào?

NMC: Thế nào? Ra sao? Tôi không có cách nào nói tóm tắt ý kiến của tôi trong 3 câu, khi mà tôi đã trình bày về nó trong 500 trang mà vẫn thấy không đủ. (*Anh Nguyễn Mạnh-Côn lật lật mấy trang cuốn sách in theo khuôn mẫu rất đặc biệt. Sau đó, anh dùng một ngón tay trở chia cuốn sách làm 2 phần.*)

- Đại ý tôi là thế này: Cộng-sản thất bại về quân sự, nhưng vẫn còn có tính chất của một lực lượng chính trị. Kinh nghiệm cho ta biết một lực lượng chính trị gặp thành công thì dễ phân hóa, nhưng nếu gặp đối kháng nhất là bị đàn áp, thì thường đi vào trạng thái cô đúc, và dễ được dân chúng có thiện cảm và ủng hộ. Nếu sự đàn áp lại lan rộng vào đám dân chúng “cảm tình viên”, thì lực lượng ấy rất dễ trở thành phong trào quần chúng: người ta sẽ quên thực chất chính trị của lực lượng gốc, mà chỉ nhớ đến cuộc đấu tranh trước mắt, mà những người có thủ đoạn rất dễ biến thành “phong trào chống độc tài” hay “mặt trận giải phóng”.

Chúng tôi đồng ý. Đó là một sự kiện mới xảy ra, và còn có thể xảy ra nhiều lần. Anh Côn nói tiếp:

Đó là điều mà tôi cho rằng chính quyền ta cần tránh cho kỳ được. Chính quyền, với sự giúp đỡ của Đồng minh, đã thắng về quân sự. Quan trọng hơn nữa, là chính quyền đang giành lại được nông thôn. Một thời kỳ thái bình sắp xuất hiện, như trong khoảng 1954-1958. Nhưng rồi, cũng như trong thời kỳ đó, nếu chính quyền cấm đoán và trừng phạt mọi sự vận động của một số rất nhỏ cán bộ cộng sản, thì đảng Cộng-sản sẽ sống lại, dưới hình thức một lực lượng “dân chủ, xã hội, khoa học và tiến bộ”. Rồi, sau đó, một trận chiến tranh “nhân dân” lại xảy ra, với một lớp thanh thiếu niên mới, không có kinh nghiệm gì về cuộc chiến tranh vừa chấm dứt. Đó, theo tôi nghĩ, là cái họa tâm phúc thứ nhất của chính quyền hiện nay.

BVX: Còn cái họa tâm phúc thứ hai?

NMC: Là người Mỹ, hay nói cho đúng, là chính sách kinh tế của người Mỹ.

BVX: Chính sách kinh tế của Mỹ, theo ý anh, như thế nào?

NMC: Nói lại cho đúng chữ “chính sách” không hợp lắm. Người Mỹ bây giờ chỉ có thể tiếp tục sự phát triển kinh tế vĩ đại mà ông cha họ đã bắt đầu từ khi lập quốc. Hiện trạng kinh tế nước họ bắt buộc người Mỹ phải liên tục mở rộng, và khai thác đến đáy, các thị trường tiêu thụ hàng hóa, và tiêu thụ tư bản, của họ. Người Mỹ dù có muốn dừng lại cũng không được, vì chính các nhà đại tư bản, các nhà lãnh đạo chính trị, cũng không còn giữ được quyền chỉ huy guồng máy

sản xuất bây giờ đã trở thành lá phổi, trái tim của xã hội Mỹ. Với tư cách người Việt, tôi chắc không cần phải nói rõ về tương lai của một nước mà nguồn lợi kinh tế chính là dịch vụ (lao động đầu óc và chân tay), nhằm mục đích nhập cảng và tiêu thụ hàng hóa của một số nước bạn; và nếu có sản xuất – bằng tư bản, chuyên viên, máy móc, nguyên liệu và nhiên liệu, và bằng sáng chế ngoại quốc – thì một hàng rào quan thuế sẽ được dựng lên để “khuyến khích” dân chúng tiêu thụ hàng “nội hóa” vừa xấu vừa đắt.

Chúng tôi nhớ anh đã kể một vài thứ hàng hóa, như thuốc tây, vải lụa, giấy in... Chúng tôi hỏi anh NMC: như thế có phải chúng ta phải bắt đầu chống Mỹ hay không. Anh lắc đầu:

Với tư cách dân chúng, không bao giờ chúng ta có đủ yếu tố để can thiệp vào những khu vực chuyên môn cao độ. Tôi muốn nói rằng đó là cái họa tâm phúc thứ hai của chính quyền.

BVX: Vậy chính quyền phải làm gì?

NMC: Tôi tưởng tượng rằng chính quyền phải có một thái độ mới đối với Cộng-sản, ngay khi tiếng súng lặng im. Và một thái độ mới đối với người Mỹ ngay khi tiếng súng chưa lặng im.

BVX: Có người đọc cuốn “Hòa Bình...” cho rằng anh chủ trương liên hiệp?

NMC: Họ nói chơi đấy thôi. Tôi chỉ viết “tôi ngả về liên hiệp”, vì những lý do được phân tích rất kỹ trong cuốn sách.

BVX: Nhưng chính anh đã nói, và viết, rằng anh đề nghị một “chính sách trung lập”?

NMC: Điều đó có thật. Nhưng xin nói lại cho rõ là tôi **đề nghị** một chế độ trung lập về văn hóa, chính trị, kinh tế v.v... chứ không **đòi hỏi** một thái độ ngoại giao nay ngả về Mỹ, mai ngả về Nga, mà người ta gọi là trung lập. (Anh Côn yêu cầu nhấn mạnh về mấy chữ **đề nghị** và **đòi hỏi**). Tôi đề nghị để thảo luận, để tìm những cái hay, cái tốt mà chính quyền có thể áp dụng. Tôi không đòi hỏi một chính phủ trung lập mà chính tôi sẽ lãnh đạo.

BVX: Nếu chúng tôi không nhầm thì phần đề nghị đó chính là phần thứ hai trong tác phẩm của anh?

NMC: Đúng, đó là một đoạn, đoạn cuối của phần hai, cũng là đoạn cuối của cuốn sách.

BVX: Còn phần giữa, nghĩ là đoạn đầu của phần hai?

NMC: Đó là phần lý thuyết.

BVX: Lý thuyết chính trị, xã hội hay kinh tế?

NMC: Triết.

BVX: Tại sao lại có vấn đề triết, rất cao xa, trong một cuốn sách có đề tài rất thực tế, như nghĩ gì, làm gì, khi có hòa bình?

NMC: Bởi vì Cộng-sản sai lầm vì gặp bế tắc trong lý thuyết mác-xít. Còn người Mỹ thì sai lầm vì không có lý thuyết nào. Mặc dầu hai bên rất gần nhau về lý tưởng.

BVX: Gần nhau về lý tưởng?

NMC: Vì cả hai phe đều muốn tiến bộ, muốn giàu mạnh, muốn dân chúng ở yên mà hưởng thụ, sau khi làm đầy đủ nhiệm vụ và tuân theo ý muốn của chính quyền. Dân chủ với Cộng-sản, tuy hơi khác nhau về một số điểm, đều là con của nền văn minh kỹ thuật. Trong mấy chục năm nữa, nếu không có gì thay đổi, thì dù Mỹ hay Cộng-sản làm bá chủ thế giới, nhân loại cũng giống như một đàn bò: bò Cộng-sản không được phép suy tư, bò Mỹ được tự do nhưng cũng không biết suy tư là gì nữa.

BVX: Anh không muốn làm bò?

NMC: Không có người Đông phương nào muốn làm bò. Nhưng đó là điều không tránh được!

BVX: Chúng tôi tưởng anh đề nghị một lối nào đó cho nền văn minh tây phương, để nhân loại khỏi trở thành loài bò tất cả?

NMC: Tôi chỉ đề nghị đường lối cho chúng ta trở thành một loại bò có suy tư. Nghĩ cho cùng, về phương diện tập thể, chúng ta rất có thể chấp nhận một đời sống yên ổn của những con bò làm đủ bổn phận rồi thì được nuôi nấng béo tốt, khỏe mạnh. Điều quan trọng là đời sống tình cảm với gia đình và bạn hữu, và đời sống tâm linh của riêng mỗi cá nhân.

BVX: Nghĩa là xã hội theo Tây, còn gia đình và cá nhân theo Đông? Một thứ triết học “trung lập” giữa hai quan niệm kinh điển Á, Âu?

NMC: Đúng như vậy.

BVX: Như vậy cũng dễ thôi?

NMC: Có lẽ cũng không dễ lắm đâu. Con người phương Đông có nhiều quan niệm rất thực tế, mà cũng rất cao siêu về đời sống. Chúng ta sẵn sàng chia sẻ chúng cho người Mỹ, người Nga. Nhưng họ là những người có tinh thần luận lý đã quen, nên họ chỉ nhận sự chia sẻ ấy nếu chúng ta giải thích được nguồn gốc, chứng minh được giá trị của quan niệm của chúng ta. Người Tây phương không thích nghe những danh từ trống rỗng.

BVX: Cuốn “Hòa Bình.. Nghĩ gì? Làm gì?” có những giải thích và chứng minh đó?

NMC: Tôi đã cố gắng làm như vậy!

Tiếp tục buổi gặp gỡ trước – đã được ghi nhận trong số Văn 141 – chúng tôi lại đến gặp anh Nguyễn Mạnh-Côn. Mục đích để biết rõ về chương trình hoạt động của anh: một công ty phát triển văn hóa có vốn gốc 100 triệu đồng bạc.

Gặp anh Côn, chúng tôi không khỏi nhớ đến câu truyện tuần trước còn nhiều điều chưa được rõ rệt. Thắc mắc được nêu lên:

BVX: Anh có nhận anh tỏ ra lo lắng cho cuốn “Hòa Bình...” hơn bất cứ cuốn sách nào khác của anh, từ trước đến nay? Hình như anh có nói, theo ý anh, cuốn “Giấc mơ của đá” có thể được coi như tác phẩm trụ cột của cuộc đời viết văn của anh, trong khi cuốn “Mối tình màu hoa đào” là tác phẩm suy tư quan trọng nhất. Hai cuốn đó được tung ra thị trường một cách thân nhiên, về phần anh, đến độ người ta có thể tưởng tượng rằng sách in xong là anh không cần biết đến nữa. Vậy tại sao anh lo lắng nhiều cho cuốn “Hòa bình...” mà mọi người đều biết chỉ là phần áp dụng của cuốn “Mối tình màu hoa đào”?

NMC: Có, tôi nhận, (anh Côn trả lời chúng tôi), mà lý do rất phức tạp. Trước hết, tôi thành thật nhận rằng chưa bao giờ tôi nhờ anh em giới thiệu “kỹ” như lần này, và chưa bao giờ tôi tốn công phu giới thiệu cuốn sách bằng kỳ này. Đó có lẽ là vì số vốn nhà Đồng Nai bỏ ra quá lớn – cho đến ngày in xong khuôn cuối, cô Ba Nhỏ, tay hòm chìa khóa, đã đưa cho tôi 1 triệu 40 ngàn đồng. Sự tin cậy của các bạn ở nhà Đồng Nai làm cho tôi lo sợ. Nếu cuốn sách đưa đến thất bại về tài chính thì tôi không thiệt hại bao nhiêu, nhưng họ sẽ phải ân hận vì quá tin vào sự bảo đảm của tôi.

BVX: Còn lý do khác?

NMC: Là tôi tin chắc cuốn sách của tôi sẽ giúp ích được nhiều. Giúp ích trong hai trường hợp: bây giờ và mai sau. Mai sau là vấn đề triết lý, liên hệ đến sự bế tắc của cả hai nền văn hóa, văn minh Đông, Tây. Mai sau sẽ ra sao? – Thật chúng ta khó mà dám tiên đoán lấy một phần. Nhưng dù sao tôi vẫn còn hi vọng. Nếu có sự kiện đặc biệt nào xảy ra, giới thiệu quan niệm của tôi với các nhà khoa học, để cho họ phân tích, nghiên cứu, thì rất có thể cuốn sách của tôi sẽ “làm đảo lộn cả những nền nếp cũ, và làm cơ sở cho công cuộc xây dựng một nếp sống mới” – như anh C., một người bạn của tôi, giám đốc một chi nhánh ngân hàng ở Tân-định, đã nói.

BVX: Còn bây giờ?

NMC: Bây giờ thì thật khó nói sao cho gọn được. Về lý tưởng thì tôi muốn giúp ích quốc dân, giúp ích chính quyền, giúp ích người Mỹ để họ đừng tiếp tục làm khổ bằng cách viện trợ cho chúng ta, và cả giúp ích cho Cộng-sản, vì mặc dù họ sai lầm ghê gớm, họ vẫn có công làm cho Tây phương biết đến nhiều, và kính trọng người Việt. Tôi không thể tưởng tượng rằng sau cuộc chiến tranh này, từ 1959 đến 1969, người Cộng-sản lại tiếp tục đào tạo cán bộ ngay cho cuộc chiến tranh tiếp theo, ví dụ từ 1979 đến 1989. Nhưng tôi biết, nếu không có sự can thiệp đúng mức về lý thuyết, khiến cho Cộng-sản xác nhận rằng họ sai lầm, và chấp thuận một đường lối mới, Cộng-sản nhất định sẽ tái diễn cuộc “chiến tranh nhân dân” một lần nữa. Sở dĩ tôi biết như vậy là vì tôi hiểu Cộng-sản đã đi sâu vào con đường lý luận, nên họ chỉ có thể bỏ đường lối cũ nếu có một đường lối mới đúng đắn hơn, vừa tỏ rõ những sai lầm đã qua, vừa bổ túc những thiếu thốn, và giải tỏa những bế tắc mà họ đã gặp, lại vừa đem đến cho họ những lý tưởng mới, hợp lý hơn, và nhiều triển vọng đạt tới hơn lý tưởng “vô sản chuyên chính” của họ.

BVX: Anh nghĩ anh đã làm việc đó?

NMC: Tôi nghĩ như vậy. Anh Côn đáp giản dị và minh bạch.

“Anh có thấy điều đó là một cái gì to lớn lắm không?” Chúng tôi cố gắng hỏi thêm, dù biết mình hơi thiếu mềm dẻo. Và chúng tôi tiến tới thêm một chút: “Thỏa mãn Cộng-sản về vật chất chỉ cần no đủ, còn thỏa mãn họ về tinh thần có nghĩa là chấp nhận quan niệm duy vật biện chứng. Anh có sợ rằng chính quyền Việt Nam Cộng hòa có thể...” Có thể gì? Anh Côn cười lớn mà hỏi chúng tôi:

- Có thể gì, các anh? Dưới chính thể cộng hòa có thể có nhiều tờ báo, đăng bài, ca tụng hay giải thích tư tưởng chính thống duy vật, theo đường lối của họ Mao, của Kossygin... rất có thể vẫn được để yên, nếu họ không dùng rõ chữ “cộng sản”. Ngược hẳn lại, nếu có bài động chạm đến lòng chân một giới chức cao cấp nào đó, thì tờ báo hãy coi chừng.

BVX: Anh nói thế có nghĩa là chúng tôi nên hiểu anh đã đồng ý với lập trường duy vật? Anh bạn chúng tôi vội vàng xoa tay:

NMC: Không! Không, anh đừng nói thế vội. Tuy chúng ta chỉ nói chuyện thân mật ở đây thôi, những điều các anh sẽ ghi và nhắc lại sẽ trở thành chứng tích, tài liệu. Vì thế tôi thấy cần phải yêu cầu các anh ghi rõ là *tôi đồng ý với lập trường duy vật phát triển*, nghĩa là lập trường duy vật đã tiến tới và đổi khác, đến độ *tính chất biện chứng khoa học thì còn nguyên, nhưng tính chất duy vật đã mất đi quá nửa*. Người Cộng-sản vẫn có lý thuyết, nhưng không phải lý thuyết cũ của họ.

Chúng tôi còn yêu cầu anh nói rõ hơn, nhưng anh Côn lắc đầu:

NMC: Làm thế nào tôi có thể diễn tả trong mấy câu những điều mà có thể tôi suy nghĩ suốt đời chưa trọn? Tôi chỉ xin nói với các anh rằng theo tôi hiểu, người Cộng-sản biết rõ khuyết điểm của họ, và luôn luôn cố gắng vượt qua các chướng ngại. Tôi sợ rằng cuốn sách của tôi, thay vì giúp ích quốc dân và chính quyền miền Nam được một vài điều, thì lại được họ chú ý trước, để rút tỉa những khám phá hữu ích, đưa đến một sự thay đổi chiến lược quan trọng, khả dĩ giải khai tất cả mọi bế tắc mà họ đã gặp trên thực tế. Trên phương diện thuần túy tư tưởng, hay với tư cách người Việt không thôi, tôi sẽ không lấy gì làm đau đớn nếu giúp được cho cộng sản thay đổi và rời bỏ lập trường thiên lệch của họ. Tôi có thể nói tôi lấy làm vinh dự là khác. Nhưng tôi không quên hoàn cảnh thực tại của chúng ta, nên điều mà tôi thành khẩn mong ước, là giúp ích được cho toàn thể quốc dân, cũng như cho cả chính quyền hai phía. Tương lai sẽ phán xét về thái độ này của tôi.

BVX: Cuốn sách dù sao cũng đã ra đời rồi.

NMC: Đó là điều làm tôi yên lòng. Mãi bây giờ tôi mới hiểu nguyên nhân sự thao thức của tôi, vừa mong cho cuốn sách ra đời nhanh chóng, vừa sợ bị hiểu quá rõ và bị cấm đoán ngay, vừa sợ bị hiểu lầm ngược lại, là suy quá lố và thỏa hiệp với chính quyền. Tôi muốn nói với các anh rằng tôi tin tưởng trăm phần trăm rằng nội trong 5 năm sẽ có những thay đổi lớn trong khu vực cộng sản: cộng sản sẽ không độc tài và không cuồng tín như bây giờ, và đồng bào miền Bắc sẽ đỡ bị trói buộc, đỡ bị thẳng thức cố gắng lao động.

BVX: Đặc tính của Cộng-sản là độc tài, tàn bạo. Nếu hai đặc tính đó giảm bớt, chúng ta có còn phải chống Cộng-sản nữa không?

NMC: Tôi có thể đặt câu hỏi khác tương tự như vậy: đặc tính kỹ thuật kinh tế của Mỹ là gây ra mọi trạng thái khó khăn, làm mất giá tiền địa phương, và gây rối ren cho nền kinh tế của nước nhược tiểu Á Phi nào ở trong vòng chi phối của họ. Như vậy, chúng ta có nên hợp tác với Mỹ nữa hay thôi? Chúng ta sẽ không trả lời được. Vì đồng tiền địa phương xuống giá, mất giá, là để giữ vững địa vị của đồng đô la. Tổng-thống Thiệu mới cho chúng ta biết dân chúng In-đô-nê-di, từ 1963 đến 1969, đã thấy đồng tiền của họ mất giá đến 21 ngàn lần. Đó là thời gian Tổng-thống Suharto lên cầm quyền. Tiền của In-đô-nê-di mất giá, nhưng đó là một nước rất giàu dân công (100 triệu) đồng thời là khách hàng, và cũng rất giàu nhiên liệu (xăng, cao-su, quặng mỏ). Cố nhiên tiền In-đô-nê-di mất giá thì dầu hỏa, cao-su bán cho các công ty Mỹ lấy rất ít đô-la. Nhưng ngược lại, chính phủ Hoa-thịnh-đốn sẽ viện trợ cho chính phủ Djakarta. Một số nhỏ người sẽ mua tủ lạnh, xe Honda; một số lớn người có cảm tưởng kiếm được nhiều tiền hơn, trong khi, trên thực tế, In-đô-nê-di bán quá nhiều tài sản với giá quá rẻ. Chính phủ phải tăng thuế để tiêu pha, *luôn luôn kêu gọi khắc khổ nhưng lại cầu mong cho dân chúng mua sắm cho*

hiều xa xỉ phẩm để đánh thuế. Lần tăng thuế nào cũng hứa là lần cuối, nhưng ít lâu sau lại tăng... “Nếu không tăng, đất Nam-dương sẽ lọt vào tay Cộng-sản”.

BVX: Anh nói thế có ý gì? Anh định đưa đến đâu?

NMC: Tôi muốn nói rằng sẽ có rất ít người hiểu được đầy đủ chính lược và chiến lược kinh tế của Mỹ. Vì người ta sẽ thấy tiền mất giá, nhưng mức sống có vẻ phồn thịnh hơn, cho cả người giàu lẫn người nghèo. Mấy chính khách mị dân, kêu la đói khổ, là những người chỉ trông thấy sóng mũi của họ. Tôi có cảm tưởng chỉ có giáo sư Vũ Quốc Thúc là hiểu thật đầy đủ, hiểu đầy đủ nhưng nói ra không hết được.

BVX: Anh có hiểu không?

NMC: Tôi nghĩ là tôi có hiểu.

BVX: Anh có nói ra trong cuốn “Hòa bình...” không?

NMC: Có.

BVX: Liệu độc giả có hiểu được anh không?

NMC: Tôi hy vọng rằng có. Ít ra là một số người chịu suy tư. Và lại sự trình bày diễn tiến thì khó, nhưng sự tiên đoán kết quả lại dễ. Người Mỹ, cùng các chư hầu, đang cố gắng đi cho trọn con đường cố gắng lao động, cố gắng sản xuất, cố gắng tiêu thụ. Khi ba yếu tố động cơ này còn chạy đều, thì mấy nước chư hầu, ở vị trí “theo voi ăn bã mía”, vẫn còn sống được. Nhưng đến khi một yếu tố gặp trở ngại – ví dụ sự tiêu thụ không kịp đã sản xuất – nước Mỹ sẽ bị kinh tế khủng hoảng, và các chư hầu bèn tức khắc bị phá sản ngay.

BVX: Trước viễn tượng kinh tế đó, anh có đề nghị gì không? Trước hết, anh có đòi tách rời khỏi nền kinh tế Mỹ không?

NMC: Không. Vì có đòi cũng không được. Tôi cho rằng, ngay trong lúc này, đã có nhiều rất nhiều chuyên viên Mỹ được giao phó nhiệm vụ tìm một phương pháp giải quyết.

BVX: Họ sẽ tìm đến Nguyễn Mạnh-Côn?

NMC: Không! Nguyễn Mạnh-Côn sẽ tìm đến họ. Người Mỹ rất thực tế. Họ không đòi nào nói chuyện kinh tế với người nghèo, cũng không nói chuyện học vấn với người không đỗ Ph.D. Cho nên Nguyễn Mạnh-Côn muốn nói chuyện với người Mỹ, trước hết phải làm giàu, hoặc nếu không làm giàu, cho bản thân, thì phải chứng tỏ có khả năng hoạt động kinh tế. Tôi sẽ lập một công ty ấn loát, xuất bản, báo chí và phát hành, với số vốn căn bản khoảng 100 triệu đồng.

BVX: Anh lấy tiền ở đâu? Của ai? Hay không của Mỹ thì của Pháp, Nhật?

Anh Côn trầm ngâm một lúc lâu rồi mới nói tiếp với chúng tôi:

NMC: Tôi sẽ làm việc trên 4 nguyên tắc: Nguyên tắc thứ nhất là “*lấy nhiều tiền của ít người thì khó, lấy ít tiền của nhiều người thì dễ*”. Ví dụ bảo 10 nhà tư bản bỏ ra mỗi người 10 triệu thì khó, nhưng yêu cầu 10 vạn đồng bào, mỗi người bỏ ra một ngàn đồng thì dễ. Tôi sẽ lập một công ty thương mại có tính cách công ích, rồi sẽ yêu cầu đồng bào tham dự: 100 ngàn cổ phiếu, mỗi cổ phần 1000 đồng.

BVX: Nguyên tắc thứ hai?

NMC: “*Mười người bạn chung tiền mở công ty, rất dễ vỡ, nhưng mười triệu người chung vốn, bầu ban quản trị, hoạt động hợp pháp, sẽ khó vỡ*”. Nguyên nhân là những người bạn thường vì tình cảm mà chung vốn, nhưng chung vốn rồi sẽ không giữ được tình cảm như cũ. Bạn bè, vợ con, gia đình xúi dục, bới móc, ghen tị, cho đến lúc công ty vỡ mới thôi. Nhưng ngược lại, nếu ngay từ đầu đã chủ trương hợp pháp, không có tình cảm mềm yếu ở trong, thì chắc chắn công việc được lâu dài.

Chúng tôi nói với anh Côn rằng có lẽ anh đã tìm thấy cái lý lẽ vì sao mà rất nhiều người thường chê bai người Việt không chung vốn làm ăn chung với nhau được. Anh Côn nói có lẽ đúng: việc hồng chỉ vì quá nhiều tình cảm không đúng chỗ. Chúng tôi đồng ý hỏi sang nguyên tắc thứ ba.

NMC: “*Người mình thiếu ý niệm về chuyên môn và chuyên nghiệp*”. Nhiều người mở hãng xuất nhập cảng mà không biết nghề buôn, mở nhà in mà không biết nghề in, ra báo mà không biết viết. Thành công đều nhờ may gặp người giúp việc khá, hoặc nhờ hoàn cảnh đặc biệt về chính trị. Về phần tôi, tôi có thể nói tôi lớn lên giữa các máy in của ông Mai Du Lâm, và năm tôi 21 tuổi tôi đã làm chủ một nhà in có 6 máy lớn, từ 60 x 50 đến 90 x 120 phân, in hai mặt giấy. Nghề

báo tôi cũng học được từ 1943. Tôi có thể viết bài, sắp lẩy chữ, lên khuôn, chạy máy, khâu sách, vào bìa, và bán cho các hiệu sách hay các nhà tổng phát hành.

BVX: Hoàn toàn đồng ý rồi! Chúng tôi đã thấy anh làm những việc đó thật. Vậy còn nguyên tắc thứ tư?

NMC: Nguyên tắc thứ tư, ở nước ta, “không được có tham vọng chính trị”. Có tham vọng chính trị, anh phải đi với chính quyền hay phải chống chính quyền. Đi với chính quyền tức khắc bị dân chúng nghi ngờ, lãnh đạm; còn ngược lại thì sẽ gặp muôn ngàn khó khăn, mà một cơ sở kinh doanh không thể nào vượt qua được.

BVX: A! Bây giờ chúng tôi mới hiểu. Bao lâu nay, anh tỏ ra thông cảm với chính quyền là cốt để làm công việc này? Nhưng anh có chắc đồng bào sẽ tin anh không phải là tay sai của chính quyền không? Anh có chắc chính quyền tin anh không có tham vọng chính trị không?

NMC: Tôi hy vọng như vậy. Thật ra, tôi chỉ mới có ý định hoạt động kinh tế từ một năm nay, vậy làm thế nào mà tôi chuẩn bị được thái độ từ 15 năm trước? Tôi thiết tưởng nguyên nhân sự cảm thông của tôi là nhờ ra đời đúng vào thời kỳ rối ren, nên từ 1943 tôi đã có dịp tham dự nhiều công việc quan trọng. Tôi đã thất bại, nhiều hơn thành công, và học được ở người khác còn nhiều hơn mình. Ví dụ cụ thể nhất là đến năm nay tôi còn nhớ đĩnh những điều mà Việt Minh đã hứa với dân chúng, năm 1945, – nào là bỏ mọi thứ thuế, nào là bỏ mọi thứ giấy tờ hành chánh kèn càng, nào là bỏ cơ quan an ninh (mật thám) – và dần dần thấy Việt Minh, với tất cả thiện chí của những con người lý tưởng vào năm 45-49, bị bắt buộc phải thiết lập trở lại đủ mọi sắc thuế, đủ mọi thứ giấy tờ, đủ mọi cơ quan tình báo, nếu không phải còn nhiều hơn trước. Từ bấy giờ trở đi, tôi tự đặt mình vào địa vị nhà cầm quyền, để thử quyết định (ngầm) về vấn đề này, vấn đề khác. Rất nhiều lần tôi đồng ý với nhà cầm quyền, và chúng tôi đều thất bại. Rất nhiều lần khác tôi bất mãn, thì nhà cầm quyền lại thành công. Tôi dần dần biết cầm quyền là khó, khó vô cùng. Cho nên tôi không muốn gây thêm khó khăn cho họ, dù chỉ một phần nhỏ, bằng những hiểu lầm, hiểu sai, hoặc thiếu sót của tôi.

BVX: Nhưng chính quyền có hiểu thế cho anh không?

NMC: Tôi chắc là có.

BVX: Như vậy là anh đủ điều kiện hoạt động rồi? Bao giờ anh bắt đầu?

NMC: Tôi còn cần đến 2 điều kiện. Một là một số vốn khởi đầu, khoảng 5 triệu. Hai là sự tham gia tích cực của các anh.

BVX: Cửa chúng tôi!

Trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, anh Côn xác nhận anh sẽ mời các bạn đồng nghiệp tham dự vào công ty của anh.

NMC: Các anh nghĩ: Tôi đã 50 tuổi rồi. Hoàn cảnh cho phép tôi kiếm sống không vất vả như mấy năm trước. Tôi lại rất sợ có nhiều tiền thì gia đình tôi thiếu đầm ấm, thân mật, mặc dù có nhiều tiền thì vợ con tôi sung sướng hơn chút đỉnh – chút đỉnh mà thôi. Tôi làm công ty này có phát triển cũng phải cố gắng trong 5 năm. Một mình tôi không đủ tham vọng để cố gắng như vậy. Cho nên tôi xin phép nói rằng tôi làm xong được hợp doanh – liên hợp doanh nghiệp – này thì các bạn chúng ta sẽ có đất hoạt động và có nơi nương tựa, mà không phải là chính quyền, và cũng không phải là trợ cấp. Đó là nguyện vọng thứ nhất của tôi. Nguyện vọng thứ hai là khích lệ các bạn trẻ sinh viên, học sinh, tham dự vào hợp doanh, để sau này họ lớn lên, sẽ được hợp doanh giúp đỡ.

BVX: Nhưng họ làm gì có tiền?

NMC: Rất có thể chúng ta sẽ vì họ mà đặt ra một thứ cổ phần “hy vọng” hay “mầm sống”, mỗi cổ phần khoảng 500 đồng, trong khi mỗi cổ phần thường là 1000 đồng. Với tư cách cổ động, họ sẽ tham dự các hoạt động của hợp doanh, và sau 5 năm, sẽ đương nhiên có quyền ứng cử vào ban Quản trị.

Như vậy là anh đã có một chương trình hoạt động rõ rệt. Chúng tôi muốn được biết chi tiết về chương trình đó. Anh Nguyễn Mạnh-Côn cho biết anh còn phải chờ đợi mấy tháng nữa.

NMC: Tôi sẽ nói chuyện riêng từng anh, một cách thật cận kề. Tôi chờ đợi sự đồng ý của đa số các anh. Tiếng nói của chúng ta chung góp lại, sẽ là một sự mới mẻ, và sẽ được sự chú ý và tin

cậy của đồng bào. Một phần khác, tôi cũng chờ bạn đọc suy nghĩ đầy đủ về cuốn “Hòa bình...Nghĩ gì? Làm gì?”. Tôi hy vọng riêng cuốn sách này cũng tạo nên được một phong trào nghiên cứu, học hỏi nho nhỏ. Tôi hy vọng ban Quản Trị Hợp Doanh sẽ chấp thuận đỡ đầu những công trình nghiên cứu, học hỏi đó. Vì tôi không quên tôi chỉ là người tự học, mà một lý thuyết triết học không bao giờ bắt được rễ vào đại chúng nếu không được giới bác học có bằng cấp cao và được học hỏi đầy đủ về chuyên môn, chứng nghiệm và trần thuật lại cho lớp người trung bình. Tôi có thể nói với các anh, về phương diện xã hội, tôi nghĩ mình chỉ còn làm xong việc đó đã hết ngày giờ...

Chúng tôi từ biệt anh ra về khi cơn mưa chiều vừa chấm dứt. Anh Nguyễn Mạnh-Côn tiễn chúng tôi ra cửa. Dưới ánh sáng ngoài trời, tôi nhận thấy tóc anh đen hẳn lại. Tôi hỏi hình như hồi đầu năm, tóc anh đã bạc nhiều ở thái dương? Anh xác nhận mới bị đau. Người bạn thân, y sĩ, của anh khuyên uống thuốc có Vitamin H3 và Ginseng (nhân sâm? Hay sâm cao-ly?). Có lẽ nhờ thuốc mà tóc đen trở lại?

Nhưng răng hàm chuyển mạnh, sắp rụng hết đến nơi rồi. Tụ mình yếu quá. Và lại cũng thức đêm nhiều, làm việc nhiều, suy nghĩ nhiều. Chân âm vì thế mà kiệt đi, mặc dù chân dương vẫn mạnh. Sức khỏe đặt trên chiếc ghế có 2 chân mà còn có 1. Tôi có cảm tưởng thuốc nào cũng đến thế mà thôi.

Lần thứ nhất, từ buổi đầu quen biết nhau cả chục năm nay, tôi mới thấy thoáng một nét buồn trong cái nhìn rất trẻ của anh Côn, khi anh cười.

Vài nét về Nguyễn Mạnh Côn Tạ Ty

Vào một buổi chiều, tôi đương làm việc tại Bộ Tổng Tham Mưu, được Quân Cảnh báo:
- Có một người muốn gặp, Trung úy có tiếp không?

Tôi trả lời:

- Có, anh đưa vào!

Khi gặp, tôi không biết ai, chỉ thấy người muốn gặp tôi, một thanh niên gầy guộc, mắt đeo kính trắng, nước da mét, đôi môi thâm đen! Tôi nghĩ ngay, anh chàng này hút thuốc phiện, không biết gặp tôi có chuyện gì? Tôi mời ngồi, anh tự giới thiệu: Nguyễn Mạnh Côn và cho biết, anh rất mến tài về của tôi, nên muốn nhờ tôi trình bày mẫu bia (manchette) cho tờ báo của anh sắp ra đời. Lúc ấy, quá tình, tôi không còn chút thì giờ nào rảnh rang, nên từ chối khéo để anh khỏi buồn. Nhưng anh vẫn buồn qua nét mặt và giọng nói. Tôi biết mà chẳng làm gì hơn được vì đã phụ lòng một người yêu quý mình. Sau vài câu chuyện, tôi tiễn anh ra đến cổng Trại. Từ đó băng đi vài năm, tôi không hề gặp lại anh lần nào.

Nhưng một buổi, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy Nguyễn Mạnh Côn đeo cấp bậc Thiếu úy đến tìm tôi ở nơi làm việc tại đầu đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè, ngang Sở Thú. Anh cho biết đã được đồng hóa vào Quân Đội với cấp Thiếu Úy để phụ trách một tờ báo do Bộ Quốc Phòng chủ trương, anh đến nhờ tôi trình bày mẫu bia cho tập san đó. Người chỉ huy trực tiếp anh là Đại Úy Quân, bạn tôi. Quả thực tôi cũng không hiểu bằng cách nào, anh qua mặt được sự giáo nghiệm y khoa về sức khỏe, nhất là bệnh ghiền của anh đã in dấu trên khuôn mặt. Vấn đề này tôi không bao giờ đề cập tới, mỗi lần nói chuyện với Nguyễn Mạnh Côn. Vì là tờ báo của Bộ Quốc Phòng nên tôi vui lòng vẽ giúp mẫu bia, nhưng Nguyễn Mạnh Côn cũng tế nhị lắm, nói với Đại úy Quân trả tiền cho tôi, vì tờ báo có ngân khoản riêng để mua bài của các nhà văn, bắt luận ở trong hay ngoài quân đội.



Nhờ có tờ báo trong tay, Nguyễn Mạnh Côn mới có cơ hội chứng minh tài năng của mình với LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ năm 45, TRUYỆN BA

NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN do anh viết được đón nhận nồng nhiệt. Anh dùng thuyết tương đối trong Toán học của Einstein để giải minh cho một phương trình vận tốc trở ngược của thời gian. Câu chuyện vừa ly kỳ vừa khoa học làm say mê người đọc.

Sau đó đến hồi ký ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ được đăng trường kỳ rồi in thành sách như Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn vậy. Cuốn hồi ký, vạch trần những âm mưu xảo trá của Đảng, của những con người Cộng Sản nhằm tiêu diệt các Đảng Phái đối lập để giữ trọn cường quyền trong tay. Cuốn sách là một bản cáo trạng dài với những chứng cứ hiển nhiên của lịch sử, do đó Cộng Sản khó bề chối cãi.

Ngoài ra, Nguyễn Mạnh Côn còn viết rất nhiều bộ sách khác do Cơ Sở GIAO ĐIỂM ấn hành. Cơ sở này của Trần Phong Giao chứ không phải của Nguyễn Đình Vượng như nhiều người tưởng lầm. Ngoài vấn đề viết văn, làm báo Nguyễn Mạnh Côn còn viết nhiều bài bình luận bằng Pháp ngữ cho Đài Phát Thanh Sài Gòn.

Ca sĩ Minh Trang, xướng ngôn viên Pháp ngữ Đài Phát Thanh Sài Gòn, có tú tài Pháp, và Trần Phong Giao rất kính phục Nguyễn Mạnh Côn, vừa là bạn, vừa là thầy. Mỗi khi Trần Phong Giao dịch cuốn sách nào đều đưa cho Nguyễn Mạnh Côn đọc và sửa lại cho gần đúng với nguyên tác.

Nhưng Nguyễn Mạnh Côn (*cũng như Mặc thu*) không ở trong Quân Đội lâu. Vài năm sau họ đều xin giải ngũ trở thành dân sự cho dễ hoạt động hơn.

(Thăng Mỗ, SF xb, 1990)

(Nguồn: Khởi Hành số 20, Tháng 6-1998)

Cặp kính của bác Côn Phạm Long

Tôi bị di chuyển đến trại tù Xuyên Mộc vào tháng 9-1979. Ngay khi đến trại vài ngày, anh em sĩ quan bị tập trung ở đây đã nhắc đến cái chết của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vào tháng Sáu vừa qua. Họ kể rằng, trong một buổi sáng điếm danh trước khi xuất trại đi lao động, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã dơ tay đứng dậy phát biểu: *"hôm nay là ngày hết hạn tập trung cải tạo 3 năm của tôi, xin cán bộ cứu xét..."* Sau đó ông đã bị cô lập, bị đem ra đấu tố, và cuối cùng đã chết một cách tức tưởi.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, tôi nhớ chỉ được gặp ông một lần duy nhất. Lúc đó là sau ngày 30/4/1975. Tôi nghe tin đồn là nhạc sĩ Phạm Duy đã chết, sau khi bị ngắt đi trong cuộc trình diễn, nên mò đến khu cư xá Chu Mạnh Trinh ở Phú Nhuận xem sao.

Tôi đến căn nhà cuối cùng mà tôi hay gặp nhạc sĩ Phạm Duy những thời gian trước đó, nhưng không gặp ai. Tôi trở lại căn nhà cũ, thì gặp ngay một người đàn ông, mặc bộ đồ bà ba, màu nâu, mắt đeo kính dày. Tôi hỏi thăm về nhạc sĩ Phạm Duy, ông chỉ cho tôi chỗ ở của Duy Quang. Người đó là nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Tôi được trao đổi với ông vài câu ngắn gọn.

Hồi còn bé, lúc 10 tuổi, tôi đã hay đọc Tập San Chỉ Đạo do anh tôi là Phạm Hậu mang về, từ lô sách báo của Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Truyện ngắn *"Con yêu con ghét"* của Nguyễn Mạnh Côn đã làm cho tôi say mê, và sau này lớn lên, tôi vẫn thích truyện ngắn này. Tập khảo luận *"HÒA BÌNH, NGHĨ GI, LÀM GI"* được in sau 1973, khi Hiệp Định Paris được ký kết cũng là cuốn sách mà tôi đã đọc, thời kỳ đang làm ở đài Phát Thanh Sài Gòn và đài Tiếng Nói Tự Do. Nhưng có những bài viết, không ký tên Nguyễn Mạnh Côn, mà ký "Đặng Văn Hầu" trong mục *"Bảy Ngày tính quần chuyện đời"* một mục thời sự viết theo loại "phím" trên tờ Văn Nghệ Tiền Phong làm cho tôi thích thú (LTS: *"phím"*, *nói gọn chữ 'film du jour' hồi đó hay dùng, chỉ loại viết phiếm*

mỗi ngày của nhật báo). Chính mấy ông anh của tôi cho tôi biết Đằng Vân Hào là Nguyễn Mạnh Côn. Đó cũng là điều dễ hiểu, (tương tự như) khi nhà báo Trần Việt Sơn, ngoài việc xuất hiện trên tờ Chính Luận, trong mục thời sự, cũng là một cây bút chủ lực của tờ Văn Nghệ Tiền Phong, mà người Tổng thư ký là anh Anh Nhật, mà có thời gian tôi làm báo chung với anh ta. Sau này anh chết ở trận mạc.

Về nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, tôi chỉ biết như thế thôi. Nhưng một chi tiết khá cảm động mà tôi viết ra ở đây, theo lời yêu cầu của anh Viên Linh, để tưởng niệm nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, đó là anh bạn vong niên của tôi đang còn giữ được cặp kính đeo mắt của Nguyễn Mạnh Côn.

Cặp mắt kính, mà qua đó, ông đã nhìn tôi, nói chuyện rất ngắn với tôi về thời cuộc, tại căn nhà cũ của nhạc sĩ Phạm Duy, buổi trưa nào tại Phú Nhuận, Sài Gòn, cách đây hơn 23 năm. Bọn tù chúng tôi đến Xuyên Mộc. Ở đó nhốt đủ mọi loại tù. Tù tù tập trung như các anh em sĩ quan cấp úy, đến một số anh em văn nghệ sĩ như Bác Nguyễn Mạnh Côn, anh Đằng Giao, Duyên Anh, Đặng Hoàng Hà. Có cả ông Nguyễn Bá Lương, cựu chủ tịch Hạ nghị viện cũng bỏ xác ở đây. Cả ông Tô Công, một ông vua "furniture" ngày xưa tại Sài Gòn, cũng bỏ xác tại đây. Và cả những anh em hình sự, vì nghiện, hút, cướp của, giết người cũng ở trong trại này.

Anh bạn vong niên của tôi là Nguyễn Quang Trù. Anh là một giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp và là bạn với bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nên cùng "vụ" với bọn tôi. Một buổi sáng Chủ Nhật, một cậu nhỏ từ buồng bên cạnh lén qua phía buồng chúng tôi. Vì là ngày Chủ Nhật, nên chúng tôi không phải đi cày, hiểu theo đúng nghĩa 100%. Cậu nhỏ hình sự này rút ra một gói giấy báo nhỏ, và từ từ lòi ra một cặp kính, với chiếc gọng nhựa, màu nâu. Anh chàng nói với giọng nghiêm trọng:

Kính của ông Côn đấy. Hôm em đi chôn ông Côn bằng xe "cải tiến", em thấy ở trong hòm cặp kính này. Em giữ làm kỷ niệm, nhưng mấy bữa nay em đói quá, mấy anh đổi cho em 3 loong gạo.

Tôi nghe kính của ông Nguyễn Mạnh Côn, lòng chùng xuống. Đúng rồi. Đây là cặp kính của Bác Côn. Anh Nguyễn Quang Trù rất nhanh nhẹn, trả giá:

- Một loong rươi thôi.

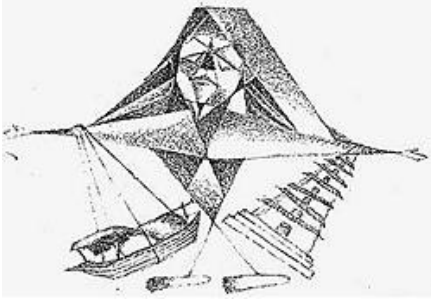
Cậu nhỏ gật đầu, chịu liền. Anh Trù vào trong buồng, một lúc sau mang ra một bao gạo nhỏ, mà tôi nghĩ chắc chắn ở trong đó phải hơn một loong rươi như giá cả thỏa thuận.

- Tớ trả cho cậu y giá: 1 loong 1/2. Tớ tặng thêm cho cậu 1 loong 1/2 với điều kiện là cậu không tiết lộ với bọn "chèo".

- Ông thầy đừng lo. Em hình sự thứ thiệt mà. Bác Côn thiêng lắm. Ông Thầy giữ kính này, thế nào cũng được tha.

Và từ đó, trong suốt hơn 8 năm trong các trại giam, cặp kính này luôn ở bên anh bạn tôi. Khi trở về nhà, năm 1988, khi các anh Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, lúc đó đã được thả ra, chưa bị bắt lại, nhân dịp đám cưới con gái thứ nhì của anh Trù, tất cả chúng tôi đều tụ tập tại Nhà Bè, một nông trại của anh Nguyễn Quang Trù. Hôm đó có cả Phan Nhật Nam và anh Trù đã mang chiếc kính này ra khoe, như một vật kỷ niệm quý giá. Như vậy, chiếc kính đeo mắt của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vẫn đang ở Nhà Bè.

Giới thiệu *Đêm nghe tiếng đại bác*



Nhã ca – (hoạ sĩ Choe)

Đây là tác phẩm văn xuôi đầu tiên được in của Nhã Ca. Nhưng ngay từ khi cuốn sách này chưa ra đời, Nhã Ca đã có một chỗ đứng trong khu vực văn nghệ, không những nhờ cuốn thơ được xuất bản năm ngoái, mà còn nhờ những truyện ngắn, truyện dài, kịch in trên các báo của Nhã. Đó chắc chắn là một điều có lợi - lợi cho nhà xuất bản trước hết - nhưng cũng là một điều có hại.

Sau khi đọc ít nhiều tác phẩm rời rạc ấy, tôi và những bạn đọc có cùng một nhận xét với tôi, đã có một ấn tượng về văn chương của Nhã. Nhã viết rất lưu loát, có con mắt quan sát rất tinh tế, sự phân tích tâm lý bao giờ cũng thông minh, phồn thịnh, nhưng hầu hết các nhân vật đều mới lạ ở trên mức trung bình. Đọc Nhã Ca phải cố gắng để theo kịp nhân vật, để hiểu ý tác giả.

Giữa cái "thế sự bồng bênh" trên đất nước ta hiện nay, tôi có cảm tưởng đa số độc giả đã bắt đầu sợ phải mệt mỏi thêm vào cái mệt mỏi mà bất cứ ai cũng phải chịu đựng hàng ngày. Giới trí thức trung lưu tìm đọc truyện võ hiệp nhiều hơn để giải trí. Các bạn trẻ muốn đi ngược dần lại con đường mà tuổi trẻ cách đây năm năm còn háng hái vượt lên: họ tìm đọc những tác phẩm giản dị hơn, gần hơn với sự thật.

Tôi coi đó là một triệu chứng tốt. Bởi vì ở vị trí người viết, tôi vẫn nghĩ rằng nghệ thuật cao nhất, khó thể hiện nhất, là nghệ thuật gần gũi nhất với đời sống, đời sống bình thường của lớp người bình thường. Còn ở vị trí người đọc, tôi khao khát từ lâu một tác phẩm thật đơn sơ mà đầy tràn thơ mộng: một tác phẩm diễn tả thành công niềm hạnh phúc, hay nỗi thống khổ hết sức quen thuộc, vì nó xảy ra luôn luôn, nhưng lại hết sức đậm thắm hay thể lượng, vì nó có thể đến với bất cứ người nào đang đọc sách. Không biết Flaubert hay Maupassant đã bắt một môn đồ văn nghệ phải tả ngọn lửa trong lò sưởi thế nào cho nó không giống bất cứ một ngọn lửa nào trong một lò sưởi khác.

Tôi nghĩ Nhã Ca vừa mới làm xong việc đó. Đêm Nghe Tiếng Đại Bác không giống bất cứ một tác phẩm nào nói về chiến tranh. Tác phẩm này- và đây là điều mà riêng tôi cho là quan trọng- không giống bất cứ một tác phẩm nào trước của Nhã Ca, nếu không kể một vài đoạn tác mới đăng trên các báo Văn hay Nghệ Thuật...

Đêm Nghe Tiếng Đại Bác trong như một chén nước mưa mà trung thực như một tấm gương soi thuận chiều ánh sáng. Điều chắc chắn sẽ làm cho bạn đọc vui lòng nhất, là câu chuyện xảy ra trong một gia đình trăm phần trăm vừa phải. Người nghèo quá còn bận kiếm ăn, không có thì giờ cho tình cảm. Nhà văn viết về nhà nghèo hay tăng cái khổ của họ để làm ra vẻ ta đây có tinh thần xã hội. Tôi không ưa những người đến uống nước hàng ngày ở La Pagode xong lúc về cầm bút lại khăng khăng muốn tả cảnh khốn cùng, để bắt độc giả phải nhiều ít suy tư về một cuộc cách mạng lý tưởng. Thật là hiếm có, những nghệ sĩ dám trung thành với hoàn cảnh và tâm sự của chính họ. Một trong những nguyên nhân của sự kiện này là viết như thế rất khó:

Một chi tiết hơi sai cũng bị "cả làng" để ý. Và một nguyên nhân nữa là viết như thế có bao hàm sự xác nhận rằng tác giả không có những bận tâm cao siêu về triết học. Tác giả viết về những người trung bình sẽ bị coi như chính hắn đã là một phần tử trung bình, không chứa đựng những ý kiến lạ lùng mà người ta tưởng chỉ có trong những thiên tài đặc biệt.

Vậy gia đình của nhân vật xưng tôi trong tác phẩm của Nhã Ca có thể là một gia đình nào đó ở khu Phú Thọ, hay Bàn Cờ, hay Phú Nhuận. Ông bố đi làm, người con cả đi lính, bà mẹ ở nhà trông nom cơm nước cho chồng con, có cô con gái lớn giúp việc. Hai đứa em, một gái một trai của cô ta còn đi học. Kim, cậu em út, có chiếc xe gắn máy còn mới tinh. Như vậy là gia đình này không nghèo. Nhưng cũng không giàu. Một vé số kiến thiết trúng 500 đồng cũng đủ làm cho cả nhà vui vẻ bàn luận về cách tiêu dùng. Và chính cái vé số này cũng sẽ là một yếu tố động cơ của truyện. Bà mẹ cho lính số tiền về, đã quyết định dùng nó để mua sắm, làm một bữa chả giò để thết anh chàng Phan, trung úy, sắp về nghỉ phép.

Nhưng Phan không về, không bao giờ về cả. Phan đã tử trận từ hai bữa trước rồi, nhưng cả nhà không ai biết. Sự chờ đợi làm bằng âu yếm chen lẫn với lo sợ làm cho bầu không khí trở nên phập phồng, mệt nhọc. Rất nhiều động tác khác, bề ngoài như vô tình, nhưng bên trong là kết tinh của hoàn cảnh, cũng dựa vào việc xây dựng hẳn thành một thứ tâm hồn tập thể hướng trọn về người vắng mặt. Ông bố, bà mẹ, những người con, cùng thương nhớ, nhưng mỗi vị trí có một tâm sự, một phản ứng khác nhau: Phượng, in hệt người tình nhân dưới "mái Tây" của không biết bao nhiêu thế kỷ trước, đã vội nghe tiếng im lặng của bước chân người sai hẹn. Bà mẹ sợ những câu nói gở. Cô Quyên thấy chị buồn mà lo cho mình. Sự thương nhớ sẽ trở thành một công thức chung- và tác phẩm sẽ nặng nề hay buồn tẻ nếu không có tuổi trẻ và nhựa sống của Kim - một phút trước khi được biết anh Phan tử trận, anh Phan khi vẫn còn sống, Kim vẫn không có lý do gì để không đòi ăn trước bữa chả giò. Bằng những nét đơn sơ nhất, tác giả kể lại cho người đọc những cảnh sinh hoạt linh động mà cận kề, như chúng ta thường thấy ở đâu đây. Tôi đoán chắc Nhã Ca đã thành công theo kiểu người thợ nề bắt đầu làm ngôi nhà cho chính anh ta trú ngụ. Rất có thể Nhã Ca không đồng ý, sẽ trả lại lời khen không chờ đợi. Nhã với Từ dắt tay nhau đi trên con đường tìm kiếm. Họ chưa tới đích, nhưng họ đã viết nhiều về những gặp gỡ giữa đường. Kỹ thuật của họ đã hơn một lần xây dựng thành những tác phẩm có giá trị. Cho nên, theo ý tôi, họ - họ ở đây, là những người viết trẻ như Nhã và Từ - thường làm chúng như mục đích. Độc giả làm theo họ. Nhà phê bình vội cho rằng họ chỉ biết có hoài nghi và đập phá không thôi. Tôi vốn không tin như thế. Tôi chờ đợi có những người có khả năng đủ vững, có ngày tháng đủ dài, và có hoàn cảnh thuận lợi. Những người đó sẽ hoàn thành được tác phẩm sau cùng của họ, tác phẩm mà, so với nó, bao nhiêu tác phẩm là bấy nhiêu bước chân đi tới. Và, đến bấy giờ, tôi sẽ cười thầm trong tinh thất của tôi sau một lời phân vua đắc thắng: có phải không, nghệ sĩ không "bịa" ra đề tài bao giờ?

Rất có thể Nhã Ca đang cười trả lại cho tôi. Không, tôi biết lắm, cốt truyện này của Nhã làm tôi nhớ cốt truyện của Saroyan, tác giả Mỹ. Tôi có lần đã giới thiệu bản dịch cuốn sách ấy với thính giả đài V.O.A, nhưng bây giờ tôi đã quên tên nhân vật chính. Tôi chỉ nhớ có đoạn sau cùng: người lính về tình nhỏ, thăm gia đình người quá vắng. Truyện của Nhã cũng có người lính ấy. Giá nghiêm khắc tôi sẽ buộc Nhã vào tội phồng theo người đi trước. Nhưng tôi không làm như thế, vì tôi đã có kinh nghiệm bản thân, những điều tôi viết ra, tưởng là mới nhất, nào ngờ đã có cả chục người đã viết trước tôi rồi. (Người ta bảo Việt Nam có những màu sắc riêng tư mà không đâu có trên thế giới. Tôi nghe theo, nhưng tôi đã nhầm. Kể cả mắm tôm, nước mắm, cứ chịu khó tìm sẽ thấy có nơi có đủ!)

Tôi đành chịu. Nhất là về tình cảm. Nhân loại thật mênh mông, thời gian dài đằng đẳng. Tôi thèm khát học hỏi và hưởng thụ, nhưng tôi chối từ so sánh hơn thua. Sự khôn ngoan đôi khi che dấu cái hèn của tuổi tác. Nhưng nghệ sĩ vốn có tâm hồn kiêu hãnh tuyệt trần, nên đọc tác

phẩm nào tôi cũng thấy phần thành công trước phần thất bại. Đêm Nghe Tiếng Đại Bác nhất định chưa phải là công phu tới đích của Nhã Ca, nên đối với riêng tôi, Nhã Ca vẫn có phần hụt bước. Tiếng đại bác trong đêm gợi ý chiến tranh, mà tôi nghĩ tới chiến tranh rất ít. Phan đi lính. Phan chết trận. Nghĩa đi lính, Nghĩa mất tích. Bữa chả giò để mừng Phan nhưng cũng để tiễn Hoàng đi Thủ Đức. Không kể Mẫn, Đông, Đào...rất nhiều chuyện lính tráng và tiếng đại bác trong đêm. Nhưng trong khi đọc, và sau khi đọc xong tác phẩm của Nhã, cái mà người ta nhớ nhất, mà người ta thương yêu hay ao ước hơn cả, là gia đình. Ông bố, bà mẹ, Phượng, Quyên, Kim, Hoàng - với cả Phan, Nghĩa và Mẫn - mỗi người đã giữ đúng vai trò của mình. Vai trò bà mẹ cố nhiên có phần trội hơn vai trò của ông bố, cũng như Phan tuy vắng mặt mà "hiện hữu" hơn Hoàng, nhưng tất cả những vai trò ấy không riêng lẻ, không cô đơn, kể cả Mẫn ra đi thật buồn. Tất cả họp lại thành một gia đình, cùng một số người thân đang chịu đựng chiến tranh. Sự chịu đựng không thành nói thành lời ấy dai dẳng, mà cái chết tàn nhẫn của Phan không cắt đứt được: Phan chết, đã có Hoàng thay thế. Sự chịu đựng tiếp tục. Chịu đựng như thế có phải đâu là tiêu cực. Con người bằng cách tụ họp thành những đơn vị lớn hơn, đang chống trả thắng lợi với ý chí tiêu diệt của chiến tranh- ngoại cảnh. Sự thắng lợi còn to lớn hơn. Ông bố già đánh rơi hai giọt nước mắt. Phan để lại một tên lính tương lai, nếu chiến tranh còn tiếp tục. Người ta đau khổ, rên la, khóc lóc, nhưng rõ ràng là đời sống vẫn tiếp tục, với Hạnh thêm vào gia đình Quyên. Có phải chăng một người bạn nhiều tuổi mà lạc quan như tôi, có thể căn cứ vào hình ảnh sau cùng ấy, và lời Nhã Ca đề tặng "Viết cho con sắp ra đời của mẹ", ở cuối tập truyện này, để quả quyết rằng, mặc dù hoàn cảnh thế nào, nếu chúng ta muốn, chúng ta bao giờ cũng có lý khi chúng ta hy vọng.

17 tháng VI, 1966

Người bạn tù Nguyễn Mạnh Côn Lê Đình

~31 năm sau kể lại chuyện buồn:

Chủ nhật 30 tháng tư năm nay, lúc 3 giờ chiều, trong tâm trạng đau buồn của một người tỵ nạn CS đúng 31 năm sau ngày mất nước, tôi mở máy để nhận vi thư. Trong số những e-mail gửi đến ngày hôm nay, ngoài những bài vở mà các cộng tác viên gửi đến có một bài tựa đề «Ta thắp hương lòng» của nhà văn Công Tử Hà Đông do một độc giả ở Thụy Sĩ chuyển tới. Trong bài này, tác giả Công Tử Hà Đông nhắc một vài kỷ niệm của ông với 3 người bạn của ông là nhà văn Dương Hùng Cường (Dê Húc Càn), nhà báo Nguyễn Mạnh Côn và Hiếu Chân Nguyễn Hoạ. Tác giả viết bài này để kỷ niệm ngày mất nước đúng 31 năm. Oái oăm thay, kế tiếp e-mail của nhà văn Công Tử Hà Đông, có một e-mail khác gửi về chúng tôi, có tựa đề «Về quãng đời Trịnh Công Sơn», người viết là Lê Thanh Ty hay Nguyễn Thanh Ty gì đó. Tôi bèn xóa ngay e-mail vì không cần đọc nội dung bài này, chúng tôi cũng thừa biết cái ông Thanh Ty (hay bà Thanh Ty) này viết bài về Trịnh Công Sơn để gửi đi đúng vào ngày 30 tháng tư với dụng ý gì rồi. Cũng xin nói thêm là sau e-mail của ông (hay bà) Nguyễn Thanh Ty này có một e-mail khác của nhà văn Dư thị Diễm Buồn ở Yupa City (CA) gửi cho bạn bè nguyên văn như sau: «Xin để một phút hồi tưởng và ngậm ngùi ngày 30 tháng tư năm 1975, Cộng sản và tay sai cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam». Hoan hô nhà văn nữ Dư thị Diễm Buồn!

Đọc bài «Ta thắp hương lòng» của Công Tử Hà Đông, chúng ta thấm thía nỗi buồn đau của những văn nghệ sĩ phải chết tức tưởi trong tù đầy của CS. Trong bài, tác giả có nhắc tới nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, trước kia cùng làm việc ở đài Phát thanh Saigon với chúng tôi và sau năm 1975 - khi tôi bị bắt giam trại Phan Đăng Lưu vào tháng 8 năm 1977 vì tội vượt biên - thì

gặp anh Phạm Mạnh Côn cũng bị nhốt trong đó. Phòng của chúng tôi là Phòng 1, khu B.

Nhắc lại, vào giữa tháng 6 năm 1977, tôi được một bà bạn giới thiệu chúng tôi với một người mà theo lời bà là hiệu trưởng một trường Trung học ở miền Tây, vì thù ghét CS, nên đang đóng tàu để vượt biên. Vì biết chúng tôi cũng có ý định trốn khỏi «thiên đường CS» nên bà bạn này mới rủ chúng tôi đóng góp với ông bạn hiệu trưởng của bà để có thể thực hành ý định. Phần đóng góp là 3 cây vàng cho mỗi người. Chúng tôi phải bán đồ bán tháo vài thứ gì còn lại trong nhà để gom góp cho đủ 15 cây vàng cho gia đình chúng tôi, gồm vợ chồng và 3 đứa con. Buổi gặp gỡ sơ khai được tổ chức tại quán nhà hàng Hoàng Gia ở đường Tự Do. Ông hiệu trưởng là một người khoảng trên 40, cao ráo, đẹp trai ăn mặc đúng là dân Saigon. Ông nói về dự tính, chương trình cuộc hành trình của ông cùng ngày lên đường để chúng tôi chuẩn bị. Nửa tháng sau, chúng tôi cùng với bà bạn xuống bắc Mỹ Thuận, đến điểm hẹn bên kia sông để trao vàng cho ông ta rồi trở về Saigon. Ngày lên đường là ngày 27 tháng 7 năm 1977. Ông bảo chúng tôi ngồi tại một quán hủ tíu Tàu trong Phú Lâm, đợi xe đến rước đi về miền Tây. Đúng giờ ấn định, một chiếc xe van màu trắng (đã cho biết trước số xe) đến đón chúng tôi. Xe chạy trên đường về hướng Mỹ Tho, chưa qua khỏi Phú Lâm, chúng tôi thấy lối nhỏ phía trước có khoảng vài chục tên áo vàng (công an) chờ sẵn. Thế là tất cả đều chung vào rọ, bị đưa về đường Trần Hưng Đạo, vào chỗ Tổng Nha Cảnh sát cũ. Đâu khoảng 60 người ngồi trên sân tennis, tự lột hết đồng hồ, viết máy, kính mát, bóp phổi, tiền bạc... trao cho công an. Bà bạn môi giới chuyển đi này có một chiếc vòng cẩm thạch rất đẹp, hai ba tên công an xúm lại tuột ra không được mặc dù họ đã lấy xà bông nhúng nước thoa vào để làm cho trơn nhưng cũng không làm sao lấy ra được. Bà đau quá rên siết om sòm và cuối cùng một tên công an đưa ra tờ giấy bảo bà viết rồi ký tên vào, nói rằng còn thiếu lại công an... một chiếc vòng cẩm thạch. Thì ra, chuyến vượt biên giả này do CS tạo ra để gài bẫy những người cả tin như chúng tôi. Tên đóng vai hiệu trưởng giả có bí danh là Ba Sơn, một tên có vẻ như người quốc gia chứ không phải như người CS mà sau này, những ai vượt biên bị bắt vào trại Phan Đăng Lưu, cả người Việt gốc Hoa, đều nói là do Ba Sơn gài bẫy. Thì ra Ba Sơn là một tên công an do chúng đưa ra làm mồi để gạt những ai muốn vượt biên. Chúng tôi bị giam trong trại Phan Đăng Lưu 4 tháng rưỡi và trong thời gian này có cả chục chuyến vượt biên giả đều do Ba Sơn tổ chức, người bị bắt phần đông là người Việt gốc Hoa vì lúc đó chưa có phong trào vượt biên gọi là bán chính thức do CS nặn ra để hốt vàng của người Tàu.

Xong màn trấn lột, tất cả bị đưa về trại Phan Đăng Lưu ở Bà Chiểu. Đàn bà và trẻ con được thả về 7 ngày sau đó. Đàn ông con trai bị giam vào các phòng thuộc Khu A và Khu B trong trại Phan Đăng Lưu. Riêng tôi bị đưa vô Phòng 1, khu B và nơi đây, tôi gặp anh Nguyễn Mạnh Côn. Vào tù mà gặp người quen cũng vui. Nghe đâu anh bị bắt vào đây từ tháng 3 năm 1976. Chỉ một năm sau từ ngày bị hốt, người vốn đã ốm yếu sẵn, anh Côn trông càng ốm yếu hơn, với bộ xương sườn như trong quyển sách cách trí, vì trong phòng giam, ai ai cũng ở trần trụi trụi, chỉ mặc vốn vện có chiếc quần xà lỏn. Vừa trông thấy tôi, anh Nguyễn Mạnh Côn mừng rỡ, tíu tít hỏi tôi đủ mọi chuyện, nhất là ở ngoài đời... có gì lạ không? Trả lời cho anh là tôi cũng trả lời cho hết khoảng hơn 20 bạn tù khác trong phòng vì tất cả cũng đều muốn biết những gì đã xảy ra trong thời gian đó. Phòng 1 khu B rộng chừng 25 thước vuông nhưng có khoảng 25 người tù, ăn uống, đi tiêu, đi tiểu gì cũng trong đó. Người nào may mắn nằm xa chỗ tiêu tiểu chừng vài thước thì còn đỡ, chứ nằm ngay đó thì ôi thôi... đành chịu!

Ngay đêm đầu tiên, khoảng nửa đêm, tôi nghe những tiếng rên la từ phía anh Nguyễn Mạnh Côn. Người nằm bên cạnh tôi là bác Kính nói nhỏ vào tai tôi: «Ông Côn thiếu thuốc nên bị hành dữ lắm. Đêm nào cũng vậy, khoảng nửa đêm là ông rên la om sòm, bọn chấp pháp phải chạy lại phòng quát lên bảo ông yên. Ông nằm yên đôi chút nhưng rồi cũng bắt đầu rên la nữa». Đêm thứ hai, anh Nguyễn Mạnh Côn cũng lại kêu lên đau đớn, nhức mỏi, nhưng lần này, anh ấy kêu chính danh tôi: «Lê Dinh ơi, lại bóp tay bóp chân giùm moa, đau quá Lê Dinh ơi». Tôi

bèn phải đi lại chỗ anh Côn và đấm bóp cho anh một hồi, khi thấy anh bớt đau, tôi mới trở về chỗ nằm. Những khi không đau đớn, thường là về ban ngày, anh Nguyễn Mạnh Côn kể những mẩu chuyện vui trong cuộc đời làm báo của anh, về những bài phân tích chính trị của anh hoặc những nhận xét của anh về những sáng tác văn nghệ của bằng hữu. Có một lần, anh nói với tôi và anh em trong phòng về một sáng tác của Trần Thiện Thanh. Anh bảo: «Trần Thiện Thanh ghê lắm đó, các toa biết không?» Chúng tôi ngỡ ngác, không hiểu anh Côn muốn nói về chuyện gì, cuộc đời tình ái của Trần Thiện Thanh chẳng, hay về gì khác? Thấy chúng tôi im lìm, anh mới nói: «Các toa biết không, trong bài «Anh không chết đâu anh» của nó, mấy toa không để ý cái gì sao? Đoạn chót, có những câu:
«Không, anh không chết đâu em, anh
chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua
Tôi thấy mắt anh bên ngọn nến vàng hắt hiu niềm nhớ
Trên khăn tang cô phụ còn lóng lánh dấu ái ân
Giọt nước mắt nóng bây giờ và còn hằng đêm cho anh, cho anh».

Rồi anh chầm rãi tiếp: Trên khăn tang cô phụ còn lóng lánh dấu ái ân, moa hỏi mấy toa, chứ «lóng lánh dấu ái ân» là nghĩa gì, dấu ái ân là dấu gì, mà sao lại lóng lánh. Chúng tôi nghiệm ra và thấy anh Côn là người có óc nhận xét thật sắc bén, rất đáng phục anh và tuy đã trọng tuổi, mà vẫn còn những ý tưởng yêu đời của tuổi thanh xuân. Mà thật như vậy, nếu trong tù mà không có những ý nghĩ lạc quan pha chút lãng mạn như vậy thì thế nào cũng điên thôi. Mỗi lần anh Côn lên cơn đau nhức, la lối như thế, bọn chấp pháp lại xách xích chìa khóa xuống - dù ban ngày hay đêm khuya - lèng kèng mở cửa sắt vào và bảo anh im. Chúng thường nói: «Cái bọn trưởng giả ngụy, chống phá cách mạng như tên Côn này phải chặt 3 cái đầu mới đền hết tội lỗi đối với nhân dân»(?)

Hơn 4 tháng sau, trước Giáng sinh một tuần lễ, bất ngờ bọn chấp pháp đến phòng gọi tên tôi bảo sắp xếp đồ đạc và trả tự do cho tôi. Sau đó, tôi có đến khám Chí Hòa thăm vài người bạn tù cũ ở phòng 1, khu B trại Phan Đăng Lưu ngày trước, nhưng vẫn còn bị giam cầm và được chuyển qua khám Chí Hòa. Tôi có hỏi thăm tin tức của anh Nguyễn Mạnh Côn thì được anh em cho biết là anh Côn bị đưa lên trại tù khổ sai Xuyên Mộc và anh đã chết trong trại tù này vài năm sau đó. Cuộc đời của những văn nghệ sĩ khí tiết, khẳng khái như Nguyễn Mạnh Côn sao quá ư khổ tận dưới chế độ CS. Bọn chấp pháp tại trại Phan Đăng Lưu không cần phải chặt 3 cái đầu của Nguyễn Mạnh Côn mới xứng đáng với tội của anh - như bọn chúng thường rêu rao mỗi khi đối diện với anh - nhưng chúng chẳng làm gì được anh vì thà chịu chết chứ anh quyết không thờ chung không khí với bọn người tàn ác.

~Để nhớ lại ngày mất nước, 31 năm sau.

Nguyễn Mạnh Côn: tranh đấu và chết trong tù Lê Thanh Sơn

Lời tòa soạn: Lê Thanh Sơn là bút hiệu của cựu phóng viên Việt Tân Xã ở Sài Gòn hồi trước tháng 4-1975. Anh tốt nghiệp khóa đào tạo phóng viên đầu tiên của Việt Tân Xã năm 1965, và sau đó làm việc cho cơ quan thông tấn này.

Sau tháng 4-1975, anh bị đưa vào trại "cải tạo" của Cộng sản. Anh đã có dịp sống chung với các anh Nguyễn Mạnh Côn, Duyên Anh, Đằng Giao.

Đến Mỹ khoảng một năm rưỡi nay, Lê Thanh Sơn viết lại câu chuyện xoay quanh cái chết của

nhà văn kiêm lý thuyết gia Nguyễn Mạnh Côn trong lao tù Cộng sản.

Bài viết của Lê Thanh Sơn vừa hoàn tất vào cuối tháng năm 1993, được đăng tải vào một thời điểm thiết tưởng rất thích hợp. Thời điểm mà nhiều người Việt tỵ nạn ở hải ngoại đang dần thân hoặc bàn luận hoặc nhắc đến cuộc đấu tranh chống Cộng sản bằng đường lối chính trị để mưu tìm sự tự do cho dân tộc Việt Nam.

Qua bài viết về cái chết của anh Nguyễn Mạnh Côn, Lê Thanh Sơn muốn nói đến bài học có thể rút ra được về sự tranh đấu của anh Côn trong nhà giam Cộng sản để rồi cuối cùng anh Côn đã vĩnh viễn ra đi.

Lê Thanh Sơn thuật lại những điều anh nghe thấy hoặc được biết chung quanh cái chết của anh Nguyễn Mạnh Côn.

Có thể những điều nghe thấy hoặc được biết của tác giả Lê Thanh Sơn, chưa được đầy đủ và có khi còn thể thiếu sót, nhu tâm sự của anh Sơn.

Tòa soạn tạp chí Cuộc Đời mong nhận được những bài viết khác liên hệ đến cái chết của anh Nguyễn Mạnh Côn.

Sau đây mời bạn đọc theo dõi bài viết của Lê Thanh Sơn về cái chết của anh Nguyễn Mạnh Côn.

Có không biết bao nhiêu người đã ngã gục trong cái gọi là "Trại Tập Trung Học Tập Cải Tạo" của Cộng sản. Chết vì đói, vì lao động khổ sai nặng nhọc trong lúc không được dinh dưỡng tối thiểu, vì tai nạn trogn lúc lao động không có một chút phòng ngừa an toàn, vì bệnh tật thiếu thuốc men và không được cứu chữa đúng đắn, vì một thứ gì đó hơi quý giá hoặc hay lạ của người tù đã khơi động lòng ham muốn của một tên cán bộ coi tù, nên đã bị bắn chết để tước đoạt rồi gán cho tội trốn trại.. Rất nhiều, rất nhiều nguyên do đã đưa đến cái chết của người tù trong chế độ Cộng sản Việt Nam từ sau tháng 4-1975.

Nhưng cũng có cái chết của một người đã từng được coi như là "lý thuyết gia" về Cộng sản. Anh đã chết chính là vì anh đã không biết hết những gì về bản chất của Cộng sản.

Từ ngày còn đi học, khoảng đầu thập niên 60, tôi đã đọc cuốn "Đem tâm tình viết lịch sử" của tác giả Nguyễn Kiên Trung. Cuốn này được giải thưởng Văn Học Toàn Quốc của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau này tôi nghe nói Nguyễn Kiên Trung là nhà văn, nhà báo Nguyễn Mạnh Côn và cũng là người được nhắc đến như một lý thuyết gia về chủ nghĩa Cộng sản. Làm báo cả mười năm ở Sài Gòn, nhưng tôi không có một dịp nào được gặp và làm quen với anh cả.

Chính trị phản động

Sau khi Cộng sản Bắc Việt tấn công chiếm trọn miền Nam năm 1975, là một sĩ quan biệt phái và cũng là nhân viên đã phục vụ cho chế độ VNCH, chúng tôi phải trình diện để tự động đem giam mình vào trong cái gọi là tập trung cải tạo. Cộng sản gọi hệ thống nhà tù của họ bằng danh xưng "Trại học tập cải tạo" và cấm tuyệt đối không được nói là "trại tù" dù bọn cán bộ Cộng sản gọi những người trong trại là "phạm nhân" hay "can phạm".

Tôi đã bị chuyển qua năm trại, trong đó nơi ở lâu nhất là khám Chí Hòa, trước khi được đưa về trại Xuyên Mộc vào giữa năm 1978. Trại này mới được xây dựng tại Bầu Lâm, nằm giữa ranh giới Xuyên Mộc và Đất Đỏ thuộc tỉnh Đồng Nai.

Mấy tháng sau, một buổi chiều mới đi lao động về, tất cả còn đang chia cơm, ăn uống trong khoảng sân nhỏ trước các buồng ngủ thì có mấy chiếc xe tải che vải bạt kín mít chạy vào sân trại. Tấm vải phủ kín sau xe được vén lên, các xe đổ xuống khoảng trên 200 người. Chúng tôi đều đổ xô lại vây quanh để tìm kiếm xem có ai quen biết hoặc tò mò tìm hiểu xem các người mới này từ đâu chuyển đến.

Điều đầu tiên chúng tôi được biết là tất cả đều thuộc thành phần chính trị phản động. Cộng sản gọi những người trình diện cải tạo như chúng tôi là "chính trị trình diện". Thành phần bị bắt từ từ, sau thời gian chúng qui định cho trình diện thì gọi là "chính trị phản động". Còn những ai bị bắt về các tội hình sự, trộm cắp gọi chung là "tù hình sự".

Đảo mất tìm kiếm trong đám đông còn mệt mỏi sau chuyến di chuyển dài và bị lèn cá hộp trong chiếc xe tải che vải bạt kín mít, tôi nhận ra được một người quen cũ: Đó là Đăng Giao.

Dù bị bọn cán bộ Cộng sản la hét ngăn cấm tiếp xúc, tôi vẫn cố lách tới gần và hỏi thăm. Đăng Giao giới thiệu cho tôi hai người đang một đứng, một ngồi bên cạnh. Đó là Duyên Anh và Nguyễn Mạnh Côn. Tới lúc này thì tôi thực sự mới nhìn rõ và nhận mặt được hai người này. Duyên Anh thì tôi nghe tiếng nhiều và cũng đọc khá nhiều truyện của anh đã xuất bản trước năm 1975, nhưng cũng chưa có duyên để gặp gỡ quen biết. Còn anh Côn thì đây cũng là lần đầu gặp mặt.

Thăm hỏi được vài câu, chúng tôi bị lừa vào buồng ngủ, với cửa khóa, để dành sân trại cho bọn cai tù điếm danh kiểm soát đám người mới đến. Sau đó họ cũng được lừa vào một buồng khác.

Anh Côn: Ít được người nhà lên thăm

Ngay sáng hôm sau, khi chúng tôi đã đi hết ra ngoài trại, vào rừng lao động, số người mới đến này được di chuyển vào một phân trại khác, cách xa chỗ chúng tôi ở độ ba cây số đường rừng. Tất cả đều phải lết bết lội bộ mang vác hành lý cá nhân, theo đường mòn qua rừng cây rậm rạp. Trước đó, chúng tôi đã đổ biết bao mồ hôi công sức ra để phát quang chặt cây, khai thông lối mòn này bằng cách chặt hạ, đào gốc, bứng rễ những cây lớn chỉ bằng những con dao quắm, dao chẻ củi và phát quang cỏ dại, dây leo bằng cuốc.

Trại Xuyên Mộc được phân làm ba khu, đứng theo vị trí hình tam giác. Khu chúng tôi ở xây dựng đầu tiên, có ban chỉ huy trại ở, được gọi là khu A. Số anh em mới đến này được đưa vào khu B và còn một khu C nữa. Sau này khu B thuận lợi để mở rộng và trên đường lưu thông ra ngã Xuân Lộc hơn nên ban chỉ huy trại cũng dời vào và đổi lại tên là khu A, còn khu A cũ thì gọi là khu B, chỉ có C là không đổi.

Đến đầu năm 1979, đội tù chúng tôi có trên 30 người, cũng được chuyển vào trong khu A mới này để tăng cường nhân lực cho việc mở rộng thêm trại. Đến lúc này tôi mới thực sự ở chung cùng một nơi với các anh Đăng Giao, Duyên Anh và Nguyễn Mạnh Côn. Trong một khu như vậy, được dựng lên nhiều buồng ngủ, mỗi buồng chứa khoảng trên dưới 200 người và qui định của trại là cấm phạm nhân liên hệ giữa buồng này và buồng khác. Quanh buồng có một khoảng sân trống và có hàng rào kẽm gai phân cách từng buồng.

Vào đến đây, tôi được biết Đăng Giao là Đội trưởng một đội lao động linh tinh. Duyên Anh là Đội trưởng một đội khác chuyên lo việc trồng rau xanh, anh Côn là đội viên trong đội này. Ngoài ra Duyên Anh còn là Buồng trưởng cái buồng các anh đang ở gồm có đến 4, 5 đội. Mỗi đội khi ra ngoài lao động ở một khu vực khác nhau, nhưng về đến trại, các anh vẫn ở chung một buồng.

Đội chúng tôi là thành phần trình diện nên ở một buồng khác. Dù bị ngăn cấm nhưng chúng tôi vẫn lén lút gặp được nhau trong một thời gian ngắn buổi chiều sau giờ lao động, hoặc vào ngày chủ nhật được nghỉ. Tôi thường lén đến chỗ của Đăng Giao và Duyên Anh ngồi nói chuyện tếu bên điều thuốc Lào. Còn với anh Côn thì lại không có dịp để chuyện trò vì lúc có thể sang buồng các anh ngồi chơi, tôi thường thấy anh bận đánh cờ tướng hay nằm ngủ.

Khi lao động trong đội trồng rau, anh Côn thường được phân công làm việc nhẹ vì già yếu, như xới đất, nhổ cỏ. Còn các công việc nặng như gánh nước, tưới rau, cuốc luống... toàn do những người khác trẻ và khỏe hơn làm. Thế nhưng anh Côn lại hay thích ở tại trại trong giờ anh em đi lao động, bằng cách khai bệnh. Những người khai bệnh trong ngày thường được tập trung vào một chỗ, đến lúc hết giờ lao động, họ mới được trở về buồng của mình.

Trong ba người, Duyên Anh là người được gia đình đi thăm nuôi tiếp tế đầy đủ nhất, còn anh Côn rất lâu mới được người nhà lên thăm một lần và số lượng đồ tiếp tế cũng không nhiều. Thế rồi, bằng đi cả gần nửa năm trời, anh Côn không nhận được tin tức gì của gia đình cả. Ở ngoài đời, việc ăn uống là bình thường và ít ai để tâm tới tới, nhưng trong cảnh tù tội thiếu thốn, miếng ăn thật là quan trọng, không có gia đình thăm nuôi tiếp tế thật là một sự bất hạnh. Khẩu phần nuôi tù của Cộng sản chỉ đủ cho con người sống lây lất, cơ thể héo mòn dần và kéo theo luôn cả sự suy sụp của tinh thần, nếu người tù không biết nuôi dưỡng ý chí, và có một chút tháo vát để mưu sinh.

Khi anh Côn đòi Cộng sản trả tự do

Khoảng giữa năm, một hôm cả trại đang xếp hàng ngồi xổm trong sân để chờ cán bộ trực trại gọi từng đội báo cáo quân số đi lao động. Anh Côn đang ngồi ở hàng đầu trong đội do Duyên Anh làm Đội trưởng, bật đứng lên nói:

- Báo cáo tôi có một vấn đề yêu cầu trại giải quyết.

Cán bộ trực trại, tên Độ nói:

- Được, anh có vấn đề gì cứ nói.

Anh Côn:

- Trước khi tôi được đưa tới đây lao động, tôi được đọc cho nghe án lệnh thời hạn tập trung cải tạo là ba năm, đến nay đã quá ba năm rồi, tôi đã chờ thêm mấy ngày mà không thấy trại thả tôi ra, nên tôi yêu cầu trại thả tôi ngay.

Thật là bất ngờ trước câu nói của anh Côn, tất cả anh em trong trại đều hướng mắt đổ dồn về anh, nhưng vẫn hoàn toàn im lặng chờ đợi xem sự việc sẽ tiếp diễn thế nào.

Tên cán bộ trực trại một mặt đưa mắt ra lệnh cho cán bộ vệ binh có mang súng AK sẵn sàng phản ứng, một mặt khác hấn vẫn điềm đạm nói:

- Trại chỉ có nhiệm vụ giữ các anh ở đây để học tập cải tạo, còn việc xét tha là do lệnh ở trên. Anh cứ việc đi lao động, sinh hoạt bình thường, trại sẽ chuyển khiếu nại của anh lên trên cứu xét. Trên có lệnh tha, chúng tôi thả anh ngay chứ giữ làm gì>

Lúc này trong đám anh em tù đã có nhiều tiếng rầm rì bàn tán nhỏ nhỏ, anh Côn phải nói to giọng:

- Tôi yêu cầu trại thả tôi ra ngay vì đã quá thời hạn mấy ngày rồi!

Tên cán bộ trực trại sau khi nói to, bắt tất cả giữ yên lặng, hấn bảo anh Côn:

- Thôi được, anh Côn đứng riêng ra, ở lại trại để gặp ban chỉ huy làm việc. Còn tất cả các đội báo số đi lao động.

Thế là anh Côn được mấy vệ binh có vũ trang dẫn vào một căn buồng còn bỏ trống, đang chờ tiếp nhận thêm tù sẽ được chuyển về thêm nữa. Chúng bảo anh bước vào trong rồi khóa trái cửa lại. Trên người anh chỉ có cái khăn mặt quàng ở cổ, và tay xách một lon bằng nhôm, thứ đựng sữa bột Guigoz, đựng nước uống để đi lao động.

Anh Côn tuyệt thực trong tù

Trưa hôm đó về đến trại, tôi nghe loáng thoáng người này rỉ tai người kia là anh Côn "tuyệt thực" phản đối. Họ chỉ căn buồng trong đó giam anh Côn, cửa ngoài khóa, có một vệ binh đeo súng AK canh gác, thường xuyên đi vòng quanh kiểm soát bên ngoài. Căn buồng này đối diện với buồng tôi ở nhưng cách một khoảng sân ở giữa đến gần 100 mét. Chúng tôi bị cấm không được lại gần.

Sinh hoạt trong trại vẫn bình thường như mọi ngày. Buổi chiều mọi người đi lao động về, ai không có việc gì thì lang thang đứng ngồi tay cầm ca, chén, bát chờ nhận phần ăn, vài người được phân công đến nhà bếp khiêng phần của đội về chia cho mọi người. Còn một số rất ít thì lu bu ra khoảng sân sau buồng mình, nhóm lửa đun nấu cơm, đồ ăn được gia đình tiếp tế hoặc những thứ rau, cỏ thu nhặt được trong lúc đi lao động để cải thiện thêm cho bữa ăn trại phát mà thường thường buổi chiều chỉ được một hai chén bắp đá hay khoai mì lát.

Gọi là bắp đá vì đây là loại bắp hạt vàng đã già, phơi khô cứng như đá, dành để xây ra bột làm thức ăn cho gia súc. Khoai mì lát là thứ khoai mì để cả vỏ, chặt thành từng lát mỏng đã phơi khô. Cho tù ăn thì cứ thế đổ vào chảo, cho nước và ít muối đun sôi đến lúc cạn hết nước. Ăn vào mềm không còn một chút mùi vị. Ăn để gọi là có ăn, cố nhai nuốt cho đầy bụng đánh lừa cái bao tử nó đỡ hành, nhưng chính dạ dày cũng không đủ sức để nghiền nát giúp cơ thể nhận được một tí bổ dưỡng bù đắp cho số calories đã mất đi sau ngày lao động. Khẩu phần ăn của nhà tù, mỗi người được 9 kí lô gạo một tháng, nhưng một phần lớn gạo được thay thế bằng chất độn với tỷ lệ 1 phần 3. Bớt đi 1 kí gạo thì được thay vào là 4 kí bắp đá hay khoai mì lát. Chúng tôi được phát cho ăn ngày ba bữa. Sáng trước khi đi lao động được một chén bắp hay khoai mì; trưa ăn cơm, trung bình mỗi người được chia lưng lưng chén với một chén canh rau luộc có nêm muối và bột ngọt, một vài cọng râu lều bều trong chén nước và buổi chiều thì lại tái diễn bắp, khoai mì với số lượng nhiều hơn buổi sáng một tí.

Chỉ toàn một màu đen

Một hai hôm sau, tôi được một anh tên Thanh, ở cùng đội với anh Côn rỉ tai khoe: "Chúng tôi đã hậu thuẫn để anh Côn tranh đấu như vậy cho mọi người". Tôi không hiểu anh ta cố tình khoe khoang, khoác lác như vậy hay là rồi ra sự việc sẽ còn tiếp diễn với sự kiện khác, nên chỉ biết yên lặng quan sát xem thế nào, chờ xem tất cả thành phần tù chính trị phản động trong trại sẽ có phản ứng gì thêm không? Anh này cũng lại khoe: "Chúng tôi cũng đã tìm cách lén lút đưa đồ ăn và thuốc trợ lực vào cho anh Côn kéo dài thời gian tranh đấu."

Như ngày lại qua ngày, sinh hoạt trong trại vẫn bình thường như không có gì xảy ra. Chỉ có buổi chiều đi lao động về, được một giờ tự do ở ngoài buồng để ăn uống trước khi cán bộ trại vào điểm danh rồi nhốt lại trong buồng ngủ, nhiều anh em đã cố chăm chú nhìn sang phía cái buồng đang giam anh Côn để xem có động tĩnh gì không, nhưng qua khung cửa có chấn song,

bên trong chỉ toàn một màu đen ngòm.

Anh bạn tên Thanh lại nói với tôi là không có cách nào lén đưa đồ ăn, uống vào cho anh Côn vì chúng canh gác kỹ lưỡng quá. Trong khi đó, tôi được Duyên Anh và Đăng Giao kể cho biết hôm đầu ở lại trại để "làm việc" với cán bộ trại, dù cán bộ trại đã khuyên anh Côn nên sinh hoạt bình thường chờ trên giải quyết, nhưng anh Côn vẫn khăng khăng không chịu. Anh tuyên bố đã quá thời hạn tập trung cải tạo, bây giờ anh là người tự do, nên sẽ không ăn đồ ăn của trại nữa! Tên cán bộ trại thấy nói anh Côn không được nên đã bảo "Đồ ăn là của trại, anh không ăn cũng được, nhưng nước cũng là của trại, anh cũng sẽ không được uống nước". Thế là chúng giam anh trong buồng đó một mình và canh gác kỹ bên ngoài.

Qua được 4, 5 ngày buổi chiều đi lao động về, tôi nghe nói anh Côn đã được thả ra rồi và bây giờ phải ở cách ly chung trong buồng của những người tù hình sự và được mấy người tù hình sự làm trật tự trong trại kiểm soát. Anh rất yếu mệt, đứng ngồi không nổi, chỉ nằm. Sau đó, cũng chính Duyên Anh và Đăng Giao kể lại cho tôi là cố gắng được vài hôm, rồi anh Côn không còn chịu đựng nổi với đói và nhất là khát, anh đã cố gắng bò lết ra cửa sổ, hai tay bám vịn vào chần song thêu thảo kêu lên: "Cơm, cơm! Nước, nước!..." Tên cán bộ đi vào quát cho anh một xấp giấy và cây bút nói anh muốn ăn cơm lại thì làm "đơn xin" và viết "bản tự kiểm". Anh Côn quá mệt không còn biết viết thế nào nữa, trên mấy tờ giấy chỉ nguệch ngoạc được những chữ "Cơm, nước".

Duyên Anh và hành động của anh Côn

Duyên Anh cũng cho tôi biết là cán bộ trại có gặp anh hỏi về phản ứng của số văn nghệ sĩ ở trong trại đối với việc làm của anh Côn, Duyên Anh trả lời đó là việc cá nhân của anh Côn, không ai hay biết gì cả. Có lẽ anh Côn già yếu, bệnh hoạn, lại lâu không có tin tức gia đình nên mới quần trí sinh ra hành động như vậy. Còn các anh em khác thì vẫn "an tâm lao động, học tập cải tạo cho chóng... tiến bộ để sớm được về sum họp với gia đình". Đây là một câu trả lời "đúng sách vở khuôn phép" mà cán bộ coi tù ưng ý nhất. Do đó, cán bộ Cộng sản không gọi ai trong chúng tôi để hỏi tiếp nữa. Thật ra, trong cả trại này, cũng chỉ có năm người trước đây là văn nghệ sĩ và làm báo: ngoài anh Côn, Duyên Anh, Đăng Giao, có một cậu còn trẻ, mới vào nghề làm phóng viên cho tờ Trắng Đen là Dương Đức Dũng và tôi thôi. Nhưng riêng tôi, cán bộ trại chỉ biết qua tội danh là sĩ quan "ngụy", loại "trình diện".

Tôi tin những gì Duyên Anh và Đăng Giao kể lại vì trong trại, các anh là người rất được bọn cán bộ tin cậy và thường được bọn cán bộ nói cho nghe nhiều chuyện. Ngay cả Trưởng khu, Trưởng trại cũng thỉnh thoảng nhờ Duyên Anh viết hộ những bài nói chuyện, đọc trước trại trong các dịp đặc biệt.

Chừng một tháng sau, lúc sức khỏe của anh Côn đã kha khá, tạm thời đi đứng được và mọi người hầu như quên đi hành động của anh đã làm, thì một hôm, cũng trước giờ đi lao động, các đội đã ngồi trong hàng ngay ngắn, cán bộ trực trại cho mấy người trật tự hình sự dẫn anh Côn ra bắt đứng giữa sân để nghe quyết định kỷ luật. Anh đứng mà người cứ rũ xuống như không còn đứng vững và đầu thì cúi gằm xuống đất.

Đòn độc của cộng sản

Bình thường như các trường hợp khác, cán bộ trại chỉ đọc ngay quyết định kỷ luật là đủ, nhưng với anh Côn, trước khi đọc quyết định, tên cán bộ ĐỘ còn đọc cho cả trại nghe bản tự kiểm của anh Côn trước. Phải làm tự kiểm ở trong tù là việc thường xảy ra như cơm bữa đối với tất cả mọi người. Khi viết thì ai cũng nói qua loa, quanh quất cho đầy trang giấy rồi cuối cùng cần nhất là phải nhận lỗi, nhận "khuyết điểm" rồi hứa sẽ "quyết tâm sửa đổi" là xong. Do đó, chả ai để ý nghe và còn nhớ nội dung tờ kiểm điểm anh Côn đã viết những gì. Chỉ có một điều là sau bản

kiểm điểm, anh Côn còn làm thêm bài thơ ca tụng đường lối chính sách của cộng sản, ca tụng lòng tốt của tên cán bộ Độ, cán bộ trực trại cùng một số cán bộ khác nữa. Độ là một tên công an nhỏ con, thấp lùn, mặt đen xì, mới chừng ngoài 20 tuổi.

Đến khi đọc quyết định kỷ luật, khởi đầu cũng "Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" rồi "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc". Sau đó mới "Nay quyết định thi hành..." Kỷ luật dành cho anh Côn là "cùm 3 tháng". Thế nhưng bên dưới nói tiếp: thấy anh Côn già yếu nên trại khoan hồng tha cho anh khỏi cùm, trong thời gian bị kỷ luật anh phải ở cách ly, không được tiếp xúc với mọi người. Trại không có phòng giam riêng để cách ly nên anh Côn vẫn được cho ở chung phòng của những phạm nhân hình sự. Từ đó, chúng tôi đã không còn trông thấy mặt anh Côn nữa vì anh vốn đã yếu, ăn uống không có gì bổ dưỡng, thuốc men không có, sức khỏe ngày càng hao mòn, nằm miết một chỗ trong buồng.

Anh Côn không còn nữa

Như vậy một thời gian, hôm đó vào ngày Chủ nhật, thân nhân của anh Côn mới lại tới trại để thăm nuôi anh, nhưng tên cán bộ phụ trách thăm nuôi không cho gọi anh Côn ra gặp mặt vì qui định trong trại tù là can phạm đang trong thời gian bị kỷ luật không được phép thăm nuôi tiếp tế. Anh nằm một chỗ, nhưng anh em vẫn thỉnh thoảng chia xớt cho anh chút ít đồ ăn, thuốc men qua tay một vài người tù hình sự ở cùng trong buồng với anh. Thân nhân không được gặp và anh cũng không biết là có thân nhân đã tới trại thì không sao. Nhưng đảng này, tên cán bộ lại vào gọi anh Côn mà nói cho anh biết rằng anh đã có thân nhân lên tới trại để thăm nuôi tiếp tế. Tuy nhiên, anh đang bị kỷ luật nên không được phép ra gặp. Anh Côn năn nỉ mãi không được, cuối cùng chỉ xin cho nhận đồ tiếp tế để bồi dưỡng sức khỏe đang bệnh hoạn mà tên cán bộ vẫn khẳng khái không chịu.

Thế là trong đêm đó, anh Côn đã ra đi vĩnh viễn!

Anh nhắm mắt tắt thở ở trong trại, trong khi thân nhân của anh vẫn còn nằm ôm đống đồ tiếp tế cho anh, ngủ lại qua đêm trong nhà thăm nuôi ngoài cổng trại.

Không biết bọn cán bộ cai tù sáng hôm sau có báo tin cho thân nhân của anh ở ngoài trại hay không? Hay thân nhân của anh Côn đã ra về từ sáng sớm, vừa mang vác đồ tiếp tế, đem lên lại phải tha về, lộn bộ cả 5, 7 cây số mới ra đến chỗ đón chờ xe, mà trong lòng lại thầm trách người nhà của mình đã làm gì để đến nỗi bị kỷ luật, khiến cho tốn hao bao công sức tiền của, đi tới nơi mà không được phép gặp?

Đám tang buồn dành cho anh Côn

Những chi tiết này vẫn do Duyên Anh và Đảng Giao kể lại cho tôi vì hai anh có khá nhiều đệ tử trong giới tù hình sự đã nói lại. Chỉ biết thêm là sau đó, anh Côn được nằm yên trong một cái hòm gỗ đóng thô sơ, may mà trại có một xưởng cưa máy, nên sẵn ván, nếu không thì chỉ bó chiếu. Hòm được đặt trên một chiếc xe cải tiến, loại xe kéo có bánh sắt. Đưa anh đi chỉ có bốn người tù hình sự vừa kéo, đẩy xe vừa mang cuốc, xẻng đào hố chôn anh ở đâu đó trong rừng. Ngoài ra cũng vẫn còn có thêm mộ vệ binh vác AK để canh giữ 4 người tù hình sự này.

Mấy người tù hình sự đã đi chôn anh Côn, sau này kể lại là đã đánh dấu nắm mộ bằng những cục đá và chặt khắc lên thân cây cũng gần đó. Nhưng rồi không biết thời gian đã qua đi, có ai còn nhớ để chỉ lại cho thân nhân của anh nữa không?

Thế là cũng xong một kiếp người! Hai tay buông xuôi là hết!

Đến lúc ở tù ra, tôi được nghe rất nhiều lời đồn đãi về cái chết của anh Côn là do Duyên Anh gây ra. Sự kiện đã xảy ra, ai cũng có quyền tự do phát biểu bất cứ nhận định nào đã được vo

tròn bóp méo dưới sự chủ quan của mình. Với tôi, đã có một thời gian ở tù cùng một chỗ và chứng kiến cái chết của anh Côn, nhưng ở ngay đó mà nhiều chi tiết cũng còn phải nghe người khác kể lại mới biết, nên không thể qui trách, khẳng định gì cả.

Có chăng, chỉ có thể nói là anh Côn đã không biết một tí gì về sách lược đấu tranh của người cộng sản. Khi anh can đảm một mình đứng lên tranh đấu với cộng sản, anh đã quá mơ hồ, tưởng rằng chỉ cần một mình anh đứng lên cất tiếng nói, một mình anh đe dọa "Không ăn cơm của trại" thế là đủ để cho cộng sản "sợ". Anh đã một mình tranh đấu trong lúc chính anh, không có một tí chuẩn bị trước, không có một cái gì làm chỗ dựa, không một chút hậu thuẫn từ bất cứ đâu và hoàn toàn bị cô lập trong sức mạnh và quyền lực của kẻ đang áp chế mình.

Bài học về tranh đấu chống Cộng sản

Kể lại một sự việc xảy ra đã quá lâu ngày, trong khi đầu óc đã bị ảnh hưởng nhiều trong tù đày và hàng ngày phải lăn lộn kiếm sống ở chợ trời trong chế độ cộng sản. Sau khi được ra tù, tôi không còn nhớ được chính xác từng ngày tháng, dữ kiện. Nếu như các anh Đăng Giao, Duyên Anh có tình cờ đọc bài này, thì trước hết hãy cho tôi "Xin lỗi" là đã nhắc nhiều đến các anh ở đây và cũng xin cho biết có điểm nào tôi đã nhớ không đúng sự thật.

Suy ngẫm về việc này, tôi chỉ thấy tiếc rằng, đã là một người từng nghiên cứu về cộng sản, nhưng không biết chính anh, anh Côn có nhìn thấy những tên cai tù cộng sản, trước sự đấu tranh của anh, chúng đã tách anh ra khỏi đám đông khi bảo anh ở riêng một chỗ để "làm việc". Chúng đã thủ đoạn, chơi chữ với anh khi anh tuyên bố "Không ăn cơm của trại" để rồi tàn độc căm luôn cả nước uống. Thử hỏi từ trước tới nay, đã có một cuộc tuyệt thực nào mà người tham dự đấu tranh lại dám từ bỏ cả nước uống? Rồi cũng chính anh lại tự cung cấp cho chúng bằng chứng chịu nhận bị khuất phục, trên giấy trắng mực đen, qua bài thơ anh ca tụng, tặng bốc kẻ đã hành hạ, dọa dẫm mình, trong khi không có một sự cưỡng ép nào bắt anh phải làm bài thơ như vậy ngoài bản tự kiểm điểm. Và cuối cùng chính anh đã phải uất ức nhắm mắt chỉ vì một đòn tâm lý rất độc ác của cán bộ Cộng sản đánh trúng vào lúc áp thiết nhất của nhu cầu vất vả con người. Dù sao, đến bây giờ anh Côn đã nằm yên trong lòng đất trên 10 năm rồi. Cầu cho hương hồn anh được yên nghỉ.

Nguyễn Mạnh Côn, nhà văn miền Nam tuyệt thực chết trong tù Viên Linh

I. Trong những nhà văn Việt Nam trưởng thành vào thời kháng Pháp, Nguyễn Mạnh Côn là người từng thực sự cảm hứng. Anh ở trong tiểu đoàn đánh trận sông Lô năm 1947. *"Bốn ngày ba đêm không nghĩ, không chớp mắt. Nước khe, nước lạnh, hay nước vũng trâu đầm. Cơm, vài dùm gạo rang nhai cho thật kỹ với chút muối trắng (ai vớ được vài nhánh tỏi là người ấy có bữa thịnh soạn!) Bốn ngày ba đêm, chống lại tất cả mọi định luật về sinh lý, chúng tôi vượt 320 cây số, cộng thêm chín trận phục kích. Chúng tôi không đi bằng chân mà đi bằng óc. Chúng tôi mù người trong sự cố gắng kinh khủng. Cố gắng vì yêu nước, vì thù giặc."* (1)

Trận sông Lô xảy ra vào tháng 10, 1947, lúc ấy anh 27 tuổi, 6 tháng. Như thế, không biết anh đã nằm xuống bên một bàn đèn thuốc phiện từ lúc nào? Xem lại tiểu sử thấy anh sang Hương Cảng từ lúc 20 tuổi. Như sự mô tả của họa sĩ Tạ Tỵ khi gặp anh vào khoảng 1955-56, thì anh có vẻ đã là người dính líu với Phù Dung từ rất nhiều năm rồi. Trong tám năm, từ một chiến sĩ cảm hứng bắn vào pháo đài L.S.T. của Pháp trên dòng sông Lô khoảng 10 cây số dưới bến Đuan Hùng, tới nhà văn mê mê đọc tẩu trên căn gác gỗ Phú Nhuận, Nguyễn Mạnh Côn đã

sống cuộc thăng trầm không những của chia cắt đất nước 1954, về phía người chiến bại, mà còn nổi trôi trong một thời thế mà bạn hóa thù vì chính kiến, những tâm huyết lặn vào việc cứu nước nhưng bị đánh bật khỏi hướng đi hoài vọng vì khác biệt đảng phái. “Lòng hỏi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi theo lối mòn kháng chiến quanh co...” (in trên bìa ĐTTVLS.) Có lẽ anh đã cảm lấy dọc tẩu vào cái lúc thấy mình là “con ngựa mệt mỏi” và thấy “lối mòn kháng chiến quanh co,” cái lúc ấy hẳn là lúc Việt Minh truy kích đảng viên các đảng phái quốc gia, nhất là Quốc Dân đảng, vào năm 1947 đánh bật họ qua Tàu.

Dù thế nào, Nguyễn Mạnh Côn vẫn theo sát các biến động của thời thế, sau khi về thành và sau khi vào Nam. Việt Cộng là kẻ thù của anh, anh theo dõi họ không ngừng. Con người, cuộc sống, sự suy nghĩ của anh không bao giờ xa chính trị.

Lý luận của anh sắc bén, văn chương của anh là vũ khí, cộng sản không thể dùng lý luận với anh, họ dùng gông cùm. Mai Thảo viết: “...những tác phẩm của Nguyễn Mạnh Côn, từ Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử tới Hòa Bình Nghĩ Gì Làm Gì? đã là những lưỡi mác xung kích cực kỳ sắc nhọn phóng vào thành trì ý thức hệ cộng sản suốt hai mươi năm đấu tranh văn học giữa hai miền và là những tác phẩm chủ yếu của Văn Học Quốc Gia Việt Nam từ chia cắt Nam Bắc 1954 tới sụp đổ miền Nam 1975. Kích thích mỗi tác phẩm Nguyễn Mạnh Côn lớn lao ở đó. Mỗi tác phẩm anh là một trận đánh lớn, từ trận tuyến văn học chúng ta đánh tới kẻ thù. Trên cái nghĩa toàn phần của danh từ, anh là một danh tướng, một chiến sĩ cầm bút lấy lưng của trận tuyến văn học miền Nam, niềm vinh dự chung của Miền Nam Văn Học. (2)

II. Cầm bản thảo của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trên tay, người đọc biết ngay tác giả những dòng chữ trước mắt là một người vô cùng thận trọng với chữ nghĩa. Anh viết ngay hàng, thẳng lối, rõ từng con chữ một, trang nào như trang nấy. Anh viết trên thép giấy có kẻ dòng. Không cần đếm, người ta có thể áng chừng không sai bao nhiêu, nếu trang trước anh viết được một nghìn chữ, thì trang sau cũng lối một nghìn chữ. Anh là người có thể biết rõ bài anh viết, khi in ra, nếu là cho một cuốn sách, sẽ in được bao nhiêu trang. Cũng bài ấy nếu đọc trên đài phát thanh, sẽ đọc được bao nhiêu phút. Những nét chữ gãy gọn, những dòng chữ đều đặn, và chỗ nào chấm, chỗ nào chấm phẩy, chỗ nào chấm xuống dòng, vô cùng rõ rệt và chuẩn xác, về phương diện chính tả, văn phạm.

Đọc văn anh, có thể mừng tượng ra cách anh nói chuyện. Nguyễn Mạnh Côn là người khúc chiết, rành mạch, không ai có thể hiểu lầm câu văn anh, vì anh không viết ra những gì còn mơ hồ. Anh là nhà văn không thể nào làm thơ. Anh là nhà văn của luận thuyết và lý thuyết. Lý thuyết chứ không phải triết lý. Nếu anh có viết truyện tình, mà anh lại hay viết truyện tình, thì đó nhất định không phải là một truyện tình thơ mộng kiểu Nhất Linh hay Khái Hưng. Phong thái nhà văn Nguyễn Mạnh Côn là phong thái một nhà văn lập thuyết để cải tạo xã hội, và luôn luôn nhìn nhận sự yếu đuối, lầm lạc của mình. Anh muốn đem bản thân mình ra làm bài học cho lớp đi sau. Anh không phải là người có thể nói “hãy theo gương tôi.” Anh là người vẫn nói: “Hãy tránh những lỗi lầm của tôi.”

Anh viết lời mở đầu cho một truyện của anh: “...tôi vẫn theo đuổi một ước vọng, là làm thế nào cho các bạn thanh niên hiện đại tin chắc rằng tuổi trẻ của chúng tôi chẳng có gì hơn tuổi trẻ của các bạn.”

Không sống với cộng sản, chỉ qua thăm Nga trở về, văn hào André Gide người Pháp, Nobel văn chương 1947, với ý thức của một trí thức, viết những lời cảnh tỉnh trong cuốn *Retour De L'U.R.S.S* (1936) và *Retouches À Mon Retour De L'U.R.S.S* (Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết, Nhuận Sắc Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết Của Tôi.) Nguyễn Mạnh Côn sống với Việt Minh, rồi từ bỏ Việt Cộng, anh đã làm như nhà văn Nam Tư Milovan Djilas, tác giả *The New Class* (Giai Cấp Mới, 1957), cực lực phê bình cơ cấu và chủ thuyết cộng sản. Trong thời gian làm chủ bút

tờ Chỉ Đạo, anh đã trích dịch và thêm lời dẫn cuốn Giờ Thứ Hai Mười Lăm của một tác giả Lỗ Ma Ni: .V. Gheorgiu. Những tác phẩm trên của anh làm người ta nghĩ đến những cuốn sách tương tự, của các nhà văn thế giới khác, chỉ xuất bản trước đó trong vòng nhiều lắm là mười năm, đều phơi bày những kiếp nhân sinh vắng bộ mặt người trong các xã hội Cộng Sản. Darkness At Noon (Bóng Tối Giữa Trưa) của nhà văn Hung Gia Lợi Athur Koestler, xuất bản lần đầu năm 1941, (bản Việt ngữ in khoảng 1950); Animal Farm (Trại Súc Vật) và “1984” của nhà văn Anh theo và sau đó chống Xã Hội Chủ Nghĩa George Orwell, xuất bản lần đầu năm 1946 (Đỗ Khánh Hoan đã dịch ra Việt Ngữ) và cuốn sau năm 1949; Doctor Zhivago của Boris Pasternak (Bác Sĩ Zhivago, Vĩnh Biệt Tình Em, bản Việt văn Nguyễn Hữu Hiệu), xuất bản lần đầu (Anh dịch) năm 1958; hay của một nhà văn Nga khác, Alexander Solzhenitsyn, cuốn One Day In The Life Of Ivan Denisovich, xuất bản lần đầu năm 1963.

Nguyễn Mạnh Côn thuộc dòng văn chương đó, trên mặt ý thức. Hẳn nhiên anh khác họ nơi văn phong. Nguyễn Mạnh Côn không có cái lãng đãng mơ mộng của André Gide hay Boris Pasternak, không có cái khôi hài của George Orwell, không có sự đằm tỉnh tượng đá của Athur Koestler, không có sự can đảm của Alexander Solzhenitsyn (anh tự nhận, xem phần dưới), anh gần với Milovan Djilas. Anh giảng giải viện dẫn nhiều. Sự giảng giải viện dẫn hẳn anh tin là vô cùng cần thiết. Nguyễn Mạnh Côn có mục đích rõ rệt khi cầm lấy cây bút, ngồi trước thếp giấy có kẻ dòng. Tôi còn nhớ anh viết trên thếp giấy màu vàng, đúng như thếp giấy gọi là legal size paper hiện nay ở Mỹ.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Mạnh Côn có nhiều mặt. Sau thời gian viết lại những kinh nghiệm thanh niên trong chiến dịch Sông Lô và giai đoạn liên hiệp với cộng sản, sau 1959, năm chính phủ Ngô Đình Diệm đặt các đảng phái Quốc Gia ra ngoài vòng pháp luật (dự luật 10/59) Nguyễn Mạnh Côn viết Kỳ Hoa Tử (1960), truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn (1960). Anh chuyên qua lãnh vực khoa học giả tưởng, là lãnh vực cho tới giờ trong văn chương Việt Nam anh vẫn là người đầu tiên và duy nhất. Mấy năm sau, anh viết Tình Cao Thượng (1968) nói về dục tình một cách trực tiếp, hơn nữa lại dùng ngôi thứ nhất là nhân vật đàn bà qua hình thức một tập thư Ngọc viết cho Cường: “Vì, như em đã nói với anh, Tự Giỏi làm cho em hoàn toàn thỏa mãn. Cũng in hệt như đối với anh, lúc rung động của y lên đến tột độ thì rung động của em cũng lên đến tột độ...” (Tình Cao Thượng, trang 88) “...trong mọi cuộc giao hoan, chính người đàn ông mới là phương tiện!” (TCT, 104). Anh viết vẫn để giảng giải, không phải để giải trí, dù là viết về một vấn đề dễ sa vào chỗ tầm thường.

III. Tấm hình căn cước của Nguyễn Mạnh Côn tôi có trong tay, phía sau chính anh nắn nét viết kiểu chữ in tên họ của mình. Tôi nghĩ hình chụp vào năm 1956, hay 57, trong quân phục, cổ áo có dấu chiếc lon đã được bóc ra, có lẽ là lon thiếu úy, hay trung úy. Anh là sĩ quan đồng hóa. Phía sau tấm hình viết: 15.3.1920. Hải Dương, Bắc Việt. (Hình như nhằm ngày 7 tháng 4 năm Canh Thân. Sinh quán làng Đông Hy, phủ Ninh Giang). Giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1957. Năm 1975, anh được mời vào Hội Đồng Giám Khảo Văn Chương Toàn Quốc. Thuở ấu thơ anh theo mẹ và cha, cách anh viết, “mẹ và cha,” không phải cha mẹ, đi khắp nơi trên đất Bắc. Từ năm 13 tuổi, anh học ở trường tư thục Thăng Long, Hà Nội. Năm 1940, anh vượt biên, tới mái Hương Cảng. Không ai rõ lý do, song theo một bài anh viết mà tôi được đọc, thì anh Côn hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Theo một tài liệu khác, năm 19 tuổi anh có cộng tác với báo Đông Pháp, năm 25 tuổi anh viết báo Thống Nhất, xuất bản ở Hà Nội. Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, tháng 12, 1945, anh rút lên chiến khu Việt Bắc. Từ đây, cuốn Đêm Tâm Tình Viết Lịch Sử viết dưới bút hiệu Nguyễn Kiên Trung, có thể kể là một giai đoạn hoạt động thực sự ngoài đời của anh, nếu không hoàn toàn giống, thì cũng rất gần với thực tế. Năm 1952, Nguyễn Mạnh Côn trở về Hà Nội, năm sau ra Hải Phòng, dạy học tại thành

phổ biến này cho đến năm 1955 thì vào Nam. Tại Sài Gòn, trong khi viết văn, có lúc anh xuất bản một tờ tạp chí, lấy tên là Chính Văn, nhưng mệnh yếu. Miền Nam mất ngày 30 tháng 4, 1975, anh bị Hà Nội bắt vào đêm 2 tháng 4, 1976. Tên Nguyễn Mạnh Côn đứng đầu danh sách 44 người sẽ bị bắt sau đó.

Đúng ba năm trong tù, anh công khai đòi trả tự do, lý luận với quản giáo trại tù Xuyên Mộc, rừng Sa Ác, tỉnh Bà Rịa: “Chính phủ nói là bắt tôi đi học tập ba năm, hôm nay đúng hạn ba năm, tôi yêu cầu chính phủ trả tự do cho tôi.” Anh bị nhốt riêng từ đó.

Sau đó, Nguyễn Mạnh Côn tuyệt thực. Theo tin tức tôi được nghe, anh Nguyễn Mạnh Côn không định tuyệt thực để chết, anh tuyệt thực như một cách tranh đấu bất bạo động. Một nhóm anh em nhà văn trẻ, trong có người tự nhận là đàn em thân tín nhất của anh, nguyện với nhau sẽ sát cánh với anh trong cuộc tranh đấu này. Anh sẽ nhịn ăn, song không ai có thể nhịn uống, dù chỉ trong 24 giờ. Người anh em trẻ đó đã đi báo quản giáo chương trình tranh đấu của Nguyễn Mạnh Côn, và các nhân sự huynh đệ của anh trong cuộc tranh đấu. Tất cả bị cô lập. Nguyễn Mạnh Côn trút hơi thở cuối cùng tại trại tù này, vào ngày 1 tháng 6 năm 1979. Anh sống 59 năm 2 tháng 15 ngày.

Chú thích:

- 1 - *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử*, trang 96-97, Nguyễn Đình Vương xuất bản, 1958.
2. Mai Thảo, *Vĩnh Biệt anh Nguyễn Mạnh Côn*, Thời Tập, Washington, D.C., số 4, tháng 12.1979, trang 18.

Phụ đính :

Nguyễn Mạnh Côn, đem tâm tình viết lịch sử Nguyễn Mạnh Trinh

Nguyễn Mạnh Côn. Những tác phẩm như *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử*, *Lạc Đường Vào Lịch Sử*, *Mối Tình Mầu Hoa Đào*,... biểu lộ tâm cảm băn khoăn của một lớp tuổi trẻ thanh niên của những thập niên 1940, 1950 trong ý hướng muốn đi tìm một con đường chỉ đạo cho công cuộc giải phóng quê hương tìm độc lập tự do cho dân tộc và đất nước. Có những lựa chọn ý thức hệ của những trí thức tiểu tư sản, từ Võ Nguyên Giáp đến Hồ Hữu Tường, từ Vũ Khắc Khoan đến Lê Quang Luật, từ Nghiêm Xuân Hồng đến Nguyễn Mạnh Côn...

Nguyễn Mạnh Côn đã mang vào văn chương những ý thức chính trị. Những kinh nghiệm thực của cuộc đời ông được mang ra viết để thành những cống hiến cho thế hệ đi sau. Ông sinh năm 1920, là thế hệ lớn lên và trưởng thành trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước. Năm 1930, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân Đảng đã bắt đầu cho một thời kỳ khủng bố trắng của Thực dân Pháp. Lúc đó, cao trào tranh đấu đòi độc lập tự do đang ở tột đỉnh. Sau đó là thời kỳ suy vi của Đế quốc Pháp. Đức Quốc xã chiếm chính quốc Pháp và dựng lên chính phủ bù nhìn thỏa hiệp của thống chế Petain. Ở Đông dương chính quyền thuộc địa đu giây giữa hai chính phủ một lưu vong và một ở chính quốc và sau đó bị quân Nhật đảo chánh. Thế giới chiến tranh lần thứ hai vừa chấm dứt và manh nha trên thế giới một cuộc chiến tranh lạnh tiếp theo. Việt Nam, khi trước là thuộc địa Pháp sau bị Nhật đảo chính rồi bị chia làm hai vùng chiếm đóng của quân Anh ở miền Nam và quân Quốc Dân Đảng Trung Hoa ở miền Bắc vào tước vũ khí của quân đội Nhật. Quân Anh vào miền Nam mang theo quân Pháp chiếm giữ các thành phố lớn rồi như vết dầu loang bành trướng các vùng chiếm đóng. Ở miền Bắc, quân Tàu vào và với nhiều đổi chác rút ra để quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng vào Hà Nội.

Chính phủ liên hiệp gồm Việt Cộng sản và các đảng phái quốc gia tuy kết hợp với nhau trong mục tiêu chống Pháp nhưng ở bên trong là những cuộc đảng tranh đẫm máu và khốc liệt. Nguyễn Mạnh Côn là một nhân chứng, là một đại diện của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội trong quốc hội liên hiệp đầu tiên. Ông đã có nhiều kinh nghiệm chua chát. Và tạo thành chất liệu thực tế cho sáng tác.

Viết tác phẩm “1945. Lạc Đường Vào Lịch Sử” ông giải bày: *“tuổi trẻ nào cũng có nhiều phen sai lầm, tội lỗi và hoài nghi hối hận. Từ năm 1958 bắt đầu viết truyện này cho đến nay tôi vẫn theo đuổi một ước vọng là làm thế nào cho các bạn thanh niên hiện đại tin chắc rằng tuổi trẻ của chúng tôi không có gì hơn tuổi trẻ của các bạn. Chúng tôi có thể là những anh hùng: anh hùng lạc đường một cách bất đắc dĩ. Và chúng tôi chỉ có nhiều đau khổ. Nhưng đau khổ, sẽ đến như đã đến, với tất cả, Cuốn truyện này là bằng chứng, sự chịu đựng của chúng tôi. Bây giờ đến lượt các bạn...”*

Viết một tác phẩm khác “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử”, với những hồi ức đã có, đã sống, ông nhìn lại đoạn đường đã qua với nỗi ngậm ngùi nhưng vẫn có nhiều hy vọng: *“Lòng hồi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng chiến quanh co, nay ra đến con đường mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng; đàn ngựa trẻ đang phóng lên nước kiệu... Tôi linh cảm Việt Cộng lại đang nhắm, nhắm ở chỗ đánh giá anh em ta quá thấp..”*

Lúc đó, trong hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, cũng có nhiều cố gắng để tìm một con đường thực hiện công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước đúng đắn nhất. Một thế hệ muốn tìm những kim chỉ nam hành động. Có người chọn chủ nghĩa Mác, dùng đấu tranh giai cấp theo sự hướng dẫn của Cộng Đảng Đệ Tam Quốc Tế Nga Xô Viết. Nhưng với Nguyễn Mạnh Côn ông đã chọn con đường khác, tạo một ý thức hệ đối đầu với tư tưởng của Karl Marx. Và có lẽ trong suốt cả cuộc đời ông, ông vẫn thao thức trong ý định đi tìm một con đường tốt đẹp nhất cho dân tộc. Sự xa lánh ý thức hệ Mác –Lênin có lẽ từ suy nghĩ tinh tế để có một nhận thức chính xác. Chống Marx và vượt Marx...

Với bút hiệu Nguyễn Kiên Trung ông đã viết, suy nghĩ và tâm sự của mình, dưới hình thức những lá thư gửi cho bạn đang sống ở Pháp. Tác giả thú thực đã hoàn tất xong tác phẩm khá lâu nhưng thật khó khăn khi viết bài tựa để mang toàn bộ tác phẩm đi in. Ông muốn bài tựa ấy phải là một bài tựa đầy tình cảm nhưng khi viết xong thì tình cảm đã lắng xuống đến nỗi không có đến một rung động nhỏ. Và ông đã khám phá rằng vấn đề không thu hẹp trong vấn đề văn nghệ hay kỹ thuật, vấn đề bao quát cả một niềm hy vọng tha thiết của quốc dân năm 1945, cả một cuộc phản bội của Mặt Trận Việt Minh, với không biết bao nhiêu người sống quằn quại, không biết bao nhiêu người chết thảm thê vì sự phản bội ấy. Và ông không viết được bài tựa ấy cũng là hợp lý, bởi lẽ nào mang chút tình cảm vụn vặt của mình làm mào đầu để khởi đi một giai đoạn lịch sử cao quý, hùng vĩ của cả dân tộc...

Nội dung của “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” là những tâm sự của một chiến sĩ đang tranh đấu trực diện trong công cuộc giải phóng đòi tự do độc lập cho đất nước trong những bức thư viết ở những thời điểm quan trọng của lịch sử Việt Nam. Những không gian và thời gian như Hà Nội ngày 3 tháng 9 năm 1945, như Hà Nội, nội thành, Liên khu 1, ngày 26 tháng 12 năm 1946, như Hà Đông ngày 3 tháng 2 năm 1947, như Phú Thọ ngày 29 tháng 11 năm 1952, như Hải phòng ngày 19 tháng 7 năm 1954, là những cột mốc đáng nhớ của một thời đại đầy biến động Việt Nam.

Ngày 3 tháng 9 năm 1945 tại Hà Nội, Việt minh cướp chính quyền hót tay trên các đảng phái quốc gia. Ngày 26 tháng 12 năm 1946 ở Hà Nội, trong nội ô thành phố, Tự Vệ Thành đã nổ súng đánh Pháp bắt đầu cho cuộc kháng chiến giành độc lập. Ngày 3 tháng 2 năm 1947 ở Hà Đông, Đảng Cộng Sản Việt Nam chính thức thành lập và cuộc đảng tranh đẫm máu và gay gắt nhất đã tạo những vết thương đau đớn cho dân tộc. Ngày 29 tháng 11 năm 1952 tại Phú Thọ

là ngày bắt đầu cuộc cải cách ruộng đất và đấu tố để thực hiện đấu tranh giai cấp. Ngày 19 tháng 7 năm 1954 tại Hải Phòng là ngày bắt đầu chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 17 theo hiệp ước Genève.

Từ thời điểm ấy, Nguyễn Kiên Trung kể cho bạn đọc nghe về cuộc đời của mình và thế hệ mình theo ngõ đầy đura của thời cuộc. Và từ đó như tấm gương phản chiếu thấy được sự bội phản lường lọc của những người Cộng sản Việt Nam. Với kỹ thuật tranh đấu được huấn luyện từ hệ thống Cộng Sản thế giới, họ áp dụng vào thực tế và đã thành công trong việc nắm giữ chính quyền và thực hiện chính sách vô sản chuyên chính.

Tác giả “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” đã *“trút ngay lên mặt giấy một sự cần thiết phải gào thét, phải nức nở cho số phận những người bạn tôi sắp phải chết, ngoài kia, bên trên vĩ tuyến Bắc 17 độ. Nói là bạn, nhưng chỉ có một số nhỏ là bạn của tôi thật, còn nhiều người mới quen biết sơ qua trên con đường kháng chiến, nhiều người chưa hề được gặp mặt, nhiều người tôi đáng tôn lên là bậc thầy, Phan Khôi, Đào Duy Anh, Văn Cao, Trần Dần, Hoàng Cầm, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường,, những người ấy sắp bị Việt Cộng mang ra xử án...*

Họ, như Phan Khôi, Đào Duy Anh, Hoàng Cầm chưa hề bao giờ là những người Cộng sản. Nhưng cùng nhau, họ đã chống lại Việt Cộng. Điều cần biết, đối với tôi, là trong hàng ngũ duy vật, một sự nứt nẻ trầm trọng đã được xác nhận. Một điều cần biết nữa, là thực tế đang chứng minh rằng những con người ấy, vốn dĩ Cộng Sản hay chỉ đầu hàng hoặc thỏa hiệp với Việt Cộng, cuộc tranh đấu của họ gần đây là cuộc tranh đấu tiểu tư sản. Dưới bất kỳ một nhãn hiệu chính trị nào do họ tự nhận lấy hoặc bị kẻ khác gán cho họ, họ quả thật là những người tiểu tư sản, trí thức tiểu tư sản. Những người trí thức tiểu tư sản trong hòa bình và vì lý tưởng dám liều mình chống lại cường quyền và bạo lực, đó là câu kết cho cuốn “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử”, câu kết tôi muốn viết mà trước kia không dám viết, e ngại rằng chưa đủ bằng chứng cho chúng ta tin cậy. thì bây giờ, những nhà trí thức của Hà Nội, của Hồ Gươm, và của Hồ Tây không bao giờ phải nhòa trong tâm tưởng kẻ lưu vong, những nhà trí thức anh dũng ấy, bằng tai nạn của họ đã cho phép chúng ta nói một lời quyết định..”

“Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” được viết cách nay nửa thế kỷ và xem ra tới bây giờ, vẫn còn nhiều suy nghĩ đáng chú ý. Lịch sử đã bị chế độ hiện hữu bôi xóa và những bài học để thế hệ sau hiểu biết chứa đầy những giả trá. Từ năm 1945, tới nay không xa, khoảng cách lịch sử vẫn còn gần để nhận thức, thế mà đã có nhiều sai lạc. Thậm chí, có những người được gọi là trí thức như Đặng Tiến, cũng viết phê bình văn học, cũng là người tự cho mình là người thông hiểu văn chương lịch sử, mà trong một buổi phỏng vấn của Đài BBC gần đây đã bóp méo lịch sử, ca tụng Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, với việc giết hại những chiến sĩ thuộc các đảng phái quốc gia. Thậm chí, ông ta còn cho rằng Đảng Cộng Sản đã phải chiến đấu với thực dân Pháp, quân phiệt Nhật, Quốc dân Đảng Tàu và các đảng phái quốc gia theo chân quân Tàu Tưởng. Ông ta gom gọn làm một các lực lượng quốc gia với cái nhãn hiệu là theo chân quân Tàu. Nếu Đặng Tiến đã đọc sách và viết phê bình về hai mươi năm văn học miền Nam thì chắc phải đọc “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” Không hiểu ông ta có gặt hái được suy nghĩ nào chính xác hơn không sau khi đọc tác phẩm này?

Một tác phẩm khác “1945, Lạc Đường Vào Lịch Sử” cũng lấy thời gian và không gian của những năm bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với các nhân vật bị đẩy vào cuộc một cách bất đắc dĩ. Họ hoạt động trong những sự sắp xếp của các thế lực quốc tế thông qua các đơn vị tình báo của các cường quốc liên hệ đến tình hình hời sự Việt Nam. có nhiều nguyên ủy để họ tham gia chính trị. Có thể vì bị lôi kéo vì tình cảm như Tuyết Lan, như Quang, như Trọng. Có thể vì thi hành những công tác tình báo như Tôn Xương Linh nhân viên OSS của Mỹ mang bí số SA 141 hay ông Tiến, một lãnh tụ quốc gia, cha của Tuyết Lan mang bí số SA 72. những nhân vật ấy có đặc tính cá tính riêng, như Trọng là một người con trong gia đình quan lại với suy nghĩ và hành động đặc sệt tiểu tư sản, như Tôn Xương Linh, người Tàu nhưng mang dòng

máu của một quan đại thần triều Nguyễn lưu vong Việt và có suy tư của người Việt Nam bị đẩy vào trong một vai trò tình báo quốc tế thành viên của phái đoàn OSS của đại tá Patti. Từ hoàn cảnh cá nhân riêng đến cảnh ngộ chung của dân tộc, mọi nhân vật đã đi vào trong những con đường bị làm tay sai cho các thế lực ẩn mặt của các siêu cường. Có thể họ có tâm tính của cách mạng lãng mạn như Trọng nhưng họ cũng có thể có cái máu lạnh lùng vô hồn vô cảm của Lâm Trọng Ngà, một chỉ huy công an Cộng sản. Những nhân vật ấy, trong những khúc quanh khốc liệt của lịch sử đã được mô tả với tư cách chứng nhân cho một thời kỳ mang nhiều bí ẩn và những hiện tượng khó có thể giải thích nhưng đã xảy ra.

Viết về những chặng đường mà tác giả đã sống, Nguyễn Mạnh Côn mang những kinh nghiệm của chính bản thân để gửi một thông điệp cho các thế hệ sau về những lỗi lầm của những người đi trước đã tạo ra những hậu quả về sau nghiêm trọng. Cái lạnh lùng vô cảm của những người theo chủ nghĩa Cộng sản duy vật có thể giúp họ chiến thắng trong đoàn kỳ nhưng sẽ là cội nguồn thất bại về sau trong trường kỳ.

Khi miền Nam Việt Nam bị sụp đổ vào năm 1975, Nguyễn Mạnh Côn bị chế độ hiện hữu trả thù, bắt giam và ông chết trong tù sau khi bị hành hạ vô cùng dã man về cả tinh thần lẫn vật chất. Khi chống lại chế độ Cộng sản, ông là một người tiên đoán khá chính xác sự sụp đổ của chế độ ấy nhưng đáng tiếc là ông không còn sống để chứng kiến sự sụp đổ ấy trên toàn thế giới. Suốt cuộc đời ông, mài miết đi tìm con đường lý thuyết làm chủ đạo cho công cuộc tranh đấu từ những kinh nghiệm của mình. Chủ nghĩa Cộng sản không thể chấp nhận được vì với biện chứng pháp con người không còn là một con người nhân bản nữa mà chỉ là một phương tiện để vận động cho một mục đích không tưởng.

Một tác phẩm khác của Nguyễn Mạnh Côn cũng gây được sự chú ý của văn giới. Đó là “Kỳ Hoa Tử”, câu chuyện tình của một cô gái người Nhật Bản yêu một chàng trai Việt Nam đang lưu lạc ở Trung Hoa. Kỳ Hoa Tử theo người yêu về Việt Nam trong lúc đang có cuộc kháng chiến chống Pháp. Bề ngoài thì tất cả lực lượng quốc dân đều tham gia vào cuộc chiến giành độc lập tự do cho đất nước nhưng thật sự bên trong thì những người đi theo chủ nghĩa của những người quốc tế vô sản đang nắm quyền lực và dùng đủ mọi phương cách để thực hiện cuộc cách mạng đấu tranh giai cấp. Trong âm mưu ấy, họ phải quét sạch những người mà họ cho rằng sẽ làm trở ngại cho công việc mà họ đang thực hiện. Một chướng ngại cản đường ấy là Hồ Tùng Mậu và quyết định phải giải quyết bằng mọi giá. Họ kết tội phản động và tạo dựng những chứng cứ buộc tội. Một nhân chứng dùng để vu khống và kết tội là chàng trai yêu nước đó. Là một đảng viên trung kiên, chàng không thể nào trái lệnh dù biết rằng công việc ấy không hợp lý và vô đạo đức. Kỳ Hoa Tử thấy những hành vi như vậy và tình cảm thay đổi theo. Thế là cuộc tình bị tan vỡ. Hai người xa nhau với tất cả nỗi đớn đau. Những tâm tình lãng mạn thơ mộng đã được thay thế bằng những tình cảm hận thù. Và, kết cuộc là tang tóc, đổ vỡ, chia ly...

Viết Kỳ Hoa Tử, ông cũng dùng những sự thực trải qua trong đời để tạo cho câu chuyện kể có sự sinh động và hợp lý. Tuy có lúc mang suy nghĩ chủ quan của mình vào trong sự kiện làm cho truyện chậm lại nhưng lại chuyên chở được những trao gửi kèm theo. Nguyễn Mạnh Côn là người có sở học rộng nên ông hay tìm kiếm những đề tài gây bất ngờ cho độc giả. Ông viết huyền truyện phối hợp với truyện giả tưởng để đào sâu vào cõi tâm linh con người.

“Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn” là một truyện khoa học giả tưởng mà tác giả đặt trên căn bản của thuyết tương đối của Einstein về kích thước thứ tư của không gian. Ông giải thích theo lập luận của ông: “cái nhảm của cổ nhân coi vạn vật chỉ có bề dài, bề rộng, bề sâu, tức là chỉ có ba kích thước mà không biết rằng sở dĩ người ta chỉ trông thấy ba kích thước ấy là nhờ có ánh sáng. Tùy sức ánh sáng đi nhanh hay chậm, tùy con đường từ ta đến cảnh vật xa

hay gần mà ta tức khắc trông thấy vạn vật hay chỉ trông thấy dần dần.. Cảnh vật chung quanh ta tưởng rằng nhất định như thế mà thật ra có thể đổi khác (thấy không khác vì vận tốc ánh sáng ở cõi ta là một hằng số không đổi). Einstein đã biết rằng khi một vật di động càng nhanh càng tới gần tốc độ của ánh sáng thì thời gian và không gian hỗ tương ảnh hưởng vào nhau sẽ uốn cong lại chung quanh cái vật di động kia. Sự uốn cong này chính là cái kích thước thứ tư..” Nhân vật trong truyện là bác sĩ Mai , nữ trợ tá Kiên Trinh và hạ sĩ Khang thuộc binh chủng nhảy dù trong một phi vụ ở gần biên giới Trung Hoa thì máy bay bị bắn hạ và đâm nhào xuống đất. Trong giây phút ấy họ bị bắt tình và tình cờ lọt vào một vùng không gian năng lực phi thường với vận tốc cao gần với tốc độ của ánh sáng. Và như vậy họ lọt vào vũ trụ có kích thước thứ tư. Ở nơi chốn này họ gặp Lưu Thần và Nguyễn Triệu của truyện tích từ ngàn năm xưa cũng vì một cơn bão có tốc độ khủng khiếp thổi tới và cùng lạc vào vũ trụ có không gian bốn chiều như ba người lính nhảy dù này. Và chốn này có thể gọi là Thiên Thai, với thời gian đứng im bất động và cảnh sắc thì có nét của miên viễn nên rất tuyệt vời. Ở đây có những bộ máy kỳ diệu có thể điều chỉnh tốc độ ánh sáng để đưa con người vào quá khứ hay tương lai. Bác sĩ Mai và nữ trợ tá Kiên Trinh muốn ở lại Thiên Thai trong khi hạ sĩ Khang thì muốn trở về quá khứ. Anh trở lại thế kỷ thứ 18 ở thành Thăng Long và tình cờ cứu sống Vua Quang Trung. Sau Khang giúp Vua Quang Trung đánh quân Tàu đòi lại Lương Quảng hai tỉnh. Với kiến thức của thế kỷ 20 đối đầu với quân tàu ở thế kỷ 18 nên Khang đã giúp vua Quang Trung chiến thắng. Nhưng quân dân Tàu áp dụng tiêu thổ kháng chiến cũng như du kích chiến nên chiến thắng không toàn vẹn và Khang thấy rằng tham vọng đất đai là mù quáng. Khi tỉnh dậy, thì Khang mới biết rằng chỉ trong giây phút ở vũ trụ của không gian bốn chiều nhưng là mấy đời sống ở trần thế.. Kiên Trinh cũng có lúc tìm về dương trần nhưng vô cùng đau khổ khi biết người chồng là hạ sĩ Khang đã lấy công chúa Ngọc Chân em công chúa Ngọc Hân. Bác sĩ Mai thì nhớ quê hương, tưởng vọng về những nơi chốn của Hà Nội đất Bắc xưa. Cả ba người lính nhảy dù này sống lạc lõng bên lề cuộc sống.

Trong truyện , Nguyễn Mạnh Côn đã dùng rất nhiều kiến thức về khoa học , về toán học, về lịch sử, về triết lý. Chính vì vậy, thành ra tác phẩm đậm ra nặng nề, nửa biên khảo nửa tiểu thuyết. Vì chứa đựng quá nhiều chi tiết, dù rằng đã cố gắng dung hòa giữa khoa học và văn chương, nhưng bố cục truyện hơi nặng nề và diễn biến câu chuyện cũng ít có chất tự nhiên. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn còn có tham vọng lập thuyết, dùng văn chương để chuyên chở ý tưởng. Ông nghĩ về thuyết Tân Trung dung, viết "Mối Tình Màu Hoa Đào" và " Hòa Bình ..Nghĩ gì? Làm gì?"

"Mối Tình Màu Hoa Đào" là truyện chàng thanh niên đi tìm lý tưởng say mê như tìm một người yêu quảng khăn màu hoa đào.Chàng đi tìm màu hoa đào trong mọi người và mọi cảnh. Thất vọng ngoài kháng chiến chàng về vùng quốc gia, để rời khỏi đơn vị của người Pháp. Công việc tìm kiếm vẫn tiếp tục.Chàng vào Nam , gặp người bạn trẻ, bàn luận chuyện lên đường. Những câu đối thoại , như một chia sẻ giữa hai thế hệ để gợi ý về những hành trang mang theo khi khởi sự đi vào con đường suy tưởng.

Mối tình màu hoa đào tưởng chỉ giản đơn trong biên giới của địa lý hay những phạm vi thực tế gợi ra từ đời thường. Nhưng Chàng muốn đi xa ra khỏi những khuôn khổ chưa bao la ấy thành ra thất vọng và cô đơn đã dần dần chiếm lĩnh tâm hồn. Ngôn ngữ, có khi để biểu tỏ ý tưởng nhưng sự diễn dịch sai nên lời nói nhiều khi bị hiểu chệch hướng và không giúp gì cho cuộc đối thoại để tìm chân lý. Có lúc Chàng nói chuyện với tiếng vọng, không biết xuất xứ từ đâu để quên đi những rối loạn và cô đơn khi đối thoại với con người. Nguyễn Mạnh Côn lập thuyết như Hồ Hữu Tường lập thuyết, có phải tận dụng những kiến thức khoa học và toán học để mong lý giải một cách có hệ thống những quy luật của cuộc sống hầu có thể áp dụng để tạo một đường hướng chủ đạo cho cuộc sống. Xem ra, cũng chỉ là một cố công...

Viết " Hòa Bình..Nghĩ Gì? Làm gì?" để phổ biến lý thuyết Tân Trung Dung cũng là một cố công khác với những tượng hình lý thuyết có vẻ nhiều chất lãng mạn mà ít chất thực tế. Đem một lý

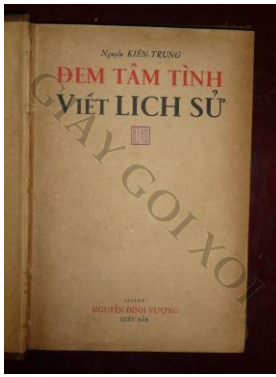
thuyết để áp dụng vào thực tế Việt Nam khi chiến tranh vẫn còn ác liệt và hòa bình chỉ là những hình tượng giả tạo, là một sửa soạn cho một cuộc chiến cuối cùng khốc liệt. Và ông cũng chưa làm cho độc giả hiểu rõ rệt và mạch lạc lý thuyết Tân Trung Dung như thế nào dù ông đã viết trong đoạn cuối của “ Hòa Bình... Nghĩ gì? Làm gì? ”: “ Như vậy, bạn đọc dù không đọc được cả phần lý thuyết thì ít ra cũng kiểm chứng được qua những căn bản về Trời, Đất, về Cha, Mẹ, về đào tạo lương thực, về cách kết hợp lứa đôi và nuôi dạy con cái, về sự xây dựng sự nghiệp bằng cách trau dồi kiến thức không ngưng nghỉ về nghệ thuật, khoa học và kỹ thuật, về suy tư triết học và xây dựng tương lai..”

Nguyễn Mạnh Côn(1920-1979) mất ngày 1 tháng 6 năm 1979 . Cộng sản đã hạ đòn thù và hành hạ ông cho tới lúc chết. nhà văn Nguyễn Triệu Nam đã kể lại về cái chết của ông: “Trước hết nhà văn của chúng ta đã không đáp ứng đúng yêu cầu của Cách mạng(?) Anh chỉ ôn lược những việc đã làm. Kể lại nội dung từng sáng tác. Chớ không tự lên án mọi hoạt động nói chung của mình. Có nghĩa là anh không nhận tội. Một tên quản giáo nó hỏi anh:” Mày viết phản động đến như vậy mà còn cho là không có tội ư? Vậy mày có biết rằng Cách Mạng chỉ giam giữ mày một thời gian nào đó thôi rồi tha cho mày về hay không? Chứ giữ mày ở lại làm cái gì cho tốn cơm tốn gạo” Vậy các ông muốn tôi phải làm cái gì đây?- Sẽ có người hướng dẫn cho mày. Ý nói xong là bỏ đi . Hôm sau có một tên làm dịch vụ đã thông. Nom lạ hoắc. Không biết gã ta làm nghề ngỗng gì ở ngoài đời. Gã cầm trên tay một bịch ni lông trong suốt. Cố ý giơ lên cho đối tượng nhìn thấy bên trong có những gói mỏng nhỏ. Thì ra là thuốc phiện quết , cô lại như thể thuốc cao. Chỉ nuốt chừng, xài đỡ khi thiếu bàn đên. Gã lái nhái bên tai nhà văn một chập lâu. Đại ý thuyết phục như vậy:”Anh nên thành khẩn viết một bài kiểm điểm nhận mình có tội. Giờ ăn năn hối hận, hứa với Đảng sẽ đổi mới tư tưởng, sẽ chuyển hướng sáng tác. Nếu anh chịu tuân hành nghiêm chỉnh pháp lệnh của nhà nước thì chắc chắn anh được trả tự do đúng thời hạn.Thuốc đây hãy xài tạm hầu phục hồi sự minh mẫn cho trí óc.

Đừng khí khái hão mà chuốc họa vào thân làm khổ cho vợ con.Ngộ biến tòng quyền là cách xử lý khôn ngoan của người biết tùy thời lựa thế mà sống, anh ơi! Gầy còm tong teo như anh chịu đòn sao thấu... Nguyễn Mạnh Côn đã thẳng thắn trả lời: *”Ông cứ việc báo cáo lại với chúng nó về tất cả những gì tôi nói.Tôi không tôn thờ cái chủ nghĩa Cộng sản mà tôi đã đi xuống chân ấy được. Tôi không bẻ cong ngòi bút, tôi không làm văn nô được. Đừng hòng dùng á phiện mà lung lạc tôi.”* Việc gì phải đến đã đến. Nhà văn của chúng ta đã tự sát. Bằng cách nào, không nghe rõ chi tiết. Chỉ biết, trước ngày anh quyền sinh , anh gặp Trường Trại mà hỏi y:”*Cách Mạng công bố là chỉ giam tôi có thời hạn.Sao đã quá hạn mà không thả? tên cai ngục cười gằn và bảo:”Nói để nghe nhĩ? Mày ngoan cố quá, cứng đầu quá mà. Mày đã nhận tội đâu mà đòi nhà nước tha cho mày.”*

Kẻ thù chưa kịp hạ thủ thì anh đã chết rồi. Anh đã chết vinh và bảo toàn được tiết tháo và danh dự của kẻ sĩ. Là một kẻ sĩ uy vũ bất năng khuất anh đã không” lạc đường vào lịch sử” như một nhân vật của một truyện anh viết. Trái lại anh đã đi thẳng vào lịch sử với tư cách của một chiến sĩ tiên phong chống Cộng trên mặt trận văn hóa.”

Đem tâm tình viết lịch sử



Phần 1 - Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 1945.

Thân ái Trung,

Hôm nay viết cho Trung mà tâm hồn tôi còn thấm màu của cả một rừng cờ, còn rục tiếng reo của muôn vạn người say sưa giữa vườn hoa Ba Đình.

Chao ơi Trung,

Chúng tôi hôm qua, đã uống từng tiếng, từng chữ của bài Tuyên Ngôn Độc Lập. Và thế là chúng ta trở nên những công dân của một nước độc lập, trước quốc tế, trước thế giới, trước nhân loại và trước Đất Trời.

Tôi có thể nói với Trung rằng mười lăm đêm nay tôi không hề chớp mắt ngủ. Mà tôi không mệt. Trái lại, sau mỗi đêm thao thức để toan tính, để thêm khát những ngày mai nhất định rục rờ, rục rờ như Cha Mẹ tôi, Ông Bà tôi chưa bao giờ biết, thì cứ mỗi lần ánh sáng mặt trời trở lại chiếu vào lá cờ đỏ thắm vẫn phấp phới trước cửa nhà là mỗi lần tôi được tiêm thêm một liều sinh lực. Mỗi ngày chúng tôi một thêm khỏe, mỗi ngày chúng tôi một thêm hăng hái.

Chúng tôi hăng hái đến nỗi có những lúc muốn chết, muốn chết ngay cho tổ quốc, và chết ngay giữa lúc vinh quang sáng chói này.

Trung mỉm cười nghi ngờ, -Trung cho rằng tôi nói cho đẹp, cho bảnh mà thôi?

_ Nhưng không đâu! Trung! Trung ở nơi hải ngoại, giữa quang cảnh thành Ba Lê đã phục hồi tự do và đời sống hoa lệ, làm sao Trung có thể hiểu nỗi lòng bạn Trung ở nước nhà?

Tôi biết Trung có tham gia chiến khu “Pháp tự do” chống Đức. Tôi tưởng tượng được cuộc đời gian khổ mà Trung và các đồng chí của Trung đã sống. Tôi cảm thông được niềm hãnh diện cũng như nỗi vui mừng của Trung khi bước lên giải phóng Ba Lê.

Tôi hiểu Trung nhưng Trung không thể hiểu tôi. Bởi lẽ tôi biết rõ hoàn cảnh Trung, mà Trung không biết gì về hoàn cảnh của tôi. Tôi viết rõ hơn nữa nhé, Trung là khách đến đất Pháp, Trung thấy Bạo Ngược đàn áp Tự Do, nên con người “mã thượng anh hùng” đã không bỏ lỡ cơ hội tiếp tay cho Công Lý thắng Cường Quyền. Như thế là Trung có mọi điều kiện để mình tự bằng lòng mình.

Có phải hoàn cảnh của Trung đúng như thế không?

Còn hoàn cảnh của Minh thế nào? Chắc Trung muốn hỏi lại như vậy. Cho nên, sau đây, tôi sẽ thuật lại cho Trung hay những gì đã xảy ra chung quanh tôi, trên đất nước, từ ngày Trung ra đi, tới nay thắm thoát đã trọn sáu năm (tôi sẽ không ngại viết dài, vì tôi biết Trung sẽ không ngại đọc dài. Tôi vụng về nhưng chận thành nên những gì tôi thuật lại với Trung đề là những sự kiện có thật. Và cũng bởi vậy, nếu lá thư này không thể có giá trị văn chương thì ít ra nó cũng có giá trị tâm tình, giữa Trung với tôi, và giá trị tài liệu, đối với lịch sử dân tộc Việt. Vì lịch sử là gì, nếu không phải là một thứ tâm sự lớn lao, bao gồm tất cả tâm sự vụn vặt nhưng tâm thành của mỗi người dân như chúng ta?)

Vậy thì Trung ơi, đây là chút ít lịch sử Việt Nam, từ 1939 đến 1945. Lịch sử của một dân tộc qua sự sống của một cá nhân lịch sử chủ quan. Nhưng mỗi cá nhân lại là một phần tử của con số hai mươi nhăm triệu cá nhân có khả năng dựng nên lịch sử. Bởi thế Trung có thể tin lời tôi.

Năm 1939 là năm Trung sang Pháp, để thỏa mãn tính giang hồ nhiều hơn để giúp “mẫu quốc” chống Hitler. Cuối năm ấy, theo gót Trung, tôi cũng đi Hương Cảng.

Tôi nhớ lại tâm tình của chúng ta lúc bấy giờ: Chúng ta thèm khát không gian như loài người thèm khát khí trời. Vì trong chúng ta là cả một tâm hồn đào tạo bởi văn hóa Pháp. Chúng ta thèm khát tự do mà tự do không có. Sự học như mở cho ta một cánh cửa sổ, để nhìn ra ngoài thì thấy cảnh vật huy hoàng chói lọi, nhưng chúng ta không tới được cảnh vật, vì cửa sổ cao quá (hay thấp quá?)

Chắc Trung không quên rằng, vào năm đó, tâm hồn ta hèn yếu đến nỗi ta không dám nhảy qua cửa sổ. Ta cũng không dám cả nghĩ đến sự nhảy qua cửa sổ. Căn nguyên của sự hèn nhát này là sự quá quen hưởng thụ một cuộc sống tuy thiếu tự do mà thừa yên ổn. Nét xấu chung của hai ta, của chung của đa số thanh niên thời ấy, là cầu an.

Riêng chúng ta, nhờ địa vị của Cha Mẹ, được thoát thân ra đi. Ra đi để học hỏi, Trung tâm sự với tôi thế, và tôi cũng nhủ lòng như thế.

Nhưng trái với Trung, có hoàn cảnh để kéo dài sự học hỏi đến ngày nay, tôi đã lại trở về Hà Nội tháng sáu năm 1940.

Tôi về nước không phải bị bắt buộc; tiền nhà vẫn gởi sang đều đặn, và sự học vẫn vẫn tiến bộ đều đều. Sự “quy cố hương” của tôi thành ra không có lí do chính đáng đến nỗi về Hà Nội sáu tháng rồi mà tôi không dám về thăm Thầy tôi : tôi biết nói với người thế nào để khỏi hổ thẹn vì sự thảng thốt đòi đi năm trước?

Thầy tôi có lẽ hiểu, và thương tình con trẻ hay thay đổi, nên cũng không hỏi lại về việc này. Duy Mẹ tôi, thương tôi một cách khác và lo sợ cho con có điều gì u uất trong lòng, Mẹ tôi nhất định hỏi tôi cho ra lẽ. Thành thử có một buổi chiều tôi phải thu hết can đảm để trả lời Mẹ tôi rằng :” Con chắc rồi đây sẽ có những sự biến chuyển lớn lao trong đất nước.”

Mẹ tôi nhìn tôi ngạc nhiên không hiểu. Tôi lại không sao nói rõ hơn. Ý tôi muốn nói thêm rằng

tôi không muốn vắng mặt khi có những biến chuyển lớn lao trong đất nước, nhưng tôi hổ thẹn quá mà không nói nên lời.

Tại sao có thể mà tôi lại hổ thẹn, chẳng hóa ra làm thân trai, chú trọng đến việc nước là xấu xa lắm sao? – Chắc không phải thế. Tôi hổ thẹn, có lẽ vì trong tình trạng dân ta hồi ấy, sự cam lòng vâng lệnh chính phủ bảo hộ đã là sự quá quen rồi. Và trong thâm tâm, trong tiềm thức, có lẽ tôi nghĩ đến Thầy tôi là người sinh ra tôi, đến nhiều người ở địa vị cao quý hơn cả địa vị của Thầy tôi, mà thấy các “bậc trên” ấy còn không bận tâm lo việc nước, thì cái cá nhân tiểu mọn của tôi dám nói đến việc nước, há chẳng phải ngông cuồng, khoác lác lắm sao?

Căn nguyên sự hổ thẹn của tôi là như thế. Nhưng tôi không chỉ hổ thẹn không mà thôi đâu. Sự hổ thẹn ngăn ngủi, sự tủi cực về sau mới lâu dài hơn; cứ mỗi khi nghĩ rằng trong toàn dân không có mấy ai muốn lo việc nước, tôi lại thấy thấm thía trong tâm hồn một thứ cảm xúc như bàng hoàng lo sợ, như tủi nhục, như uất hận...

Trạng thái tâm lý này của tôi kéo dài trong mấy tháng. Cảm xúc xao xuyến đến chỗ bế tắc cả khả năng suy nghĩ, tôi tự nhiên lâm vào một thời kỳ sinh hoạt hoàn toàn theo con đường phóng dăng và trụy lạc, lấy thú vui ồ ạt bên ngoài để đàn áp tâm tưởng sôi nổi bên trong.

Nhưng cũng may là thời kỳ này chóng hết. Tôi về nước chỉ được mấy tháng là quân Nhật tiến đánh vào Lạng Sơn.

Cho đến nay tôi vẫn không biết lý do thực sự vì sao người Nhật đánh Lạng sơn, vì trước khi tiến đánh, họ đã điều đình với người Pháp và đã giành được ít nhiều quyền lợi.

Có lẽ họ cho rằng quyền lợi giành được chưa đủ, có lẽ rằng họ nghĩ thế nào cũng phải chiếm Đông Dương để thực hiện khối “Đại Đông Á”, có lẽ nữa là đoàn quân Nhật ở Hoa Nam bị du kích Trung Hoa tiêu hao đến độ phải vội vã tìm lối thoát ra bờ biển...? Tôi không biết rõ, nhưng lại biết rõ một điều khác, chẳng kém phần hệ trọng, là người Nhật đến, đánh thức tinh thần quật khởi của người Việt.

Thật thế. Trước khi người Nhật vào Lạng Sơn thì một tập thể cách mạng Việt Nam đã vùng lên chiếm chính quyền và lập tỉnh chính phủ ở đó. Phong trào này vội vã, ô hợp. Tuy trên cấp lãnh tụ có những Trần Trung Lập, Nông Kịch Du, Đoàn Kiếm Điểm, Hoàng Lương, nhưng cấp lãnh tụ cũng không làm gì nên chuyện, với đa số nhân sự là binh sĩ của Pháp (đội pháo thủ ở Lạng Sơn) cùng là dân chúng chưa hề biết, được học thế nào là chiến thuật đấu tranh cách mạng.

Chính vì thế mà tính chính phủ của Phục-Quốc quân chóng bị tan vỡ, sự tan vỡ nguyên do ở sự thỏa hiệp giữa Nhật với Pháp một phần lớn: Nhật trả chủ quyền toàn vẹn, nghĩa là cả vùng Lạng Sơn cho Pháp. Nhưng sự tan vỡ còn chủ ở sự non kém về kỹ thuật lãnh đạo của cấp chỉ huy: Đáng lẽ lập chiến khu, phân tán lực lượng để đánh du kích (như chiến thuật của quân đội Trung Hoa lúc đó đương chống Nhật), thì 2 lãnh tụ Trần Trung Lập, Đoàn Kiếm Điểm lại tập trung quân lực, giàn thành trận địa chiến, để quân pháp có dịp huy động cơ giới tiêu diệt.

Cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn tan vỡ, người Pháp trả thù cực kỳ dã man. Hơn nữa, rút kinh nghiệm vụ Yên Bái, bọn Chauvet, Lannèque, Lartigue, dùng dây thép xâu tay hàng ngàn người vào với nhau rồi đem ra bắn ngoài bãi bắn kia. Nhưng trái lại vụ Yên Bái, chúng không cho một tờ báo nào đăng tin. Vì thế mà dân ta ít người biết đến cuộc khởi nghĩa chống Pháp lớn lao nhất từ trước, có hàng ngàn quân tham dự giao chiến.

Cuộc khởi nghĩa tan vỡ, không gây nổi một luồng sóng dư luận xôn xao như hồi Yên Bái khởi nghĩa. Tuy nhiên, nếu không có dư luận mạnh mẽ, thì ít ra cũng có một thứ uất hận ngấm ngấm trong lòng người Việt, càng kín đáo càng sâu sắc, đành rằng những người Việt này chỉ là một thiểu số.

Trên đây tôi có nói Nhật muốn thực hiện khối Đại Đông Á, hoặc ít ra là nhờ danh nghĩa ấy mà lôi cuốn người da vàng giúp họ đánh người da trắng. Người Nhật không dại nên người Nhật lợi dụng niềm uất hận này, cùng lợi dụng tấm lòng khát khao độc lập của người Việt, để gây một tinh thần chống Pháp, thân Nhật. Trông cậy ở quân lực của Nhật để diệt Pháp, để khôi phục độc lập cho tổ quốc và để tham gia bình đẳng vào khối thịnh vượng chung Đại Đông Á, đó là thái độ chính trị của một số khá đông người Việt lúc bấy giờ (bạn anh, chao ôi, cũng là một phần tử đại đột trong số đông này!).

Nhưng người Nhật đã không dại, rồi lại dại. Dại có lẽ vì quá khôn. Có lẽ họ chỉ thấy cần giải quyết được đối thủ chính là lực lượng Hoa Kỳ, tắt sau đó họ rãnh tay tha hồ làm mưa làm gió. Có lẽ ngay từ lúc bấy giờ họ đã không thật tâm với dân tộc Việt. Có lẽ đối với Đông Dương họ tạm thời họ chỉ cần đến cứu địa quân sự và tiếp tế lương thực, cho nên họ mặc cho người Pháp giữ việc cai trị để giúp họ rãnh tay làm việc khác. Có lẽ họ đã khôn như thế ở Việt Nam, ở Phi Luật Tân, ở Miến Điện, ở Mã Lai. Mặc dù ở mỗi nơi họ xử sự một cách khác. Có lẽ vì thế mà khi Anh vào Miến Điện, Hoa Kỳ vào Phi Luật Tân, thì mặc dầu những hứa hẹn thịnh vượng chung và bình đẳng của họ, các dân tộc sở quan đã bỏ họ mà theo Đồng Minh: Đó là một trong những lý do khiến họ bị thất bại.

Trở về đất nước ta. Người Nhật cứ hứa hẹn và cứ xui ta theo Nhật chống Pháp, người Pháp cứ khéo léo với Nhật và khùng bố ngằm những người chống lại họ. Còn người Việt, đa số vẫn thần nhiên trước “định mệnh”, thần nhiên đến độ có thể coi họ là những kẻ bàng quang đứng xem 2 con gà chọi nhau, làm như con gà nào thắng, con nào bại, cũng không liên hệ gì tới ai hết (vì theo đa số, thì tham dự cuộc đấu tranh là chỉ làm tay sai cho một trong hai bên, để rốt cuộc bên nào thắng vẫn cứ đô hộ Việt Nam như thường).

Tình trạng kéo dài như thế hơn 3 năm.

Năm 1944 là năm người Pháp tìm ra được một kế hoạch cực kỳ khôn ngoan (nhưng khôn quá lại hóa dại cho mà xem!): Lợi dụng việc người Nhật mỗi năm cần dùng một số thóc gạo của Việt Nam để nuôi quân, họ bày ra một phương pháp vô cùng xảo quyệt, vô cùng nham hiểm.

Họ bày ra một cách bắt nông dân bán thóc theo tỉ lệ ruộng cấy. Người Nhật mua, trả tiền. Người Pháp mua cũng trả tiền. Nhưng người Nhật mua 1 thì người Pháp bắt nông dân bán mười, bán trăm. Bán kỳ hết thóc trong cốt trong lẫm.

Kết quả là ngót 2 triệu người Việt Nam chết đói ở Bắc Việt.

Trung ơi, Trung không tin có phải không? Vì Trung nghĩ Bắc Việt có bao nhiêu người mà chết đói được 2 triệu... vì Trung nghĩ bán thóc lấy tiền thì lại đong thóc, có sao đâu mà phải chết đói đến 2 triệu người, phải không Trung?

Nhưng Trung không thể tưởng tượng được sự tàn ác của bọn thực dân. Trung không thể ngờ rằng trong Việt Nam có thóc thừa mà không có than, phải đổ thóc vào lò máy đốt cho xe lửa

chạy. Thế mà không một hạt thóc, không một hạt gạo ra Bắc. Đó là 1 quyết định của thực dân.

Trung lại không ngờ được rằng tất cả – Trung đọc cho kỹ: tất cả nông dân phải bán thóc. Người cấy 1 sào không đủ ăn cũng phải bớt ăn mà bán. Người cấy đủ ăn, chừng ba mẫu, phải bán quá nửa, nên thiếu gạo ăn trong một nửa năm. Người có hàng chục hàng trăm mẫu phải bán quá số thu hoạch bình thường, đến các kho dự trữ cũng phải mở ra để lấy thóc bán.

Vụ chiêm năm 1954, nông dân bán gần hết thóc, nhưng sống vất vưởng đến được vụ mùa. Vụ mùa nông dân bán gần hết thóc, nên chỉ đủ sống được đến cuối năm.

Đầu năm 1954, giữa một mùa rét kinh hồn như một trăm năm nay chưa từng thấy, người ta đã gặp những xác chết khô đét, co quắp bên lề đường cái quan.

*

Trung ơi, Trung làm thế nào mà tưởng tượng được cái cảnh một người chết đói? Trung làm sao mà tưởng tượng được cái cảnh hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu người chết đói?! Nhất là những người chết đói đó là đồng bào của trung?

Trung đi trên đường cái, từ Thái Bình sang Ninh Giang, sang Hải Dương rồi lên Hà Nội... Trung không đi quá 50 thước đã lại gặp ngổn ngang vài ba, hay năm bảy cái xác chết trần truồng và chồng chất lên nhau: Đó thường là 1 gia đình bỏ làng đi tìm kế sống ở tha phương. Họ đi, nhưng đói quá không đi được, nên ngã xuống đấy. Có người may mắn (!) lên cơn chuột rút mà chết ngay được. Nhưng cũng có người thoi thóp mãi không chết. Và đến lúc ấy, trong giây phút sự sống chợt trở về, họ nghĩ đến nhau, thương nhau, nên thu hết sức tàn mà lê lại gần nhau, ôm lấy nhau, nhìn nhau khô nước mắt, cầm tay nhau, để chết.

Trung đi trên đường cái, nhưng Trung không đi được, vì tấm lòng của Trung không nở. Trung dừng lại, đem chút ít tiền có trong túi phân phát cho những người còn tỉnh. Họ cầm tiền ngỡ ngác: Họ có ăn được tiền đâu ? Rồi Trung nhìn họ, thấy họ lặng lẽ buông tay cho tờ giấy nhỏ rơi xuống đất, đến lúc đó trung mới hiểu hết nỗi khổ tâm thiết của họ, và chắc là trung sẽ ứa nước mắt.

Nhưng trung lại cứ đi, bởi lẽ Trung còn sống. Qua gần cầu Bo, Trung sẽ thấy những người hành khất ngoạm vào xác chết, nhai ray rút miếng thịt không còn máu, rồi phát điên. Trung sẽ thấy cái quán cơm bến đò Nhổng bán thịt người.

Trung sẽ thấy đứa hài nhi lồm cồm bò trên người mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy đứa hài nhi khác nhay mãi vú mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy người đàn bà ôm đứa con thơ trong lòng mà nhỏ nước mắt vào người nó: Vì hai mẹ con cùng chờ chết.

Chết đói ! Cả vạn người chết đói, cả triệu người chết đói.

Ở Hà Nội người ta dùng xe rác chở người chết đói đem chôn. Chôn vào từng hố lớn, dài hàng chục thước. Xác vất xuống ngổn ngang, có cái xác thật là xác, nhưng có nhiều cái xác còn cựa quậy...Người phu xác rùng mình, đau thắt ruột. Nhưng người phu rác có muốn cứu chỉ được một người, không cứu nổi ngàn người. Nên người phu rác nghĩ rằng, gạt cả những xác chết cùng những người chưa chết xuống hố sâu.

Trung ơi trung, Trung sẽ nghĩ rằng Trung thà bán hết cả quần áo, bán hết cả sách vở, bán đến cả tài sản của Thầy Mẹ Trung chưa chia cho Trung, để cứu những người chết đói... Nhưng cái thống khổ, cái kinh khủng của Trung, lúc đó, là không biết cứu những ai. Trung không thể có hàng triệu bì gạo để chia cho tất cả mọi người. Nếu Trung vẫn cứ bán hết đi, hãy biết cứu lấy một số người qua cơn đói một ngày, thì ngày mai Trung lại nằm xuống như họ !

Vậy thì cái kinh khủng của Trung là trông thấy đồng bào chờ chết, hay đương chết, mà Trung phải làm thinh. Để sống.

*

Để sống mà rửa mối hận ngút trời ấy, phải chăng Trung?

Hẳn thế, vì đó cũng là suy nghĩ của muôn người trai trẻ như Trung, như bạn Trung.

Đó cũng là lý do, cũng là HOÀN CẢNH, để cho có cuộc Cách Mạng Tháng Tám này.

*

Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ trước hết là để tuyết hận cho ngót hai triệu đồng bào ta đã chết đói.

Những người mẹ đến lúc chết còn thu sức tàn mà ghì đứa con bé bỏng vào lòng, hình như để còn bao nhiêu sinh lực thì truyền cho nó, cho nó được sống.

Những người cha bắt lức, trông chừng đứa con ngã xuống mà hận thịt mình không ăn được, máu mình không uống được.

Những người dân của những làng chết đói cả làng, của những huyện mười phần người còn một.

Hai triệu người oan thác, vì thực dân muốn đánh vào quân phiệt một đòn tinh thần chí mạng: gạt cho người Nhật chịu trách nhiệm về hai triệu mạng người này.

Nhưng rút cục người ta không thể lừa dân chúng đến thế, người Việt-Nam đã đành căm giận người Nhật đến xương tuỷ, nhưng người Việt-Nam căm giận người Pháp cũng chẳng kém gì.

Trước mắt hơn bảy triệu người Việt miền Bắc còn sống sót, cái chết kinh hoàng, khủng khiếp của đồng bào họ đã thấm vào hai chữ vấn tất: Ngoại thuộc.

Vì chỉ có ngoại nhân, khát máu tanh lòng, mới đành tâm và thần nhiên giết đến hai triệu người Việt. Chỉ có ngoại nhân mới can đảm chém đầu Nguyễn Thái Học ở Yên Bái, xử bắn Trần Trung Lập ở Lạng Sơn. Chỉ có ngoại nhân mới đầu độc non nửa dân số Việt-Nam bằng rượu và thuốc phiện. Chỉ có ngoại nhân mới thu vét hết vàng bạc ở đất này mang về nước họ. Chỉ có ngoại nhân mới cố tình đầy đoạ dân chúng Việt-Nam trong cảnh lầm tan, cực nhục, và u mê, tối tăm.

Thành ra ngót hai triệu người chết năm 1945, từ tháng Giêng đến tháng Tư, là chết để đem linh hồn dâng vào luyện sự tỉnh ngộ và ý chí phục thù cho toàn dân.

Đó là HOÀN CẢNH cho phép đấu tranh bộc phát.

Đấu tranh lúc đó quy tụ cả vào Mặt trận Việt Minh.

Giữa một ngàn người được tổ chức, không có lấy một người được đọc qua chính cương của mặt trận. Nhưng cần gì, khi mới nói hờ một câu, tự nhiên người ta đã đồng tình đánh Nhật đuổi Tây?

Mặt trận Việt Minh, chính tôi cũng biết, chỉ là một đảng của riêng một số người, lập ra để theo đuổi những mục đích riêng của họ. Nhưng trong số mục đích của họ có mục đích đánh Nhật đuổi Tây. Và hơn nữa, họ hoạt động có khoa học, có tổ chức nhất trong các đoàn thể lúc bấy giờ. Họ lại nắm được yếu tố quyết định là có bằng có liên lạc với Đồng Minh, được Đồng Minh tiếp tế vũ khí và giao cho nhiệm vụ tình báo kháng Nhật. Họ chụp ảnh sĩ quan Hoa Kỳ đương dự lớp huấn luyện cán bộ, ảnh phi cơ Mỹ thả dù tiếp tế cho chiến khu. Họ in những ảnh ấy vào một tờ giấy lớn gọi là báo “Dân Chủ”, số đặc biệt. Sự tuyên truyền thật hết sức khôn khéo: Người ta chỉ tưởng như mình mới biết được một nguồn tin đặc biệt. Người ta không thấy mình bị tuyên truyền trước ảnh chụp, bởi lẽ, theo đại chúng, ảnh chụp chỉ chứng minh một sự kiện có thật, khác hẳn lời tuyên truyền. Đại chúng tin tưởng, gây nên một luồng dư luận hoan nghênh Việt Minh mạnh mẽ. Đến nỗi dư luận này, sau cùng, lại có tác động vào tâm lý của một số người đã biết rõ mấy người Mỹ trên chiến khu chỉ là nhân viên liên lạc để “xem xét khả năng” của Việt Minh, ngõ hầu công nhận sự hoạt động của họ sau này. (Sự công nhận đã không có, vì được tin Nhật đầu hàng và một cuộc đổ bộ lên bờ biển Việt-Nam không cần đến nữa, mấy sĩ quan Mỹ đã bỏ về về bộ Tư lệnh quân đội nước họ ở Côn Minh. Một số về qua Hà Nội, xung vào phái bộ Điều Tra Tù Binh (Phái Bộ Patti, 21-9).

Sự hoan nghênh Việt Minh, vì thế mà lan rộng rất nhanh. Nhanh đến nỗi, ở nhiều vùng, công tác tổ chức đảng viên không theo kịp lòng ngưỡng mộ của công chúng. Người ta thao thức chờ đợi, lần mò tìm kiếm cho được “anh cán bộ” để xin đi theo hoặc để giúp tiền bạc, khí giới.

Thân ái Trung,

Năm Trung ra đi, có một phút nào chúng ta dám mơ ước rằng một cụ phán già sẽ chia đôi lương hưu trí, một bà chủ tiệm kim hoàn sẽ chia đôi tài sản cho những người sắp đứng lên làm một cuộc khởi nghĩa? Ấy thế mà chính những ai tha thiết với cuộc sống bình thân của họ nhất, sẽ lại là những người hăng hái nhất.

Cuộc khởi nghĩa quả nhiên là một sự quật khởi của những người tư bản, tiểu tư bản và trí thức. Lẽ cố nhiên tôi không định nói tất cả những phần tử tư bản, tiểu tư bản v.v... đã quật khởi, nhưng tôi muốn cho Trung nhận thấy rõ rệt được rằng vừa đây dân ta đã làm được một cử chỉ cao quý về tinh thần nhiều hơn về vật chất.

Tôi không quên chính tôi vừa mới viết “hai triệu người chết đói để tạo ra hoàn cảnh đấu tranh”. Như thế đáng lẽ cuộc khởi nghĩa phải là công trình cái thành phần xã hội đã có nhiều người chết đói nhất, để giành lại quyền lực về thóc gạo, là vật chất, để không bao giờ bị đói một lần nữa. Cuộc khởi nghĩa đáng lẽ phải là một cuộc khởi nghĩa của đồng bào nông dân vô sản.

Nhưng sự thật không giản dị như vậy. Vì sao? – Có lẽ vì đồng bào ta ở nông thôn chưa ý thức được cái bồn phận của bộ máy nhà nước đối với họ. Trái hàng chục, hàng trăm đời người, kể

từ những thời kỳ bị đô hộ tàn bạo nhất đến những thời kỳ tự chủ oanh liệt nhất đồng bào ta ở nông thôn có lẽ không có ai dám nghĩ rằng nếu nhân dân có bản phận phục tòng chính quyền, thì chính quyền, ngược lại, có bản phận phục vụ nhân dân.

Tinh thần dân chủ có đâu đã nảy nở được giữa cảnh đồng ruộng? Đồng bào ta, trước năm 1945, chỉ có thể có một chiều suy nghĩ: làm dân là phải tuân phép vua, tuân lệ làng, lúc đó người dân sẽ có quyền được sinh sống và kiếm ăn thong thả.

Năm 1945 chỉ là một năm “khó làm ăn”. Đáng lẽ oán giận chính quyền thu hết thóc, làm cho hai triệu đồng bào của họ phải chết đói, thì những người sống sót lại đi tìm những căn nguyên trực tiếp của từng nạn nhân mà họ quen biết. Chả hạn như ông Chánh tổng X. có rất nhiều thóc, nhưng phát chẩn quá tay, đến lúc hết thóc không vay, không đong được ở đâu mà ăn nữa. Chả hạn như bà Phó Y. thấy đồng bào trong xã bán ruộng rẻ quá nên bán hết thóc để tậu ruộng, vào tháng Hai, không ngờ đến tháng Tư bà Phó Y. ôm mớ văn tự mà chết đói. Ấy, đại loại mỗi người tìm thấy một hoàn cảnh, một hoàn cảnh trước mắt, để tạo ra một căn nguyên hợp lý cho sự lâm nạn của đồng bào họ sau này. Chính bởi thế mà ngay vụ đói và sau vụ đói người Việt-Nam ở nông thôn không biết đến thủ đoạn tàn ác, ghê gớm của thực dân. Chính cũng bởi thế mà tôi có thể nói quyết với Trung rằng nếu vụ đói năm 1945 quả nhiên có gây ra hoàn cảnh cho tinh thần đấu tranh, thì tinh thần ấy chỉ nảy nở trong đám người có hiểu biết, có học hành, và được đủ no để biết sợ cái đói. Những người tư sản trí thức.

Thế rồi nỗi niềm phẫn uất, căm hờn, sẽ truyền từ cái nhân tư sản trí thức sang cái quả dân tộc đa số là nông dân. Trung còn lạ gì trạng thái tâm lý của đồng bào nông thôn của chúng ta? Họ là những người còn giữ được tâm hồn trong sạch nhất, lành mạnh nhất trong khối dân tộc. Đúng như tinh thần cổ truyền của đời sống xã hội ta, đồng bào nông thôn thật sự vẫn còn coi trọng đạo đức, lễ nghĩa, và học thức hơn của cải với uy quyền nhiều lắm. Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy một bạn điền nghèo túng đương quy lụy tên chủ điền trợ phú. Chúng ta càng dễ thấy nhiều người khúm núm, sợ sệt trước một viên quan huyện hồng hách.

Nhưng chúng ta biết chắc rằng, một khi ra khỏi nhà tên trợ phú, khỏi công đường của viên quan huyện, tức khắc cái khúm núm, cái quy lụy, cái sợ sệt sẽ biến đi ngay. Và cứ mỗi khi gặp được hoàn cảnh được tự ý lựa chọn một thái độ, nhất là trong cơn nguy biến hay vào những giờ phút nghiêm trọng, người nông dân còn giữ được nhiều phần chất phác kia nhất định sẽ có một thái độ rập khuôn với thái độ của người có đạo lý, có học hành hay có kiến thức nhất trong thôn xóm.

Trung sẽ bảo tôi: – “Đó là một thái độ khôn ngoan, nhưng đa số quần chúng nước nào mà chẳng khôn ngoan như thế?”. Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung. Ý của Trung, hơn nữa, lại giúp cho sự nhận thức của tôi thêm chắc chắn, là một cuộc khởi nghĩa lớn lao của toàn dân, ở đâu cũng thế, ít khi do đại chúng tự động thực hiện được.

Một cuộc khởi nghĩa – hay một cuộc cách mạng – bao giờ cũng có một cơ sở chỉ đạo, một cơ sở lãnh đạo. Cơ sở trước có thể là một người, một nhóm người, hoặc có thể chỉ là một ý chí mãnh liệt chung của một số người. Trong trường hợp chúng ta, cơ sở chỉ đạo khởi nghĩa là một danh vị trừu tượng, là ý chí giành độc lập, diệt ngoại xâm, để tuyệt hận cho hai triệu người “tử vì đạo”, và để bảo đảm cho tương lai khỏi trông thấy một vụ oan khốc tày trời như thế nữa.

Ý chí trên đây là một sự kiện có thật, không thể chối cãi được, giữa tầng lớp tư sản, trí thức của xã hội ta năm 1945. Đánh Nhật, đuổi Tây, giành độc lập... đó là ý chí chỉ đạo. Ý chí lãnh đạo sẽ

từ mặt trận Việt Minh mà tới.

Tôi chưa muốn vội vã xét đoán đến thiện chí hay những ý định khác của số người mới này. Tôi hãy muốn tách ra một tính chất rõ rệt của họ. Họ là những người có được học tập, được huấn luyện về phương pháp lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa. Họ là những người may mắn nắm được một số lợi điểm: Có một chút giao dịch với Đồng Minh, có một chiến khu để gọi là nơi đồn trú lực lượng võ trang (mặc dầu, nói cho thật chiến khu [1] của họ không phải tự họ đánh mà chiếm được).

Bao nhiêu hy vọng kháng Nhật đều đặt vào sự thắng lợi của Đồng Minh, bởi ai nấy đều biết rằng một đội quân cách mạng ô hợp đâu có dám đương đầu với quân đội Nhật. Đó là lý lẽ khiến một chút giao dịch với Đồng Minh có thể giúp cho Việt Minh nắm được hầu hết thành phần quả cảm của giai tầng tư bản trí thức. Có thành phần này, Việt Minh dễ dàng nắm được hầu hết đồng bào cần lao ở nông thôn và thành thị.

Thế là trong thời gian rất ngắn, mặt trận Việt Minh trở nên đoàn thể mạnh nhất giữa các đoàn thể cùng chung một mục đích phục quốc. Cái mạnh của Việt Minh rõ rệt là không chủ ở một tiểu đoàn bộ đội ô hợp, và cũng không chủ ở năng lực cán bộ như theo lẽ thường. Cái mạnh của Việt Minh mạnh ở ngay chỗ dịch bỏ một khu vực không chiếm đóng, và ở ngay sự “thăm viếng” của mấy sĩ quan với hạ sĩ quan Mỹ.

Nhưng không ai chối cãi được rằng Việt Minh rất mạnh. Lòng hồi hộp, một lãnh tụ Việt Minh chắc chắn phải nhận thực lực chủ quan của mình rất yếu: Quân đội không đủ đánh một trận rất nhỏ, cán bộ không đủ tung vào một tỉnh hơn một triệu dân (như tỉnh Nam Định).

Thế mà Việt Minh rất mạnh, đối với bất cứ ai ở ngoài nhìn vào, thực lực của Việt Minh là cả một khối hai mươi năm triệu người. Trong nhất thời không nói đến chủ nghĩa một cách vội vã [2], Việt Minh chỉ nói đến mục đích trước mắt: Giành độc lập. Một tiếng Việt Minh hô “Tiến lên!” thì ở ngay những nơi không có bóng vía một cán bộ, tiếng hô sẽ được hàng trăm, hàng ngàn cái miệng tư sản trí thức nhắc lại, rót vào tai quảng đại quần chúng, trong chốc lát biến thành một cơn bão táp những tiếng hô “Tiến lên!”. Người ta hô “Tiến lên!” để được thỏa nỗi lòng thèm khát độc lập, nhưng cứ mỗi lần nhắc lại một tiếng hô của Việt Minh là một lần bồi đắp sức mạnh cho Việt Minh. Người ta vô hình chung biến thành Việt Minh tất cả.

Biết bao nhiêu người lẫn lộn toàn dân với Việt Minh như thế. Một người nhằm làm cho nhiều người bên cạnh nhằm theo. Đến nỗi sức mạnh của toàn dân khi đấu tranh giành độc lập, đáng lẽ chỉ là của toàn dân hoặc là của chung của tất cả những ý chỉ chỉ đạo, thì lại biến thành sức mạnh riêng của Việt Minh. Người người náo nức, thậm chí những đoàn thể cùng một mục đích với toàn dân cũng huyền hoặc sâu xa, và đương nhiên có Việt Minh là đoàn thể mạnh nhất hồi ấy.

Đó là căn nguyên thứ nhất, nó đã khiến cho những đoàn thể tại thủ đô, khi quân Nhật đầu hàng, nhường (!) quyền ưu tiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cho Việt Minh. Mặc dầu quân đội Nhật, tuy đầu hàng nhưng còn nhiệm vụ giữ trật tự trong nước, đã tỏ ý rõ rệt sẵn sàng giúp đỡ các đoàn thể quốc gia chống lại Việt Minh, mà người Nhật biết rõ là có chủ trương chính trị quá khích.

Người Nhật không lạ gì thực lực của Việt Minh, dám quyết tiêu diệt thực lực ấy trong vài ngày. Có lẽ cũng có nhiều người biết như thế nhưng người ta e rằng thực lực của Việt Minh tuy yếu kém, mà về tinh thần Việt Minh chính là toàn dân, diệt Việt Minh người ta sợ toàn dân công phần, kháng cự.

Người ta đành để cho Việt Minh đòi, và đòi được lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa. Bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một, người ta không biết rằng toàn dân lúc ấy sẽ chỉ ngã về ai giành được độc lập thật sự. Thành ra có những người có thể đem tài, sức, ra viết những trang lịch sử oanh liệt, thì những người ấy lại thoái lui, sợ lịch sử kết tội tranh giành quyền lợi, làm hại cho công cuộc đấu tranh của toàn dân. Thành ra ngày 17 tháng 8 vừa rồi, có trọn vẹn ba lá cờ chạy hiệu giữa đám biểu tình của Tổng hội Công chức mà huy động được hơn trăm ngàn người đi biểu tình ngày 19. Rồi lại có không đến ba mươi cán bộ Việt Minh, thụt lại phía sau đoàn biểu tình vĩ đại ấy mà “cướp” được chính quyền ở một nước hai mươi năm triệu dân.

Trung hãy nghe tôi tả rõ cuộc biểu tình tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8.

Người ta bảo nhau, rủ nhau may cờ để đi biểu tình tuần hành. Ít lắm là đoàn biểu tình có một trăm ngàn người: Nếu đi từng nhà, triệu thỉnh từng người, thì cán bộ Việt Minh chỉ tập hợp được vài ngàn người. Nhưng không mấy ai được gặp cán bộ. Chỉ cần một người nói lên: “19 tháng 8!”, thế là đủ một truyền mười, mười truyền trăm, đến ngàn, đến trăm ngàn.

Chúng tôi vác cả một rừng cờ đến đợi ở trước nhà Hát Lớn từ bốn giờ sáng. Mãi hơn tám giờ mới có micro với loa phóng thanh. Mấy cán bộ Thành của Việt Minh lên đọc, ngập ngừng, những lời hiệu triệu yếu đuối so với khí thế bừng bừng của chúng tôi đứng nghe. Hơn mười giờ bắt đầu biến biểu tình thành tuần hành “thị uy” về phía Bắc bộ phủ. Ông Khâm sai Phan Kế Toại có lời ước hẹn đầu hàng từ hôm trước, ra đón đoàn đại biểu – các cán bộ – tận ngoài cổng phủ. Tin tức loan truyền, nhanh như chớp: “Đã cướp được Bắc bộ phủ!”.

Người ta đã có quyền hành chính. Bây giờ đi cướp quyền quân sự. Tượng trưng cho quân đội lúc đó là hơn một ngàn Bảo-an binh đóng ở trại lính Khố xanh cũ, đường Đồng-khánh. Khi đoàn tuần hành đi đến ngã tư Đồng-khánh, Rollandes, thì các cán bộ đại biểu đi chậm lại rồi mất dạng. Hơn trăm ngàn người dồn nhau, tiến vào sát cổng trại Bảo-an. Cổng đóng. Phía trong cổng, hai khẩu súng máy hạng trung và ước độ năm chục binh sĩ, hoặc nằm bên cạnh súng, hoặc nấp mình sau những bức tường cuốn, súng đặt lên vai, nòng quay về phía cổng. Người đi đầu – không có vũ khí – trông thấy hai sĩ quan Nhật đứng giữa lính, muốn quay lại. Người phía sau không thấy gì cả, thúc bách nhau tiến lên. Chen chặt quá, tay đã co lên không buông xuống được, tay đương thông không co lên được.

Cứ dồn nhau như thế, đến một giờ rưỡi thì có kẻ xuẩn động ném gạch vào lính Nhật gác ở ngã tư Chợ-Hôm, Hàm-long. Lính Nhật nổ súng, hai người bị thương nơi chân. Náo động. Có tiếng hô “Đánh! Đánh!”.

Cuộc biểu tình có thể trở nên lưu huyết. Bộ Tư lệnh Nhật, trong năm phút, phái chiến xa đến chặn tất cả mọi ngã đường vào chỗ đoàn tuần hành. Nội bắt xuất... cho đến năm giờ chiều, ngày chớm Thu sắp tàn. Sương bắt đầu xuống. Cờ vác mỗi tay, đã cuộn giấu vào bụng áo. Chiến xa Nhật vẫn chặn đường. Một vài người muốn ra về đều thấy lưới lê dí vào bụng. Hoang mang bắt đầu. Phía ngoài hàng rào chiến xa có nhiều người mẹ đi tìm con, nước mắt chạy quanh. Chỉ một nửa giờ nữa là tối. Quân Nhật có thể cho từng người một ra về sau khi, khám xét kỹ lưỡng. Cuộc khởi nghĩa tự nó sẽ tan vỡ. Nhưng bỗng có tiếng reo lên như động biển. Thì ra trong san trại Bảo-an, lá cờ Quê Ly vừa hạ xuống, lá cờ của Tổng khởi nghĩa được kéo lên. Chiến xa Nhật mở máy về trại. Hơn một trăm ngàn người xô nhau ra về, mãi đến bảy giờ tối mới tan hẳn. Và người ta xôn xao hỏi nhau: “Sao? Sao?”. Có người nói không xong, có người lại quả quyết rằng mắt thấy hai sĩ quan Nhật bị trói chặt giải đi, và uỷ ban Tổng khởi nghĩa đã chiếm trọn trại lính.

Nhưng sự thật, sự thật muôn đời, là uỷ ban đã bỏ chết đồng bào trước họng súng Nhật. Tôi không hề có ý định, hoặc làm tăng, hoặc đánh giảm giá trị những phe đương sự. Vả lại tôi tin rằng những hành động quyền biến không bao giờ có giá trị vĩnh viễn. Giá trị vĩnh viễn nằm

trong khả năng xây dựng của con người.

Tôi thành thực không muốn lịch sử sẽ chép rằng ngày 19 tháng 8 năm 1945, dân tộc ta đã làm một cuộc Tổng khởi nghĩa oanh liệt, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh.

Tôi không bắt công, tước bỏ giá trị của Việt Minh trong ngày 19 này, vì thật quả giá trị ấy không hề có.

Tôi càng không có ý làm sút giảm giá trị của toàn dân trong ngày 19 này, bởi giá trị của toàn dân sẽ còn nhiều dịp để bộc lộ. Tôi chân thành nói với Trung như thế.

Trở lại buổi tối hôm Tổng Khởi Nghĩa, dân trong thành hoang mang cực độ. Ngày hôm sau lại có tin quân Pháp từ Xuân-mai (Hoà-bình) đánh đến Hà Đông. Và đây mới là lúc tôi trông thấy giá trị của người dân Việt hiển hiện thành việc làm: Người ta vớ lấy bất cứ một đồ vật gì có thể cầm lên tay mà đập vào đầu hay xuyên vào ngực kẻ thù, người ta phóng xe đạp, bám vào xe hơi, vào tàu điện như những chùm xung, người ta vào Hà-đông chặn giặc. Hàng vạn người đã đi, rồi trở về không: Trại Bảo An Hà Đông (dưới quyền chỉ huy của Quân Dưõng) không chịu theo về chính quyền mới. Có thể thôi.

Thế rồi lặng lẽ luôn mười ngày, chỉ toàn những tin biểu tình cùng những tin lụt lội, lụt to quá ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Yên. Ngày thứ mười, tức là ngày 30 tháng 9, có tin bộ đội Giải phóng về đến thủ đô. Tiếng đồn có hàng chục ngàn binh sĩ mặc toàn đồ kaki, mang toàn súng máy Mỹ!

Cũng ngày thứ mười, trên các tường nhà xuất hiện lá thư ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bức thư với tên ký không gây xúc động gì cả. Người ta đương chờ đợi một cái gì to lớn, chẳng hạn như tin Đồng Minh công nhận Chính Quyền Lâm Thời. Cho nên không mấy người sung sướng vì biết Nguyễn Ái Quốc còn sống. Ấu cũng là một chứng cứ thêm rằng sự náo nức thật quả bắt nguồn từ chính tấm lòng của mỗi người tha thiết đến Độc lập.

Hôm qua là ngày Tuyên Ngôn Độc Lập. Một nhân vật mới xuất hiện: Hồ Chí Minh. Chưa mấy ai nghe tên Hồ Chí Minh, mà có người bảo là Nguyễn Ái Quốc đấy. Không có bằng chứng gì. Giá có bằng chứng cũng chưa chắc đã gây thêm xúc động. Hoặc giả còn gây ra hoang mang vì tính chất cán bộ Mạc Tư Khoa của họ Nguyễn là khác.

Nói đến xúc động đoạn đầu thư này có câu “hăng hái đến muốn chết ngay cho tổ quốc”, tưởng không nói thế nào hơn được nữa. Giữa vườn hoa Ba Đình (lối vào Vườn Bách Thú), hằng trăm ngàn người lắng tai nghe ông Hồ đọc bản tuyên ngôn. Lời văn giản dị sáng sủa. Tự bản văn cũng không gây được mấy xúc động. Là vì chúng tôi đã bị kích thích đến cùng độ, ngay từ khi chưa đi hội. Cho nên bản văn không lạ, mà chúng tôi như uống từng chữ một, mỗi chữ lại mát lạnh hay sôi sục trong tâm hồn. Sự việc bên ngoài không theo kịp trí tưởng tượng bên trong của mọi người. Mỗi người đều có một chút hận lòng vừa mới rửa được trong hai chữ Độc Lập. Mỗi người đều có một cách riêng để đoán trước xem Độc Lập là thế nào. Trong không khí bao dung của mùa Thu có ai còn tiếc gì không thả lòng cho một giấc mơ không ngủ?

Riêng tôi, tôi theo đuổi một ý nghĩ nhất định. Không có bằng cứ gì chắc chắn mà tôi vẫn luôn luôn cho rằng dân Việt thông minh hơn dân Nhật. Đất Việt lại trù phú hơn đất Nhật. Tôi không thấy mình điên rồ, khi tưởng tượng một trận chiến đấu, một trận thắng oanh liệt thì đúng hơn, khi người Việt chống nhau với giống người còn văn minh hơn người Nga. Nghĩa là một trận Lữ Thuận kèm thêm một trận Đồi Mã oai hùng. Lại có khi nghĩ đến nước Tàu, đến vua Quang Trung sớm yếu..., rất có thể Việt Nam độc lập sẽ đòi lại Lưỡng Quảng, mặc dầu đòi hai tỉnh ấy

chỉ có nghĩa là nhận nuôi thêm ngót trăm triệu dân đói khát!

Nói thế để Trung ở bên ấy chân trời biết rằng Độc lập là cớ mở cho tất cả mọi tài năng cũng như cho tất cả mọi hy vọng. Không có gì có thể giúp người nước ngoài tưởng tượng nổi thế nào là Việt-Nam độc lập, kể cả lòng yêu nước thắm thiết của từng người. Bởi lẽ Việt-Nam độc lập là thoả mãn được một sự đòi hỏi thầm kín, truyền kiếp – từ khi dân Việt lập quốc, có bao giờ thực sự độc lập như bây giờ đâu!

[1] Chiến khu Việt Minh lập thành năm 1942, khởi từ hai châu Đình Cả (Thái Nguyên) và Bắc Sơn (Lạng Sơn). Việt Minh có hai trung đội du kích, một do Phùng Chí Kiên (xuất thân trường Hoàng Phố) một do Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Phùng Chí Kiên tử trận và Trung Đội Một tan rã ngay năm 1942. Trung Đội Hai của Võ Nguyên Giáp bị dồn vào rừng mây, tuyệt lương sắp chết đói hết, thì Nhật đánh Pháp, khiến cho đội quân vây Võ Nguyên Giáp ở Bắc Sơn phải rút đi, chạy trốn qua Bảo Lạc (Hà Giang) sang Tàu.

Người Nhật thay người Pháp chiếm đóng Đông Dương bỏ rơi nhiều khu vực miền núi, không đóng quân. Vì thế Trung Đội Hai mới có hoàn cảnh lớn mạnh nhanh chóng, trong vòng bốn tháng từ trung đội biến thành đại đội, rồi thành tiểu đoàn Quang Trung, tức là lực lượng võ trang độc nhất của Việt Minh khi cuộc Tổng Khởi Nghĩa bắt đầu.

[2] Việt Minh chỉ tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản ở những nơi có cơ sở sẵn sàng (như Nghệ An).

Phần 2

Hà Nội, nội thành, Liên Khu I, Ngày 26 tháng 12, 1946.

Thân ái Trung,

Ba phát đại bác cách nhau một phút một, ba hỏa pháo xanh tím xanh, tám giờ mười chín phút tới 19-12, tất cả tự vệ chiến đấu bỏ chạy hết, lũ chúng tôi, Tự Vệ Thành mà người ta gọi là Tự Vệ Công Tử, lũ chúng tôi đã khởi đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Tự Vệ Thành toàn là thanh niên thường dân. Đa số con nhà buôn, con công chức, đều có đôi chút khả năng tài chính: Tự Vệ Thành tự cung cấp lấy từ vũ khí đến đồng phục, với chiếc ca-lô mang phù hiệu sao vàng trên nền vuông đỏ.

Người ta vẫn cho Tự Vệ Thành là chỉ biết ăn diện, mèo chuột, vì đã có tự vệ chiến đấu giữ thủ đô. Nhiều tiếng xì xào bi đả: Tiểu tự sản! Và dư luận khinh miệt chúng tôi đến nỗi chính chúng tôi cũng tưởng rằng chỉ cần nghe tiếng súng nổ, ấy là anh em tự vệ Thành đã kịp chạy lên đến trung tâm an toàn khu “lánh nạn” rồi!

Thế mà khi nghe tiếng súng nổ lại chỉ thấy mặt toàn những thứ tự vệ tóc chải bóng, giày còn bóng hơn tóc, và nếp quần thẳng tắp như xe chỉ. Liên Khu II, bảo vệ cho đồng bào ra khỏi thành phố là chúng tôi... Giữ ụ đầu phố Bạch Mai, giữ ụ kho xăng Khâm Thiên là chúng tôi. Đến Liên Khu I, từ hàng Bông, hàng Gai, hàng Đào lên hàng Đường, ra phố Mới, chúng tôi căng chiếu ngang đường lộ mà lập thành khu chiến.

Phải nói cho thành thực rằng chúng tôi đã bị đặt vào hoàn cảnh quá cao đối với nhiệm vụ. Chúng tôi có đâu dám nhận sứ mạng chiến đấu, một khi chưa được huấn luyện qua về chiến

đấu? trong tất cả mọi buổi khai hội, đoàn thể đã ấn định: Tự Vệ Chiến Đấu đánh giặc, Tự Vệ Thành tổ chức cho dân phố rút lui. Tự Vệ Chiến Đấu là con cưng của đoàn thể, được hưởng phụ cấp hàng tháng, được huấn luyện cấp tốc và chiến thuật chống chiến xa và xuyên ốc chiến (1). Tự Vệ Chiến Đấu gồm toàn những thanh niên ưu tú chọn lọc trong giới lao động. Đoàn thể gửi gắm ở đội tự vệ chiến đấu hy vọng giữ thành một cách oanh liệt, và chỉ bỏ từng tấc đất một, trên mỗi tấc lại để lại nhiều xương máu, để cho Đồng Minh biết rằng dân tộc Việt Nam cương quyết chống Pháp. Hy vọng lớn lao đến thế, mà vào khoảng 9 giờ rưỡi tối, ba chiếc chiến xa tiến gần tới cổng, chiếu đèn sáng lóa, thì cả một tiểu đoàn Tự Vệ Chiến Đấu thoát ra phía sau trại Đấu Xảo (Viện ảo Tàng Maurice Long cũ, về sau là Bộ Tư Lệnh Nhật), tránh ụ Khâm thiên bên phải, tránh ụ Bạch Mai bên trái, lao thẳng xuống hồ Thiên Công, ngoi ngóp như một đàn chuột, lội về phía Kim Liên, Hoàng Mai.

Trong khi đó, chúng tôi không quên mình là Tự Vệ Thành, nên vẫn tưởng chỉ ở lại phụ lực cho các đội chiến đấu, và rồi sẽ rút lui với đồng bào thường dân. Chúng tôi chờ đợi quân bạn đánh từ Đấu Xảo lên, mở đường cho Liên Khu I thoát về phía Nam. Càng chờ càng bặt tin. Mãi đến 8 giờ sáng ngày hôm nay, nhờ liên lạc với các Hoa thương phố hàng Buồm mới biết sự chẳng lành: Các phân tử ưu tú đã bỏ mặc cho Liên Khu I bị vây kín bốn phía.

Có viên sĩ quan Pháp đến dụ hàng, hứa chỉ tước khí giới, còn người cho thông thả. Mấy bạn Hoa kiêu vui vẻ, chắc chắn thành công trong nhiệm vụ hòa giải. Nhưng phản ứng nổ ra như tiếng sét: “Quyết chiến!” Cái dუმ người chỉ quen “bát” phở, chỉ biết ăn diện, trông thấy cái chết trước mắt, nhất định không chịu nhục.

(1) Chiến thuật đánh luồn tường các nhà trong phố lúc ấy đã đục tường thông sang nhau.

Hà Đông, ngày 3 tháng 2 năm 1947, viết tiếp.

Thân ái Trung,

Súng rộn lên hơn pháo tết. Cái tết oanh liệt nhất của thành Thăng Long, kể từ tết của vua Quang Trung năm Kỷ Dậu. Chúng tôi giữ thành được hơn 1 tháng, người biến thành chuột, chui rúc, leo trèo, hầm hố, cống rãnh, kẽ gạch, găm thang, vừa cố sống vừa chiến đấu.

Chiến đấu! Tiếng hét thất thanh đêm 19-12.

Chiến đấu, tiếng tự nhiên của những tâm hồn can trường, nhưng chiến đấu lại cũng là tiếng ngại ngùng, hỗn hợp, hay có khi sợ hãi, trong những kẻ không ngờ đã biến thành chiến sĩ vào 1 đêm lịch sử. Này cụ Ký già sờ Địa ốc, này ông bác sĩ Th trắng, béo tròn, này em học sinh niên thiếu, giữa buổi họp tối 20, dưới hầm rạp ciné hàng Bạc, trong tia mắt mỗi người đều có cả 1 cơn sốt rét. Thế nhưng, nhưng đến lúc phải giơ tay xung phong vào những tiểu tổ liên lạc – liên lạc, trên một chiến trường chưa có giới tuyến rõ rệt có là gì khác sự dấn thân vào chỗ chết? Thi bộ chỉ huy cần lập ra bốn tổ liên lạc, lại có cả nghìn người giơ tay. Đến đêm hôm sau, sống chết cũng phải xin lệnh của bộ Tổng chỉ huy, phải phá vòng vây ra ngoài rồi lại phá vòng vây vào trong, cả trung đội tôi đòi đi tất cả.

Những cử chỉ đẹp, xưa nay chỉ đọc thấy trong sách – mà chúng ta vẫn coi là những câu chuyện bịa đặt, nhằm mục đích tuyên truyền giáo lý, những cử chỉ đẹp, đẹp hơn trong sách nữa, luôn từ mấy bữa liền xuất hiện từ những người như Trung, như tôi, đã khiến cho 2 giọt lệ chân thành cảm phục phải đọng trên khóe mắt của một bạn Hoa kiêu:

- Dì oai ti! Dì oai ti!

Dì oai ti!

Ý ngoại địa, ngoài sức tưởng tượng, người Hoa kiều thốt lên câu nói ấy là phải lắm! Bởi lẽ người Trung hoa đối với người Việt vốn sẵn có một số định kiến khi rẻ ngấm ngấm, có lẽ do truyền thống để lại. Lẽ thứ hai, bất cứ người Trung hoa nào, đã lập nghiệp lâu ngày trên đất Việt, đều thấy rõ tính nhút nhát cầu an của đồng bào ta những năm trước kia. Và nhất là sự chia rẽ, tranh quyền cướp vị giữa các đảng phái trong nhà nước, bắt đầu từ mùa thu năm ngoái đến giữa mùa đông năm nay.

Mùa thu năm ngoái tôi đã gửi thư cho Trung, để thuật lại với Trung cuộc Tổng Khởi Nghĩa và ngày tuyên ngôn độc lập. Lấy tư cách bạn đối với bạn, tôi chỉ thuật lại những sự kiện mà chính tôi biết đích là sự thật. Cố nhiên có những điều tôi không nói đến, thì có khi vì lâu ngày quen lãng, có khi vì không biết rõ nên đặt ra nhiều nghi vấn. Tôi không muốn vội vàng xét đoán, để tự tôi có thể phạm lỗi lầm quan trọng. Tôi càng không muốn cho Trung hiểu một cách sai lệch những sự kiện có tính chất lịch sử, thành ra bức thư của tôi, tôi nhớ lại, thật chẳng khác gì một bài luận thuyết, nhằm phân tách, trong một khoảng thời gian nhất định, những nguyên nhân của một cuộc chinh biến. Tôi sợ rằng đọc cho hết bức thư, Trung đã phải mệt tinh thần nhiều lắm. Sự khắc khổ này đáng được đền bù.

Hôm nay, trong thư này tôi sẽ kể lại nhiều chuyện lạ. Những câu chuyện ly kỳ, những câu chuyện đáng mắc của cả một năm đấu tranh hoằng loạn. Biết bao nhiêu là chuyện không tiền khoáng hậu, trong đó bất cứ ai cũng có thể thấy mình có quyền lợi phải bảo vệ, mà rồi ra không để mấy ai có thể truy nguyên xem chuyện đó vì sao mà xảy ra, và xảy ra rồi kết thúc như thế nào.

Người ta, hơn bao giờ hết, thấy cuộc đời của mình có liên hệ mật thiết với lịch sử. Nếu lịch sử là con đường dài, thì quả thực mỗi người là một khách bộ hành... một người thốt nhiên thấy mình đứng trên đường, bị xô đẩy mà tiến lên phía trước, rồi nhìn lại không thấy nơi xuất phát, không nhìn thấy mục tiêu và càng đi càng không nhận định được vị trí của mình trên dòng lịch sử. Lịch sử từ lúc bà Âu Cơ sinh ra trăm con, hay bắt đầu từ lúc mình giơ tay thề trung thành với một đảng nào đó, năm 1945?

Đảng, ai nhập đảng nấy, trừ những kẻ nhát sợ, hoặc những kẻ quá khôn ngoan, hay đã nuôi sẵn trong đầu óc một ý nghĩ phản bội. Nhập đảng, để phụng sự. Hoàn cảnh rất rõ rệt: Cuộc chiến đấu còn dài, trong khi bộ máy nhà nước chưa vững, sự nhập đảng lúc này ít khi nhằm tư lợi, mà phần lớn ai nấy đều đã linh cảm được sự cần thiết phải có một sức mạnh cho quốc dân, để chống lại sự đe dọa bên ngoài. Vào đảng, nhưng không phải tất cả mọi người đã vào cùng một đảng. Đảng cũ từ chiến khu xuống, từ ngoài Tàu về, đảng mới mọc lên thêm.

Rồi bắt đầu tranh chấp, vì lý tưởng, vì quyền lợi. Đến nỗi người dân vào đảng, những tưởng để chống xâm lăng, nào ngờ từ Lào Cai xuống Hải Phòng, từ Cao Bằng vào Cà Mau, sự tranh chấp đã quyết liệt đến nỗi, trong một năm trời, các đảng phái không nề hà gì không liên kết với một trong những lực lượng xâm lăng để tiêu diệt lẫn nhau.

Sự có mặt của phòng quân Trung hoa, của Tiếp phòng quân Pháp, mặc dầu vẫn là mối lo ngại, ghê sợ nhất của toàn dân, từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 6 năm 1946, phải chịu kém cuộc đảng tranh về ảnh hưởng quyết định.

Cho nên giai đoạn lịch sử đi liền sau ngày độc lập là một giai đoạn tương tàn trong nội bộ.

Cuộc đảng tranh sẽ mở cửa bể Hải Phòng cho quân Pháp trở lại chuẩn bị tái diễn trò hề bù nhìn. Nhưng cũng cuộc đảng tranh ấy, sẽ nhất định thai nghén ra một nền độc lập thật sự sau này. Đó là những lý lẽ khiến cho tôi muốn thuật lại cho Trung giai đoạn tranh chấp giữa các đảng phái trước, rồi sau mới đến giai đoạn tranh chấp giữa 2 đội Tiếp Phòng Quân Việt, Pháp, tức là thời kỳ người Pháp gây hấn để ép người Việt phải nhận một cuộc chiến đấu, theo họ, của quả trứng chọi hòn đá (tôi nhắc lại, tôi thì kể những điều tôi biết một cách chắc chắn, bởi tôi đã sống. Tôi không thể sống tất cả mọi việc xảy ra, trong cùng một năm, trên đất Việt. Cho nên, Trung nhớ nhé, đây chỉ là lịch sử qua sự sống của một cá nhân. Một cuốn tiểu thuyết có tính chất thời sự thì đúng hơn. Chúng ta chờ đợi nhiều cuốn tiểu thuyết như thế của nhiều cá nhân, để có pho lịch sử toàn cục.)

Để thuật lại cuộc đảng tranh, tôi xin nói ngay cho Trung yên lòng, là tôi có đủ tài liệu để trình bày một cách rõ rệt. Tôi đã viết, trên đây, rằng đa số đồng bào ta gia nhập các đảng phái, vậy trong cái đa số đó tất nhiên có tôi.

Tháng 12 năm 1945, bạn của Trung đã vào đứng trong hàng ngũ một đoàn thể nặng về quân sự, nhẹ về chính trị: Phục Quốc Quân, sau đổi là Phục Quốc đảng, là hậu thân và biến thể của Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội của cụ Phan Bội Châu. Sau khi bị thất bại năm 1940-1941 ở Lạng Sơn, Phục Quốc Quân sang Trung hoa, được tướng ủy viên trưởng (1) giúp cho phương tiện sinh hoạt và huấn luyện. Một lớp quân sự đặc biệt. Đặc Huấn Ban, trong Liễu Châu cán bộ huấn luyện đoàn (2), được mở ra và dành riêng cho anh em cách mạng Việt Nam, phần lớn trong Phục Quốc Quân.

Năm 1943-1944, để tỏ lòng trả ân với Trung Quốc, và cũng để tỏ ý chí quyết tâm chống độc tài, các cán sinh trong Đặc Huấn Ban đã tự nguyện tham gia các mặt trận kháng Nhật. Sau trận giữ trường bay Trường Sa, Quế Dương, anh em bị tổn thất một số đồng chí. Số còn lại, năm 1945, về đóng từ Lộc Bình lên Đồng Đăng (Lạng Sơn), tuyên bố, một lần nữa, lập tinh chính phủ. Và nhanh chóng ấn định thái độ: Chống Việt Minh, chống Cộng Sản.

Phục Quốc Quân, như đã nói, là 1 đoàn thể nặng về quân sự. Số cán bộ chính trị rất thiếu thốn, nhất là về tuyên truyền. Cho nên tham gia Phục Quốc Quân, bạn của Trung được ủy thác ngay nhiệm vụ ủy viên trưởng tuyên huấn, kiêm chủ nhiệm tờ báo Phục Quốc, phát hành ở Hà Nội (in và phát hành tại số 80 đường Quan Thánh, trụ sở trung ương của Việt Nam Quốc Dân đảng.)

(1) Tưởng Giới Thạch

(2) Gọi tắt: Liễu Châu Cán Huấn Đoàn, là một thứ trường võ bị tựa như Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức của ta ngày nay.

Thế là từ bây giờ, đáng lẽ chỉ nghe tâm sự của một người bạn, thì Trung chỉ được nghe tâm sự của một người bạn lẫn một cán bộ quốc gia chống Cộng. Chắc là Trung không được hài lòng lắm, bởi thế nào Trung chả muốn được nghe thuật lại cuộc đảng tranh một cách vô tư, bởi một người ngoài cuộc?

Nhưng thật ra, Trung ạ, trong cuộc sống dồn dập năm kia, năm ngoái và năm nay, tôi dám quyết với Trung rằng không ai có thể là người ngoài cuộc, trừ những kẻ hèn nhát. Tôi nhất định

không thể không chủ quan. Nhưng tôi thành tâm trong đời sống, cũng như tôi thành thật với Trung trong lúc này. Tôi sẽ cố gắng để xứng đáng với danh nghĩa trí thức (hay tiểu trí thức cũng thế), tôi sẽ không cố tình tâng bốc riêng đoàn thể tôi hay chung chung mặt trận quốc gia, tôi sẽ không cố tình bịa đặt về Cộng Sản Việt Minh. Trung hãy tin tôi ở điểm ấy.

- Trung đã tin rồi, nhưng Trung muốn hỏi vì đâu bạn của Trung chọn Phục Quốc Quân, vì đâu vào tập thể ấy, vì đâu tập thể ấy chống Việt Minh?

Chắc chắn Trung muốn hỏi tôi như thế, nhất là trong bức thư đầu tiên, tôi có nói đến ngày Độc lập với biết bao nhiêu là sung sướng, biết bao nhiêu là hy vọng. Trong ý nghĩ của Trung, chắc hẳn hai chữ độc lập đã đi liền với hai chữ Việt Minh, cho nên phải lấy làm lạ lòng rằng thư này lại nói đến chống Việt Minh.

- Tại sao chống Việt Minh?

- Tại, đối với đoàn thể, Việt Minh không muốn cho đoàn thể nào tồn tại, trừ phi đầu hàng, nhập bọn và chịu sự lãnh đạo của họ. Tại, đối với cá nhân, người ta chống Việt Minh vì biết họ là Cộng Sản, vì Việt Minh không để cho người ta yên, hoặc sau hết, có những người chống Việt Minh chỉ vì không chịu cho một đảng nắm chính quyền lại có thể có những cán bộ lưu manh, ô hợp, như cán bộ của họ lúc bấy giờ. Cũng có người chống Việt Minh bội ước. Đó là trường hợp công khai tranh chấp đầu tiên, trường hợp của các lãnh tụ Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh hội.

Người ta nhớ rằng năm 1941-1942, Việt Minh đã xin gia nhập Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Cũng năm đó, Hồ Chí Minh bị giam trong hang đá, được Đồng Minh hội bảo lãnh cho được tự do, được tham gia Chấp hành Ủy viên hội làm ủy ban dự bị, và sau hết, được bảo đảm cho về nước, với tiền bạc và vũ khí, để thực hiện công tác chỉnh biên chỉnh đội. Như vậy, trong ý nghĩ của các lãnh tụ Đồng minh hội, nếu Hồ Chí Minh thành lập được chiến khu, cướp được chính quyền, ấy cũng là nhờ sự giúp đỡ của hội.

Thế mà từ khi cướp được chính quyền, họ Hồ tuyệt đối không biết đến Đồng Minh Hội. Ông ta thần nhiên thành lập một chính quyền lâm thời, với những cán bộ Cộng Sản không dấu diếm, như Dương Hoài Nam (tức Võ Nguyên Giáp), Lâm Bá Kiệt (tức Phạm Văn Đồng), Đinh Chương Dương, Lý Quang Hoa (tức Hoàng Văn Hoan), Hoàng Quốc Việt (tức Hạ Bá Cang), Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Đức Kỉnh, Nguyễn Đức Chính, và sau hết là Trường Chinh. Trong số cán bộ này, người có, kẻ không có tên trong danh sách các bộ trưởng đầu tiên, nhưng tên tuổi họ được dân chúng nhắc đến hàng ngày. Không những thế, mặc cho lời giao ước chia sẻ trách nhiệm chính quyền còn nóng hổi với các lãnh tụ đảng phái quốc gia, họ đã bắt đầu lòng bắt và thủ tiêu những người đối lập với họ, ngay từ buổi tối ngày 19/8.

Thái độ của Việt Minh, vì quá rõ rệt như thế nên sau khi về đến Hà Nội, các lãnh tụ như cụ Nguyễn Hải Thần, về với các ông Nhưộng Tổng, Vũ Hồng Khanh (1) không thấy còn giải pháp nào khác là thành lập một mặt trận quốc gia chống lại họ (2).

(1) Gọi Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh là lãnh tụ Đồng Minh hội thật ra là chỉ để cho tiện sự theo dõi của bạn đọc, vì đó là sự thật đã xảy ra về sau, trên đất nước nhà. Còn khi ở ngoài Tàu, lãnh tụ Đồng Minh hội là cụ Trương Bội Công (chết ngày 19/8) cùng với 1 ban thường vụ của Trung Ương Chấp hành ủy viên hội, gồm có Hồ Đức Thành, Lê Tùng Sơn, Đinh Chương Dương, Trung Trung Phụng, Bò Xuân Luật. Trong bọn này, Thành, Sơn, Dương vốn là cán bộ Cộng Sản náu mình trong những đoàn thể giả hiệu như Quốc tế phản đế, Mặt trận Giải phóng

các nhược tiểu dân tộc....

(2) Tác giả thấy cần phải ghi thêm vào đoạn này một sự kiện mà trong thư không có dịp nói đến, vì không muốn cho bức thư bị quá nặng nề chi tiết. Sự kiện đó là vụ lụt năm 1945, một vụ nước ngập ít có ở Bắc Việt, dìm sâu và cắt đứt tất cả mọi đường giao thông giữa hai vùng trung châu và đồng bằng dưới từ 1 đến 5 thước nước. Con đường từ Trung Hoa sang Hà Nội bị ngập ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, khiến cho lãnh tụ quốc gia, cũng như quân đội Trung Hoa, tới Hà Nội chậm 21 ngày, Việt Minh cũng cố được cơ sở, lập được Chính phủ, tuyên bố được độc lập, chính là nhờ được 21 ngày này.

Việt Minh đối với các đảng khác lại còn tệ hơn nữa. Thí dụ sau khi Phục Quốc Quân đã về đến Lạng Sơn, vẫn còn đương trong thời kỳ giao hảo với các tổ chức Việt Minh địa phương, thì ở châu Bảo Lạc, họ đánh lừa một chỉ huy Phục Quốc Quân đến dự tiệc liên hoan, rồi bắt giết đi, cùng với hơn 200 anh em cùng đi với vị chỉ huy này. Sở dĩ một lúc có tới hơn 200 người bị lừa, là vì trong cả toán quân, không một ai dám nghĩ rằng người ta có thể phản bội nhau như thế trong một nước độc lập. Và lại lúc đó cũng chưa có 1 dấu hiệu gì rõ rệt rằng Việt Minh chủ trương sát hại quốc gia, cũng như chưa có sự xích mích nào giữa Việt Minh với Phục Quốc Quân hết.

Sự giết hại toán Phục Quốc Quân ở Bảo Lạc, giết hại các lãnh tụ Đại Việt ở Hà Nội, giết hại các cán bộ Quốc Dân đảng trên đường về của họ từ Lào Cai tới Hà Nội, bấy nhiêu vụ tàn sát làm cho các đảng quốc gia, ngay trước khi xét đến vấn đề chủ nghĩa, đã phải tụ họp trong một mặt trận đồng nhất chống Việt Minh. Nhà số 21 đường Quan Thánh, Hà Nội, là căn cứ đầu tiên của Đồng Minh hội, lúc đó mặc nhiên là cơ cấu trung ương của các đoàn thể chống Việt Minh, lớn cũng như nhỏ.

Tiếng loa phóng thanh, từ ngôi nhà 2 tầng giữa một khu vườn rộng rãi này, có tác dụng đánh thức đa số đồng bào ta còn đương hoan hỷ tin vào lời Việt Minh kêu gọi “Đại đoàn kết chống ngoại xâm”. Lời tố cáo gay gắt những vụ ám sát và phản bội được nhắc đi nhắc lại và truyền rộng ra rất nhanh trong các giới tư sản, trí thức.

Người ta bắt đầu nghi hoặc và đặt ra những câu hỏi cụ thể về đại đoàn kết. Cán bộ Việt Minh bắt đầu lúng túng vì những lời chất vấn, đại để:

“- Tại sao giết những nhà cách mạng thân Nhật không làm hại gì đồng bào? Tại sao giết các công chức làm với Pháp? Tại sao giết các nhà giàu thôn quê?”

Riêng ở Hưng Yên, Học Phi, Chủ tịch ủy ban hành chính Tỉnh, đã công khai hạ lệnh xử tử ít lắm là năm ngàn người, ấy là không kể số người bị thủ tiêu đơn giản ở các phủ, huyện, làng, xóm. Cuộc khủng bố này đã khiến cho tỉnh Hưng Yên, trong một năm trời, vắng hẳn bóng những người biết đọc, biết viết. Rồi cũng do đó, tỉnh Hưng Yên sẽ là tỉnh nhiều nhất những người chống Việt Minh, không vì chủ nghĩa hay chính trị, mà chỉ vì oán thù trong tang tóc.

Một số người khác chống Việt Minh, vì không chịu nổi việc Việt Minh đưa lên hàng “trị dân, trị nước” một bọn côn đồ mới bừa trước còn ăn trộm, ăn cắp, du thủ du thực.

Đây phần lớn là những nhà trí thức sâu sắc, đã yên trí từ lâu rằng công việc cai trị phải được đảm nhiệm bởi những người có bảo đảm về trí tuệ cũng như về đạo đức. Thấy Việt Minh giao phó từng địa phương rộng lớn cho những người không những đã vô học lại còn mang tiếng là

lưu manh, nhà trí thức lấy làm lo sợ mà so sánh tình trạng ấy với tình trạng ổn định ở các nước tân tiến. Họ thấy Việt Minh làm việc trái với lẽ phải thông thường, thì Việt Minh tự nhiên tự nó cũng có ngày tan rã. Họ tham gia các đoàn thể chống Việt Minh chỉ cốt để, theo ý họ, làm cho Việt Minh chóng tan rã hơn. Và do đó, tránh cho đất nước đỡ bị tàn hại bởi bọn “cáo đội lột hùm”.

Thứ ba đến những người chống Việt Minh vì lý tưởng, gồm những đồng bào có công phu nghiên cứu chính trị từ trước năm 1945. Có lẽ tôi cần phải nói rõ với Trung rằng, trước năm 1945, ngoại trừ các môn đệ của Karl Marx vẫn chống nhau trong ba quan niệm trốt-kít tức Đệ Tứ Quốc Tế, ngoại trừ các môn đệ này của Karl Marx, đồng bào ta rất ít người chịu để tâm học tập chính trị. Cũng bởi thế, ngoài số đảng viên của mấy đảng Xã hội, Đông dương Cộng Sản, Việt Nam thường trực Cách mạng, chỉ có một số nhỏ đồng bào hiểu biết chính trị mà không vào đảng phái nào hết. Đó là những người còn trung lập cho đến ngày tổng khởi nghĩa. Họ hoan hỷ chào mừng ngày độc lập, nhưng họ vẫn kín đáo xem xét về hành vi và thái độ của Việt Minh. Kịp đến khi Việt Minh kêu gọi đoàn kết thì tự họ sẽ chia làm hai phe.

Phe thứ nhất thành khẩn với tiền đồ của dân tộc, tiếc thay không đủ yếu tố để hiểu biết Việt Minh rõ ràng hơn, nên có những người đã theo hẳn chính quyền mới. Trong số, Trung sẽ nhận thấy có các luật sư Vũ Trọng Khánh, Phan Anh, các cụ Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng.

Việt Minh, để được sự cộng tác của các vị nhân sỹ này, không ngần ngại đội lột dân chủ quốc gia thuần túy, và đã ủy thác sứ mệnh cầu hiền cho những cán bộ khôn ngoan nhất. Họ đã thành công, như Trung xem báo tin tức cũng biết, khi thành lập được một chính phủ có bộ trưởng Nội vụ là cụ Huỳnh, Bộ trưởng Tư pháp là ông Khánh. Rồi sau đây, Trung sẽ hiểu rõ sự hệ trọng, về lý thuyết và chiến thuật của sự thành công này, sự thành công thật ra không có gì làm to lớn lắm.

Còn bây giờ, đây là trường hợp của những người, như bạn Trung, chống Việt Minh vì chống Cộng Sản. Đối với họ, sự dụ dỗ về bất cứ phương diện nào cũng vô hiệu. Họ là người còn trẻ hơn các cụ Huỳnh, Bùi, còn trẻ hơn các ông Anh, Khánh. Chính vì họ còn trẻ, ham đọc, ham hiểu và chịu khó tìm tòi, suy nghĩ, cho nên họ đã tự đặt lấy được một hệ thống lý luận về Việt Minh và Cộng Sản.

Để hiểu Việt Minh, họ biết gạt bỏ, coi là không quan trọng, những vụ tàn sát, giết chóc, (bao giờ cũng có trong một cuộc đảo lộn chính trị).

Nhưng Họ không chấp nhận những vụ đồ tể làm quan cách mạng, vì họ biết Việt Minh cũng không muốn thế, và sự lệch lạc này chỉ tồn tại nhất thời. Họ chỉ riêng lo, khi nhìn gần, thấy bao nhiêu cơ sở đầu não trong chính phủ đều lọt vào tay cán bộ Cộng Sản: đó là chiến thuật nguyên tắc: “Đảng lãnh đạo chính quyền”, chiến thuật riêng của đảng Cộng Sản. Rồi họ nhìn ra bao quát, nền hành chính trong nước đã do bộ trưởng Bộ Nội vụ, là Võ Nguyên Giáp, ký nghị định ngày 3 tháng 10 lập thành các cấp ủy ban. Chế độ ủy ban là chế độ Xô Viết, không hơn không kém, và đó là một thuộc lý thuyết tổ chức của Cộng Sản.

Thế là nhờ một ưu điểm của họ: biết gạt lọc giữa trăm ngàn việc lấy những việc có tính chất nguyên tắc hay lý thuyết; họ đã nhận định được một lần mà đúng vĩnh viễn: Cái nhân của Việt Minh là Cộng Sản, Việt Minh trưởng thành tất phải là Cộng Sản.

Họ là những người chống Cộng. Vì sao chống Cộng Sản, trong khi Cộng Sản chỉ tuyên bố giành độc lập, tìm no ấm cho dân? Đây cũng là một điểm lý thuyết. Bởi theo Karl Marx, họ không thấy hai chữ “độc lập” trong cứu cánh: Độc lập chỉ là một phương tiện quyền rũ. Còn no

cơm, ẩm áo, muốn có phải theo Marx, phải đi qua con đường đấu tranh bằng bạo lực và khủng bố giữa các giai cấp. Họ là những người không tin rằng giai cấp kinh tế là một sự kiện dĩ nhiên, một sự kiện nguyên nhân của lịch sử.

Họ không tin rằng xã hội muốn được cải tạo, phải được cải tạo trong máu, lửa của Cách mạng vô sản.

Như vậy, họ chống Cộng Sản trên lý thuyết. Họ biết, sớm hay muộn, Việt Minh tất có ngày nhận lấy tính chất Cộng Sản thuần túy. Họ chống Việt Minh là vì thế. Trong trường hợp của họ đã rõ rệt, họ chịu nhận một nhược điểm: Họ chống lại một chủ nghĩa khác để thay thế. Nhược điểm thật nặng nề.

Thành thử họ chỉ là những cá nhân biệt lập chống Cộng: Họ không đủ điều kiện lý thuyết để lập nên những đoàn thể chống Cộng của riêng họ. Đó là nguyên nhân khiến cho sau này họ tham gia vào những đoàn thể quốc gia, tuy cũng không có một chủ nghĩa mới mẻ và quyến rũ, nhưng ít ra cũng có những cứu cánh rõ rệt, là sự tồn tại của dân tộc, của tổ quốc, và sự bảo đảm cho mỗi người dân được tự do lựa chọn lấy con đường riêng của mình, trong khi đi tìm một cuộc sống có hạnh phúc.

Lẽ cố nhiên tôi không thể chối được sự mỏng manh của họ, tức là chúng tôi, về tinh thần. Chúng tôi biết, trong một thời gian ngắn ngủi, khó mà chúng tôi có thể chứng minh với đồng bào chúng ta rằng Việt Minh là Cộng Sản, rằng không nên theo Cộng Sản, bởi Cộng Sản đưa đến một tình trạng bế tắc, khiến người trong một nước phải giết nhau, dù đối với nhau không thù không oán, để giải quyết một vấn đề kinh tế.

Lời chúng tôi sẽ nói xa xôi quá. Lời Việt Minh nói nghe gần ngay bên tai, mà ám áp dễ thương quá. Việt Minh nói: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc. Còn chúng tôi đã gào lên, đã thét lên rằng họ điều ngoa quá đỗi. Nhưng đồng bào ta thêm khát những danh từ ấy đã lâu rồi, nên thấy có, như có nước trong giữa cơn cháy cổ, hãy uống đã, có xá gì nước độc sẽ di hại về sau?

Trung chắc sẽ hỏi rằng biết thua, hà tất chống lại làm gì cho thêm mệt? Nhưng không đâu, Trung ạ. Chúng tôi tin ở sự sai lầm của một chủ nghĩa nên chúng tôi chống lại sự sai lầm ấy. Chúng tôi có thể thua (cho đến lúc viết thư này thì thua thật rồi còn gì!), nhưng chúng tôi dù sao cũng tạo nên một dấu vết cho tranh đấu. Dấu vết in vào lòng người, có những người khác, hoặc tài giỏi hơn, hoặc có hoàn cảnh thuận tiện, sẽ đứng lên tiếp tục. Sự thất bại của chúng tôi không vô ích, mặc dầu sự thất bại, riêng tôi đã thấy rõ từ khi khởi đầu tranh chấp.

Sự thất bại, Trung ạ, đau đớn nhất là không cứ thua Việt Minh về lý thuyết hay tài năng. Chúng tôi thua, phần lớn tại hỗn loạn trong nội bộ.

Trung còn nhớ tôi thuật lại rằng Đồng Minh hội được mặc nhiên coi là cơ cấu trung ương của các đoàn thể chống Việt Minh. Chính bởi thế, Đồng Minh Hội là một cái gì hỗn độn quá sức tưởng tượng.

Trung đã biết cụ Nguyễn Hải Thần chỉ là ủy viên giám sát trong Đồng Minh Hội, khi còn ở ngoài Tàu. Nhưng đến khi về nước, toàn thể các lãnh tụ quốc gia phải nhận không ai có uy tín bằng cụ, đối với quốc dân trong nước cũng như đối với chính phủ Trung Hoa bên ngoài. Tất cả bèn tôn cụ lên địa vị lãnh tụ tối cao, chủ tịch Đồng Minh Hội, có ông Nhưộng Tống làm bí thư cho cụ, và ông Vũ Hồng Khanh vừa giữ địa vị lãnh tụ Quốc dân đảng, vừa kiêm nhiệm tổng bí thư Đồng minh hội.

Đồng Minh Hội có danh là một tổ chức thống nhất các lực lượng quốc gia chống Việt Minh. Nhưng sự thật, không có gì thật cả. Đồng mMinh Hội, trên thực tế, chỉ là đoàn thể riêng của cụ Nguyễn Hải Thần, cũng như quốc dân đảng của riêng ông Vũ Hồng Khanh.

Người ta suy tôn cụ Nguyễn, đoàn thể nào cũng gọi cụ là lãnh tụ tối cao, mà chẳng đoàn thể nào tuân theo mệnh lệnh của cụ hết. Lý do của đương sự: Cụ có uy tín, có đạo đức, nhưng không có tài. Người ta nói rằng những kế hoạch tổ chức, những chiến thuật đấu tranh của cụ đã bị đối phương bỏ xa quá, cho nên người ta phải bỏ cụ, để tiến tới. Và người ta đã có lý, vì quả nhiên cụ Nguyễn chỉ còn là một uy danh thuần túy nữa mà thôi.

Nhưng, cũng là lẽ tự nhiên. Cụ Nguyễn nhất định không thể biết rõ mình như thế. Hơn nữa, các lãnh tụ quốc gia tuy không phục tùng mà vẫn tìm đủ mọi cách lợi dụng. Trong sự tranh chấp với Việt Minh, giai đoạn đầu, bao nhiêu sự xích mích đều do tướng Tiêu Văn, chính trị chỉ đạo viên của Đồng minh hội, từ ngoài Tàu theo Phòng quân vào Việt Nam phân xử. Những quyền lợi do Tiêu Văn giành cho phe quốc gia, là mặc nhiên giành cho cụ Nguyễn. Các lãnh tụ quốc gia bề ngoài vẫn phục tùng cụ, chỉ để chia phần quyền lợi ấy.

Thái độ mập mờ, mê hoặc cụ Nguyễn của các lãnh tụ quốc gia, những lãnh tụ trong cùng một mặt trận không bao giờ thành thật với nhau, đã nhiều lần làm cho cả mặt trận điên đảo. Thí dụ, hồi cuối tháng Chạp năm 1945 sang tháng Giêng năm 1946, Việt Minh lo ngại tổ chức bầu cử Quốc Hội không xong, nên điều đình “mời” mặt trận quốc gia 70 ghế nghị sĩ, trong đó có 50 ghế dành cho Quốc Dân Đảng, 20 ghế dành cho Đồng Minh Hội. Mặt trận họp bàn, đồng thanh không nhận. Nhưng các nhà lãnh tụ Quốc Dân Đảng, đột nhiên và tự ý riêng đi lấy về 50 phiếu. Sau đó, cụ Nguyễn còn một mình bị bọn Bỏ Xuân Luật theo Việt Minh, nại danh nghĩa ủy viên thường vụ, chia mất 10 ghế. Các đảng khác trong Đồng Minh Hội đành chia với cụ 10 ghế còn lại. Thiết tưởng khỏi nói đến sự bất bình trong nội bộ mặt trận quốc gia !

Một thí dụ khác, vào cuối tháng hai năm 1946. Bất giờ đồng bào trong nước đã chán cuộc tranh chấp đảng phái lăm. Người ta bèn tổ chức ra một mặt trận mới: Mặt Trận Dân Tộc, ý nói là toàn dân tộc cùng ở trong tổ chức. Mặt trận Dân tộc họp phiên đại hội đầu tiên trong một căn nhà ở phố Hàng Bún trên. Chủ tịch: Một vị giáo sư có danh tiếng về kinh nghiệm sự phạm. Nhưng không có kinh nghiệm về chính trị, bởi lẽ mặt trận của ông đại ý bao hàm cả dân tộc, đến khi họp có mời đại biểu của ngót 10 đoàn thể nhỏ, lại quên mất mấy đảng lớn nhất. Có một đại biểu hỏi đến, vị chủ tịch đã không trả lời được hợp lý, lại nhất thiết yêu cầu hội nghị “cứ” bàn việc “tổng đình công, tổng bãi thị, cho đến khi Việt Minh rời bỏ chính quyền mới thôi”! Hội nghị bèn cứ bàn, rời rạc, lạnh nhạt, các đại biểu từ chối những nhiệm vụ rõ rệt. Họ đều nghĩ có lý: “Đảng nhỏ lật ngụy quyền, đảng nào lập chính quyền mới?” Họ không muốn bị lừa, dù chỉ trong nội bộ quốc gia. Cho nên, đến ngày khởi sự, lại chỉ vờ vờ có một số cán bộ của mấy đảng lớn ra mặt, chặn đường vào chợ, hãm máy xe điện và đóng cửa các nhà hàng. Họ đã đành bị Việt Minh phản công dễ dãi: Một số cán bộ đóng vai hàng thịt sấn vào hành hung một họa sỹ danh tiếng, mấy đội viên giả làm thường dân phần nộ rút dao găm đâm loạn xạ vào những người đi hô hào đóng các cửa hiệu. Nói tóm lại, cuộc “Tổng đình công, tổng bãi thị” mới thoát thai đã yếu tử, với một ưu điểm là không có một tiếng súng nổ, đúng theo chỉ thị của Phòng quân Trung hoa. Và kết quả, là Việt Minh chứng tỏ được với Chu Phúc Thành, tư lệnh Phòng quân, rằng dân chúng không theo quốc gia một chút nào !

Chu Phúc Thành, nhân nói để Trung biết, là một đại tướng vào hạng khá của quân đội Trung Hoa, tư lệnh đạo quân thứ 53 mà đồng bào ta quen gọi là “quân áo xám”, đến thay thế cho “quân áo vàng” của tướng Lư Hán. Họ Lư là viên tướng vào Việt Nam trước tiên, theo lệnh của Đồng Minh, để thi hành hai nhiệm vụ: Giải giáp quân đội Nhật, giữ trật tự ở miền quân Nhật đóng, đồng thời giúp phương tiện, hoặc giáo dục hoặc giám sát, cho dân địa phương tự tổ

chức lấy một chính quyền dân chủ. Hai chữ “Phòng quân” chắc là để ám chỉ nhiệm vụ để phòng quân Nhật trở mặt, hoặc để phòng loạn lạc ở địa phương.

Trung hân đã biết phòng quân Anh thi hành nhiệm vụ như thế nào ở miền Nam, từ Nam vĩ tuyến Bắc 16 độ trở xuống. Trung xem báo Pháp, chắc biết rõ quân đội Pháp đương làm gì ở Sài Gòn. Riêng tôi, có thể nói với Trung rằng Phòng quân của Lư Hán vào Việt Nam, tức khắc bị Việt Minh vừa bắt nạt vừa mua chuộc. Lư Hán phần thì ăn ngập mày ngập mặt, phần thì tư lệnh một đạo quân hỗn tạp, với đàn bà chữa, với trẻ con và chó mèo ghê lở trong quang gánh tồn ten trên vai người lính chiến, lẽ đương nhiên là Lư Hán đánh lá bài hòa giải. Nhưng không xong, vì cụ Nguyễn cũng như Việt Minh, đều không chịu chia nhau một nửa đất nước còn lại, Lư Hán đương luống cuống thì được Chu Phúc Thành sang thay. Chu hình như quyết tâm đánh Việt Minh, nhưng đến lúc đó, phái đoàn Pháp ở Trùng Khánh đã kịp hoạt động có kết quả.

Phái đoàn Pháp ký kết với chính phủ Trùng Khánh một thỏa ước, ngày 26 tháng 02 năm 1946, nhường cho quân Pháp vào Bắc Việt Nam “Tiếp phòng quân” thay thế quân Trung Hoa. Để đổi lại, Pháp lấy xong Bắc Việt sẽ giao con đường xe lửa Hải Phòng, Côn Minh cho Trung Hoa làm tư hữu, cùng một lúc với sự mở một khu miễn thuế ở Hải Phòng cho hàng hóa nhập cảng vào Vân nam phủ.

Thỏa ước Pháp-Hoa ký xong thì 7 ngày sau, ngày mùng 6 tháng 3, hiệp định sơ bộ cũng được ký kết giữa Việt Nam với Pháp. Tôi phải nói Việt Nam, mà không nói Việt Minh, là bởi một lẽ bí mật còn tồn tại đến bây giờ, tôi không hiểu vì sao ông Vũ Hồng Khanh đã cùng ký vào đó với Hồ Chí Minh. Ông Khanh, chắc hẳn cũng như Trung, và tôi, và hơn 20 triệu đồng bào ta, cũng thấy rõ hiệp định sơ bộ là một sự thiệt hại vô kể cho quốc gia với quốc dân, tuy hiệp định sơ bộ là một sự thắng lợi to tát cho riêng Việt Minh.

Việt Minh trước hết cùng với Pháp tổ chức Tiếp phòng quân, nghĩa là gián tiếp có nhiệm vụ đối với Đồng Minh. Việt Minh sẽ là một chính quyền hiện hữu. Việt Minh trông thấy rõ sự trở mặt của Pháp sau này, Việt Minh sẽ là một chính phủ kháng chiến hợp pháp và hợp lý. Việt Minh trong khoảnh khắc một chữ ký, từ địa vị một tổ chức nhỏ mọn, có thể bị Đồng Minh đặt ra ngoài vòng luật pháp và trật tự bất cứ lúc nào, Việt Minh đương ở trong tình trạng lo sợ ngày đêm ấy, bây giờ đã là một chính quyền đường đường chính chính, có chủ tịch chính phủ gọi điện văn chúc tụng quốc trưởng Pháp, được quốc trưởng Pháp trả lời rất lịch sự: “Thưa ông chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa...”!

Có thể nói thắng lợi của Việt Minh trong hiệp định sơ bộ còn to lớn hơn cả trong ngày Tổng Khởi Nghĩa.

Việt Minh như lớn hẳn lên trên trường chính trị, mặc dầu ký hiệp định sơ bộ, Việt Minh đã biết trước là đem dân tộc chìm vào một cuộc chiến đấu tàn khốc.

Việt Minh rõ ràng vì quyền lợi riêng mà phản bội tổ quốc và nhân dân.

Người quốc gia bắt đầu có chứng cứ cho công việc chống Việt Minh của họ có hiệu quả, thì vừa lúc đó mặt trận quốc gia bắt đầu tan vỡ. vì đâu mà tan vỡ? Vì không nương tựa được vào Tiếp Phòng Quân Trung Hoa nữa.

Vì từ ngày khởi sự tranh chấp không một đoàn thể nào xây dựng được một lực lượng võ trang đáng kể:

Quân của Đồng Minh hội giao cho Ủy Viên Quân Sự Nguyễn Phúc An, nguyên sĩ quan chuyên nghiệp thợ mộc trong quân đội Tàu

Quân đội Quốc Dân đảng, không quá một ngàn người được huấn luyện, đóng rải rác từ Phúc Yên lên Lào Cai

Phục Quốc Quân không quá bảy trăm binh sĩ tinh nhuệ chiếm đóng phía bắc tỉnh Lạng Sơn

Đồng Minh Hội Đệ Tam quân, (chỉ huy trưởng Vũ Kim Thành) không tới năm trăm đội viên, giữ miền Duyên Hải từ Quảng Yên ra Móng Cái.

Tất cả đều bị Việt Minh vây hãm bằng những lực lượng kém huấn luyện nhưng quân số ít lắm cũng gấp 10 lần.

Người đã ít, tác động tinh thần đã không có, tài chính với lương thực lại nghèo nàn...cho nên Phòng quân rút đến đâu, lực lượng cách mạng quốc gia rút theo đến đó.

Cuộc rút lui bắt đầu từ Thanh Hóa, tỉnh đảng bộ Đại Việt kéo về Hà Nội, một đảng theo ông Vũ Hồng Khanh qua Lào Cai, một đảng nhờ đường Phục Quốc Quân, lại ra ngoài Tàu. Cụ Nguyễn Hải Thần đã lên tới Lạng Sơn ngày 8 tháng 3, ông Vũ Hồng Khanh cũng phải ra đi bí mật, khiến cho số cán bộ, đảng viên bị bỏ lại, bị bắt giam trong trại trung ương không đủ chỗ.

Mặt trận quốc gia tan vỡ quả là một sự đau lòng, dù cho phần đông người sáng suốt đều đã biết trước. Biết trước mà vẫn phải làm, như tiền nhân khuyên nhủ: “Hãy làm cho hết sức, rồi được đến đâu hay đến đó!

Riêng phần tôi, tôi bị bắt ngay buổi chiều ngày 08 tháng 03, ở Bán Loạng, một vị trí cách Lạng Sơn 3 cây số. Người bắt tôi là bạn của chúng ta: Trần Minh Tước, nguyên bình bút báo Đông Pháp và La Volonté Indochinoise. Ngay khi bắt tôi, Tước đã nói trước sẽ không giết, không phải vì hấn nể nang gì cái danh nghĩa Đại Biểu quốc hội của tôi, mà vì, theo lời hấn, cách mạng vô sản còn cần đến “những người như chúng ta”! Minh Tước nói thế, nhưng ngay 6 bữa sau, Lộc Giang, chỉ đội trưởng chi đội (bây giờ được gọi là trung đoàn) Lạng Sơn đã hạ lệnh trói tay và bịt mắt tôi, đã điếm nửa tiểu đội lính, đã phát cho mỗi tên 3 viên đạn. Đạn đã lên nòng, hộp cơ bả đã đóng lại, tôi đã gởi về mẹ tôi ý nghĩ cuối cùng, thì có lệnh tạm hoãn. Tôi được đưa tới giam chung với ba cán bộ trung ương của chúng tôi, trong số đó có nhà văn chuyên viết phóng sự về Hà Nội làm than, với 2 chỉ huy quân sự. Chúng tôi được gặp nhau để bị điều đi phố Bình gia, rồi đi Bắc Sơn. Sáu tháng sau, hai đồng chí Vi Văn Hòa, Phạm Chấn Phương của chúng tôi bị giết, khi chúng tôi – đồng chí Trọng Lang với tôi được trả về Lạng Sơn để về Hà Nội bằng phương tiện riêng.

Thân ái Trung,

Sáu tháng giam cầm lần thứ nhất (chao ôi! Tôi trông thấy lần thứ hai bị giam rồi đó Trung!), ngay tại trung tâm chiến khu, đã giúp cho tôi nhiều về suy nghĩ.

Lạ một điều, tôi không hề nghĩ đến lý thuyết sông. Tôi chỉ lo sẽ làm gì sau khi được thả về. Tin đoàn thể phải đi theo con đường thoái triệt của quân Tàu lẽ cố nhiên được thông báo cho chúng tôi biết ngay. Chúng tôi đã thấy rõ: Về Hà Nội chỉ còn Việt Minh với Pháp. Chúng tôi sẽ liên kết với Pháp, như đã nhờ vả Trung Hoa, để đánh Việt Minh? Hay ngược lại? thực là đau khổ, ngay khi còn tù tội đã đau khổ vì viễn tượng của tự do!

Một anh bạn đưa ra giả thuyết Pháp thi hành đúng Hiệp định sơ bộ. nhưng không thể được, người Pháp hơn bao giờ hết, cần đến thuộc địa để hàn gắn những đổ vỡ của 5 năm chiến tranh. Người Pháp phải ký hiệp định 6-3 để đuổi được người Tàu một cách yên ổn... hôm tôi đi,

cờ Pháp đã treo ở Đại Sứ Nhật cũ (Viện Quang Tuyến Ra Đi), chiến xa Pháp đang tiến vào Hà Nội. Người Pháp đã quá quen với người Việt nam của một thời bảo hộ. họ tất nhiên nghĩ rằng lịch sử nước Pháp sẽ không tha thứ cho họ, nếu họ để lỡ mất cơ hội làm cho tổ quốc họ trở lại cường thịnh. Tất cả đều bảo chúng tôi rằng cuộc chiến đấu không thể tránh được.

Vả lại, Minh Tước, một hôm vào thăm chúng tôi ở Phố Bình gia, cũng có nói đến thái độ của Pháp. Những người lính mắt mèo đương quấy phá đồng bào đô thành. Chính phủ Pháp không hẳn không chấp nhận hiệp định sơ bộ, nhưng trong những lời tuyên bố công khai, các chính khách Ba-lê nhất định chỉ nói đến những khoản không có dính ước. thí dụ: Một là vẫn giữ đồng bạc của Đông dương ngân hàng, hai là nền ngoại giao sẽ nhờ Pháp đảm nhiệm, ba là tướng lãnh Pháp giúp đỡ việc chỉ huy quân đội. nghĩa là, tuy không nói ra, những điều kiện “tài chính riêng, ngoại giao riêng, quân đội riêng”, đã bị người Pháp mặc nhiên coi như không có.

“Thế nào cũng phải đánh, duy ta cần tranh thủ thời gian”, Minh Tước nói như vậy. một chữ “ta” của hắn đủ chứng tỏ hắn là khách quan, hắn biết trước lập trường của chúng tôi, nếu xảy ra chiến sự.

Minh Tước còn cho chúng tôi biết thêm rằng phái đoàn Nguyễn Tường Tam đã đi Đà Lạt gặp phái đoàn Max André. Hắn rất bi quan, vì ngay trong hai bài diễn văn mở màn người ta đã thấy những cương lĩnh trái ngược nhau đến tuyệt đối. Minh Tước tiên liệu hội nghị tan vỡ nhanh chóng. Quả nhiên Fontainebleau. Cả ông Hồ Chí Minh cũng đi. Rồi lại về, với tạm ước 14 tháng 09.

Trung ở bên ấy, hẳn biết rõ về những việc đã bắt ông Hồ Chí Minh ký thỏa ước 14 tháng 09. vì sao? Để thoát thân hay để cố tranh thủ thêm mấy tháng nữa? làm thế nào biết được, khi ông ta làm lủi, đêm khuya đến nhà riêng xin ký với Marius Moutet? Làm thế nào biết được, khi ông ta thuận cho Pháp tất cả mọi điều kiện Pháp muốn, từ đồng bạc đến nền ngoại giao, đến chỉ huy quân đội? làm thế nào biết được khi một người đàn bà vô học, cứ van lạy không thôi, cũng đòi lại đôi chút quyền lợi, nhiều hơn tạm ước 14-9.

Ông Hồ Chí Minh rõ ràng coi bản tạm ước 14-9 là mảnh giấy lộn, ngay từ khi chưa ký tên. Vậy chắc là để tranh thủ thời gian.

Nhưng đã quá muộn rồi! Trọng tội đã toại thành ngay từ hiệp định sơ bộ. con người Cộng Sản ấy đã sờ mó vào chiến tranh ngay từ 6 tháng 14 ngày trước. nhưng 4 tháng đầu tiên còn tựa vào Pháp để diệt cho xong quốc gia. Quá nửa thời gian đã bỏ phí. Bao nhiêu thanh niên nhiệt tâm ái quốc đã bị tù đày và giết hại. ngót một ngàn cán bộ quân sự, hoặc xuất thân ở Hoàng Phố, hoặc xuất thân ở Liễu Châu, đã bị tan tác đến 900. Việt Minh đương giao quyền chỉ huy quân sự cho một bọn cán bộ chính trị. Nếu phải chiến đấu, sẽ có bao nhiêu thanh niên chết oan vì các cấp chỉ huy bất lực nữa?

Cơn nguy khốn càng ngày trông càng rõ. Tướng Morliere bắt đầu dùng cái thuật không đánh trước, nhưng ép cho đối phương phải đánh. Cuối tháng 10, sang tháng 11, Pháp đem quân vô cơ bắt đội viên tự vệ Khu 7, Hải Phòng. Tự vệ Khu 7 tức khắc đập ụ phòng ngự. Pháp cho chiến xa đến, tự vệ Khu 7, không hổ danh đệ nhất hào kiệt miền duyên hải, tự vệ Khu 7 đốt 4 xe Pháp. Pháp đòi vào bắt Nguyễn Văn Ngọc, vị chỉ huy vừa 19 tuổi. Ngọc đánh Pháp đại bại. thế là về phần bắn súng chính nhân dân Việt Nam bắn trước. Pháp khởi đánh chiếm cả thị trấn Hải Phòng. Hoàng Hữu Nam thay Võ Nguyên Giáp xuống điều đình. Pháp đòi bắt toàn thể tự vệ Khu 7 và tước vũ khí của toàn bộ tự vệ. Hoàng Hữu Nam muốn chịu, nhưng nhân dân không chịu, thế là mất Hải Phòng.

Rồi mất Lạng Sơn.

Sau dĩ nhiên đến Hà Nội. Lính Pháp, qua phố hàng Bún, làm cỏ người, đốt nhà, mong Việt Nam đánh lại. nhưng Hồ Chí Minh van xin nhân dân, van xin Pháp. Dân tạm nghe, nên Pháp lo mất cơ hội. Bèn, ngày 16 tháng 12, Morlière viết thư cho Giáp.

Thư cộc lốc:

“Quân đội của ông không giữ được trật tự. Kể từ 8 giờ sáng ngày 20 tháng 12, quân đội tôi sẽ giữ trật tự lấy”.

Giữ trật tự, nguyên lai là nhiệm vụ của Tiếp Phòng Quân. Ra điều Giáp không giữ được cho nó 500 đồng bào của hấn khỏi bị giết hại, thì Morlière sẽ thay Giáp, giữ cho đồng bào của Giáp khỏi bị hấn giết thêm 500 nữa. Đó là ý ngụy biện.

Còn tình? Còn sự thật? quân đội Pháp giữ trật tự trong thành phố rồi còn gì! Morlière thật là hay mới nghĩ được câu chuyện khôi hài lạ lùng! Khôi hài, nhưng y chờ đợi HỒ CHÍ MINH van xin, cầu khẩn và đầu hàng.

Đầu hàng? cố nhiên rồi! Hồ chí Minh đánh điện tới tấp cho Sainteny, d’Argenlieu, Moutet. Giáp xin gặp Morlière. Morlière không tiếp. Hồ mời, mời không đến, đành đi bộ đến Sainteny, Sainteny đóng cửa tạ khách. Nghĩa là chỉ còn 3 giải pháp: một là đánh, hai là hàng. Đánh , theo qua điểm của tướng Pháp, có khác gì tự tử, lại giết theo cả một dân tộc? bởi vậy, có lẽ Sainteny với Morlière cùng chờ đợi một bức xin hàng, đồng thời van xin một vài điều kiện nhỏ, để giữ thể diện với quần chúng.

Có người nói rằng sáng ngày 17/12 có nhiều đại biểu dân chúng đến xin đánh. Họ thuật lại: Hồ Chí Minh thờ dài, tỏ ý thương nhân dân điều linh cơ cực quá. Người ta cho rằng đó là giọng lưỡi của người Cộng Sản, xưa nay không biết thương, bây giờ thương, chính là để lấy cơ mà đầu hàng.

Nhưng dân chúng không chịu

Sáng ngày 19/12, báo hàng ngày đăng bức thư của Morliere. Hà Nội tức khắc vắng ngắt: đàn bà đem trẻ con đi hết trong buổi sáng, còn đàn ông, có người cùng đi, còn kẻ ở lại, phần lớn là đội viên “ sao vàng nền vuông”, chạy tíu tít đi vay đạn, mượn súng, mua lựu đạn. Đến buổi chiều, sát khí bừng trên khắp nẻo đường đô thành. Trời mùa rét nhưng ẩm áp, phố phường thưa người đi, người đi nào cũng bước những bước mạnh và dài. Toàn dân không một tiếng kêu, không một nét sợ hãi. Thật rõ rệt: Hà Nội nhận lời thách của Morliere, tự lệnh Sư đoàn Một trong bộ đội viễn chinh Pháp. Sư đoàn này, bên ngoài thủ đô, còn đóng ở bốn thị trấn “ cửa ngõ “: Hải Phòng, Lạng Sơn, Hải Dương, Nam Định.

Người ta nói: 6 giờ, trời đã tối mịt, có cuộc họp ở bắc bộ phủ. Cán bộ báo cáo về dân tình. Nhất định là nếu chính phủ đầu hàng, dân sẽ tự đánh. Nhất định là nếu Việt Minh hàng, một đoàn thể khác sẽ lãnh đạo kháng chiến.

Bởi thế

Ba phát đại bác cách nhau một phút một, ba hỏa pháo xanh tím xanh, tám giờ mười chín phút tối 19/12, tất cả tự vệ chiến đấu bỏ chạy hết. lũ chúng tôi, tự vệ Thành mà người ta gọi là tự vệ công tử, lũ chúng tôi đã khởi đầu cuộc kháng chiến toàn quốc

Tôi không muốn mang tiếng phản bội bằng cách cố dùng ngòi viết mà thuật lại những cử chỉ anh hùng của hơn hai ngàn chiến sĩ giữ Thủ đò trong tháng Chạp năm Ất Dậu. Là vì không có bút nào tả xiết, vả lại có tả cũng không mấy ai dám tin, rằng hơn 400 khẩu súng, đã cầm chân, đã chống trả lại năm nghìn quân thiện chiến. Người ta sẽ không tin rằng có em nhỏ tung dây thông lọng bắt được địch, thu được súng Thomson. (Một khẩu Thomson quý bằng vạn lạng vàng lúc đó!). Người ta sẽ không tin có em nhỏ hồn nhiên leo lên xe tăng, nắm soài trước tháp súng để bỏ lựu đạn vừa vịn vào lỗ châu mai của khẩu 12,7 ly. Em đó, sau này còn lồm cồm đứng lên, múa mãi hai tay reo, cho đến khi bị xe sau bắn vào lưng, đạn thoát ra phía trước, phá toang lồng ngực. Người ta lại càng không tin có anh sinh viên nhận nhiệm vụ căng dây thép qua đường Hàng Gai để treo chiếu lên đó, làm bức bình phong cho hai bên hè liên lạc được với nhau. Anh sinh viên có lạ gì Pháp đóng ngay trên Tự Hưng lâu phía trước? Thế mà anh đi thông thả, vừa đi vừa gỡ cuộc dây cho khỏi mắc vòng nọ vào vòng kia. Anh đi thông thả, bốn lần ngã, bốn lần dậy, khi vào đến tận trong hiệu thuốc Normalc, trao vòng dây còn lại cho tôi rồi, anh mới chịu ngã hẳn.

Và Trung không tin, cũng như tôi hôm nay vẫn ngờ ngợ, rằng đến lúc quy xuống lần cuối cùng anh Nguyễn Dương Minh vẫn cứ mỉm cười!

Thân ái Trung,

Tôi không muốn kể, mà vẫn kể, ấy là vì, ý ngoại địa, sức tưởng tượng của tôi không theo kịp được sự thật, nên thấy cần phải nhắc lại sự thật để cho chính mình khỏi hóa điên.

Tôi vẫn nói với Trung, khi trước, rằng điên có lẽ là trạng thái hoang lạc nhất của đời người. Nhưng hiện nay tôi không muốn, không thể điên: tôi đã nhận với Việt Minh một nhiệm vụ. Tôi hiện đương lĩnh trọng trách nắm vững tinh thần của tiểu đoàn 332. Công tác chính trị, trong lúc này, là công tác quyết định. Bởi chúng tôi thiếu thốn, chúng tôi bơ ngỡ (anh cán bộ tiểu đoàn là một sinh viên y khoa), chúng tôi hiện đương hăng hái và thèm khát giáp trận...nhưng riêng tôi với anh Quảng, tiểu đoàn trưởng, chúng tôi cùng biết nếu ngay lúc này gặp một đại đội địch, đơn vị của chúng tôi nhất định tan vỡ .

Chúng tôi lo sợ lắm. Nhiệm vụ lệnh vừa mới đến hôm qua. Chúng tôi không thể từ chối: chung quanh chúng tôi toàn là anh em trẻ tuổi hơn, lại kém chúng tôi kinh nghiệm chiến đấu giữ Liên khu I, chúng tôi đành nhận nhiệm vụ.

Nhiệm vụ lệnh mang tên chữ ký của Võ Nguyên Giáp, có Hoàng văn Thái, thiếu tướng tham mưu trưởng phó thực, có Bằng Giang đại tá khu trưởng Chiến khu 10 chiếu hội. Chúng tôi nhìn những chữ ký. Tôi nhìn Quảng, thấy Quảng nhìn tôi chằm chằm. trong ánh mắt Quảng sao lại chan chứa những ưu tư?

Tôi không hỏi, không dám hỏi, chưa dám hỏi. Nhưng tôi cảm thấy tôi lo buồn không kém gì Quảng. Bởi chúng tôi đã nhận một nhiệm vụ của Việt Minh. Chúng tôi đã mắc vào khe răng cửa của một guồng máy. Chúng tôi đã bị phản bội bởi số mệnh. Dưới quyền chỉ huy Cộng Sản, chúng tôi đã trở thành cán bộ. Không còn lòng nào ngụy biện, rằng chiến đấu để giành Độc Lập; chúng tôi biết, ngay từ bây giờ, rằng khi nào Độc Lập là Cộng Sản đã bạch đoạt chính quyền rồi.

Chúng tôi biết, nhưng đã lọt vào khe răng cửa của guồng máy. Vì sao? Vì chúng tôi là người, chúng tôi đã vùng dậy theo bản năng chống Pháp. Việt Minh cũng chống Pháp, Việt Minh cho chúng tôi phương tiện. Lẽ nào từ chối? Vả lại từ chối thì đi đâu, và làm gì? Chúng tôi cố nhiên

đã nghĩ đến trở về Hà Nội, liên kế với Pháp để diệt Cộng, rồi diệt Pháp sau dễ hơn. Giải pháp hữu lý . Nhưng không được: cứ tưởng tượng con mắt người Pháp không bao giờ giống con mắt người Việt, là đã đủ nỗi cơn cuồng nộ. Không được! Dù chúng tôi có muốn liên kết với Pháp, cứ nhìn vào đáy mắt của chúng tôi họ cũng đủ thấy chúng tôi căm hờn tới mực độ nào: họ sẽ giết chúng tôi trước. Và chúng tôi sẽ chết vô ích.

Đành nhẽ trong giai đoạn này theo Việt Minh, chờ giai đoạn sau Việt Minh về Hà Nội, lúc đó lại ra đi chống Cộng Sản. Chao ôi, Trung thân mến, Trung có biết bao giờ có một tuổi thanh niên phải sớm biết những đau khổ, nhưng lo nghĩ như bây giờ? Có bao giờ có một tuổi thanh niên hăng hái mãnh liệt, và thương yêu đồng bào với đất nước, và thật trẻ, thật đẹp như bây giờ!

Cứ điểm d.332,

Ngày 15 tháng 3, 1947, viết xong

Phú Thọ, Vũ lao, Ngày 29 tháng 11 năm 1952

Thân ái Trung,

Và thế là hết! Bức thư viết cho Trung chưa gửi, thì bức thư này đã phải bắt đầu. Phải bắt đầu giữa một cơn căm giận thấu trời, mà cũng giữa những phút nhẹ lòng kỳ lạ: Bạn của Trung đã được đuổi ra khỏi đơn vị, đã nghe tuyên án 42 năm khổ sai, đã trốn, và hiện nay đang ở trên đường len lỏi để vượt qua sông Thao, sang Nghĩa lộ.

Bạn của Trung, đêm hôm nay thao thức quá. Nên mượn đĩa đèn dầu của bà chủ nhà để soi rõ tờ thư viết cho Trung. Bà chủ nhà là chị Tường Vân, vợ của bạn chúng ta là Nguyễn Văn Nhiều. Nhiều mới bị đầu chết. Vợ Nhiều bị đuổi ra khỏi đồn điền Khải Xuân, lên đây dựng chóp lều bán mái này bên mộ Nhiều để khóc chồng. Tôi vừa về qua hồi gần nửa đêm, nghe tiếng nước nở thì vào thăm, ai ngờ gặp chị Tường Vân.

Chị Tường Vân giữ tôi lại, luộc khoai cho ăn, rồi chúng tôi lại khóc Nhiều. Riêng tôi, tôi khóc cả Quảng.

Quảng đã chết! Nếu quả thật một mối hận có thể kết tinh lại dưới một nắm mộ, thì những nỗi uất ức trong lòng Quảng sẽ phải là một phiến đá, hay một hạt minh châu, không có bàn cân nào cân nổi ở đời này. Bởi câu chuyện của đời Quảng, tôi chưa biết có cây bút nào trên thế gian đã viết ra những nỗi thương tâm, cùng với những niềm yêu dấu, hy sinh, tôi đã thấy trong tâm hồn Quảng.

Quảng là cán bộ tiểu đoàn, năm 1947. Nhưng tôi đã nói Quảng vốn là sinh viên trường Đại học Y khoa. Không có gì báo trước rằng người thanh niên ấy sẽ trở nên một chỉ huy quân sự. Quảng có mẹ già, bà mẹ suốt ngày chỉ còn thu gọn đời sống vào ba việc: Mỗi buổi sáng thắp một nén hương trên bàn thờ ông chồng quá vắng giữa năm Tân mùi, mỗi buổi chiều lần đủ tám mươi tư vòng tràng hạt, và mỗi khi Quảng có sự gì buồn rầu, bực bội hay tức giận lộ ra nét mặt, thì khẽ gọi: “Quảng, con!”.

Nghe tiếng gọi, Quảng tức khắc rũ bỏ tất cả những ý nghĩ không xứng đáng là của người quân tử. Anh đến ngồi bên cạnh mẹ, thấp hơn một chút để mẹ nhìn xuống mà thấy mái tóc xanh của mình, và cúi đầu: “Mẹ tha thứ cho con”!. Rồi sau đó, hai mẹ con anh lại ngồi rất lâu như vậy, tuy không ai nói một lời nào nữa, mà mẹ biết con, con biết mẹ cũng nghĩ đến người cha, người

chồng tôn kính.

Bởi cha Quảng là một bậc quân tử. Cụ Cử đỗ đồng khoa với thân phụ tôi, Quảng có nói tôi mới biết, song vào giữa lúc một người từ giáo ban 2 sang chính ban, thì một người từ giáo ban về quê làm ruộng. Ngày một sáng đi cày, một chiều dạy học, cụ Cử Vân xa tựa như người không hề gặp một sự gì đáng buồn trong cuộc đời. Cụ hiếm muộn, tới ngoài bốn mươi tuổi chưa sinh con trai, cũng không có vẻ lấy thế làm phiền lòng. Kịp khi Quảng ra đời, cụ hình như cũng không lấy thế làm vui mừng quá lắm. Rồi một ngày kia lính mật thám ập vào nhà, xích tay cụ giải ra xe, xích tay Cụ dong lên tàu đi Hải Phòng để đi Côn lôn, nét mặt cũ vẫn không thay đổi. Trên thềm phòng đợi của hành khách hạng nhất, hôm đó dành cho chính trị phạm, Cụ bà ẵm Quảng đến lạy biệt cha, chỉ nghe Cụ dặn lại một câu đơn giản: “ Bà về nuôi con. Nó lớn lên thì dạy nó cho nên người”. sau ngưng lời một phút, Cụ nói tiếp: “ Làm thì làm cho tận sức, rồi bình tâm!”. Có thể thôi. Người đi chẳng bao giờ về với vợ con nữa!

Tôi biết về cha Quảng có thể. Có lẽ chính anh cũng được biết về cha anh có thể. Mẹ anh là người chỉ cầu cứu đến chồng mỗi khi dạy con, con tỏ vẻ cứng đầu, rần mắt. Những lúc ấy, theo lời Quảng, mẹ anh khóc: “ Ông ơi! Ông có thương tôi thì về dạy con giúp tôi!”

1: Tân Mùi “Yên Bái”: 1931

2: người Pháp mở đầu cuộc báo hộ bắc kỳ bằng cách lập ra trường Hậu bổ cho các nho sĩ có khoa bảng. Trường này có hai ban: học giáo ban thì ra làm giáo thụ, huấn đạo, đốc học, chính ban làm trợ tá, tri huyện, tri phủ. Có một thời kỳ Pháp cho phép những người “ trót” theo giáo ban được xin đổi sang chính ban hoặc ngược lại.

Thì những lúc ấy, vẫn theo lời Quảng, anh thấy tim anh như thật vỡ nát làm nhiều mảnh. Anh có thể có lỗi , anh có thể bị hiểu nhầm hay bị oan uổng, nhưng mặc dù thế nào, anh vẫn thấy một niềm hối hận mênh mông trong tâm khảm. Mẹ anh chỉ còn anh, làm cho mẹ buồn, ấy là anh đã có tội lắm rồi.

Quảng nghĩ về mẹ như thế, cho nên đến lúc lớn, anh nhờ mẹ dạy mà tâm tính giống cha như in. Anh thuần hậu, điềm đạm, không bao giờ to tiếng cũng như không bao giờ để lộ vẻ đau buồn ra nét mặt. Tôi biết anh năm năm, thân với anh bốn năm, mà chỉ có một lần thấy nét ưu tư lộ trong tia sáng ở nơi mắt anh. Tôi đã kể với Trung, đó là buổi chúng tôi cùng nhận được nhiệm vụ lệnh chỉ huy tiểu đoàn 332.

Hôm ấy, Quảng lặng nhìn ra sân rất lâu. Sân đất thịt lầy lội, đầy những vết chân người đi, những vết trượt ngã. Quảng hình như muốn đếm những chân từ thềm nhà ra bờ tre. Nét mặt chăm chú của anh rõ ràng biểu lộ tâm hồn anh đang theo dõi một ý nghĩ nhất định. Mãi hơn một năm sau, sau khi cùng chết hụt nhiều lần, tôi mới biết hôm đó anh đã phải đau khổ lắm để chọn lấy một con đường. Chúng tôi thân được nhau là nhờ cùng đau khổ như vậy.

Nhưng hoàn cảnh của Quảng ác liệt hơn hoàn cảnh của tôi nhiều lắm, Bởi kẻ phản bội đã phá vỡ chi bộ Lang tài của cha anh chính là một lãnh tụ trong mặt trận Việt Minh hiện tại. Anh nhờ gia huấn , không thù oán. Nhưng anh làm sao mà cùng đứng với hắn trên cùng một vị trí , và cùng đi với hắn theo cùng một con đường? Lại thêm nữa, mẹ anh già, bốn con anh dại, một mình vợ anh không có lấy trăm bạc trong tay, làm thế nào vợ anh lo được đủ sống cho gia đình, lúc bấy giờ còn điều linh trên con đường mòn nào đó miền Ấm Thượng?

Thế là, rút cuộc lại, anh cũng như tôi, chúng tôi không tìm thấy lối thoát. Đi không xong, ở lại thì không nên, chúng tôi đành hãy làm những việc phải làm ngay trước mắt. Riêng may cho anh,

trong cơn nã nề ấy, anh còn có một kỷ niệm thiêng liêng, một lời dặn của người cha thương con chí tình truyền lại: “ Làm cho tận sức, rồi bình tâm!”.

Cũng nhờ giữ được bình tâm mà anh làm trọn được nhiệm vụ của anh khó khăn bằng trăm lần nhiệm vụ của tôi. Chúng tôi chia nhau phận sự nắm một tiểu đoàn, nhưng về phần tôi, tôi đã có lòng yêu nước chứa chan trong quân ngũ giúp sức. Tôi chỉ có việc đem cái mong mỏi tha thiết của tôi về một ngày độc lập ra mà nói với anh em trong đơn vị, là tức khắc, trong những cảnh gieo neo nhất, một luồng sinh khí mạnh mẽ lại tràn ngập tâm hồn mỗi đứa chúng tôi.

Còn về phần Quảng, anh đã phải học tất cả ở thực tế. Một tháng kinh nghiệm giữ Thủ đô hầu như không được việc gì . Anh bỡ ngỡ hết sức khi thấy hơn bốn trăm tay súng nghiêm trong hàng mà chờ lệnh của anh. Anh không biết nói gì, cũng không biết bảo họ làm gì hết. Anh đi đi, lại lại nhiều vòng , rồi rút cuộc, anh thú thật trước tiểu đoàn sự bất lực của mình. Anh chờ đợi chúng tôi cười rộ lên. Nhưng trái lại, chúng tôi xúm lại bên anh, đưa nào cũng cảm động rưng rưng nước mắt. Chúng tôi thấy ở anh người anh hùng giản dị của tinh thần khởi nghĩa, của sự mạng chiến đấu giành độc lập. Chúng ta đã chân thành mỗi người bày tỏ một vài ý kiến, một vài sự hiểu biết về tổ chức và chỉ huy một đơn vị chính quy.

Cả tiểu đoàn thức trắng một đêm không ngủ. Chúng tôi thảo luận, rút kinh nghiệm, thảo luận cho đến khi cùng hiểu rằng đơn vị chúng tôi không hề là một bộ đội chuyên nghiệp, bởi chỉ gồm những người dân, những thanh niên tự nguyện chiến đấu vì tổ quốc. Chúng tôi thấy không cần phải có kỷ luật sắt để giữ người tự giác. Chúng tôi chắc chắn giữ được mình làm đơn vị gương mẫu trong binh tại. Còn chiến đấu, có một mình còn chiến đấu được, huống hồ có tới ngót năm trăm anh em? Bởi thế, chúng tôi quyết định tất cả sẽ cùng một lúc tìm học chiến thuật, chiến lược, là điều đầu tiên thiếu thốn. Sẽ cùng học, rồi cùng trao sự học ấy cho Quảng, miễn Quảng ở lại với đơn vị.

Quảng đã ở lại. Chúng tôi theo Quảng từ Bông Lau, qua Sông Lô, vào Bình Trị Thiên 1 . Tiểu đoàn chúng tôi đã đoạt giải thưởng Rèn cán Chính quân. Quảng đã mất một cánh tay phải ở trận công kiên Hòa Bình, khiến cho quân Pháp riễu anh là “ Hồ cụt tay”.

1: Bông Lau: giữa Cao Bằng và Lạng Sơn, trên đường số 4. Sông Lô: Giữa Tuyên Quang và Việt Trì. Bình Trị Thiên: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

Chúng tôi đã cùng nhau trải qua không biết bao nhiêu gian khổ. Hơn bốn trăm anh em lúc đầu, ba năm sau còn sống vồn vẹn có một trăm bảy mươi hai đứa. Một trăm chín đứa đã bị điều đi đơn vị khác. Tụi còn lại, kể cả Quảng lẫn tôi, có sáu mươi nhăm mạng. Nhưng kể ở hay người đi, tôi dám chắc không ai quên được cái đêm tháng Tư chúng tôi khai hội buổi đầu tiên, trên một ngọc đồi vùng Phú Lộc. Đêm mồng bốn rạng mồng năm ấy, một đơn vị kháng chiến thoát thai từ tấm lòng lũ chúng tôi dốt thật, nhưng chân thành tin tưởng.

Thân ái Trung,

Trung đã biết một đôi điều về Quảng. Gia đình Quảng nghèo lắm. Quảng còn nghèo hơn nữa, mặc dầu ban Chỉ huy tiểu đoàn sau này đã có khá nhiều tiền kinh phí. Quảng có lúc giữ trong quỹ tới trăm vạn, mà, theo tôi biết, không bao giờ Quảng hút vào gói thuốc lá của ban Chỉ huy mua thết khách. Quảng còn tiết kiệm, đến nỗi anh không tiêu một đồng nào vào số tiền sinh hoạt phí của anh còn thừa hàng tháng. Anh cóp nhặt, dành dụm, mỗi khi được bạc trăm lại nhờ người em đem về Ấm thượng biếu bà mẹ anh.

Lòng thương con còn tha thiết hơn thế. Anh nhặt từng tờ giấy còn một mặt trắng đem cất đi, chùng nào đủ đầy thì đem đóng lại cho chúng làm vở tập viết. Anh giữ lại bất cứ một thứ gì đẹp mắt có thể làm đồ chơi cho lũ trẻ, kể từ cái bao hộp dầu Con Hồ, đến tấm ảnh tô màu thành phố Venise. Cảm động nhất, là những buổi trú quân nhàn nhạ, anh mày mò tìm vật liệu làm cho thằng Châu, đưa con trai lớn, cây súng cao su, hay nặn cho đứa con gái bé những con mèo, con chó bằng đất. Bàn tay sinh viên của anh vung về, thường làm hỏng những con giống sắp thành hình. Lúc đó, anh buồn rầu buông lời mấy mảnh vụn xuống đất. Anh thở dài và lắc đầu nhẹ nhẹ để tỏ dấu thất vọng. Nhưng chỉ một lát sau anh lại kiên nhẫn bắt đầu một con giống khác...

Như thế là anh đã mang trong bản thân cực nhiều mâu thuẫn. Anh hình như có tài đứt tâm hồn anh ra làm hai phần không những riêng biệt mà còn đối lập. Phần thứ nhất, sống cho công vụ, cho chính phủ, cho Đảng, cho kháng chiến: hăng hái, quả cảm, cũng mãnh. Phần thứ hai, sống cho gia đình, cho bằng hữu: Chí tình, đảm thắm, nương nhẹ lòng người như nương nhẹ cánh hoa.

Tôi nhớ, tháng Mười năm 1947, được lệnh truy kích binh đoàn Vanuxem từ Tuyên Quang về Đoan Hùng, quân Pháp đi pháo thuyền, chúng tôi đi bộ. Nhiệm vụ của chúng tôi là tiêu hao tinh thần địch bằng những trận đột kích nhỏ, nhằm làm cho địch mệt mỏi và đồng thời trở nên khinh thường quân đội kháng chiến. Bộ Tư lệnh Liên khu đã chỉ thị rõ rệt: Quân Pháp có khinh địch, trận phục kích của đại đội trọng pháo mới có hy vọng thắng lợi. Và quả thế, đến khúc Sông Lô dưới Đoan Hùng từ 8 đến 11 cây số, pháo thuyền Pháp không có lục quân đi trên bờ yểm hộ, lại thêm binh sĩ vui hát, nhảy múa trên sân tàu, cơ hội thật đẹp cho hai khẩu 75 ly bắn mỗi khẩu hai viên đạn. Một trong bốn viên trúng đích cách mười sáu thước, xuyên qua làn giáp mỏng của chiếc L.S.T rồi nổ tung ngay giữa hầm máy và hầm đạn. Chiếc pháo thuyền đứt làm hai mảnh.

Đó là trận Sông Lô năm 1947. Giá trị chiến đấu thuần túy chẳng là bao đâu, nhưng về tinh thần thì “Chiến thắng Sông Lô” quả là một luồng gió ngược, thổi lồng lộng cho tiêu hao hầu hết những tư tưởng bi quan, chủ bại. Có thể nói rằng toàn thể đồng bào ta đã ăn mừng Chiến thắng Sông Lô. Riêng gian khổ nhất tiêu đoàn chúng tôi, đi bốn ngày ba đêm không nghỉ, khi ngược lên, khi xuôi xuống theo tin tức của các tổ quân báo mà họa có nghỉ chân, ấy là để đào thật gấp những hố cá nhân ven bờ sông. Rồi nấp trogn hố bắn những băng đạn vu vơ vào các khối sắt đen chúi chúi trên mặt nước, rồi vọt lên khỏi hố, mau mau xa lánh những bộ đội địch vừa mới lên bờ truy nã; rồi sau hết, lại băng mình lên phía trước, để tổ chức một cuộc phục kích thứ hai, thứ ba, thứ tư nữa!

Bốn ngày ba đêm không nghỉ, không chớp mắt. Nước khe, nước lạch, hay nước cũng trâu đầm. Cơm vài nhúm gạo rang nhai cho thật kỹ với chút muối trắng (ai vợ được vài nhánh tỏi là người ấy có bữa thịnh soạn!). Bốn ngày ba đêm, chống lại tất cả mọi định luật về sinh lý, chúng tôi vượt 320 cây số, cộng thêm chính trận phục kích. Chúng tôi không đi bằng chân mà đi bằng óc. Chúng tôi mù người trong sự cố gắng kinh khủng. Cố gắng vì yêu nước, vì thù giặc, vì Quảng nữa.

Vì Quảng luôn luôn đi đầu. Anh mắt hấn nụ cười, anh quắc nhìn mấy đội viên kêu mệt. Mệt thật, nhưng hồ thẹn và xúc động bởi tấm gương chỉ huy, không một ai dám lùi trở lại. Cả những lúc đạn địch chằng lưới trên đầu, không một ai kịp sợ chết. Có lẽ cũng vì thế mà cả tiểu đoàn không có một người bị thương, trừ một tên bị bạn đồng đội cuốc một phát đứt phăng nửa ngón chân cái với đầu ngón chân bên cạnh. Thế mà chúng tôi vừa về đến bến Then, vừa nằm lăn xuống đất chưa kịp ngủ, là hấn đã tập tễnh chống gậy theo kịp, mặt hấn nhăn nhó tưởng khóc mà hóa ra cười. Khi tháo bỏ manh giẻ rách quấn chân hấn, chúng tôi chỉ thấy lẫn với đất bùn, có một mớ lá chuối nhai giập giập. Thế mà hấn khỏi.

Hoàn cảnh của hắn vẫn chưa phải là lạ nhất. Biết bao nhiêu hoàn cảnh khác, bất chấp khoa học, của những kẻ bị đến mười phát đạn trong mình mà không chết, hoặc bị đứt 1 cánh tay rồi để hai ngày không có thầy thuốc săn sóc cũng không chết....Tôi đã nói chúng tôi sống bằng tinh thần nhiều hơn bằng vật chất. Đối với Trung, có đâu phải là một câu lừa dối!

Nhưng cái làm cho tôi lạ lùng nhất vẫn là thái độ của Quảng. Ngay sau trận Sông Lô, tôi về đến Phú Lộc là ngủ 1 giấc say như chết. Khi tỉnh dậy, đi tìm Quảng, thấy anh đương lần mẩn cắt cắt, chấp chấp những mảnh sắt tây vụn. Tôi lại gần, anh đưa ra khoe một cái bàn với bốn cái ghế đặt vồn vện trong lòng bàn tay:

- Chú bé Cu nhà mình được cái này là khoái lắm đấy nhé!

Giọng nói của anh hiền hòa, thắm thía. Nhớ con bé và nghèo, làm đồ cho con chơi, một người cha để quên trận vào sinh ra tử chưa qua được trọn một ngày!

Thế là Trung đã biết nhiều về Quảng. Quảng với tôi gần nhau không bao lâu đã thân tình như ruột thịt. Tôi hơn tuổi, được Quảng coi như anh, nên đã nhiều lần được nghe Quảng đem tâm tình ra thủ thỉ.

Trung đã biết Quảng mồ côi cha từ nhỏ. Cụ Cử Vân xa bị bắt đày đi Côn lô bởi có người đồng chí tố cáo. Người đồng chí này hiện là một trong những lãnh tụ Việt Minh. Quảng chỉ còn mẹ già. Vâng lời mẹ, Quảng lấy vợ, thương yêu vợ, rồi thương yêu con. Trước kháng chiến, Quảng là người của gia đình. Kháng chiến bùng nổ, Quảng đặt đất nước lên trên gia đình. Cuộc đời của Quảng giản đơn có thể thôi.

Cuộc đời của Quảng đã dồn cho kháng chiến. Kháng chiến là quân đội, là Tiểu Đoàn 332. Bao nhiêu tậm huyết, bao nhiêu sinh lực trong Quảng đã dồn cho Tiểu Đoàn 332. Quảng thương yêu đơn vị hơn thương yêu mẹ, hơn thương yêu vợ con. Có thể nói đơn vị là con anh, anh sinh đẻ ra nó, nuôi dưỡng nó, trông thấy nó lớn mạnh, trông thấy nó trưởng thành. Anh có lúc nói với tôi: "Quảng không thể sống xa đơn vị". Có lúc anh lẩn thẩn, không muốn cho chiến tranh chấm dứt, để ở lại với đơn vị.

Cốt giữ lấy đơn vị, anh đã vào Đảng. Nói cho đúng ra thì Đảng vẫn coi anh là người trong tổ chức, bởi tin lòng anh kiên trung, cương quyết. Còn phần anh, anh không ghét Đảng, mà chỉ ghét tính đảng phái. Anh không muốn vào Đảng mà vẫn vào Đảng, ấy là để giữ lấy đơn vị. Đơn vị là mẹ, là vợ, là con anh cộng lại.

Anh không thể sống xa đơn vị. Cho đến khi đơn vị phản bội anh là anh phải chết. Chết như những người cha bị giết bởi đứa con chính mình sinh, dưỡng. Chết vì bị mấy phát đạn bắn vỡ lồng ngực, mấy phát đạn từ những khẩu súng của đơn vị. Nhưng trước khi chết thật, tôi biết anh đã chết trong lòng, đứt từng khúc ruột.

Trung có biết rằng Quảng bị chính đơn vị mình đấu chết? Quảng bị những đội viên, một thiểu số đã cùng anh vào sinh ra tử, đêm mồng Bảy vừa rồi, họp thành tòa án đặc biệt tuyên bố anh có phản nhân dân, có phản Đảng, và xử tội anh phải chết bắn.

Trung lấy làm lạ lắm? Than ôi! Bạn Trung cũng không biết gì hơn nữa, ngay trong lúc ấy. Bạn Trung, quên không nói, đã rời bỏ nhiệm vụ, mới là trưởng ban văn nghệ tiểu đoàn. Cũng vì thế, nên mãi đến khi phong trào đấu tranh chính trị được công khai phát động, bạn của Trung mới biết.

Thì đã muộn, Quảng đã bị giam cầm rồi, vì sao mà bị giam, chính Quảng cũng không biết. Chỉ biết rằng, có lệnh của Chính ủy Đại đoàn cho Quảng viết tờ bộc lộ, Quảng không biết viết tờ bộc lộ ra sao nên bị giam xuống chuồng trâu. Tôi, mặc dầu có lệnh cấm, nhiều lần lén xuống thăm Quảng. Tôi hỏi nhiều, nhưng Quảng chỉ im lặng. Tôi đoán già: Có lẽ Quảng bị kẻ nào thù ghét. Tôi uất ức, nhiều lần cầm tay Quảng mà trào nước mắt. Quảng vẫn im lặng (bây giờ nhớ lại, tôi mới thấy Quảng, bằng sức mạnh của tinh thần, đã vượt lên trên sự đau đớn, và tách rời khỏi cả sự sống của thể xác!).

Tôi thương Quảng tưởng hóa điên. Tôi lòng lộn lên Khu, về đại đoàn bộ để cầu cứu. Người ta rõ ràng ghẻ lạnh và khinh bỉ tôi. Chính trị viên tiểu đoàn gọi tôi lên cấm chỉ mọi quan hệ với Quảng. Tôi không chịu, nên hấn nhót tôi vào chuồng trâu, thay cho Quảng bị đem giam trong cái cũi lớn để giữa sân.

Chúng tôi bị giam như thế ngót một tháng rồi mới đến ngày xử án. Tôi ở ngoài chuồng trâu chỉ nghe tiếng ồn ào la hét. Thỉnh thoảng lại có tiếng gào lên buộc tội Quảng: Nào là rủ đồng chí theo Pháp, nào là mưu giết tướng tổng tư lệnh. Thêm có những kẻ dám nói đã bị gia đình Quảng bóc lột, gia đình Quảng có hơn một ngàn mẫu ruộng, gia đình Quảng có mười hũ vàng. Tôi nghe lời buộc tội Quảng mà dựng tóc gáy. Duy không thấy Quảng trả lời. Anh vẫn im lặng, lúc ra khỏi tòa án nhân dân mặt mũi sưng tím, cũng như sáng tinh sương, hôm sau bị bịt mắt dẫn ra phía đầu làng.

Tôi thương Quảng mê cả người. Tôi mãi mãi nhớ cặp mắt lúc nào cũng trong sáng của anh, cũng như tâm hồn anh thương con, yêu mẹ. Tôi bị khép tội đồng đảng với anh, bị tuyên án 42 năm khổ sai. Nhưng mới qua được hơn một ngày, thì có người đội viên cũ, cắt dây trói cho tôi, rồi cùng với tôi trốn khỏi cứ điểm.

Chúng tôi đi đêm, ngày ngủ trong những bụi cây thật rậm. Chúng tôi thoát được từ Bắc Cạn về đến đây, không bị lạc trong rừng, không bị đuổi theo kịp, không sa vào những trạm gác của dân quân du kích, nhờ chúng tôi đã thuộc lòng những con đường mòn của khu rừng mông mênh gồm bốn tỉnh Bắc, Thái, Tuyên, Phú.

Trong đêm đen đặc, chúng tôi đi, mắt mở cũng như nhắm, chân bước theo linh tính nhiều hơn theo suy nghĩ. Chúng tôi đi, bước đều chân trong rừng khuya, và càng đi càng nhớ những đêm hành quân hồi trước. Những khúc thẳng, những khúc quanh, những dốc cheo, những khe sâu hun hút, cảnh không trông thấy, mà biết là có, vì cảnh với người, với sức sống, hình như quyện lấy nhau, hòa vào nhau làm một. Một niềm vui, một niềm hân hoan, tin tưởng.

Nhưng tất cả đã xa xôi, vì đêm nay tôi chỉ còn một thứ đau đến tê lạnh trong người. Một tiếng gọi thầm: “Quảng! Quảng! ...” Tiếng gọi gọi mãi, gọi mãi theo nhịp chân. Nhịp chân bước đều, đều đến nỗi không gian dưới bàn chân như liền lại, thành một con đường, con đường thật, con đường làm bằng những bước chân của người đi. Như tiếng gọi thầm tên Quảng, bao nhiêu tên Quảng nhắc theo bấy nhiêu bước chân, cũng liền lại, làm ra một sợi dây xúc động trong tâm ý. Càng gọi, xúc động càng thêm đông đặc, cho đến lúc thành một thứ tinh túy, chiếm đoạt cả ý nghĩ của người gọi, rồi tràn ngập cả ra ngoài không gian tối, vắng. Lúc đó, Quảng như hiện lên, đi bên cạnh người đi, chung với người đi một ý nghĩ và thương yêu người đi bằng một tình thương yêu thần thánh.

Tất cả đau khổ tan biến ngay. Tất cả oán hờn dẹp lại. Tâm hồn tôi thoảng chốc lẳng xuống như nước trong. Tôi nghĩ đến Quảng, đến tôi, như nghĩ đến một người xa lạ khác. Cái chết của Quảng cũng như sự trốn tránh của tôi, tôi tưởng là những sự kiện nào đó, đã xảy ra từ lâu lắm.

Tôi bất chợt thấy mình đương lý luận về mình và về bạn một cách lạnh lùng, sáng suốt. Trí tuệ ở trong tôi hầu như có một sức mạnh kỳ dị giúp đỡ, đã gạt hẳn sang một bên những rung cảm của tâm hồn.

Tôi nghĩ: “Quảng chết, cũng như tôi bị kết án tù, cũng như chúng tôi nhận công tác với Việt Minh năm năm về trước, ấy là vì chúng tôi đã mắc vào vòng răng cưa của guồng máy chiến lược đấu tranh của những người bên sơ vích”.

Thân ái Trung,

Tôi muốn vội chia tay với Trung sự tìm thấy. Sự tìm thấy những giai đoạn chiến lược:

Giai đoạn Một, lấy độc lập làm mới, dùng tiểu tư sản mị quản chúng. Giai đoạn Hai, lấy kháng chiến làm mới, dùng tiểu tư sản nắm quản chúng. Giai đoạn Ba, lấy quyền lợi làm mới, dùng quần chúng diệt tiểu tư sản (bắt đầu từ đoạn thư này, tôi lo rằng hoàn cảnh sẽ bó buộc tôi phải viết cho Trung những dòng luận thuyết khô khan, và đòi hỏi ở Trung nhiều chú ý hơn trước. Tôi đã cố tránh cho Trung cái “nạn” ấy, nhưng xét cho cùng, Trung thật ra cũng cần phải biết Việt Minh trong lĩnh vực chính sách và chiến lược đấu tranh chính trị. Có như thế, Trung mới thật hiểu được giai đoạn lịch sử vừa qua của toàn dân).

Nói đến hai chữ giai đoạn, hai chữ thật cũ mà thật mới, Trung nên hiểu rằng đây là một danh từ được đem áp dụng vào sự tổ chức, vào sự hoạt động. Giai đoạn không còn riêng dùng trong việc phân chia một dòng lịch sử dài đặc: Giai đoạn Bắc thuộc, giai đoạn tự trị... Giai đoạn hiện nay, thường được dùng vào việc cắt đứt một chương trình hành động làm nhiều phần, mỗi khi có sự thay đổi trong chủ quan hay trong khách quan. Cách dùng hai chữ “giai đoạn” như thế này chắc hẳn đã có từ lâu ở nơi khác nhưng riêng trong nước ta, và theo sự hiểu biết của tôi, Việt Minh đầu tiên đem dùng hai chữ ấy một cách thiết thực, liên hệ ngay đến công việc trước mắt và mai sau.

Việt Minh nói (và viết): Cuộc kháng chiến sẽ có ba giai đoạn, sự thực hiện một thế giới theo Cộng Sản chủ nghĩa có ba giai đoạn. Như Trung biết, đã có hẳn những tập sách nghiên cứu tỉ mỉ về những vấn đề ấy. Duy Việt Minh không bao giờ nhắc nhở đến những giai đoạn của một công việc tiêu diệt tiểu tư sản. Bởi một lẽ giản dị: Việt Minh đâu dám công bố những chủ tâm lợi dụng tiểu tư sản, mê hoặc dân chúng, lợi dụng dân chúng? Trừ khi họ đã hoàn thành được nhiệm vụ của giao đoạn, nghĩa là tiêu diệt xong giai cấp tiểu tư sản.

Tôi trước hết muốn Trung hiểu rằng trong chính sách của Việt Minh, giai cấp tiểu tư sản không có nghĩa là giai cấp của những người có tài sản trung bình, không lớn quá để thành đại tư bản, không nhỏ quá để thành vô sản. Theo Việt Minh, tiểu tư sản là những ai có đầu óc tham luyến của cải, của cải theo nghĩa vật chất, theo cả nghĩa tinh thần. Một vị bác sĩ có tài chữa bệnh, coi cái tài ấy là của riêng của mình; một nhà văn viết những đoạn thiên hay, coi cái hay ấy là của riêng của mình; thì tất cả đã là những con người tiểu tư sản, bất chấp vị bác sĩ có thể rất giàu, anh đầu bếp có thể nghèo và nhà văn có thể phải chạy ăn mỗi ngày, mỗi bữa.

Tiểu tư sản, theo định nghĩa Việt Minh- Cộng Sản- có thể coi là gồm tất cả mọi thứ người trong xã hội (kể cả những người hành khất, tôi sẽ nói vì sao!), ngoại trừ hai hạng người. Hạng người đại tư bản có đủ tiền bạc, ruộng đất, hãng buôn hay xí nghiệp, nói chung là có đủ phương tiện sản xuất, để trực tiếp tham dự vào công việc tổ chức và chỉ huy nền kinh tế trong nước. Hạng thứ hai, coi như đối lập với hạng trên, được gọi là vô sản khi nào từ vật chất đến tinh thần đều lệ thuộc vào một cơ cấu chỉ huy độc nhất. Thí dụ: người Cộng Sản, Trung chắc hẳn đã thấy ngay rằng Việt Minh như thế là định chia xã hội loài người làm ba phần, một phần theo để làm

cơ sở cho Cộng Sản, một phần là cái cơ cấu chỉ huy của những chính quyền tư sản-mà Cộng Sản phải đánh thua để cướp lấy quyền lực-phần thứ ba gồm tất cả những người còn lại. Sự phân chia rõ ràng có tính cách chiến lược, bởi vì họ mặc dầu lấy chữ “sản” làm tiêu chuẩn phân định từng thành phần, mà thật ra họ chủ tâm chia xã hội làm làm bạn, thù, và trung lập.

Việt Minh và Cộng Sản (công khai) vẫn nói rằng tiểu tư sản trung lập với họ, họ trung lập với tiểu tư sản. Họ cho rằng tiểu tư sản không quyết liệt phò tá đại tư bản trong công cuộc thống trị xã hội bằng phương tiện sản xuất, nhưng, ngược lại, tiểu tư sản cũng không tham gia vào hàng ngũ của họ để xây dựng cách mạng vô sản. Gần đây, một lý thuyết gia Trung Cộng là Lưu Thiệu Kỳ còn cho rằng tiểu tư sản không phải là một giai cấp, bởi không có ý thức quyết tâm đấu tranh để bảo vệ quyền lợi và uy thế của giai cấp của mình, và cũng không oán thù, căm tức các giai cấp khác. Lưu Thiệu Kỳ từ đó gọi tiểu tư sản là một “ý thức”. Ý thức tiểu tư sản sẽ theo về giai cấp nào thắng lợi trong cuộc giai cấp đấu tranh, đó là chủ trương và sự tiên đoán của Karl Marx.

Quan niệm của Việt Cộng (Việt Minh, Cộng Sản) đã như thế, đáng lẽ ý thức tiểu tư sản phải được để cho yên ổn. Đã như thế, tại sao Việt Cộng nhằm tiêu diệt tiểu tư sản trước hết, trước khi khởi sự giao tranh với đại tư bản?

Theo ý tôi, có lẽ trước hết tại tất cả những gì Việt Cộng nói về tiểu tư sản đều là man trá. Họ vốn không công nhận có thể có một thái độ trung lập trong lịch sử, thì tiểu tư sản làm thế nào mà đứng trung lập cho được? Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là ở Việt Nam không làm gì có đại tư bản, nếu không kể đến người ngoại quốc, tức là người Pháp, đã được liệt vào loại xâm lăng thống trị. Việt Cộng thành ra không có kẻ thù chính, lẽ tất nhiên quay lại diệt kẻ thù phụ.

Nhưng đã nói ý thức tiểu tư sản sẽ theo về bên thắng trận. Ý thức tiểu tư sản sẽ theo về Việt Cộng. Thì làm sao có thể biến thành kẻ thù, dù chỉ là kẻ thù phụ? Tôi nghĩ rằng đây là lý do thứ ba vì sao Việt Cộng nhắm tiêu diệt tiểu tư sản. Lý do đó, là tiểu tư sản mới thật là kẻ thù của họ.

Vì sao? Vì Việt Cộng chủ trương, ngay trong lý thuyết, tiêu diệt tự do cá nhân. Mà chống lại chủ trương đó là ai, nếu không phải là những nhà trí thức trước hết: Những bác sĩ, luật sư, kỹ sư, những văn nhân, thi sĩ, nghệ sĩ, hầu hết là những phần tử tiểu tư sản?

Vì sao? Vì Việt Cộng chủ trương, ngay trong lý thuyết, rằng con người lý tưởng của một xã hội Cộng Sản chủ nghĩa là con người vô sản thuần túy. Sống vật chất, nhờ Đảng. Sống tinh thần, theo Đảng tuyệt đối. Người vô sản không có một tấc đất cắm dùi, không có một tàu lá làm mái che mưa, nắng, không có một đồng bạc để dành qua đêm tới sáng mai, đó là sống vật chất nhờ Đảng. Điều này tương đối dễ, vì thật ra, nếu Đảng cho được đầy đủ suốt đời, thì còn ai giữ của riêng làm gì cho khổ thân. Nhưng sống tinh thần theo Đảng khó hơn, khó hơn nhiều. Bởi sống như thế nghĩa là không có xúc động trong tâm hồn nữa, hoặc nói cho đúng là chỉ có những xúc động trong tâm hồn theo ý muốn của Đảng. Đảng bảo yêu thì yêu, bảo ghét thì ghét. Thậm chí có bị nhục mạ, Đảng bảo đó là vinh dự cũng phải “thành khẩn” tin rằng đó là vinh dự. Nói tóm lại, muốn xứng đáng là vô sản thuần túy, phải giết bỏ tâm hồn, phải tự biến mình thành sắt đá. Sắt đá tâm hồn, trừ Việt Cộng, họa may còn có một số nhỏ đại tư bản có khả năng làm giàu trên xương máu đồng loại. Còn tiểu tư sản, lấy sự phong phú trong tâm hồn làm hạnh diện, lấy yêu thương làm lẽ sống-hay lẽ chết!-, lấy danh dự và nhân phẩm làm những thứ không có không sống được trên đời, tiểu tư sản mới thật là kẻ thù chính của lý thuyết vô sản.

Còn vì sao nữa? Vì cản đường của tuyên truyền Việt Cộng, cản đường của giáo dục Việt Cộng, giữ Việt Cộng không cho mê hoặc quần chúng dễ dàng, lại chính là tiểu tư sản. Người tiểu tư sản cố nhiên gần gũi quần chúng hơn người đại tư bản, quần chúng lại hằng ngày noi gương

người trí thức tiểu tư sản, cho nên tranh giành uy thế trong quần chúng với Việt Cộng, vô hình chung trở thành kẻ thù thứ nhất của Việt Cộng, chính là tiểu tư sản.

Thân ái Trung,

(Trung đã thấm mệt vì lý thuyết chưa? Hy vọng rằng chưa, bởi mang danh là những kẻ đương làm ra lịch sử, chúng ta đâu có quyền từ chối một đôi chút khó khăn?)

Chúng ta vừa mới thấy rằng chúng ta mới thật là kẻ thù của Việt Cộng (Việt Minh, Cộng Sản). Sự nhận định của chúng ta rõ ràng quá. Chỉ hận rằng mãi đến bây giờ chúng ta mới thấy rõ vị trí của mình trong quan điểm đấu tranh của Việt Cộng. Chúng ta đã mắc phải lỗi lầm vụn vặt, là ghét người mà không biết người ghét mình, thù người mà không biết người thù mình, toan đánh người mà không biết lưỡi dao của người đã đặt sẵn ngang cổ mình. Chúng ta, nhất định là có Trung cùng đi với chúng tôi, chống Việt Cộng bởi họ theo chính sách đảng trị độc tài, bởi chúng ta lo rằng với lý thuyết đấu tranh cực đoan máu xít, họ sẽ gieo rắc quá nhiều đau khổ trong xã hội. Chúng ta không kịp nghĩ rằng họ không những chống lại chúng ta mà còn căm thù chúng ta cực độ. Bởi họ là những người ham muốn quyền lực đến chỗ tự hủy hoại, trước tiên trong lòng họ, tất cả mọi thứ tình cảm cao quý, kể cả lòng nhân đạo.

Chúng ta- hay nói cho đúng: Chúng tôi- chúng tôi thiếu sự nhận định mối quan hệ giữa mình với địch cho thật sát, cho nên trong thời gian một gian đoạn chiến lược của họ, chúng tôi đã để cho họ lợi dụng mình mà mê hoặc quần chúng, bằng mỗi một chữ kíp: “Độc Lập”!

Độc Lập trước hết là sự thèm khát của người tiểu tư sản. Giữa những người tiểu tư sản, càng có trí thức ở trình độ cao hơn càng thêm khát Độc Lập hơn. Bởi, trái với lý luận Việt Cộng, cảm thông cái nhục mất nước thấm thía nhất, là người trí thức.

Người trí thức luôn luôn được biệt đãi bởi chính quyền thống trị, về vật chất cũng như về danh vọng. Nhưng danh vọng không làm nên hạnh phúc về tinh thần. Người trí thức càng có danh vọng càng gần gũi bọn thống trị, có khi chỉ một cái nhìn, một nụ cười nhếch mép, một lời nói khinh bỉ, cũng đủ cho tất cả những nỗi niềm cay đắng của một dân tộc vong quốc lại tràn ngập trong tâm hồn họ. Họ đã đành có những kẻ hèn mạt, nuốt nhục vào trong lòng để sống một bề ngoài vinh hiển. Nhưng đó là số ít, một số ít không còn tâm hồn, nên đã theo hầu thống trị, và sẽ lại cho hầu Việt Cộng. Một số ít. Còn bao nhiêu người mang nặng nỗi u hoài, kẻ nhu nhược thì chờ thời đợi số, người anh hùng thì họp thành tổ chức đấu tranh, mà dù thế này thế khác, chợt đến khi có cơ hội, tất cả đều vùng lên.

Vùng lên để làm gương và lôi cuốn toàn dân....Không những thế, lãnh đạo toàn dân!

Lãnh đạo, thật như vậy, ở tất cả mọi cấp bậc, ở tất cả mọi guồng máy, ở tất cả mọi ngành kháng chiến. Từ những cụ Phán già đến các ông Tham trẻ, nhân viên hành chính, chuyên môn các bộ, các sở đủ mặt gần hết. Còn bên ngoài thứ cơ sở đầu não ấy, và tung mình đi bốn phương trời để giữ vững chính quyền, cùng thoát ly gia đình để lên đường phụng sự. Tất cả đều xuất thân tiểu tư sản, trí thức hay tiểu trí thức.

- “Ngoại trừ các cơ quan hành chánh, toàn là người địa phương. Ngoại trừ các cơ quan của Mặt Trận, toàn là chiến sĩ vô sản!”, có người bảo như thế, để kết luận rằng nhân viên tiểu tư sản chỉ có công phục vụ chính quyền ở một lớp vỏ hiện ra ngoài cùng, còn bao nhiêu xây dựng bên trong đều nhờ vào cán bộ vô sản, nắm vững số đông bào chân thực nơi thôn quê mà làm ra cái nhân cho kháng chiến. Kháng chiến của Việt Minh, kháng chiến là Việt Minh, Việt Minh là

kháng chiến, là tất cả giai đoạn lịch sử 1947-1952. Hoặc nói cho khác đi, lịch sử Việt Nam với Việt Minh, trong năm năm, đã hợp làm một, chỉ là một. Con đường lập lý thẳng tắp, sáng sủa và đơn giản đến nỗi tất cả mọi sự cãi lại đều có vẻ vô ích ngay từ thoát đầu. Trong năm năm, người ta sẵn sàng công nhận công lao kháng chiến ở Việt Minh, làm như không có Việt Minh không có kháng chiến.

Nhưng không đúng. Trừ phi nói thêm rằng Việt Minh ở đây là tiểu tư sản. Bởi người ta quên chưa nói, hoặc nhớ mà không chịu nhận: người địa phương, trong các ủy ban hành chính, hành kháng

Rồi kháng hành¹, xương sống của chế độ xô viết Việt Nam, hoàn toàn là tiểu tư sản. Bởi người ta cũng quên chưa nói hầu hết cán bộ của Việt Minh là tiểu tư sản.

Tiểu tư sản trí thức, các chủ tịch ủy ban Nam, Trung, Bắc bộ. Tiểu tư sản trí thức, các chủ tịch và nhân viên ủy ban khu hay liên khu. Tiểu tư sản tiểu trí thức, các chủ tịch và ủy ban tỉnh, huyện, làng, xã. Rồi đến các cấp cán bộ của Mặt trận, từ Nguyễn Sơn, Đặng thái Mai ở trung ương, đến những cán bộ xã tên Kèo, tên Cột, tất cả đều phải có cái vốn học hành, dù nhiều dù ít. Mà trước năm 1945, có gia đình nào vô sản tuyệt đối có thể nuôi con cái cho ăn đi học? Và lại, trong hàng ngũ của Mặt trận, nếu có những người thoát ra đời đã không có cha mẹ, sống lúc bé nhờ Viện Dục anh với Trại mồ côi, khi lớn lên, hoặc may mắn được giúp đỡ cho học, hoặc bôn ba nửa lao động, nửa lưu manh để tự học, thì những người ấy cũng vẫn có phần nào những đặc tính tiểu tư sản. Họ vẫn có những giá trị tinh thần.

Tôi đã một lần nói với Trung rằng theo lý thuyết Cộng Sản, giai cấp thoát tiên chia làm ba loại: đại tư bản khống chế xã hội bằng phương tiện sản xuất, vô sản không có phương tiện sản xuất, và tiểu tư sản có phương tiện sản xuất nhưng có không đủ để làm đại tư bản. Nhưng về sau, lý thuyết bắt buộc giai cấp phải có tính chất tranh đấu, nên giai cấp thật sự chỉ có hai, còn tiểu tư sản đã trở nên một ý thức. Chính vì nó là một ý thức- một danh vị nặng về nghĩa tinh thần- cho nên ai đã “ có ” một cái gì, coi như của riêng của mình mà người khác không có, hoặc có mà không giống hay không bằng của mình, thì người đó là tiểu tư sản. (Người hành khất có cái bị, cái gậy, tuy không đáng gọi là tư sản mà ai lấy của hắn, hắn giằng lại, vậy hắn là tiểu tư sản. Hoặc nếu hắn ở trường, giơ bàn tay lọ lem ra xin ăn mà bị mắng chửi, nếu hắn tức giận hay tủi hổ, hắn vẫn là tiểu tư sản, bởi hắn có, có nhân phẩm)

Thành thử tất cả những người đã chân thành kháng chiến cho tổ quốc “ của họ ”, tất cả đều là tiểu tư sản. Kể cả những người Cộng Sản. Với con số nhỏ bé về nhân sự, và nhờ ở địa vị ưu thắng trong Mặt trận, họ giống như cái nhân chứa đựng tinh túy của cái hội Việt Minh. Nhưng họ vẫn cứ là tiểu tư sản.

Tiểu tư sản, họ có người đứng vào hàng lãnh tụ, mang nặng một ý chí tham vọng quyền lực, dùng chủ nghĩa mác xít với các tổ chức đấu tranh làm phương tiện, nhằm chiếm đoạt lấy quyền chuyên chế trong toàn quốc và trên toàn dân. Số lãnh tụ ít ỏi này, mặc dầu phần lớn xuất thân tiểu tư sản, thật sự đã biến thành những tay đại tư bản, lúc nào cũng chủ trương chính sách nắm lấy mọi nguồn sống vật chất để chi phối đời sống quốc gia.

Đến thành phần thứ hai của đảng Cộng Sản, đông hơn nhiều, là những người cũng xuất thân tiểu tư sản, giác ngộ đấu tranh cách mạng, tin tưởng ở chủ nghĩa mác xít mà họ chỉ biết có một bề mặt nhân đạo. Những người này vào đảng hoàn toàn để đáp lại tiếng gọi của tâm hồn họ, đã nhiều lần thương xót cho kiếp sống quần quai của giống người bóc lột lẫn nhau một cách tàn nhẫn. Ra đi để xây đắp Thế giới Đại đồng, họ không những tin tưởng, mà còn bị mê hoặc bởi bọn lãnh tụ. Họ đã tự nguyện hiến thân làm đảng viên hay cán bộ cho Đảng . Họ là cơ sở,

là bàn đạp của bọn lãnh tụ. Nhưng họ không giống bọn lãnh tụ ở chỗ họ vẫn còn mang nặng tính chất tiểu tư sản, ở chỗ bọn lãnh tụ vẫn để cho họ giữ lại một mực độ rung cảm phong phú trong tâm hồn, lấy điểm đó làm mấu chốt mà nắm vững, mà lợi dụng họ.

Cuộc kháng chiến, nói tóm lại, là của những người tiểu tư sản. Cũng như cuộc Tổng khởi nghĩa. Cũng như tất cả những hoạt động cách mạng trong bí mật. Tiểu tư sản, ở đây, bao gồm tất cả những tầng lớp dân chúng có thể có, hay không có tài sản vật chất, nhưng ai nấy đều hãnh diện rằng có một tài sản tinh thần quý giá là lịch sử, là truyền thống dân tộc, trong đó đã có sẵn lòng vì dân, yêu nước.

Trong số này dĩ nhiên không có những lãnh tụ Cộng Sản. Là vì, tuy xuất thân thường hay có tài sản cả tinh thần lẫn vật chất, họ chỉ giữ lại những tài sản vật chất, coi đó là thứ độc nhất quan hệ ở đời, còn bao nhiêu tài sản tinh thần đã bị họ vất bỏ đi hết. Họ là những lãnh tụ, trong tay có thể không bao giờ...

1: Hành kháng: Hành chính - kháng chiến; Kháng hành: Kháng chiến – hành chính. Tùy từng giai đoạn, Việt Minh coi hành chính với kháng chiến, việc nặng hơn và phải làm trước việc kia.

.....phải cảm đến một đồng bạc cũng như trên mình có thể chỉ có một bộ đồ ka-ki, nhưng họ quả thật đã trở nên những phần tử đại tư bản, chỉ biết có vật chất, chỉ tin vào vật chất.

Họ đã đành là những kẻ phản bội giữa hàng ngũ tiểu tư sản. Họ nhất định không có công lao gì trong Tổng Khởi Nghĩa, trong kháng chiến, mặc dầu trong mặt trận Việt Minh họ vẫn đứng được ở cương vị lãnh tụ (cương vị này do Đệ Tam Quốc Tế tạo ra cho họ, nhờ Việt Minh tôn trọng trung ương quốc tế, đã suy tôn họ ngay từ khi chưa biết đích họ tên thật là gì).

Trong giai đoạn đầu, khi tiểu tư sản kháng chiến thực sự, bọn lãnh tụ chỉ làm công việc nắm vững tiểu tư sản, thúc dục tiểu tư sản vừa nắm vững dân chúng, vừa đồng thời truyền dạy tất cả những kinh nghiệm bản thân của mấy năm đầu tiên, khó khăn và gian khổ nhất, cho một lớp cán bộ mới, cán bộ vô sản thực sự.

Thân ái Trung,

Trung xem đến đây, chắc sẽ nghĩ:- “Đại gì mà đem kinh nghiệm xương máu truyền cho bọn người mới, nếu biết rằng bọn này sẽ thay thế mình, để Cộng Sản gạt được mình ra khỏi vòng tranh đấu?”.

Tôi sẽ trả lời Trung rằng giữa chúng tôi có người không biết, nhưng cũng có những người có biết mà vẫn cứ làm. Bởi Trung còn lạ gì tâm hồn chúng tôi, chúng ta, khi đã vì Độc Lập, và nếu có ích cho kháng chiến, thì đến thân thể mình còn chẳng tiếc, há tiếc những kinh nghiệm bây giờ, hoặc những địa vị mai sau?

Nhưng cũng phải nhận với Trung rằng ví dù có biết, người sáng suốt trong chúng tôi vẫn không ngờ, không ngờ sau này Cộng Sản không cho mình được phép sống, dù chỉ sống bên lề cuộc tranh đấu. Không ngờ sau này, biết thời cơ đã đến, cho phép thay thế cán bộ tiểu tư sản bằng cán bộ vô sản, thì đảng Lao động ra đời, thống nhất mọi tầng lớp chỉ huy vào ý chí lãnh đạo độc nhất của chủ nghĩa bôn-sơ-vích. Đến lúc đó, bị đuổi ra khỏi hàng ngũ của Mặt trận, tiểu tư sản vẫn có uy tín đối với đại chúng, lại có thêm uy tín của năm năm kháng chiến anh dũng, lẽ cố nhiên không còn cách nào khác là chết đi để trả lại uy tín ấy cho đảng Lao động.

Ra đời năm 1951, đảng Lao động có tác dụng đầu tiên là làm cho hoàn cảnh của các thành

phần xã hội, của các phần tử đảng phái trở nên rõ rệt. Hai chữ Việt Minh sẽ chìm vào trong một chữ “Đảng” viết hoa và độc nhất, Đảng là đảng của những người Cộng Sản. Những kẻ nào không phải là Cộng Sản tự nhiên thấy mình hết đất đứng, mặc cho công lao từ trước thật là vô kể.

Hết đất đứng, Việt Minh bí mật, gian khổ trên chiến khu hay quần quai trong các ngục thất. Hết đất đứng, Việt Minh kháng chiến, xông pha bom đạn hay lặn lội công tác nội thành. Để bây giờ đảng Lao Động gọi tất cả bọn là bọn “cơ hội”, nghĩa là luôn mười năm liều tính mạng để đầu cơ lấy sự “được sống” trong thiên đường vô sản. Mà không được, vì Đảng sáng suốt, Đảng sẽ tiêu diệt kỳ hết những kẻ thù của nhân dân, những kẻ thù của giai cấp.

Thí dụ:- Quảng,

(Chao ôi! Nhắc đến tên anh, oan khổ lại sôi lên sùng sục trong tâm hồn thằng bạn còn sống sót này!)

Quảng! Trang thanh niên hào kiệt như anh, trải qua bao nhiêu mưa bom, gió đạn, không được chết, để rồi chết vì thủ đoạn đê hèn của những kẻ lợi dụng anh năm năm, mà sau sợ anh, giết anh trong phút chốc.

Những kẻ giết anh, bây giờ tôi đã biết, không phải là những đội viên cuồng nộ giữa phiên tòa án nhân dân. Cũng không phải những kẻ xúi giục họ, cầm đầu họ cho họ đấu anh. Vì bọn này mới chỉ là đảng viên, cán bộ bị mê hoặc, dưới quyền một số nhỏ những lãnh tụ, xuất thân tiểu tư sản như chúng ta, nhưng đã phản bội và đã mất hết nhân tính trong cuộc tranh giành lấy quyền lực. Hoàng Cao Khải của xâm lăng bôn-sơ-vích, họ tài giỏi hơn Hoàng Cao Khải cả ngàn vạn lần, nhờ xâm lăng bôn-sơ-vích có những trường dạy nghề phản bội, trong đó khoa học được áp dụng và khai thác đến những phát minh mới nhất.

Chính bởi thế mà họ, bọn lãnh tụ đã lợi dụng được những người như anh-Quảng!, - như tôi, như hầu hết con số hai mươi nhăm triệu người Việt. Bằng mỗi một chữ kếp, như tôi đã viết: Độc Lập.

Độc lập! Vì độc lập, giành độc lập, bao nhiêu thanh niên đã bỏ nhà lên chiến khu từ năm 1941. Lòng hăng hái với chí khí cương cường của tuổi trẻ không đủ chống lại lam sơn chướng khí, và đói rét, và cực nhọc, cho nên một số lớn phải bỏ mình trong những cơn nóng lạnh kinh khủng có kèm theo kiệt lý. Vì độc lập, giành độc lập, bao nhiêu thanh niên đã bỏ mình bởi tra tấn trong căn nhà nhỏ giữa sân sỏ “Công an và cảnh sát đặc biệt” đường Hàng Cỏ. Bao nhiêu thanh niên khác nữa gục ngã trong tối tăm và xiềng xích của “Nhà Trung Ương 1”, của các trại khổ sai Lao Bảo, Ban mê Thuật, Côn Lôn. Với một số cuối cùng, không bị kêu án tử hình mà cứ bị đem ra bắn ở hai trường bay Bạch Mai và Tân Sơn Nhứt. Họ, tất cả, là “Việt Minh trong bóng tối”.

Họ, tất cả, đã chết vì độc lập, để giành độc lập. Họ đều là những phần tử tiểu tư sản, trí thức hay tiểu trí thức. Kể cả Hoàng Văn Thụ, nhất là Hoàng Văn Thụ. Mặc dầu là Cộng Sản cấp trung ương, Thụ, hơn ai hết, mang nặng trong tâm hồn những nét cao quý của con người tiểu tư sản.

(Trường cũng nên nhắc lại cho Trung biết, Hoàng Văn Thụ bị bắt, bị tra tấn ghê gớm lắm vẫn không chịu hé răng khai tên một đồng chí. Anh bị bắn, một buổi sáng ở Bạch Mai năm 1945, chỉ vì bọn mật thám tức giận sự im lặng của anh. Nếu phải là người vô sản thuần túy, anh sẽ tố cáo một số cán bộ dưới quyền anh, hy sinh bọn cán bộ ấy vào tù để cứu lấy đời sống của mình, của một ủy viên trung ương, và như vậy Đảng vẫn còn lợi chán. Anh sẽ được khen làm thế là phải, như đồng chí Trần Huy Liệu được khen khi trước. Nhưng anh không khai, để giữ

ven tiết tháo của bậc anh hùng liệt sĩ. Anh hùng, ai chẳng biết gần đây Đảng đã kể anh hùng làm một đặc tính tiểu tư sản?!).

Rồi đến nay không ai còn đất đứng.

Vì sao?- vì một quyết định lý thuyết: “Đặt lại cơ sở cho Cách mạng Vô sản”.

Cơ sở của cách mạng, cho đến nay, vẫn là đảng viên và cán bộ xuất thân tiểu tư sản. Tiểu tư sản vẫn kiên trung với cách mạng, vẫn phục tùng lãnh tụ. Như vậy thì vì đâu loại bỏ cơ sở cũ, để đặt ra cơ sở mới một cách khó khăn?

Vì đâu?- Vì, một cách giản dị, lẽ nào một thế giới vô sản, xây dựng bằng đấu tranh quyết liệt bằng hủy hoại cả một nền trật tự tư bản với những thói quen bản thủ, lẽ nào thế giới sáng trong và tươi đẹp ấy lại có thể bị xây dựng bởi cái ý thức tiểu tư sản đốn hèn, cơ hội, đã đầu hàng Cộng Sản cũng như sẽ đầu hàng tư bản bất cứ lúc nào?

Đảng, công khai vì thế, phải trong sạch hóa hàng ngũ.

Đảng, lẽ cố nhiên, không chối rằng nhiều phần tử phản động (!) cũng đã lập được công lao đáng kể. Cho nên ban đặc ân cho những phần tử ấy được đầu hàng giai cấp. Giai cấp vô sản. Nghĩa là phải tự mình vô sản hóa, trong một tờ bộc lộ, chối bỏ quá khứ, phủ nhận công lao, và cam kết về vật chất cũng như về tinh thần, tất cả sẽ trông chờ vào Giai Cấp (Trung hãy chú ý vào chữ G viết hoa. Từ bây giờ trở đi, để cho được thật đúng với ý muốn của Cộng Sản, tôi sẽ dùng chữ Giai Cấp, viết hoa, để chỉ những người đứng trong hàng ngũ cách mạng vô sản, mỗi khi họ có đủ mọi điều kiện lý thuyết: Không có tài sản vật chất, không có tài sản tinh thần, sức lao động chỉ phục vụ cho xí nghiệp hay nông trường của Đảng; và trong tất cả những xúc động tâm ý chỉ còn giữ lại một, là ý chí căm thù, ý chí chiến đấu thường trực chống trật tự dân chủ).

1: Nhà pha Hỏa Lò: Maison Centrale.

Tôi hy vọng Trung đã thấy rõ sự chuyển hướng trong chính sách, trong chiến lược Cộng Sản thì đúng hơn. Chiến lược ấy, tôi đã nói với Trung có hai giai đoạn đã hoàn thành, với giai đoạn thứ ba đương ở trong thời kỳ xây dựng.

Hai giai đoạn đã hoàn thành giống nhau ở nhiều điểm: Vấn đề chúng bị mê hoặc, bị huy động, bị nắm vững, bởi những người tiểu tư sản, những tay sai của một số lãnh tụ bôn-sơ-vích vẫn tưởng tượng mình chí anh dũng biến thân cho Độc lập và cho kháng chiến. Độc lập, trên lý thuyết đã thực hiện được ngày mùng hai tháng Chín, bảy năm trước. Còn kháng chiến, lẽ ra giai đoạn này còn dài, vì chiến cuộc chưa kết thúc, nhưng bắt đầu từ năm ngoái, bọn lãnh tụ bôn-sơ-vích đã quyết định biến đổi cuộc chiến đấu tay đôi giữa tiểu tư sản với Pháp thành nhiều cuộc chiến đấu khác phức tạp hơn. Đó là, kể về tầm quan trọng, đối với lý thuyết chủ nghĩa của họ, các cuộc chiến đấu giữa người bôn-sơ-vích với người tiểu tư sản, giữa hai khối Cộng Sản và Dân chủ tư sản, sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa người Việt và người Pháp.

Người Việt và người Pháp giết nhau ngoài mặt trận từ bảy, tám năm trời nay rồi. Số người chết và bị thương, nếu chưa tới, cũng gần tới trăm vạn. Cho nên, đối với toàn dân, cuộc chiến đấu chống Pháp cố nhiên phải được kể là quan trọng nhất, bởi nó liên hệ đến nhiều người và đem lại nền độc lập cho tổ quốc.

Sau đến cuộc chiến đấu giữa hai khối chính trị, người ta biết khối nào thắng sẽ làm chủ hoàn toàn, nhưng viễn tượng ấy còn xa xôi lắm! Sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa bôn-sơ-vích

và tiểu tư sản, thật ra không mấy ai đã biết là có, còn nói gì đến đánh giá cho được thật đúng, rằng bây giờ chính là lúc người bôn-sơ-vích quyết tâm tiêu diệt “ ý thức” tiểu tư sản yếu đuối chia rẽ, lưng chừng, cầu an và cơ hội. Để chiếm lấy độc quyền kháng chiến, để, tùy ý muốn và tùy sự đòi hỏi của hoàn cảnh, có thể bất cứ lúc nào cũng biến đổi cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập thành một cuộc chiến đấu to tát giữa hai khối chính trị (cuộc chiến đấu, như thế, sẽ có hiệu quả là bắt nước Mỹ phải tham dự chống nhau với Trung hoa Cộng Sản, nghĩa là cầm chân Mỹ, dìm Mỹ xuống ngang hàng với Trung hoa Cộng Sản và mặc nhiên nâng Liên –Sô lên bậc lãnh tụ thế giới. Nhưng đây chỉ là một giả thuyết nặng về tính chất quốc tế, nó vượt ra ngoài phạm vi lịch sử Việt Nam, ra ngoài lãnh vực chủ quan của tâm sự của tôi đem giải tỏ với Trung)

Tôi muốn chứng minh rằng người bôn-sơ-vích, từ năm ngoái, đã tự đặt cho họ một nhiệm vụ rõ rệt, nhiệm vụ nặng nề và to lớn nhất trong lịch sử Đảng của họ. Nhiệm vụ ấy là gạt hẳn người tiểu tư sản ra ngoài lề chiến cuộc, là tiêu diệt tiểu tư sản, là giáo dục (đào tạo) lấy một loại người mới thay cho loại người bị tiêu diệt, là nắm vững loại người mới này để nhanh chóng hoàn thành Cách Mạng Vô Sản. mặc dầu sẽ có những biến cố có thể làm cho cục diện kháng chiến phải thay đổi bất lợi: Cách mạng phải thành công đã, còn kháng chiến có thể nhất thời thất bại, người bôn-sơ-vích không bao giờ lấy hai chữ Độc Lập làm quan hệ, ít ra là cho riêng họ!

Họ không thiết tha gì với một nền độc lập quốc gia, bởi ngay trong lý thuyết chủ nghĩa họ, độc lập chỉ là một hiện tượng rất tương đối. Họ vốn dĩ đã chấp nhận nền độc lập của một nước nhỏ nằm trong nền độc lập của một nước lớn hơn. Họ có thể vui sướng với nước Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp, hoặc giả chia với Pháp mỗi bên một nửa sơn hà. Miễn là họ thực hiện được Cách Mạng Vô sản thành công, nghĩa là đem chủ nghĩa bôn-sơ-vích thi hành triệt để trong một khoảnh đất, trên một số dân chúng. Một chiến sĩ Cách mạng bao giờ cũng tha thiết với sự thực hiện cụ thể được lý tưởng của mình. Hơn nữa, chiến thuật xây dựng căn cứ mạnh mẽ, làm xuất phát điểm cho chiến thuật “vết dầu loang”, cũng là một lý do không kếp phần hệ trọng trong sự quyết định về giai đoạn chiến lược thứ ba của người bôn-sơ-vích.

Vậy thì, trong giai đoạn Ba của chiến lược, và để thực hiện Cách Mạng Vô Sản, người bôn-sơ-vích phải lấy sự tiêu diệt tiểu tư sản làm nhiệm vụ quan hệ nhất trong những nhiệm vụ của họ, bắt đầu từ năm ngoái.

Nhưng biết thế, Trung sẽ có một điều không hiểu, Trung sẽ thấy cần phải hỏi lại rằng vì sao, muốn thực hiện Cách mạng Vô sản, người bôn-sơ-vích phải tiêu diệt tiểu tư sản, để phải làm thêm một việc là giáo dục lấy một loại người mới thay thế Tiểu Tư Sản -loại người ấy là những ai, có gì khác người cũ và có ích lợi đặc biệt gì cho cách mạng?

Tôi trả lời Trung, điều thứ nhất: Mặc dầu các phần tử tiểu tư sản vẫn trung thành với kháng chiến tức là gián tiếp trung thành với lãnh tụ bolshevik, sự gạt hẳn những phần tử ấy ra ngoài lề cuộc kháng chiến có bốn lý do. Một là sau sáu năm ở cương vị lãnh tụ, nhờ sự dốc lòng ngay thẳng của cán bộ tiểu tư sản và nhờ một công cuộc tuyên truyền cực kỳ khôn khéo, các lãnh tụ bolshevik –Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, vvv... đã nhận thấy uy tín của họ đã đủ để cho họ có thể trực tiếp nắm vững được dân chúng mà không cần phải có công tác trung gian tiểu tư sản. Hai là từ 1950 Trung Hoa Cộng Sản đã tiến tới biên thùý Bắc Việt, lãnh tụ bolshevik không còn thấy cần dùng tiểu tư sản làm bình phong dân chủ cho một thứ chính quyền Cộng Sản. Ba là tính chất Cộng Sản của họ càng ngày càng rõ rệt, họ tất nhiên phải chờ đợi sự phản đối, hoặc công khai, hoặc ngầm ngầm, của cán bộ tiểu tư sản. Họ lại biết không hy vọng gì thuyết phục được cán bộ tiểu tư sản cho bọn này chịu “ vô sản hóa “, nhất là đối với những thành phần trí thức vốn vẫn có một căn bản vững chắc về tình cảm và tư

tưởng. Bọn là cán bộ tiểu tư sản càng đi sâu vào kháng chiến càng gây thêm uy tín trong dân chúng. Nếu bọn lãnh tụ còn để cho tình trạng ấy kéo dài, thì thế tất phải có những cán bộ, bằng công lao, bằng tài năng và đạo đức, sẽ vượt trội chỗ được dân chúng mặc nhiên suy tôn làm lãnh tụ. Sự tai hại lúc đó sẽ không nhỏ.

Nói tóm lại, lãnh tụ bolshevik phải gạt cán bộ tiểu tư sản ra ngoài lề cuộc kháng chiến và tiêu diệt họ, vì tiểu tư sản đã trở nên vô ích trong hai nhiệm vụ tay sai và bình phong. Tiểu tư sản mang sẵn tính chất chống vô sản hóa. Tiểu tư sản sẽ trở nên nguy hiểm.

Người bolshevik vốn đã hay dùng một phương pháp xảo quyệt nhằm làm cho tiểu tư sản mất tự tin: Hằng ngày họ cho cán bộ tiểu tư sản học tập rằng “ý thức” tiểu tư sản bao giờ cũng đờn hèn, hoài nghi, chia rẽ... và cán bộ tiểu tư sản nếu đã chứng tỏ có nhiều đức tính: Quyết tâm, anh dũng, trung kiên... ấy là nhờ có sự học tập đạo đức bolshevik. Người bolshevik không ngớt lời thóa mạ tiểu tư sản. Nhưng đó chỉ là những điều gian dối : họ biết rằng trước khi có thứ chủ nghĩa bolshevik của họ, người tiểu tư sản đã nhiều lần gan dạ, bền bỉ, tài giỏi trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm khác. Họ biết thế cho nên họ đã trông thấy cả một đảng cấp sĩ phu tiểu tư sản lãnh đạo dân chúng chống lại âm mưu thực hiện “Cách Mạng Vô Sản” của họ. Họ đành phải nhỏ cỏ nhỏ cá rế, tiêu diệt toàn bộ cái ý thức tiểu tư sản mà thực ra họ sợ hơn cả Đế Quốc (bởi tiểu tư sản đã đông đúc thì chớ lại gần gũi họ khá lâu, đủ để biết những nhược điểm của họ, để tấn công, cùng những ưu điểm của họ để học tập!).

Người bolshevik như vậy đã lâm vào thế cờ phải tiêu diệt ngay số cán bộ đã nắm vững được tình thế trong bảy năm. Cán bộ càng có công lớn càng nhiều bất mãn; cán bộ càng có uy tín càng nguy hiểm; bọn lãnh tụ bolshevik đã khởi đầu trận tấn công tiêu diệt của họ nhằm ngay vào những cán bộ, mới trước đây ít lâu được chính họ tặng cho danh hiệu quý giá: “Anh hùng dân tộc”.

Làm thế nào để tiêu diệt được những vị anh hùng của dân tộc? Âm sát, thủ tiêu bí mật hay giam vào ngục tối?

Lẽ cố nhiên không thể được. Người ta có thể ám sát được một vài người, thủ tiêu được dăm ba chục người trong bí mật hay đem đày năm bảy chục người vào ngục tối. Người ta không thể nhất đán thủ tiêu hay giam giữ tất cả những cán bộ “anh hùng dân tộc”, người ta phải sợ toàn dân công phẫn.

Người ta đã nghĩ, trong không biết bao nhiêu lâu rồi mới thi hành một thủ đoạn thực sự : “long trời, lở đất” (1). Người ta đã giết, giết công khai những anh hùng Sông Lô như Quảng, những bí mật mặt trận Khu như Nhiễu và giam cầm hàng vạn người như bạn Trung, giữa tiếng reo hò của dân chúng.

Giết chóc, giam giữ công khai những cán bộ có công kháng chiến mà dân chúng vui lòng ?- Không những vui lòng ? vì dân chúng vừa reo hò vừa giết, vừa xử những án khổ sai dài bằng cả một đời người !

(1): Chữ của Hồ chí Minh

Thân ái Trung,

Trung sẽ không bao giờ tưởng tượng được người bôn-sơ-vích làm thế nào để mượn tay dân chúng giải quyết mối thù chính trị. Trung, khó lòng theo kịp được ngay đến con đường lý luận, tổ chức của người bôn-sơ-vích, mượn tay dân chúng giết được hàng vạn người.

Họ viết:

- “Trong hàng ngũ Đảng, có những phần tử cực kỳ nguy hiểm, cực kỳ ngoan cố. Những phần tử ấy liên kết với thực dân, đế quốc và phong kiến. Những phần tử ấy lộn sòng vào Đảng, khôn ngoan mua chuộc và quỷ quyệt lừa dối nhân dân ta, bằng cách giả vờ nhiệt liệt tham gia kháng chiến. Bọn chúng thông đồng với quân địch, tạo ra những công lao bên ngoài, để ngụy trang ý định thao túng Đảng và khống chế nhân dân ta.

Nhưng bọn chúng không thể lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng, cho nên Đảng phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị để giáo dục nhân dân ta tận lực tiêu diệt bọn chúng.

Bọn chúng là tay sai của thực dân, đế quốc. Bọn chúng là phong kiến phản động, là tư bản bóc lột, là cường hào ác bá, là Việt gian phản quốc. Bọn chúng ngoan cố, nham hiểm, hiện nay đang náu mình dưới những chiêu bài kháng chiến giành độc lập, với mục đích dắt nhân dân ta trở lại cho thực dân, đế quốc đàn áp và bóc lột một lần nữa.

Nhưng bọn chúng không lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng. Cho nên ngày nay Đảng giáo dục nhân dân ta phương pháp để lột mặt nạ bọn phản bội ấy. Nhân dân ta, tin tưởng vào Đảng, nhất định tích cực đấu tranh chính trị để tiêu diệt bọn chúng đến cội rễ, để trong sạch hóa hàng ngũ Đảng và trong sạch hóa hàng ngũ nhân dân.

Bọn chúng đã cướp của giết người! Bọn chúng là kẻ thù của nhân dân.

Nhân dân ta bắt chúng nợ của phải trả của, nợ máu phải trả máu!”

Đó đại khái là lời của những người bôn-sơ-vích, giả làm của dân chúng, gửi cho dân chúng. Thoạt bề ngoài, Trung để nhằm lời hiệu triệu vu vơ này với những lời hiệu triệu khác, kêu gọi dân chúng phải đề cao cảnh giác và tích cực kháng chiến.

Nhưng bề trong thì khác. Khác bởi tổ chức. Tổ chức đến từng thôn xóm nhỏ, đến từng cơ quan, đơn vị nhỏ. Tổ chức phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh tô tức, đấu tranh chính trị, gọi tắt là “Đấu”.

“Đấu” có ba thời kỳ. Chuẩn bị, thực hiện và đặt lại cơ sở cho Cách Mạng (Vô Sản).

Chuẩn bị có hai đợt: Tìm kẻ thù cho nhân dân, giáo dục cho nhân dân biết căm giận kẻ thù ấy. Kẻ thù ấy đã là những cán bộ tiểu tư sản có công kháng chiến rồi, việc còn lại là làm thế nào cho dân chúng xưa nay tin tưởng ai, kính mến ai, thì bây giờ giở mặt nghi ngờ, ruồng bỏ, hành hạ, ô nhục người đó. Việc không phải dễ, lãnh tụ bôn-sơ-vích biết lắm. Nhưng có lẽ họ đã tìm thấy một thứ kết quả đúng tuyệt đối cho bài tính về tương lai, nên trái với chiến thuật khéo léo, nước đôi của họ xưa nay, lần này họ tỏ ra có thái độ quyết liệt, quyết thắng.

Trận tấn công của họ mở ra, công khai, vũ bão. Họ nâng trận tấn công ấy lên hàng chính sách. Chính sách ruộng đất.

Chính sách ruộng đất nhằm trả ruộng đất cho người cày. Định nghĩa nghe vừa hòa bình, vừa nhân đạo. Lại thêm là công lý nông dân hằng chờ đợi từ khi có thửa ruộng, con trâu và cái cày.

Nhưng chính sách ruộng đất mở màn cho cuộc cải cách ruộng đất. Cải cách ruộng đất, theo lý thuyết bôn-sơ-vích, là một cuộc Cách Mạng Nông Thôn. Cách mạng bôn-sơ-vích, theo định

nghĩa bôn-sơ-vích, bao giờ cũng tàn bạo, càng tàn bạo càng thành công.

Cải cách ruộng đất, vì thế có một phần nhiệm vụ nhằm tiêu diệt một thành phần xã hội: địa chủ, phong kiến, cường hào. Gọi chung là giai cấp bóc lột. Bóc lột ai?- bóc lột bần cố nông. Bóc lột gì?- Bóc lột của cải và xương máu.

Vì thế trong cải cách ruộng đất có một phần đòi nợ của cải và đòi nợ máu cho bần, cố nông. Bần cố nông là những ai?- Là những người có cày mà không có ruộng. Còn địa chủ?- Là những người có ruộng mà không có cày. Có ruộng mà không cày, thì phải trả ruộng cho người cày.

Nhưng trả ruộng không thôi không đủ. Phải trả nợ. Nợ tính ngược về quá khứ. Nợ tính vào đương sự, vào cả thân quyến đương sự, kể cả con nuôi, con dâu, con rể, người làm công lâu ngày. Tất cả là địa chủ, tất cả phải trả nợ: tiền bạc, thóc lúa, nhà cửa, trâu bò, dụng cụ nông nghiệp. Và máu. Máu của những người chết vì bị bóc lột.

Trả ruộng cho người cày, nói tóm lại, là một cuộc cách mạng. Cách mạng tiêu diệt địa chủ. Địa chủ không được đầu hàng. Địa chủ nhất định phải “được” tiêu diệt. Cách mạng phải có máu mới thật là cách mạng vô sản, mác-xít.

Trung vẫn chưa hiểu được sự liên lạc giữa cách mạng nông thôn, nhằm tiêu diệt địa chủ, với cán bộ tiểu tư sản trong hàng ngũ kháng chiến.

Nhưng thật ra con đường không có gì quanh co lắm. Bởi muốn bị đấu, chỉ cần phải có ruộng đất, không kể nhiều ít, miễn là có ruộng, mà chính mình không cầm đến cái cày. Muốn bị đấu lại không cần phải chính mình có ruộng đất, vì cha mẹ, anh em, vợ chồng mình có ruộng cũng đủ. Hoặc giả, chính mình hưởng thụ, có ăn gạo, là sản phẩm của ruộng đất.

Bởi thế, trừ những đồng bào suốt đời theo trâu, suốt đời không làm gì khác cày ruộng, còn lại bất cứ ai cũng có thể bị chỉ mặt gọi là địa chủ.

Địa chủ, một Trịnh Xuân Nghĩa hay một Trần Trinh Trạch với hàng vạn mẫu đồn điền. Địa chủ, một ông Cai tổng hay một ông Nghị xứ quê, với hàng trăm mẫu thượng đẳng điền. Đã đành là như thế.

Nhưng địa chủ cả đàn con, đàn cháu họ Trịnh, họ Trần. Địa chủ, những kỹ sư, bác vật được nuôi ăn đi học bằng tiền bạc của cha mẹ. Địa chủ, bà cụ Cừ Vân xa, chỉ có tám sào ruộng để tần tảo nuôi con cho nên người. Địa chủ: Quảng!

Quảng là địa chủ, mặc dầu Quảng suốt đời không được trực tiếp giao dịch với bạn điền cấy rẽ của bà cụ Cừ tám sào ruộng? – Phải, Quảng là địa chủ, bởi Quảng có hưởng thụ những sản phẩm do bà cụ Cừ bóc lột bạn điền mà có. Còn bà cụ Cừ, địa chủ bởi có ruộng mà không cày. Mặc kệ, nếu hàng ngày bà chỉ biết có tụng kinh niệm Phật và giúp đỡ mọi người.

Vấn đề đặt ra là có hay không có ruộng, có hay không có lao động, có hay không có hưởng thụ. Trong ba điểm, điểm hưởng thụ coi là hệ trọng nhất. Bởi thế, nên mới có sự lạ lùng, là những nhà cự phú, có rất nhiều ruộng, lại dùng tiền bán thóc ở ruộng đi lập một xí nghiệp, nên có thể nói là hưởng thụ ở ruộng đất cũng được, mà ở xí nghiệp cũng được: những người này chưa hẳn là địa chủ, không bị đấu.

Nhưng không có gì lạ, vì họ là đại tư bản. Đại tư bản không có tên trong danh sách của những kẻ bị tiêu diệt. Chỉ bị tiêu diệt những tiểu tư sản!

Tiểu tư sản bị tiêu diệt trong tiếng reo kinh khủng của “nhân dân”. Nhân dân mê loạn trong

những cơn phản ứng theo điều kiện, đã vì những người bôn-sơ-vích mà giết bỏ không biết bao nhiêu anh hùng tiểu tư sản có công với kháng chiến, có công với tổ quốc.

- Bởi họ là anh hùng của dân tộc, nhưng họ là kẻ thù của nhân dân, những người tiểu tư sản bóc lột! Người bôn-sơ-vích bảo thế.

Bóc lột là tội nặng nhất có thể có trong lịch sử. Bị bóc lột, cả một nhân loại đã nghèo đói. Bị bóc lột cả một dân tộc đã yếu hèn. Bị bóc lột, hai triệu người Việt Nam đã chết đói. Đó là lý luận bôn-sơ-vích.

Lý luận được tiếp ứng bằng quân đội, bằng những đơn vị đã hoàn toàn trong sạch của Đảng. Quân đội đưa cán bộ phát động (đấu tranh chính trị, tố tặc) về làng, cán bộ nắm lấy quyền chính. Cán bộ chỉ định những “địa chủ” đáng ra đem đấu. Cán bộ lựa chọn phần tử “trung kiên” trong bản cố nông, để dạy sẵn những lời tố khổ. Rồi ở công trường Đấu, một người lên tố khổ, rồi hai người, ba người... một người bịa đặt, rồi hai người, ba người... một người đánh đập bị can để thỏa những uất hận mới có từ chiều hôm trước, rồi hai người, ba người... Một cơn gió mê cuồng thổi giữa những người dân lành...

Và những người bôn-sơ-vích đã thành công trong một nhiệm vụ lý thuyết, là tiêu diệt xong những chướng ngại tiểu tư sản, trên con đường tiến tới của Cách mạng Marx-Lenine-Staline-Mao Trạch Đông!

Nhiệm vụ lý thuyết thứ hai của họ là giáo dục bản, cố nông thành Giai cấp, dùng Giai cấp làm cơ sở để thực hiện thành công cuộc cách mạng Bôn-sơ-vích.

Thân ái trung,

Tôi hận rằng đã sớm bị gọi đến tên, và đã vội lên đường đào tẩu. Nên câu chuyện tâm tình của người bạn kháng chiến của Trung có đến đây là hết.

Trung hãy tin rằng tôi quả thật hơi ngại ngùng vì đã viết cho Trung, trong đoạn sau, quá nhiều lý luận. Tôi đã nghĩ nhiều, và tôi chân thành tin rằng điều đó không thể tránh được.

Tôi đã nói với Trung một lần, rằng trong tâm tình của mỗi đứa chúng ta phải có chứa đựng một phần nào những dữ kiện sẽ làm nên lịch sử. Cho nên tôi không thể nào không giải bày với bạn những ý nghĩ đã dày vò tôi, cùng những ánh sáng tôi đã tìm thấy, trong một khoảng thời gian của một cuộc đời không thiếu gì hy sinh và đau khổ nhưng cũng không thiếu cả những phút say sưa, mãnh liệt.

Tôi đã để lại một phần của đời tôi trong kháng chiến. Kháng chiến, đối với tôi, không còn là những sự việc liên tiếp đến, liên tiếp đi, và đi là biến mất trong tâm hồn. Kháng chiến, trong tôi, đã trở nên một sự thật vĩnh viễn, một thứ kết tinh thể chất ở đâu đó trong tim, óc.

Kháng chiến, đối với bất cứ ai đã ra đi đêm 19 tháng Chạp, dù để tác chiến hay chỉ để tản cư di cư, cũng vẫn là những ngày gian khổ chịu đựng. Gian khổ trong những cánh rừng già đầy vát xanh, vát đỏ. Gian khổ ở giữa những cánh đồng bát ngát Liên khu Ba. Người ra đi, đi đến đâu cũng gặp những nắm mộ không có chân hương cắm trên đất mới, và những mái đầu tóc tơ của những em bé nhỏ đã vội quấn ngang vành khăn xô thăm thiết. Giọt khăn trắng, trên nền xanh của cây rừng, của đồng lúa, là một chứng cứ không thể chối cãi rằng, để giành lại quyền sống độc lập và tự do, bao nhiêu người đã ra đi không trở lại. Ra đi tay không mà tiểu tư sản. Với một tấm lòng.

Một tấm lòng, năm, bảy năm kháng chiến. Một đoạn đời trái với nếp sống bình thường. Kẻ gian dối, người thật thà, kẻ ru rú nơi xó rừng để đào khoai bới sắn, người phiêu lưu đưa hàng lậu giữa hai vùng chiến trận, mỗi người cố tìm lấy một nguồn sống tạm bợ. Vì ai nấy đình ninh có lúc trở về, khi các đô thị đã vắng hẳn bóng đoàn quân xâm lược. Một ngày gần. Ngày đó chưa đến kịp.

Thì kháng chiến không còn là kháng chiến nữa. Cuộc tương tàn trong nội bộ đã bắt đầu, khiến người Pháp (sau này tôi mới biết) cũng ngỡ ngàng không hiểu. Mà ai làm sao hiểu được thiên thăm sử viết bằng tim và óc của những người như Quảng, ngoài những kẻ, như tôi, phải được hiểu bằng cả một tâm hồn tan vỡ.

Cuộc đời của chúng tôi lẽ ra giản dị biết bao. Vì theo kháng chiến, chúng tôi đã thuận cho hết thảy. Cho đến cả tính mệnh, để cố giữ lấy một vật không cho được, là tâm hồn. Tâm hồn tôi

không bao giờ xúc phạm đến tâm hồn của bất cứ ai khác. Nên người ta có thể dùng chúng tôi trong đoàn quân kháng chiến, mãi đến khi chúng tôi tử trận hay cùng với đoàn quân kia toàn thắng. Tử trận thì một hố đất nông sâu không kỳ quặc, và một lời phân ưu có đâu thiệt thòi gì cho Giai cấp. Còn thắng hoặc thành công, chúng tôi có đòi gì hơn được sống làm công dân nước Việt Nam độc lập? (42)

Có thể thôi, mà không được. Người bôn-sơ-vích muốn chúng tôi là hạt bụi, chúng tôi đã là hạt bụi. Những hạt bụi thôi thóp tình cảm. Người bôn-sơ-vích bảo hạt bụi không được có tình cảm, bèn rửa sạch những hạt bụi trong guồng máy. Và thế là xong việc, theo ý họ.

Nhưng có xong việc thật không? Chúng tôi có thật là những hạt bụi không tình cảm không, như ý họ? - Tôi không tin như thế, mặc dầu chỉ vì thế mà cuộc đời tôi phải giập gãy, tan nát. Tôi bây giờ yếu mỗi, bệnh tật và cả động một ngón tay cũng đau thối lại trong lòng. Bởi con đường của đời tôi đến chỗ này là ngõ cụt: bên này sông là Giai cấp không buông tha, bên kia sông là đồn quân của địch. Tôi phải đi về đâu để được sống?

- Về đâu tiểu tư sản? Những người không bao giờ muốn nghĩ về chính trị, đã phải nghĩ trong một thời kỳ lịch sử. Phải nghĩ, vì có kẻ đột nhiên bảo tiểu tư sản không có lẽ sống, không được sống. Làm như sống là độc quyền của một chủ nghĩa. Bôn-sơ-vích! Họ là gì? Là những người đã tìm ra lẽ sống, hay những kẻ phản bội lẽ sống, đem lẽ sống nhốt vào trong công thức chính trị?

Bôn-sơ-vích! Họ là gì, hay là những kẻ nắm trong tay một sức mạnh kinh khủng, vì mù quáng? Sức mạnh Bôn-sơ-vích, có mấy năm, đã tràn lan khắp cả. Sức mạnh ấy còn đương tiến tới, và tuyên bố sẽ chiếm trọn cả cuộc đời, cuộc đời chỉ có ăn, ngủ và truyền tiếp dòng dõi.

Cuộc đời, cuộc đời thiêng liêng của người tiểu tư sản! Nhưng lấy gì mà giữ, hay vẫn chỉ có tâm hồn, nói rằng cao quý, nhưng chắc đâu chống lại được sức mạnh mù quáng kia trong một trận tranh đấu cuối cùng?

Bao giờ đến, trận tranh đấu cuối cùng? Tôi không biết, cả những người bôn-sơ-vích cũng không thể biết. Nhưng biết làm gì, nếu chúng ta, tiểu tư sản, không tìm thấy lẽ sống. Không có lẽ sống, tâm hồn dù cho nhiều đến mực nào đi nữa cũng chỉ là lừng chừng, cầu an, cơ hội, với những thời kỳ bất chợt và ngắn ngủi vùng lên được, chỉ huy vật chất, chiến thắng được thù nghịch ở ngoài vào, trong những trận gaio tranh có hạn. Có thể thôi.

Còn ngày nay, người bôn-sơ-vích ép chúng ta phải chiến đấu, không kể thời gian, không gian nào hết. Người bôn-sơ-vích không ở ngoài vào, để cho ta chỉ cảm phần cũng đủ tạo thành một lực lượng. Họ trái lại, thu hút được sức mạnh cuồng bạo ngay trong những tâm hồn đi tìm lẽ sống. Họ mê hoặc những tâm hồn ấy, tách rời những tâm hồn ấy ra khỏi thể chất, rồi dùng thể chất vô tri làm sức mạnh.

Chao ôi, Trung? Từ mười đêm nay, tôi không sao rút ra khỏi một ám ảnh. Đó là một cuộc giết chóc, giữa một bên vô tình và một bên chìm ngập trong đau xót. Đau xót cho mình, cho loài người, đau xót còn hơn nữa cho những “dụng cụ người” của địch, đã mất đến cả khả năng thương tiếc ngay lấy bản thân!

Cuộc chiến đấu kinh hoàng giữa người với người mà là đồ vật? Trung, Trung ơi! Chúng ta phải làm gì đây, để tránh cho kiếp người, cho giống người khỏi trải qua lớp biến thể cuối cùng này?!

Phú Thọ, Vũ lao,

Ngày 30 tháng 12, viết hết

Hải Phòng ngày 19 tháng 7 năm 1954

Thân ái Trung,

Thấm thoát đã qua ngót hai năm, kể từ ngày tôi gửi những bức thư trước cho Trung. Thư gửi ở Hà Nội, tôi ở Hà Nội, ở Vĩnh Yên, rồi xuống Hải Phòng. Tôi có nhận được thư Trung, nhiều lần an ủi, nâng đỡ và thử tìm một giải pháp cho vấn đề đặt ra bởi những người bôn-sơ-vích.

Hai năm, hơn mười lá thư của Trung. Tôi không lần nào trả lời, không phải vì “phù hoa đã đổi lòng người chiến đấu”, cũng không phải vì đã bắt chước một Trang tử khinh chuyện đời giả dối.

Hơn hai năm, tôi dùng trước hết để kiếm sống một cách vất vả, còn những phút họa hoàn nhàn rồi lại đọc lại thư Trung, hoặc tự mình tìm lấy ý nghĩa cho cuộc đời mình sống.

Sự đào xới, càng sâu mãi vào trong lòng, càng chứng tỏ rõ rệt tâm hồn tôi, nếu đứng một mình, không thể nào làm ra một thứ gương soi cho thấy được bản thể. Tâm hồn tôi đã dành là một cái gì trọn vẹn tự nó có khả năng độc lập sinh hoạt. Nhưng gần đây, kể từ ngày cuộc sống chung của dân tộc dâng lên, bùng bùng một sự tranh đấu mãnh liệt, thì tâm hồn tôi đã chìm lẩn với biết bao nhiêu tâm hồn khác, phối hợp với nhau, hòa vào nhau, mà tạo nên một thứ tâm hồn to lớn, cho cả một xã hội, cả một con số mấy chục triệu người. Từ lúc ấy, tôi linh cảm rằng không bao giờ tôi còn tìm thấy tâm hồn tôi riêng rẽ trên con đường lịch sử.

Tôi không thể cứ đào sâu vào lòng mình mà biết được mình. Sự sống riêng rẽ vốn, tự bao giờ, không thể có về vật chất. Bây giờ đến sự sống rung cảm, có những sự phân chia từng nắm, từng mớ, từng giai cấp. Rung cảm bị sắp xếp vào hàng ngũ. Tôi nghĩ rằng mình muốn hiểu mình, có lẽ cần phải tìm hiểu trong một thứ linh hồn giai cấp.

Nhưng tôi phải trả lời Trung trước đã. Về những điều tôi viết cho Trung còn dang dở về hai chữ giai cấp.

Giai cấp-lẽ dĩ nhiên vô sản- sẽ là cơ sở, là tiền phong cho cách mạng bên-sơ-vích. Vô sản, như đã trình bày, về cả vật chất lẫn tinh thần. Trung lấy chữ “vô sản tinh thần” làm lạ, đã hỏi tôi: “Làm thế nào có vô sản tinh thần cho loại người mới sẽ thay thế tiểu tư sản làm cơ sở cho Cách mạng, loại người ấy là những ai, và có vô sản tinh thần rồi thì lợi ích gì đặc biệt cho Cách mạng?”

Nếu tôi nhớ không lầm, đây chính là một điểm thiếu sót trong bức thư tôi gửi Trung kỳ trước. Sự thiếu sót cố ý, vì tôi đã kịp thấy lý luận nhiều quá, không những mệt cho Trung, mà còn làm cho bức thư trở nên thiếu chân thực, vì có một vẻ tuyên truyền không nên có giữa bạn bè, dù chỉ là vô tình. Tôi không muốn Trung hiểu nhầm tôi, cho rằng vì cá nhân bị hất hủi, nên oán thù và thiên vị, tôi đã vu cho Việt Minh những ý định họ không có.

Tôi chờ đợi cho qua hẳn một thời kỳ chiến lược. Lúc đó bằng chứng cụ thể không thiếu, sẽ cho phép tôi viết một bức thư dài khác, nói với Trung rất nhiều về kỹ thuật “Cưỡng hiếp tâm lý”, đem áp dụng vào công cuộc giáo dục một cơ sở vô sản tuyệt đối cho cách mạng bên-sơ-vích. Trung chắc chắn đã đọc quyển: “LE VIOL DE LA FOULE PAR LA PROPAGANDE POLITIQUE” của Tchakhotine, đã biết rõ phương pháp dùng lời nói và hình ảnh dưới mọi hình thức và nhắc đi nhắc lại mỗi giờ, mỗi phút để tràn ngập tâm hồn con người, đuổi hết mọi ý nghĩ ra khỏi nơi đó, để thay thế bằng những ý nghĩ đã định sẵn từ trước. Trung ở bên ấy, hẳn còn biết hơn tôi về khẩu hiệu: “DEUTCHLAND UBER ALLES!”, dán trên mọi góc tường, chiếu trên tất cả các màn ảnh, hô luôn miệng ngoài đường lộ và trên luồng sóng phát thanh Đức, thậm chí len lỏi dần dần theo con đường trực giác, cái tư tưởng “Nước Đức trên Đồng minh” này có thể trở nên một thứ nguồn sống cho những người Đức hoài nghi nhất. Trung đã biết thế, vậy chỉ cần biết thêm rằng ở đây người ta cũng nhắc đi nhắc lại, từ trong phút tâm tình, giờ kiếm thảo, đến buổi hội họp hàng ngàn người ngoài trời, những khẩu hiệu nhằm đóng danh vào tâm khảm đối tượng một lòng Tin vào sự sáng suốt và tình thương yêu của Đảng.

Đảng được lòng tin, tin u mê và say sưa, cũng vẫn chỉ giáo dục đối tượng với những lời đã ca: của cải riêng tư là hệ lụy của đời người, biên giới quốc gia là biên giới của những dư đồ thống trị, tình chồng vợ hay cha con nhằm áp bức và bóc lột sức lao động của người yếu thế, cho đến luân lý hay tôn giáo cũng chỉ cốt giữ vững một trật tự xã hội có lợi cho phong kiến.... Lời đã cũ, nhưng lần này giáo dục không còn là dạy cho biết, mà dạy cho thành tâm tính con người. Vì thế có chữ mới: “vô sản tính”. Vô sản tính cộng thêm tính tự vệ và cần thủ tư bản, quyết tâm đấu tranh tiêu diệt tư bản, sẽ có một tên mới nữa: “giai cấp tính”.

Giai cấp tính, lẽ cố nhiên, có thể được đem giáo dục cho cán bộ tiểu tư sản đã đầu hàng.

Nhưng không dễ, vì sao Trung đã biết. Thành thử chỉ còn có những đồng bào công nhân, công nhân thành thị, công nhân thôn quê. Nhất là đồng bào nông dân, bao nhiêu chất phát là bấy nhiêu dễ dàng cho giáo dục. Giáo dục ngày nào hoàn thành, ngày ấy Cách mạng có một cơ sở chiến đấu, gồm những thể xác vô tri của những người, người mà là đồ vật.

Tôi nhớ đây chính là ý nghĩ làm sao cho tôi kinh hoàng, trong khi tôi viết thư cho Trung, lần trước. Lúc đó tôi còn ở Vũ lao, ngày nằm trong buồng chị Nhiễm, nín thở. Đêm đến, chùng nào trăng đã lặn, con đường đời quanh co lên Quảng nạp đã vắng hẳn bóng người, thì chị Nhiễm với tôi lại ra ngồi ngoài hiên. Tôi kể chuyện Quảng. Chị nhắc lại những ngày trước khi bị đấu, người chồng yêu kính của chị, biết mình đã bị bao vây và tất phải chết, nên ngày lại ngày mong mỗi hay người bạn thân về qua, để trở lại một lời phó thác ba đứa con còn dại. Hai người bạn thân ấy, một là tôi, hai là Quảng.

Quảng đã mất, Nhiễm đã mất, cùng đau đớn như nhau, cùng vì một lẽ không muốn cho những giọt máu của họ phải ở lại với Việt Minh, chịu cho Việt Minh nuôi dưỡng và giáo dục. Hai người xa nhau từ lâu nhưng chắc hẳn đã chung nhau một ý nghĩ. Duy Nhiễm còn dặn được vợ, có gặp bạn hay không, trong thời hạn qua giỗ đầu mình một tháng, tất phải đưa con về Hà Nội.

Chị Nhiễm với tôi, Trung thừa biết, dù cho chẳng có lời ủy thác, cũng nhất định phải đưa lũ trẻ về Thành. Chính cũng vì thế mà tôi nán lại bên phần mộ Nhiễm, để nhờ người vợ góa của anh thuê một bạn điền cũ ở Khải Xuân bắt liên lạc với gia đình Quảng. Người bạn điền ra đi, tôi nhìn theo bước chân hắn, mười phần chắc chín phần phóng thẳng đến ủy ban báo cáo. Tôi đã mất hết lòng tin ở người nông dân, giữa khi công việc Tố, Đấu của Chính sách Cải cách ruộng đất được phát huy cực độ.

Nhưng thật may cho chúng tôi là ở đời vẫn còn có những người chung thủy. anh Chắt Hòe, đêm đi ngày ở, vừa làm thuê lấy ăn, vừa lân la hơn một tháng giờ trong vùng Phố Ến, Phi đình, rồi Ấm thượng, Ấm hạ, mãi đến Đan Thượng thuộc Yên Bái, mới biết đích xác tin tức. Gia đình Quảng được một cán bộ đại đội đào ngũ đến báo tin, đã cùng với anh đó men bờ sông Thao xuôi Hà Nội cuối tháng trước. Anh Chắt Hòe về đến nhà, bộ quần áo mang trên lưng rách như xơ mướp. Anh đứng lên cơn sốt rét, bàn tay run lẩy bẩy cố lằn cổ áo, móc ra trả chị Nhiễm một mẩu trong chiếc kháng vàng chị còn dấu được cho lũ trẻ.

Tôi đứng trông cái cánh người bạn điền nghèo khổ, suốt đời không có đến hy vọng sắm vàng, mà đưa trả lại cho chủ cũ mảnh kim khí kia-chính là tiền ăn đường và tiền thuê anh đi khó nhọc-, tự nhiên tôi thấy mình có tội với anh, với tất cả những đồng bào thành tín nơi thôn dã. Tôi lại trở lại tin tưởng lòng tin mong manh này là nguồn an ủi cuối cùng của chúng tôi, trên khu vực trước kia chúng tôi đã gửi vào một lòng tin biết bao nhiêu sắt đá. Khu vực kháng chiến. Chúng tôi không ở lại được, bởi một quá khứ sàu thắm, bởi một tương lai gian nguy không tha thứ.

Chúng tôi qua sông ngay đêm anh Choắt Hòe về đến nhà. Sự đứng lên thật gọn gẽ, ngoài hai nắm mồ để lại, chúng tôi ra đi mỗi người có hành lý là một cái túi nhỏ đựng hai bát gạo rang, so với ngày tản cư có phần còn nghèo hơn nữa. Anh Choắt Hòe thấy tình cảnh chúng tôi cơ cực quá, cầm lòng không đậu, bỏ chạy vội về nhà lấy dúi vào tay chị Nhiễm mấy tờ giấy bạc còn nguyên nếp. Anh lại đưa cho tôi mười quả quít hôi, một vốc muối. Tự nguyện đưa chúng tôi lần đường mòn ra một xóm vắng bên sông, anh để chúng tôi ở xa, một mình lội xuống nước, men đến bến trộm thuyền chở cả bọn trót lọt sang Cẩm Khê.

Rồi anh trở lại. Chúng tôi chào và cảm ơn anh. Anh đứng lặng một chốc, đoạn ôm chầm lấy thằng cháu Chân phương òa lên khóc. Anh đã nhiều tuổi, tiếng anh khóc là một cái gì rạn vỡ, là một cái gì cực kỳ thâm thẳm. Nhưng lạ thay, cũng là một cái gì cõi mờ, một cái gì hàn gắn tương lai vào quá khứ, trong những cuộc đời đã bị vò xé tan tành.

Sau cùng anh Chắt Hòe nuốt nước mắt, chắp tay vái chị Nhiễm:

- Mợ cho các anh bé, chị bé xuôi bình yên. Phần mộ cậu đã có con...

Nói dứt lời, anh quay mình chạy xuống thuyền, đẩy một sào thật mạnh. Thuyền đã ra đến giữa sông, chúng tôi cũng đã vào đến ven rừng, duy tôi nghe tiếng lá cây xào xạc vẫn tưởng như còn nghe thấy, lẫn với tiếng gió heo may vi vút, tiếng khóc kỳ lạ, đột ngột của người bạn điền đã quá bốn mươi tuổi.

Tôi cho là không cần phải hỏi cũng biết chắc anh Nhiễm, hay chị Nhiễm, thế nào cũng có lần, đối với anh Chắt Hòe, có một thứ ân cứu tử. Nhưng không phải. Anh Nhiễm mới lên ở trên đồn điền có dăm năm nay, còn trước kia vẫn giao công việc thu, phát cho quản lý. Anh Chắt Hòe chỉ

thương chúng tôi là những con người cơ khổ, oan ức, những đứa con cô, người đàn bà góa trẻ, anh “bộ đội” yếu đuối, bệnh nạn, trốn tránh.

Lòng thương người hồn nhiên, sự hy sinh giản dị của anh Chắt Hoe đã thối cho lại cháy trong tim, trong óc tôi ngọn lửa của hy vọng. Ngọn lửa nó giúp cho tôi sức chịu đựng gian khổ và tinh thần lo toan sáng suốt trên con đường đưa vợ, con Nhiều về Nghĩa lộ.

Nghĩa lộ tuy là cả một vùng rộng lớn do quân đội Pháp chiếm đóng, nhưng bên ngoài Nghĩa lộ vẫn có cả một hàng rào quân kháng chiến. Tôi nói: một hàng rào quân kháng chiến, vì tôi không thể đành lòng gọi những người bạn đồng ngũ của tôi mấy bữa trước là Cộng Sản, là Bôn-sơ-vích. Mặc dầu, vào lúc đó, họ chắc chắn đã nhận được lệnh truy nã một tên cán bộ đào ngũ, phản động. Mặc dầu họ gặp tôi nhất định sẽ bắt, hoặc nếu chạy thì bắn. Họ không thể biết. Họ có lẽ cũng đã có một vài cấp chỉ huy đã bị đầu, một vài cấp chỉ huy đã đào ngũ trong trường hợp của tôi. Nhưng họ ở đơn vị khác, họ bị bưng bít về tin tức ở những đơn vị bạn. Họ lại ở mặt trận. Đối với họ, tôi chỉ là một cấp bộ hèn mạt đã đào ngũ, bây giờ lại định len lỏi về theo Pháp. Đối với chị Nhiều, với lũ nhỏ, họ cũng không thương tiếc gì hơn, bởi về với Pháp bao giờ cũng là phản bội

Con đường đi Nghĩa lộ, tôi tuy đã thuộc gần hết các lối mòn mà vẫn không ngớt phập phồng lo sợ. Nông nổi hiểm nghèo là quân kháng chiến hàng ngày di động, chúng tôi có thể bị họ bắt gặp ngay giữa đường. Sau đến vị trí của Pháp không biết đích, cùng sự vờ vẩn vào các bản tìm tiếp tế, có thể gặp ban Tề, nhưng cũng có thể gặp ủy ban cứu quốc.

Đau khổ hơn nữa là sự có mặt của ba đứa trẻ. Đứa lớn, con Dao Chi, lên 7 tuổi tuy chưa đủ 6 năm, ngày hôm đầu còn đi được một mình, nhưng từ hôm sau vừa mỗi vừa bị vất vả, gai đâm và vấp ngã sái chân, cả ngày chỉ đi được chừng năm cây số. Đứa thứ hai lên 5, thằng Chân Phương, phải dắt tay mới được quãng đi, quãng nghỉ. Còn chị Nhiều với tôi chuyền tay nhau bế em Thực Nguyên của chúng, 3 tuổi. Chị Nhiều tuy mấy năm nay đã quen lam lũ, nhưng vốn mảnh người, yếu sức, nên sang ngày thứ ba, những lúc phải bế con nặng, chị không kêu mỏi mà giữa mùa rét, lại đi trong khe rừng gió hút, tôi thấy chị đỏ mồ hôi có giọt, trong khi da mặt chị biến sang màu xanh nhợt nhạt.

Tôi biết sự cố gắng của chị Nhiều. Chị có thể gục ngã trong xó rừng âm u này, nhưng con chị... Chị phải cố. Nhưng tôi biết sức người có hạn. Đành hôm sau phải bỏ nửa ngày cắt dây nâu tết quang gánh, gánh hai đứa nhỏ đi lên trước một đỗi đường rồi tìm chỗ kín đáo treo cả quang lẫn cháu lên cành cây, còn mình trở lại cõng con cháu Dao Chi và dắt, và đỡ chị Nhiều bước lên. Chúng tôi lần bước như thế tám ngày, ngày đi liều, đêm ngủ trên võng bằng những dây leo buộc túm lại. Tám ngày không gặp một đội viên kháng chiến nào. Tám đêm không bị rắn, rết, chỉ bị muỗi đốt mấy đứa nhỏ sưng húp cả mặt. Buổi chiều ngày thứ tám tôi buộc cái yếm lụa của chị Nhiều vào đầu gậy đến xin hàng ở đồn Nậm Vải 1.

Chỉ huy Đồn Nậm Vải là trung úy De Lavernett, cháu bảy đời của danh tướng De la Tour d'Auvergne thời Cách mạng Pháp. Ông tiếp đón chúng tôi với tất cả từ tâm, tất cả lịch sự của một người Pháp quý phái. Rồi sau khi để chúng tôi nghỉ yên một tuần lễ, sau khi chữa cho lũ trẻ khỏi những vết thương băng rùng, trung úy De Lavernett đánh điện về Nghĩa lộ xin máy trực thăng đến đón chị Nhiều với ba đứa trẻ. Còn tôi ở lại làm một thứ tù binh thượng khách của ông được chưa đầy hai tháng, thì ông trúng mìn, tử trận. Tôi bị đưa về Hà Nội, giam trong “Trại Mười Ba” 2 mươi bảy ngày, tới ngày thứ mười tám có một bức điện từ Pháp đánh về Bộ tư lệnh Khu vực Hành quân Bắc Việt, xin trả tôi về tự do.

Bức điện ấy của ai, tôi không biết. Vì người biết là Trung, thì Trung giả vờ quên không nói đến. Tôi đã nhiều lần cảm ơn Trung nhưng vẫn chưa đủ. Bởi vậy, một lần này nữa, tôi nhắc lại Trung hãy tin vào tình bằng hữu thủy chung tận tụy của tôi. Vĩnh viễn.

Trung hãy tin rằng những việc làm và tiếng khóc hồn nhiên của anh Chắt Hoe, sự hiểu biết và tính cương trực của quá cố trung úy De Lavernett, và sau hết, tình tương trợ tức khắc của Trung đã vượt qua bao nhiêu cửa ải để cho tôi có được bức điện quý giá kia, chính bấy nhiêu sự việc, bấy nhiêu hy sinh, đã cứu tôi thoát hẳn được cơn ám ảnh kinh khủng về một cuộc chiến đấu giữa người với người mà là đồ vật...

Cuộc chiến đấu thương tâm, nhất là vì trong số đồ-vật người kia có thể có những người bạn thân khác của tôi, những anh em con cháu, họ hàng tôi. Có những cánh tay sẽ cầm dao đâm vào ngực tôi, những cánh tay trong đó chảy cùng với cánh tay tôi một giòng máu! Thật là một cơn ác mộng. Nếu không có Trung, nếu tôi còn bị giam giữ lâu ngày, tôi e rằng khó mà khỏi lên cơn điên, cầu, xé...

(1) : Nậm Vài : tiếng thiếu số Thái : con trâu, con bò

(2) : thường gọi là Trại “Nhà Tiên”

Thân ái Trung,

Thế mà ngót hai năm cũng qua rồi. Tôi ra khỏi trại giam, bị kích thích nặng quá trong thần kinh hệ nên phải nghỉ yên đến hơn một tháng, suốt ngày không ra đường, không rời quyển sách hay tờ báo. Tôi đọc ngấu ngiến những tài liệu về khoa học, về cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, về trận Mao Trạch Đông chiếm đại lục, về vụ xung đột Nam, Bắc Hàn. Một số báo Pháp của người anh rể, trình bày hoặc khách quan, hoặc chủ quan, đủ mọi lập trường của mọi nhóm người Pháp về cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Tôi nhận thấy mới hai năm nay, ở trong này người ta mới tỉnh ngộ mà hiểu rằng, chiến trận từ Lạng Sơn xuống Cà Mau, thật ra chỉ là một bộ phận “ nóng ” của cuộc tương tranh “ lạnh ” giữa hai khối Dân chủ và Bôn-sơ-vích. Cũng như ở Nam, Bắc Hàn, mặc dầu con số người chết và bị thương phần nhiều là người Hàn, mặc dầu nhà đổ, làng cháy, cầu gãy, đê vỡ, chỉ là những tai nạn riêng cho người Hàn.

Người Bôn-sơ-vích thật sự, nghĩa là người Liên Xô, nếu có cũng chỉ có mấy tay cổ vắn kèch xù náu kín trong trung tâm khu chiến. Thế mà hàng chục người Việt, hay người Hàn, đã chết chính bởi họ, vì họ. Tôi thấp thoáng có ý nghĩ: Không cứ đội viên chiến đấu mới là đồ vật, bởi Hồ Chí Minh hay Kim Nhật Thành nào có hơn gì!

Tôi nghĩ thế, và thấy lòng se lại. Cả cái khối Bôn-sơ-vích khổng lồ cũng chỉ là một thứ đồ vật trong bàn tay sử dụng của điện Kremlin, mặc dầu Staline đã chết, Staline hay Malenkov, thật chẳng khác gì Bác Sĩ Moreau. Trung có nhớ phim “Hòn Đảo Của Bác Sĩ Moreau” không? Phim tả nhà bác học có tham vọng hoàn cái cho giống vật thành giống người, nhưng thất bại, vì giống vật có hình người mà không có lòng người. Cuối phim, hình ảnh đàn vật-người tiến lên đập phá, giết bác sĩ Moreau, và gầm thét: “chúng ta không là người, chúng ta không là vật, chúng ta bây giờ là đồ vật!”. Bác Sĩ Moreau, nét mặt thường ngày nham hiểm của kẻ mưu toan gây dựng một sức mạnh kinh khủng bằng loại vật-người-đồ-vật, đến cuối phim, trước cơn giông tố của sức mạnh mù lòa, Bác Sĩ Moreau đã khiếp sợ thế nào!

Tôi không sao quên được nét mặt của Bác Sĩ Moreau. Tôi nghĩ đến Staline hay Malenkov. Họ đang thí nghiệm ngược lại với Bác Sĩ Moreau, giống người sắp thành đồ vật sẽ đối xử với họ ra sao? Sẽ tuân lệnh hay lại nhảy lên búa vào cổ, cắn ngập răng vào mạch jugulaire? 1

Thật khó mà biết trước được. Duy hiện nay thực tại bắt buộc chúng ta công nhận họ, cũng như Bác Sĩ Moreau, vẫn còn ở trong thời kỳ thử thách. Trước khi thành công hay thất bại hẳn hoi, họ hiện có, ở một vài nơi, những sức mạnh đáng ghê sợ. Một trong những nơi ấy là đất Việt Nam này.

Thế mà, để chống sức mạnh ghê sợ ấy, người ta lại chỉ có một lực lượng phức tạp, hỗn loạn, mâu thuẫn trong nội bộ phát hiện hằng ngày, và ở tất cả mọi cấp bậc. Một lực lượng quốc gia, nói là để chống Cộng Sản từ hai năm nay. Nhưng trước khi nghĩ đến chống Cộng Sản hãy chống nhau ngay trong hàng ngũ. Người Pháp chống người Pháp, người Pháp chống người Việt, người Việt chống người Việt.

Mà tôi có nói ngoa không Trung?- Không chứ! Bởi có thiếu gì Cộng Sản Pháp trong hàng ngũ

đoàn quân viễn chinh? Có thiếu gì Cộng Sản Pháp ngay trong một chính phủ chủ trương xâm lược? Thành thử đánh vẫn đánh, vẫn lại có kẻ đem cả toàn bộ kế hoạch của bộ Tổng Tư Lệnh giao cho Cộng Sản, vẫn lại có kẻ hàng ngày viết báo đòi phải trả ngay đất nước cho Hồ Chí Minh! Ấy là chưa kể, trong mặt trận chủ hòa, còn có những phần tử xã hội, muốn hòa nhưng lại muốn điều đình giữ lại một phần nào quyền lợi của thống trị.

Ngược với chủ hòa là chủ chiến: Những tay chống Cộng Sản vì có những tài sản kèch xù, những phần tử thực dân lạc hậu nhưng cực đoan với một số ít người chống Cộng Sản vì chủ nghĩa cùng tất cả những thành phần tôn giáo chân thực. Thành ra khối chủ chiến lại còn phức tạp hơn nữa: Phe thực dân muốn dùng Nguyễn Vĩnh Thụy cùng những đảng vô hại, với những lãnh tụ vô hại (vô hại cho họ, vì lúc ...

1: Phim “ L'île du Docteur Moreau” công chiếu khoảng 1936-1937: tài tử Charles Laughton đóng vai bác sĩ, Dorothy Lamour đóng vai con báo mới hóa người

.... nào cũng sẵn sàng ký vào mộ hiệp ước Patenotre thứ hai!), trong khi ấy những nhà lý thuyết sáng suốt đề nghị trả cho Việt Nam nền độc lập thực sự, và các bậc lãnh đạo tôn giáo đi tìm một người đạo đức.

Sự lũng củng trong nội bộ người Pháp đã như thế, sự lũng củng trong nội bộ một số đảng phái Việt Nam cũng chẳng kém gì. Ở cương vị có đôi chút lực lượng, đáng lẽ phải hiệp tác để chống lại kẻ thù chung, và bằng thái độ ấy, bắt người Pháp phải kiêng nể, thì trước hết các đảng phái hãy chống nhau cái đã. Họ viện lẽ có đảng đi với Pháp, có đảng chống Pháp, có đảng chống cả hai bên, nói là để dòn cho họ đánh nhau cho chán, khi nào cả hai bên cùng quy, lúc đó sẽ an nhiên hưởng thụ. Nghĩa là mỗi đảng một chủ trương, một chính sách, đảng nào có vẻ “hiền lành” nhất, một vài lần được Pháp cho “thử” giữ một chút quyền binh, thì việc đầu tiên lên cầm quyền là đi lũng bắt cán bộ đảng đối lập – chưa phải là cán bộ Cộng Sản-để bỏ tù. Việc thứ hai là mỗi lãnh tụ chuyển ngay sang Ba-Lê một vài triệu, một vài chục triệu, tùy theo khả năng. Thăng hoặc cố gắng gượng tổ chức lấy một cơ sở tương đối có uy tín thì bị ngay Cộng Sản dùng kế ly gián: Một trái lựu đạn nổ, vài ông “quan to” về trời, và tổ chức bị giải tán, cấp bộ chỉ huy lại cũng vào tù!

Đảng phái đến như vậy thật là nát bét. Một vài đảng rút vào bí mật, cố giữ lấy một chút tin nhiệm đã gây dựng được trong giới trí thức. Nhưng giới trí thức lại yếu đuối, mệt mỏi, hoài nghi hơn bao giờ hết. Họ, một số biết người, biết mình-biết mình không có sức mạnh-nên phó mặc việc đời, cứ chùn chần cho kỹ. Một số khác không đành lòng chờ đợi bị tiêu diệt, nhưng khôn ngoan không làm chính trị, chỉ gia nhập đề phục vụ những tổ chức xã hội, nhằm mục đích làm nhẹ bớt một phần những vết thương do chiến tranh. Một số thứ ba, may là rất nhỏ, theo “mặt trận Bảo Đại” đi làm giàu, sa đọa.

Trong khi ấy, dân chúng, dân chúng anh dũng, bị bỏ rơi hoàn toàn về tinh thần. Ngoại trừ một số loa phóng thanh hàng ngày đi hô những khẩu hiệu này lừa bằng giọng nói nhạt nhẽo, thì sách báo của tư nhân không làm nên được một chút công trạng nào trong nhiệm vụ giáo dục quần chúng. Quần chúng không hề biết những sự thay đổi đã đến trong hàng ngũ Cộng Sản, nên vẫn hồn nhiên coi rằng danh từ “Cộng Sản” chỉ là một sự vu vạ khổng lồ cho kháng chiến, và càng ngày càng cảm mến kháng chiến hơn lên. Thậm chí, trong năm 1953, tôi có thể nói không sợ mang tiếng ngoa ngoắt với Trung rằng dân chúng-lẽ cố nhiên, trừ những người đã có dịp mắt thấy tai nghe-, dân chúng ngã về kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, đến nỗi cán bộ kháng chiến ra vào Hà Nội như vào một thị trấn không người. Một chứng cứ bằng suy luận: mấy năm nay, ở Hà Nội không có mộ vụ ám sát hay bắt cóc nào, và đó là triệu chứng rằng kháng chiến đã rất mạnh.

Sức mạnh của Cộng Sản, tôi đã nói nhiều lần, chỉ là sức mạnh mượn được của kháng chiến. Lợi dụng được hoàn cảnh nghìn năm có một, là cuộc Tổng Khởi Nghĩa đưa đến kháng chiến, họ vẫn tiếp tục tuyên truyền rất dân tộc trong dân chúng, nhất là trong dân chúng vùng Pháp chiếm đóng. Mặc dầu, từ năm 1950, và đầu năm, ở Liên khu Việt Bắc đã có mở nhiều lớp học tập quốc- tế-tính.

Trung đưng nhằm quốc- tế-tính là một thứ tư tưởng quốc tế, có mục đích làm cho con người mở rộng lòng thương yêu nhân loại cũng như thương yêu đồng bào mình, Trung hãy chú ý đến chữ tính, tính nết, đã dùng trong chữ vô sản tính, giai cấp tính. Quốc tế tính là một thứ thói quen tinh thần, một thứ ý nghĩ bẩm sinh đã có, rằng con người sinh ra không có quốc gia, quốc gia là bịa đặt, ái quốc là bịp bợm, bởi vì con người là con người của hoàn vũ, của nhân loại.

Quốc tế tính, thật ra, là một cái mồi và cũng là một cái bẫy cho đồng bào ta... Là cái mồi, vì nước Việt Nam nhỏ, đất Việt Nam nghèo, nếu thực hiện quốc tế tính, người Việt Nam có thể sang làm ăn bên Mỹ, bên Pháp, mà vẫn như ở trong nước nhà. Giấc mộng giàu sang dễ dàng thành sự thật. Lại cũng chính vì thế mà là cái bẫy, vì dân tộc nhỏ, bên cạnh dân tộc Trung hoa khổng lồ, nếu càng có quốc tế tính thì trong bao lâu sẽ mất gốc?

Tưởng chẳng nói Trung cũng biết người Tàu từ ngàn xưa vẫn nuôi cái mộng đồng hóa những nước “man di” nhỏ bé. Nay có cơ thực hiện, ắt là có bàn tay Trung Cộng dính vào. Còn Việt Cộng chưa chắc đã muốn thế, vì ai chẳng muốn một tình làm chúa tể một sơn hà, dù nhỏ bé. Nhưng tình trạng kiệt quệ về thực lực đã bắt buộc họ.

Cho nên tôi chắc rằng họ đã bắt đầu run sợ, ngay từ khi Hồng Quân tiến đến giáp giới biên thùy. Tôi nghĩ rằng họ sợ, vì trong hành động của họ, trong những năm gần đây, đã có nhiều trạng thái của mất sự vững vàng về tinh thần. Tôi nhớ khi trước, bị bắt ở Lạng Sơn, nhiều lần bị họ đem ra toan giết, mà không thấy một lần nào thấy họ lộ vẻ căm thù hay tức giận. Tôi nhớ tên cai ngục vào với cuộc giây thừng, đến trước mặt tôi nghiêm chào, xin lỗi như người ta xin lỗi nhau trong một buổi dạ hội ở Nhà Hát lớn, rồi xin phép trói, trói thật chặt. Đến khi giải ra pháp trường, tên chỉ huy còn tươi cười nói “đồng chí đi trước”. Lại đến khi có lệnh hoãn, vẫn tươi cười, không bực dọc, cũng không ngượng ngập, vừa cười trói vừa nguyên rủa “cái đồng chí nó chưa được giác ngộ, nó trói đồng chí chặt quá thôi!”.

Như thế, thật trái hẳn với thái độ của họ trong khi đấu, tố. Đã đành chính họ chủ trương giáo dục căm thù cho quần chúng. Nhưng vì sao phải giáo dục căm thù, nếu dám quyết định vẫn yếu, mình vẫn mạnh, và dân vẫn theo mình tuyệt đối?- Tôi cho rằng việc ấy, căm thù ấy, chính là sự hiển hiện của tự ti mặc cảm, của sự run sợ ngay chính các đồng chí vĩ đại.

Tôi có nhầm không, khi dám nói rằng trong lòng người Cộng Sản đã có tự ti mặc cảm, ngay khi họ đương thắng lợi trên khắp các mặt trận?

- Có thể lắm. Vì tôi dù sao cũng chỉ là khách quan quan sát đối với chủ quan thực lực của họ. Tôi có thể nhầm trong đoạn vừa mới phân tách về các thành phần mặt trận quốc gia. Tôi có thể không biết nhiều việc, nhất là những việc trong bí mật, ví dụ như những hoạt động ngầm ngầm để xây dựng cơ sở của những tập thể chính trị. Hoặc những hành động bán nước của những tập thể khác.

Nhưng có một nơi tôi nhất định không nhầm, là sự nhận định của tôi về giới trí thức. Trí thức chống Cộng, tư sản, tinh thần của tự do, cơ sở của tất cả mọi nền dân chủ. Đó là trí thức ở ngoài toàn cảnh, ở trong một không gian vĩnh viễn. Còn trí thức của ta... Tôi sợ rằng người trí

thức của ta, trong lúc này, chỉ còn là cái bóng của người trí thức năm xưa, khi, 1945, họ không ngần ngại phất lá cờ máu- lúc ấy còn là cờ của Tổng Khởi Nghĩa thuần túy-trên khắp các ngã đường đất nước.

Vi sao? Tôi không muốn nói vì sao trước khi thuật lại cho Trung tất cả những hoàn cảnh, những phản ứng nó đã đến trong tôi, từ ngày tôi đặt quân bút xuống bàn, sau khi viết cho Trung: Về đâu, tiểu tư sản?

Về Hà Nội!

Trung đã mày mò xin được Letourneau, tổng trưởng trú xứ, đánh điện xin, không, đòi cho tôi trở về tự do. Thì việc đầu tiên tôi phải làm là gì? Là tìm cách gián tiếp trả ơn viên Tổng trưởng trú xứ, bằng cách trực tiếp đánh đòn trả thù đầu tiên vào những người Bôn-sơ-vích.

Tôi nghĩ thế, viết ngay hai bức thư dài cho hai viên đại tướng Tổng tư lệnh Salan, và Tư lệnh khu Hành quân Bắc-Việt De Linares. Trung hẳn đoán được trong thư tôi viết những gì: chính sách ruộng đất Cộng Sản, giáo dục giai cấp tính Cộng Sản, tự ti mặc cảm Cộng Sản. Và sự chia rẽ trong nội bộ ta, sự cần thiết có một ý chí chỉ đạo, sự cần thiết động viên trí thức, không phải bằng tuyên truyền, mà bằng lời nói tâm thành giữa bạn với bạn. Điều kỳ dị nhất trong thư là tôi công nhận công lao của người Pháp, công nhận người Pháp có quyền ở lại, để hưởng thụ bình đẳng với người Việt trên đất Việt.

Viết thư xong, đánh máy xong, tôi vừa ký tên vừa cười một mình. Bởi cho rằng mình xử sự đúng tâm lý, đối với hai viên tướng, một nghe đâu có duyên nợ với Phù dung tiên nữ, một có nhiều bằng cử nhân hay tiến sĩ gì đó. Tôi tưởng họ sẽ há dạ lắm, vì được công nhận có quyền làm thực dân, vì họ cố nhiên, là trí thức, phải tự hiểu mình quả thật là thực dân. Tâm lý hơn nữa nơi cuối thư, tôi không quên ghi rõ rằng tôi không đòi hỏi điều kiện vật chất, không xin mẽ đay cũng không xin đi làm, và cao quý hơn hết, xin sẵn sàng cộng tác hoàn toàn trong lãnh vực tinh thần.

Thư gửi đi, tôi vui liền đến mười hôm. Đến hôm thứ mười, tiếp được giấy đòi của Sở mật thám Liên Bang. Tôi ngạc nhiên, nhưng vẫn đến. Rồi ngã ngửa người: một suýt nữa lại tù!

Thì ra tôi tâm lý trên mây rồi. Hai ông tướng xét bức thư của tôi, thấy cho phép họ làm thực dân, liền cho ngay là tôi có ý ngạo mạn. Tôi viết thư bằng chữ Pháp, chắc ít lỗi văn phạm, chứng tỏ có học khá. Mà không cần tiền, không cần mẽ đay, không xin đi làm! Viên Phó giám đốc đầu bạc, hình như tên là Cardin, hỏi đi hỏi lại, hỏi lại hỏi đi: “ Ông ở đảng nào? Ai ra lệnh cho ông viết bức thư này?... Anh ở đảng nào?... Mày ở đảng nào?...” Tôi được dịp thề chết. Rằng tôi ở Phục Quốc đảng, nhưng đã hết hoạt động, và bức thư ấy chỉ do tôi thực lòng ngưỡng mộ ông Tổng trưởng trú xứ...

Ông Tổng trưởng Letourneau cứu tôi lần thứ hai. Không có ông, sự đại đột lần này phải đưa tôi gần lắm là đến Côn Đảo!

Tôi ra khỏi Sở mật thám Liên Bang mồ hôi lấm tấm trên trán và ướt lạnh trong áo sơ mi, giữa cơn rét Nàng Bân năm Quý Tỵ. Con đường Gia Long đón gió hồ Gươm ào ào trên hè vắng, và hú từng hơi dài trong cành cây mới lưa thưa ít ngọn xanh. Tôi đi quanh hồ nhiều vòng, nhận thấy sự thất bại đầu tiên gieo vào tâm tư mình rất nhiều phiền muộn. Bởi tôi chờ đợi sự hiểu biết ở những người Pháp cao cấp. Tôi bắt đầu lo sợ: đến họ còn không hiểu, ai sẽ hiểu?

Và quả thế. Tôi còn thử thách nhiều lần. Lần thứ nhất, sau đó, đến thăm vị thủ lĩnh đôn thể cũ. Ven bờ hồ Thiền-công, dưới một tòa lầu ba tầng, vị thủ lĩnh của tôi ở trong căn phòng để xe hơi. Lụp xụp, chật chội. Tôi linh cảm ngay được sự trong sạch, mừng thầm. Nhưng mừng trong giây phút, rồi thôi. Bởi đến phút thứ hai đã biết ông bị thời thế vượt xa nhiều quá. Là người thiếu số, đời đời tù trưởng, ông trung thành với Nhà vua, gián tiếp là Bảo Đại. Mặc dầu ông trong sạch, không nhận tiền của Phòng Nhì, không đề cử cán bộ vào chính quyền, ông cam

phận đói rách trong căn phòng tối hẹp. Để chờ cơ hội, nhưng cơ hội gì, thế nào, ông không biết.

Hoàn toàn thất vọng. May lúc sắp đứng lên lại được gặp một lão đồng chí, một nhà trí thức danh tiếng. Tôi ngỡ ý hỏi anh về thủ lĩnh, anh mỉm cười khế lắc đầu hai ba lần, chán ngán. Câu chuyện trở về quá khứ. Anh khen tôi viết tờ Phục Quốc hay. Tôi khen anh giữ được đạo đức giữa một thời điên đảo. Rồi cùng cười, nhưng cùng rất buồn mà chia tay.

Tôi trở lại căn phòng của tôi, hẹp và tối hơn căn phòng của anh Nông Quốc Long nữa. Nhà tôi còn chờ chồng bên cạnh mâm cơm nguội, nước nguội. Cất bát cơm suông lên tay, người đàn bà mỉm cười nói một câu an ủi bằng quơ, nhắc lại một thời kháng chiến, làm như đã xa lắm. Mà xa lắm thật rồi, những ngày gian nguy tác chiến. Những hăng hái dào dạt, những quyết liệt xông pha. Cả đến niềm thống khổ, uất hận, mới ba tháng trước, bây giờ cũng đã lắng đọng xuống nhiều. Tôi cảm thấy tâm hồn mình muốn nhỏ lại. Một ý nghĩ còn ngập ngừng, có lẽ vì hổ thẹn với quá khứ. Tôi đột nhiên muốn trở về với gia đình.

Gia đình tôi vốn vẹn còn có hai đứa tôi. Mẹ tôi đã thất lạc từ ngoài khu. Trong căn nhà ngõ hẹp này, bây giờ chỉ còn một mình nhà tôi, sáng sáng đưa chồng ra khỏi ngõ, lần nào cũng tươi cười hẹn chồng “về sớm”. Rồi buổi tối, có những bận về rất khuya, bụng rỗng tuếch và lên chân rời rạc vào căn phòng chỉ sáng nhờ ngọn đèn hoa kỳ tù mù, tôi ngao ngán lắc đầu, thì người đàn bà cũng lại tươi cười “để mai ăn một thể anh ạ!”.

Để mai ăn một thể, tức là hôm ấy không có gì vào bụng. Đói. Nhưng đói, thật ra và tự một mình nó, không có gì lạ. Nhất là nhà tôi lại càng quen lắm, ngay từ lúc còn tản cư. Tôi không có gì giúp đỡ, mẹ tôi già, một mình nhà tôi lo liệu, ắt phải lấy câu chuyện “nhỡ bữa” làm thường. Cục nhất là hồi tháng Mười năm 47, binh đoàn Vanuxem từ Tuyên Quang về qua Lập-thạch, qua nơi gia đình tôi trú chân làm ruộng ấp, có ba lính da đen rạch mặt bị du kích dùng câu liêm móc chết, bèn báo thù, gặp bao nhiêu nhà cửa, thóc lúa cẩu dân chúng mới gặt về đều đốt cho kỳ hết. Cả nhà tôi đành ăn cơm gạo cháy, cay mùi khói. Đến tháng Ba, tôi có dịp về thăm, thấy mẹ với vợ chỉ còn da bọc xương, gò mà nhọn, mắt sâu hoắm, tóc trên đầu khô như rang. Thế mà người đàn bà ấy vẫn cười được, thậm chí hôm tôi phải đi, vẫn còn tìm được cách may cho chồng cái áo trấn thủ bằng phin đen thật đẹp. Mẹ tôi thấy thế chỉ khóc, nước mắt già đau khổ nhưng hãnh diện.

Một người vợ như thế cố nhiên không bao giờ thẳng thức tôi về miếng cơm manh áo. Anh em ở bên này đều cho tôi nhờ vợ mà sung sướng nhất đời. Kể cũng đúng, càng đúng khi chính mình cũng biết chẳng thiếu gì người, vì vợ muốn, phải bán linh hồn cho quý. Quý sống, một là Cộng Sản, hai là Pháp, ba nữa là chính phủ Tâm hay Hữu cũng thế.

Tôi công nhận nhà tôi là người vợ Á Đông trọn vẹn. Mười năm, hai mươi năm nữa, tôi vẫn có thể mặc cho nhà tôi tìm cách sống lấy một mình, không nâng đỡ, không cả đến hỏi han cho đủ cái nghĩa thiên nhiên của sự kết đôi làm vợ làm chồng. Tôi biết trước nhà tôi sẽ không bao giờ oán hối: kể từ ngày về làm bạn với tôi, một thiếu nữ đôi tám đã quên luôn đi rằng mình chỉ có tuổi xuân có hạn. Một thiếu nữ sớm trở thành người đàn bà không tuổi. Mười năm nữa, hai mươi năm nữa...

Nhưng cũng có lúc tôi băng khuâng tự hỏi không biết còn làm khổ nhà tôi đến bao giờ. Những lúc họa hoạn tôi bắt gặp mình xây mộng về một cuộc đời yên ấm: căn nhà nho nhỏ, xinh xinh, người vợ ngồi thuê thùa bên cạnh chồng đọc sách. Cảm giác êm vui thấm thía không bền, cứ mỗi lần nghĩ đến hưởng thụ hạnh phúc trong gia đình nhỏ hẹp là một lần nhớ đến anh em.

Người đã chết, để lại vợ con nheo nhóc; người còn đang cầm nín trong hàng ngũ bồn-sơ-vích, cố chịu đựng tất cả mọi gian nguy, điều đứng, miễn làm sao ở lại được giữa đoàn quân kháng chiến. Quá khứ, kỷ niệm buổi xuất quân trong Rừng Thông, kỷ niệm trận đánh đồn Đại-Bực 1, kỷ niệm chiến dịch Lê Hồng Phong phá tan đồn Bảo-Chúc 2, quá khứ rùng rục những lửa reo, đạn réo, những người tiến lên, những người ngã xuống. Máu chảy, giặc đầu hàng, kéo lên lá cờ, là cờ dù sao vẫn là cờ kháng chiến. Quá khứ nặng quá cho một kẻ muốn trở về với gia đình. Bởi hẳn biết không sao tránh khỏi mặc cảm phạm tội, một khi anh em còn chiến đấu mà hẳn nở lòng nào một mình hưởng thụ?

Quá khứ đòi hỏi con người phải xứng đáng với nó, trong hiện tại và trong tương lai. Con người không thể phản bội chính cuộc đời mình. Mà hiện tại, chia rẽ, hỗn loạn, bắt phải có những khôn khéo, những luồn cúi, những nham hiểm toàn những thứ không phải là đức tính của chiến sĩ. Cuộc chiến đấu được đặt trên một bình diện khác. Bình diện của thực dân ngoan cố, ngu xuẩn của chính quyền hèn hạ, thối nát. Của một quần chúng, mặt ngoài chen chúc hưởng thụ một nền kinh tế phồn thịnh giả tạo, nhờ viện trợ và nhờ sự tiêu pha của Đoàn quân Viễn chinh. Nhưng bên trong, quần chúng thiếu thốn xúc cảm chân tình, không thể làm gì hơn là hưởng về kháng chiến. Chữ kháng chiến, lâu nay cán bộ nội thành đã dần dần hòa vào chữ Đảng: kháng chiến Đảng, Đảng kháng chiến.

Quần chúng hưởng thụ, quần chúng tiểu tư sản, nhất định không thương gì người bôn-sơ-vích. Nhưng đối trước người Pháp rõ rệt không thực tâm, quần chúng sợ hãi nô lệ hơn đối rét, cần phải có một nơi gửi lòng tin cậy. Năm 1948-49, hình như đã có lần hưởng về Bảo Đại với những người trí thức. Năm đó tôi chưa về, không biết rõ sự thất vọng của quần chúng to lớn đến mực nào, vì trót quá tin ở Bảo Đại. Trí thức cũng tin ở Bảo Đại, ở bản Tuyên ngôn Thoái vị của ông ta thì đúng hơn, đã đảm bảo cho con người ấy trước quần chúng. Cho nên Bảo Đại hiện nguyên hình “con Tây” khả ố, thì, đầu tiên đã mất mát một phần nào lòng tin của quần chúng, lại thành thực nhận sự sai lầm của mình, người trí thức tự trừng phạt bằng cách tự mình không tin vào mình nữa!

Trung đã biết không gì khổ bằng sự ngờ vực của mình đối với chính mình. Tấn kịch bi đát của những người cố tìm một lối thoát mà phải bầu vịu vào những lực lượng bên ngoài. Bên ngoài, một đảng là Pháp với khi thì Tâm, khi thì Hữu, một đảng là Cộng Sản. Quần chúng thì đã mất một phần nào tin tưởng. Giải pháp vẫn chỉ có một: bằng mọi cách phải cướp lại cho kỳ được lòng tin của quần chúng. Nhưng đó là việc làm dài ngày, khó khăn, nguy hiểm. Trí thức đã lùi lại, rút vào trong một thái độ bế tắc. Phần đông chùn chẫn, ngừng tất cả mọi hoạt động. Riêng từng nhóm nhỏ, hoặc bất chấp đe dọa, tiến lên

- 1: Trên hữu ngạn sông Hồng
- 2: Thuộc huyện Tam-Dương, Vĩnh Yên.

..... chống cả Cộng Sản lẫn Pháp, và có nhiều người đã bị lưu đày. Hoặc có những nhóm khác, nhận định Cộng Sản nguy hiểm về lý thuyết nên ngày đêm đào xới, cố tìm lấy một chủ nghĩa khả dĩ thay thế chủ nghĩa bôn-sơ-vích. Bấy nhiêu gắng công, cho đến nay, đã tương đối coi được là thất bại. Thất bại vì hành động lẻ tẻ. Ở cương vị lãnh đạo, trí thức đã lẻ tẻ, sẽ làm thế nào để lôi cuốn được toàn dân?!

Làm thế nào? Người trí thức vẫn tự hỏi như thế. Câu hỏi đưa đến bế tắc, khiến cho trogn tâm hồn họ rộn lên một niềm đau đớn. Nhất là những thanh niên còn nhiều thiết tha với dân tộc không thể ngồi yên, cũng không thể liêu lĩnh làm một cái gì cho hả. Thanh niên tuổi băm lăm, băm mấy, được sống đủ để được biết đủ, không thể chấp nhận cho những thứ bác sĩ Moreau bôn-sơ-vích biến đổi con người thành đồ vật, càng không thể chấp nhận một cuộc đầu hàng người Pháp.

Tuổi thanh niên băm lăm, băm bảy là tuổi chúng ta. Tôi đọc những bức thư của Trung, rồi lòng hỏi lòng, càng nhận thấy tuổi chúng ta là tuổi phải chịu nhiều vết thương tâm tình nhất trong thời đại.

Chúng ta trước hết đã bị Cộng Sản dày xéo. Đến bây giờ lại bị dấn vật trong tâm tư bởi ý chí muốn thoát ra khỏi một hoàn cảnh bế tắc. Tôi tin lời Trung viết cho tôi:

- “ Chúng ta hiện mang nặng một chứng bệnh tâm lý, một chứng bệnh thể kỷ, nó đòi hỏi, nó bắt buộc chúng ta đi tìm một lẽ phải, một lẽ phải tuyệt đối, một lẽ phải là căn nguyên của mọi sự, cắt nghĩa mọi sự, và, do đó, chính là lí do tồn tại của đời sống”.

Trung lại viết cho tôi: - “ Chúng ta sờ dĩ chống lại người bôn-sơ-vích là vì chúng ta biết họ chưa

tim thấy lẽ phải tuyệt đối mà đã nóng lòng tranh chấp đến tự thỏa mãn bằng những lẽ phải của giai đoạn, họ cố nhiên chiến thắng chúng ta trong giai đoạn cái lẽ phải của họ. Nhưng đời người còn dài, nguồn sống bất tận của con người không thể bị chính nó hủy diệt, cho nên tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, có khả năng giải quyết tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng, và đặt địa vị trí cũ những tinh thần lầm lạc”.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung rằng người trí thức- trí thức tư sản, nói cho thật rõ-có nhiệm vụ đi tìm một lẽ phải vĩnh viễn, bên ngoài thời gian và không gian, không thể không có cho đời sống thái bình của nhân loại. Người trí thức, nhân danh những đau khổ họ đã chịu đựng, rất xứng đáng sẽ tìm thấy.

Nhưng người nào sẽ tìm thấy thì chính người đó đã biến thành thần linh. Bởi, trong lịch sử của giống người, đã tìm thấy một lẽ phải có giá trị lâu bền, mới chỉ có Thích Ca Mâu Ni, Giu se Ki ri xi tô với Mahomet. Thêm hai vị á thánh Khổng Khâu và Cam Địa, có lẽ có chủ trương gần gũi với loài người hơn, nhưng tiếc thay, chỉ hợp với một phần nào nhân loại.

Nhân loại hiện đang tiến rất nhanh- có thể là nhanh quá chăng? Trong lĩnh vực khoa học. “Người sau này tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, Trung đã viết thế, phải là người có thiên tư phối hợp cảm tình với khoa học, một thứ trí tuệ Einstein hay Copernic cộng với tấm lòng bác ái, vị tha của Đức Phật”. Ở nơi đó, tôi cũng tin như Trung, rằng cuộc tranh chấp giữa hai khối dân chủ, bên-sơ-vích, ngày nay đã lớn rộng quá, khiến cho một sự hòa giải không thể có, và sẽ chỉ có hoặc một sự can thiệp thiêng liêng, hoặc một trận giao tranh kinh khủng giữa những sức mạnh cuồng nhiệt năng nguyên tử, trong đó loài người không thể tránh được tự tiêu diệt toàn bộ. Cả hai viễn tượng cùng vượt xa người trí thức trung bình, không mỗi lúc làm nên giáo chủ, cũng không thể một ngày thành được một Einstein. Cho nên vì biết rõ được sự không đi tới đâu của mình mà phát sinh hoài nghi.

Đã đành rằng hoài nghi là một bệnh nặng. Nơi tận cùng bức thư sau trót gửi cho tôi, Trung đã lộ một vẻ buồn sâu sắc. Trung không viết rõ, nhưng tôi nhận được, qua dòng chữ, ý nghĩ của Trung không nhiều xa sự tuyệt vọng:-“ Chúng ta đi đúng đường, nhưng chúng ta đi quá chậm. Có thể rằng Nước Đỏ sẽ tràn ngập cuộc đời là hậu quả của sự thắng thế của Tội Ác trên Thiên lương. Khoa học đã nhiều lần chứng tỏ dấu tích những nền văn minh bị tiêu diệt”.

Tôi nhận thấy Trung bi quan quá, một phần vì Trung là một người độc đáo trong tư tưởng, nên không thể cam chịu những giải pháp nửa vời, không chấp nhận một lẽ phải giai đoạn và cương quyết không thỏa hiệp với lẽ phải bên-sơ-vích. Nguyên nhân thứ hai của căn bệnh bi quan của Trung, theo ý tôi, là Trung rời xa đất nước lâu quá, từ sớm quá. Mười lăm năm thương nhớ, cứ mỗi khi muốn có hình ảnh dãy núi, con sông cùng những nét sinh hoạt dồn dập hay thờ ơ, lạnh hiên hay bạo ngược của đồng bào, Trung chỉ có thể đọc sách báo, và đọc những bức thư của một số bạn thân, trong đó có tôi.

Tôi biết Trung thao thức, tha thiết muốn có những tài liệu xác thực, để có thể mừng tượng ra hẳn đời sống của quốc dân ta, trong một thời kỳ nhất định. Tôi không thể làm vừa lòng Trung cũng như không một ai làm nổi việc ấy, kể cả những cấp bộ chỉ huy cao nhất nhất, vì lý do đơn giản là mỗi người chỉ có thể biết được sự thật của riêng phe mình. Tôi nghĩ như vậy, nên thuật lại cuộc đời của chính tôi trong thời kỳ ấy. Trung hiểu tôi, sẽ hiểu cả một thế hệ. Nếu mỗi thế hệ có một người cũng làm cái việc tôi làm với Trung, thì đem tất cả những bức thư gom lại, nhà học giả xã hội và tâm lý sẽ có những tài liệu chính xác nhất về đời sống của một dân tộc.

Nhưng riêng Trung, chỉ có thư riêng của tôi, tôi với Trung lại cùng một lứa tuổi, thành ra Trung chỉ biết, tuy biết rất rõ về một thế hệ. Một thế hệ, dù có được giữ một vai trò trọng yếu nhất trong một giai đoạn lịch sử, vẫn không thể là một dân tộc. Trung có lẽ không chú ý đến điều này nên mới có thái độ bi quan quá đáng.

Trung viết: -“ Tôi nhiều khi khổ sở mà nghĩ rằng chúng ta đành phải thúc thủ. Công việc của chúng ta cố nhiên tâm thành mà vẫn không tránh khỏi không tưởng. Chúng ta muốn làm thánh, trong khi kẻ địch của chúng ta làm người e không đủ tàn bạo, lại còn cố trở thành đồ vật... Trên lý thuyết đấu tranh, tôi không thấy sức mạnh của mình, không thấy kẻ hở của địch”.

Chúng ta đành thúc thủ vì lẽ phải của chúng ta chưa kịp tìm thấy (Trung viết: sẽ có ngày nào tìm thấy được chăng?!), lẽ phải của địch, tuy chỉ có giá trị trong một giai đoạn, giai đoạn ấy có thể còn dài, đủ dài cho những người bôn-sơ-vích tiêu diệt xong những người tiểu tư sản. Trung nghĩ như vậy. Tôi nghĩ cũng gần như vậy. Chúng ta cùng chủ bại.

Duy không phải tất cả mọi người, tất cả mọi thế hệ đều chủ bại. Tôi vừa mới viết, ngay trên đây, rằng Trung biết rõ một thế hệ, là cốt để bây giờ viết thêm rằng có những thế hệ Trung không biết, những thế hệ đương lên. Nhất là thế hệ của những đứa em của chúng ta, hôm nay trên dưới ba mươi tuổi, thế hệ của những thanh niên cũng say đắm tự do và dân chủ, cũng thiết tha với tài sản tinh thần, nhưng không những không chủ bại, cũng không phải chỉ có một ý chí liều chết chiến đấu, mà, trái lại, còn tìm thấy cái lẽ phải tạm thời có thể “giải quyết được tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ mọi nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng”, và có thể đặt về vị trí cũ những tinh thần lầm lạc”.

Lẽ phải đó là gì, thế nào, sau đây tôi sẽ nói rõ cho Trung biết. Lẽ cố nhiên đó không phải là sự “tìm thấy” của tôi, bởi, ví dù tôi có thật tìm thấy cũng không có giá trị gì hơn, vì nghĩ là một việc, nhận rằng đúng là một việc, mà tin vào cái nghĩ đúng ấy lại là một việc khác. Điều tôi cần phải nói ngay, là chính họ, họ tin vào cái họ nghĩ.

Họ là những bạn trẻ tôi thường gặp. Mắt họ sắc nhưng nhìn thẳng, miệng họ cười tươi thắm nhưng khi hai vành môi khít lại, lại vẽ thành một nét trang trọng, uy nghiêm sấm sủa. Vàng trán của nhiều người đã có bóng những vết nhăn ngang, trái hẳn với mái tóc họ cắt ngắn, xương bả vai họ rộng và đầy, có vẻ tổ cáo họ chỉ biết ăn khỏe, ngủ khỏe, tập thể thao khỏe, để bồi bổ riêng cho sức mạnh của thể xác.

Tôi gặp họ, yên chí họ thơ ngây, ít ra là về chính trị. Nhưng vẫn theo dõi họ vì tò mò. Họ biết thế, theo dõi lại tôi không kém. Cho đến khi hoàn cảnh cho phép chúng tôi hiểu nhau, qua một đêm tâm sự chí tình.

Họ vào đề đột ngột:

- Chúng em biết các anh đau khổ trong một trạng thái tinh thần không có lối thoát. Các anh đã chiến đấu can đảm, các anh còn muốn chiến đấu nữa. Nhưng các anh đã hoài nghi chính khả năng chiến đấu của các anh, của dân tộc, và, luôn thể, hoài nghi đến sự hữu hiệu của những tổ chức quốc tế. Sau một thời gian tích cực chiến đấu, các anh vì lẽ này lẽ khác, đã muốn sinh hoạt nặng về tư tưởng. Các anh nhiều lần giáp mặt với cái chết, nhiều lần được chứng kiến những hành vi nham hiểm và hèn hạ, cho nên vì một thứ phản ứng nén tâm, các anh đã hướng về sự tìm tòi một Sự Thật tuyệt đối, và đó là một thái độ không tưởng.

Tôi chịu là chúng ta trở nên không tưởng, nhân nói thêm rằng sự có mặt của chúng ta, từ trước tới nay, thật là vô ích, nếu không có hại. Thì họ lại bênh vực chúng ta:

- Các anh đã đóng trọn một vai trò lịch sử, một cách cao quý không thể nào hơn được. Sự có mặt của các anh là một sự lợi ích, là một cứu cơ cho bọn chúng em. Các anh đã hứng chịu hộ chúng em tất cả những ảnh hưởng tai hại của một giai đoạn quá độ của lịch sử. Chính các anh đương lúc lớn lên, đã phải nhận lấy cái mặc cảm chủ bại của tinh thần Nho giáo suy tàn. Các anh lại bị đầu độc bởi lãng mạn chủ nghĩa, cá nhân khoái lạc chủ nghĩa trong văn chương Pháp. Chúng em cho rằng chính tinh thần hiệp sĩ Pháp, tinh thần trung quân, quân tử Tống Nho, đã xui các anh chống Cộng Sản bằng cách giúp Cộng Sản chống Pháp. Nhất là anh Quảng, như anh có lần kể chuyện, chúng em thấy anh Quảng giống một Don Quichotte cộng với một Chu Hy như đúc...

Tôi không muốn nghe họ nói về Quảng, dù nói rất đúng. Sự phân tách tâm lý một người bạn đã

khuất chỉ có thể gọi cho tôi nhiều xúc động không nên có vào lúc ấy. Tôi cắt lời họ bằng cách đưa cuộc thảo luận sang vấn đề thực tế chống Cộng Sản. Về vấn đề này, ý kiến của họ khác ý kiến chúng ta nhiều lắm.

Họ trước hết không công nhận cái mạnh hiện hữu của những người bôn-sơ-vích là không có kế hờ. Theo ý họ:

- Cộng Sản không phải mạnh vì lý thuyết chủ nghĩa mác-xít. Cộng Sản thật ra mạnh vì trên đời còn có đói khổ và nô lệ, nghĩa là còn có những người bất mãn. Vì thế, nếu có thể một lý thuyết cùng những thực hiện xây dựng xã hội lành mạnh, no đủ và tự do, thì Cộng Sản tự nhiên hết quyền rũ về tinh thần. Sức mạnh thứ hai của Cộng Sản là một tập thể vững chắc với những đạo quân cuồng tín. Chúng em công nhận tính chất cuồng tín ấy có thật, nhưng chúng em cho rằng binh sĩ của họ sở dĩ cuồng tín là vì hai nguyên nhân. Một nguyên nhân là sức quyến rũ của chủ nghĩa chúng em vừa nói, một nguyên nhân nữa lại chính là tinh thần yêu nước trong mỗi người. Những binh sĩ Việt Minh, Bắc Hàn, và Nga Xô với các nước Đông Âu trong những năm 1941-1945, đều chiến đấu anh dũng để bảo vệ tổ quốc. Chứng cứ là 159 ngàn quân Lỗ mã Ni, năm 1941-1942, đánh Nga Xô để đòi lại vùng Bessarabie, còn anh dũng gấp mấy 200 ngàn quân Lỗ mã ni, năm 1944-45, theo Hồng quân Nga Xô đánh vào nước Đức.

Họ lại còn thấy cái yếu của Cộng Sản:

- Cộng Sản bảo không có mâu thuẫn trong hàng ngũ Cách Mạng Vô Sản, tức là trong Đệ Tam Quốc Tế. Họ đã nhầm lớn lắm. Trong hàng ngũ Đệ Tam đã phát sinh mâu thuẫn thứ nhất là Đệ Tứ Tờ Rốt Kýt. Rồi chính hàng ngũ những nước xã hội chủ nghĩa là cả một cái quyết thể có cực nhiều mâu thuẫn nội bộ: mâu thuẫn giữa các bộ với cán bộ, giữa đảng viên với cán bộ hay với đảng viên; mâu thuẫn giữa Đảng với quần chúng đối lập với cả quần chúng đã theo Đảng, vì lẽ số quần chúng này theo Đảng để hưởng quyền lợi, nên sẽ đòi Đảng phải thi hành những lời hứa mà Đảng muốn quên. Như vậy là trên thực tế, Cộng Sản đã không mạnh như người ta tưởng, mà về lý thuyết, chính Marx nói xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn với biện chứng duy vật, tức là mâu thuẫn với lý thuyết nguyên thủy. Theo ý chúng em, trong khi nói "xã hội xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn", Marx chỉ có một dụng ý tuyên truyền: Tuyên truyền gian dối, đâu có phải là tuyên truyền của sức mạnh thật sự?

Sau một hồi quanh quẩn, họ lại trở về chúng ta:

- Anh Trung (tôi có cho họ xem thư của Trung) nói rất phải là họ quá vội trong sự tranh chấp quyền lực, nên đã phải tự thỏa mãn bằng những lẽ phải có tính chất giai đoạn. Có điều anh Trung đã bị quan quá, khi sợ rằng giai đoạn lẽ phải của họ đủ dài để cho phép họ tiêu diệt tiểu tư sản, Theo chúng em thì họ đã trở thành nô lệ ngay cái tính chất giai đoạn của họ: sau giai đoạn lợi dụng tiểu tư sản để kháng chiến thành công (khi sự thành công đã rõ rệt) là họ bắt buộc phải chuyển sang giai đoạn đấu tranh chính trị, lợi dụng quần chúng nghèo đói để tiêu diệt tiểu tư sản. Nhưng các anh đã thấy họ thất bại trong công cuộc giáo dục căm thù, chứng cứ là anh Chắt Hoe chắc chắn đã dựa vào việt giết anh Nhiều, (ai có thể không dựa ?), nhưng sau đó lại hồi tâm, có lẽ còn hối hận nữa là khác, nên mới hy sinh cho vợ con anh Nhiều: Nghĩa là Cộng Sản có thể giết được người mà dân chúng kính phục, nhưng không thể giết được chính sự kính phục người ấy trong lòng dân chúng. Nói tóm lại, hai chữ giai đoạn đã làm cho họ trở nên máy móc, biết làm Cải Cách Ruộng Đất thì mất lòng dân mà cứ phải làm.

Sự thảo luận chân thực đưa tôi đến chỗ hỏi về quan niệm của họ đối với vai trò của chính họ trong lịch sử. Họ thẳng thắn công nhận:

- Các anh đã giúp chúng em quá nửa về công việc lý thuyết. Trên lý thuyết, vì sao chống Cộng Sản, chúng em chỉ cần phải nói thêm một điều anh chưa kịp nói, là Cộng Sản chủ trương một thứ tự do tập đoàn, một thứ tự do trong kỷ luật sắc thép. Chúng em chưa vội phê bình chủ trương ấy có lợi hay có hại cho đời sống vật chất của nhân loại nói chung, nhưng chúng em có thể nói ngay rằng tự do tập thể, chính họ cũng công nhận, sẽ giết chết tự do cá nhân. Tự do cá nhân bị tiêu diệt thì sáng kiến cá nhân cũng bị tiêu diệt, và bị tiêu diệt luôn thể cả ý chí sáng tạo của con người. Đó là nơi chúng em chống họ đến cùng trên lý thuyết. Lẽ cố nhiên em không là nghệ sĩ, nhưng cũng không quan niệm chữ sáng tạo hẹp hòi trong phạm vi nghệ thuật. Chúng em công nhận người ta ở đời, mỗi người là một nghệ sĩ: Người mẹ sáng tạo ra đứa con theo hình ảnh mình, người tình nhân tìm hết cách để nhìn người yêu của mình cho thật đúng với người yêu lý tưởng; người thợ dụng tâm là ra một đồ vật theo ý mình, tất cả đều là nghệ sĩ.

Nghe họ nói đến đây, tôi cười họ chặt chẽ hết sức trong lý luận mà vẫn còn có cảm tình đối với nghệ thuật. Họ cũng cười:

- Chúng em quan niệm nghệ thuật khác các anh nhiều. Các anh làm nghệ thuật để tô điểm cho đời sống, chúng em làm nghệ thuật để ích lợi cho đời sống. Các anh nặng về cá nhân, chúng em nặng về tập thể tuy vẫn bảo vệ cá nhân trong tập thể. Các anh thuần cảm tình nên không làm được, còn chúng em may sinh sau các anh, nên chịu ảnh hưởng Tây phương thuần túy, chúng em phân định được rõ rệt vị trí của cá nhân trong tập thể. Có lẽ chính vì thế mà chúng em tin ở lực lượng của tập thể, tin ở hiệu lực của những công cuộc tổ chức, giáo dục và chi phối tập thể. Công cuộc ấy lẽ dĩ nhiên là nhiệm vụ của người trí thức tiểu tư sản: các anh sẽ giúp chúng em về giáo dục, chúng em sẽ thay các anh trong tổ chức và chỉ huy. Chúng em, hơn nữa, còn tin ở các tổ chức quốc tế hơn các anh. Các anh, với kinh nghiệm sống bốn chục năm gần đây, không tin tưởng ở sự trong sạch của những cuộc bang giao quốc tế. Còn chúng em lại bằng vào sự khôn ngoan trong khi phân phối và bảo vệ quyền lợi chung, mà tin rằng thời kỳ chia rẽ và mâu thuẫn tất phải hết, để cho quốc tế đi dần đến thời kỳ chân thực đồng minh chống Cộng, đồng thời giải phóng những nước bị trị. Sở dĩ chúng em dám đặt hy vọng vào những viễn tượng tốt đẹp của tương lai, là vì chúng em theo kịp sự tiến bộ của khoa học, của tinh thần khoa học. Khoa học có thể mở mang tài nguyên cho đời sống ê hề đến nỗi chiến tranh trở nên vô ích và vô lý. Khoa học cũng có thể tiến tới điểm chế tạo ra những vũ khí tuyệt đối, khiến cho bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng là một cuộc tự sát chung của cả nhân loại.

Rồi, thân ái Trung, đây là quan điểm của họ về cuộc giao tranh giữa chúng ta, tiểu tư sản và những người bên-sơ-vích:

- Trên phương diện tuyệt đối cảu thời gian hể hết đời khổ, nhờ hòa bình và khoa học, và hết nô lệ, nhờ kháng chiến dân tộc và can thiệp quốc tế, là Cộng Sản sẽ hết mãnh lực thu hút đối với dân chúng. Riêng trong phạm vi nước ta, trận Điện Biên Phủ vừa mới kết liễu, Việt Minh-Cộng Sản rõ rệt sắp chia đôi sơn hà với Pháp. Chúng em nóng lòng chờ đợi ngày chia đôi đó. Không phải vì chúng em thích thú gì sự chia đôi đất nước, nhưng riêng chúng em cho rằng đó là một sự tai hại cần thiết. Miễn là có hòa bình, vì chủ trương bạo ngược và vì mất danh nghĩa kháng chiến Việt Cộng sẽ mất lòng dân cực kỳ nặng nề. Người Pháp còn giữ một phần đất, nhưng vừa mới thua đau, còn khiếp nhược và hoang mang. Quốc tế nhân việc điều đình, chú ý đến nước ta hơn, chắc hẳn sẽ bênh vực người tiểu tư sản mà hiện nay quen gọi là người Quốc Gia chống Cộng. Người tiểu tư sản, được ba điều trên, nhất là được trông thấy Cộng Sản mất dân, sẽ như được tiêm thuốc hồi sinh. Nói tóm lại, chúng em tin rằng người tiểu tư sản không cử phải tìm thấy lẽ phải tuyệt đối mới thắng được người bên-sơ-vích, ít ra là trong giai đoạn hiện tại, mà các anh nói là “giai đoạn” của lẽ phải của họ”.

Thân ái Trung,

Tôi vừa mới thuật lại, dài dằng dặc, mấy mẫu tư tưởng của một số anh em thanh niên ít hơn chúng ta dăm, bảy tuổi. Tôi thuật lại đúng, cho nên miễn phê bình, dù chỉ để tỏ lòng tin tưởng của tôi hơi họ, hoặc chỉ để chống lại quan niệm độc đoán của họ về nghệ thuật.

Tôi thấy chỉ cần phải nói cho Trung biết ít ngày sau đêm họ nói chuyện với tôi thì xảy ra việc quân Pháp bỏ khu chiến miền Đông Nam. Sự rút lui của đoàn quân Viễn Chinh là cả một sự vội vã, cả một sự sợ hãi trông thấy. Có điều lạ, là không có một lời tuyên truyền, dân chúng ùn ùn bỏ nhà cửa theo quân đội. Dân chúng bám vào xe chở hàng, như chùm sung, tràn lên đờ làm chìm mất vô số. Rồi đi xe tay, đi bộ, mẹ cõng con, chồng dắt vợ, trên vai tòn ten đôi quang thúng, có khi tiền bạc thì quên, lại đem đi mấy cái nồi đất. Tôi xuống tận Nam Định. Buổi tối, đèn mờ mờ, trông đoàn người ra đi không mấy may khác những người, chín năm trước, ra đi kháng chiến.

Nhưng vẫn khác, bởi ra đi kháng chiến, người ta tuy lặng lẽ mà nhộn nhịp, tuy đau khổ vì tan vỡ, mà hy vọng xa xôi nhưng mãnh liệt vẫn tràn ngập không gian. Còn lần này ra đi, chỉ có những bóng đen cậm nín cúi đầu xuống mặt đường, và lưng còn dưới gánh nặng.

Hình ảnh của tội lỗi, của hối hận, hay của sự cam tâm chịu đựng vò xé bởi sự lia bỏ vĩnh viễn quê cha đất tổ? Hình ảnh của một đoàn quân chiến bại? - Không! Hơn nữa, Trung ơi, vì đây là hình ảnh của những bị người phản bội, bị phản bội trong lòng tin thắm thiết nhất. Đây là người nông dân không chịu đổi nóc nhà thờ dột nát lấy mười mẫu ruộng tốt, đây là người nông dân trọn đời không có gì để cho ai một chút, nhưng ngót tám năm vừa qua đây, không có gì để tiếc không cho kháng chiến.

Kháng chiến với họ không phải là lá quốc kỳ dù đẹp dù xấu, không phải là bài quốc ca dù dở dù hay, cũng chưa hẳn là một chính quyền hoàn toàn việt nam hay những quyền tự do căn bản... Kháng chiến, trong tâm hồn người dân lành, chỉ là làm thế nào cho được sống yên ổn, dù nghèo đói, thiếu thốn trăm bề, trong căn nhà có bát hương thờ tổ phụ, bên bờ ao đã soi bóng nhiều đời mẹ hiền, và trên mặt những thửa ruộng biết bao nhiêu đời nông phu kiên nhẫn đã cày, đã bừa, cho nhuyển cả những viên đá sỏi, cho cây lúa mọc được lên, rồi trĩu nặng bông vàng dưới một thứ ánh sáng mặt trời không thể có ở nơi đâu khác. Kháng chiến là làm thế nào giữ cho khỏi đứt đoạn sự quen thuộc với thôn xóm, tình tương trợ của họ hàng, vì không có những thứ ấy, người dân lành thấy mình bơ vơ, lạc lõng trong đời sống. Kháng chiến còn nhất là sự giữ gìn cho toàn vẹn, sự bù đắp cho tăng thêm một chút gia sản, dù hèn mọn đến đâu cũng vẫn là “của hương hỏa” làm sự bảo đảm tương lai cho đàn con lũ cháu, sau này.

Đối với người dân lành, kháng chiến là như thế. Dốc một lòng, và “để cho con cái chúng ta giữ được như thế lâu dài”, họ đã hy sinh tất cả những gì là của họ. Họ đã chịu cho giặc đốt nhà thờ, chịu cho du kích tát cạn ao chuôm để xẻ hào giao thông, chịu bỏ cỏ những bờ xôi ruộng mật vì những ngày dân công xa vắng. Cuối cùng họ mặc dầu không được huấn luyện, đã dám cầm thanh mã tấu, cái câu liêm, đi trước quân đội để đánh Pháp: họ đã liều cái mạng họ. Vì họ tin lời người cán bộ mà nghĩ rằng “để cho con cái chúng ta được yên hưởng về sau”! (người nông dân không yêu con kiểu cách như người thành thị. Không chịu nựng, không quá quýt. Người nông dân yêu con bằng một tình yêu hồn nhiên, một tâm tư chất phác: Con cái là khả năng làm cho đời sống không bao giờ tận cùng: Cha mẹ chỉ là một đoạn đường, trong khi con cái là tất cả, là vĩnh viễn)

Yêu như thế, tin như thế, thế mà họ bị phản bội. Phản bội không vì điều đình với Pháp. Phản bội đã đến, ngấm ngấm, dần dà, từ lâu rồi. Từ ngày họ không được giết con gà cúng bố mẹ, từ ngày Đảng bắt buộc đấu tranh phải khởi sự giữa vợ chồng, con cái, giữa thôn xóm, giữa họ

hàng. Từ ngày hạt thóc vàng, là kết quả của trăm cay nghìn đắng, của vợ kéo chồng cày, phải đem gánh tất cả ra trụ sở Nông hội xã để nộp thuế Nông nghiệp. Nghĩa là từ ngày họ hết sạch, cả của lẫn người, nhất là người.

Sự phản bội gây ra thất vọng mênh mông và mất mát trọn vẹn, đến nỗi bước chân ra khỏi căn nhà quen thuộc, họ không tìm thấy vật gì đáng kể là còn lại, đáng đem theo vào một bên quang thúng, cho cân với bên kia đặt đũa con mới chập choạng tập đi. Đi, đi hẳn, có khác gì chết trong lòng người dân lành, cái chết héo hắt, dần mòn của linh hồn? – Đến chết còn kinh ngạc, chưa muốn chịu thật rằng họ chẳng có một cách nào khác nữa, ngoài sự rời bỏ quê hương, không hy vọng gì trở lại.

Sự ra đi của những người dân lành thật biết bao nhiêu cay đắng. Bởi nhớ những lần tản cư kháng chiến, họ liều chạy trước tầm súng giặc, một đổi đường một đổi nghi, để quay lại tìm lần trong chân trời, cái vệt thẫm dài là làng xóm, là quê hương họ. Lần trước họ nhìn lại, nhìn lại là hy vọng. Còn lần này, họ cúi đầu xuống mặt đường...

Tôi hiểu nỗi đau đớn của những người nông dân ấy. Thời thế đã bắt họ trở thành những chiến sĩ, vì tự họ, họ chỉ muốn cày ruộng, làm nhà, cuộc đời họ, lành mạnh những tự cao mặc cảm, không bao giờ muốn tranh cướp. Sức khỏe của họ, trí khôn của họ, họ chỉ quen dùng vào việc giành giật với thiên nhiên, với mưa nắng, gió bão, với khô nẻ hay lụt lội, những khóm lúa “chít hết hai gang tay”, có nhiều bông “lớn như đuôi trâu”. Tâm sự họ đơn giản, họ là người, có thể một đôi khi gian dối về đầu thóc, thúng gạo hay con lợn, con bò, nhưng họ không bao giờ dám nghĩ người ta có thể lừa nhau về quê hương, đất nước và tổ tiên. Họ đã ra đi kháng chiến, tin theo bọn cán bộ, với tâm sự đơn giản ấy. Họ đã bị phản bội, bị “bán đứng cả cút” cho một thứ chủ nghĩa Cộng Sản nói thì đẹp vô cùng, mà đến lúc thực hành thì hà hiếp bóc lột hơn cả bọn Chánh Sứ, Tây đoan thời trước.

Họ biết đau khổ, lần đầu tiên trong một lãnh vực rộng lớn. Tôi đoán được nỗi lo sợ của họ ở cặp mắt họ nháo nhác quay ngược, quay xuôi tìm kiếm, tuy không có gì mà chờ đợi. Họ muốn nhìn thấu ý nghĩa của sự việc đã vượt họ xa quá, để nhận định con đường phải đi cho tới được yên ổn. Họ thấy tôi đứng một mình bên cột đèn, có lẽ nét mặt khổ sở của tôi làm cho họ tin tưởng hay chỉ bằng vào cặp kính trắng là dấu hiệu của con người có học, họ đến gần tôi cất tiếng hỏi, ngập ngừng e sợ: “ Ông ơi! Chúng cháu đi về đâu bây giờ?”

- Đi về đâu? Người nông dân ra đi để bảo vệ lấy một chút tài sản tinh thần, người nông dân tiểu tư sản đã hỏi tôi như thế. Lời hỏi chân thực, họ chắc chắn sẽ đi về hướng tôi chỉ cho họ. Mặc dầu họ không biết tôi, trong đáy sâu của bản năng họ vẫn tin tưởng ở tầng lớp trí thức, theo một truyền thống chưa bao giờ đứt đoạn.

- Đi về đâu? Tôi biết trả lời họ ra sao, một khi chính chúng ta còn tự hỏi lẫn nhau câu ấy?

- Đi về đâu? Tôi yếu đuối chỉ tay về phía Hà Nội. Dưới bầu trời không trăng sao, con đường nhựa thẫm thẫm tan vào đêm tối. Tôi rùng mình, có cảm giác cả không gian thấp xuống, nhỏ lại trong màu đen chàm bầy. Con đường đưa vào đáy một cái túi không lối thoát. Tù ngục.

Họ đi rồi. Thì tôi muốn kêu lên, gào lên, để gọi họ trở lại: Đảng nào cũng chết, thà ở đây mà chết, còn bao nhiêu sinh lực hãy tập trung lại để chết cho can đảm! Nhưng có một chút gì ngăn cản không cho tôi làm cử chỉ tuyệt vọng ấy. Một chút gì..... thiết tha, tính gan góc và ý chí tận tụy của Quảng, tiếng khóc của anh Chắt Hòe, bước đi của chị Nhiều thẫm máu chân vào rễ cây rừng Nghĩa lộ. Tôi nhớ lại tất cả sự dai dẳng chịu đựng của con người tiểu tư sản, của con

người tìm tự do, và nhớ lại lời người bạn trẻ về một sự tai hại cần thiết, một nơi nghỉ dưỡng sức cho những người chiến đấu đã quá mệt, một địa điểm tập trung những khả năng còn đương lên.

Tôi nghĩ: “Chia đôi đất Việt!”

Trong bụng tôi nao nao một sức nặng muốn bùng lên, trong cổ tôi tanh nhạt một vị kinh tởm, tôi có cảm giác sắp nôn xuống mặt đường tất cả tim phổi, dạ dày, ruột non, ruột già. Những bộ phận ấy đã sống vì kháng chiến, nay kháng chiến bị ô nhục, bị phản bội, tất cả thân thể tôi bỗng ngập trong mùi máu.

Tôi nhìn lên ngọn đèn vẫn ú áy trong sương đêm. Ngọn đèn đỏ nhào xuống vỉa hè. Tôi choáng váng mày mặt, phải ngồi thụp xuống đất. Hai tay tôi chống lên những ngọn cỏ mát rượi, tôi đưa tay áp lên trán, trán tôi nóng rùng rục. Tôi cứ ngồi yên mãi như thế lâu lắm.

Thế rồi đất nước bị chia đôi thật. Trong tâm hồn tôi, như tâm hồn một bố già thấy chủ bán mất một phần thửa vườn cũ, có những dòng nước mắt tê tái, tủi nhục.

Từ Hải Phòng, tôi nhiều lần trở lên Hà Nội, những tưởng sẽ ra ngồi khóc trên bãi cỏ Hồ Gươm cho nhẹ nỗi đau khổ. Nhưng mỗi lần ra tới đó, lưng quay vào tòa Thị sảnh, mặt nhìn ra phía Tháp Rùa, thì đáng lẽ than van yếu đuối, tôi lại kinh ngạc thấy mình bình thản đặt vấn đề tính toán.

Có lẽ từ trong tiềm thức, tôi đã học được, hay được truyền tiếp nguồn sinh lực của số đồng bào đồng như kiến cỏ trên con đường Nam Định, Hà Nội. Ở Hà Nội, tôi đi thăm nhiều trại tạm trú của đồng bào, trong khi chờ đợi phương tiện vào Nam. Đình, chùa, nhà thờ, nhà thương, trường học, thậm chí trại giam và trại lính, bất cứ đâu, miễn có đất đặt quang gánh nghỉ chân và có mái che mưa nắng. Tôi len lỏi tìm người quen không thấy, nhưng đến đâu cũng nhanh chóng thành quen hết cả. Đồng bào, hàng trăm ngàn người ù lên để trả lời chung những câu hỏi. Hỏi: tại sao đi? Trả lời: Vì không ở được. Hỏi: Tại sao không ở được? Thì chính tôi đã trả lời ngay trên đây. Nhưng, mặc dầu biết chắc mình không làm, tôi thành thật vẫn muốn nghe tiếng nói của người trong cuộc.

Tôi hỏi, đồng bào tranh nhau thuật chuyện làng, chuyện nhà, cả đến chuyện riêng của mình. Một bà mẹ chừng bốn mươi tuổi- thế hệ chúng ta! Ôm con nhỏ trong cánh tay gầy guộc, vừa kéo vạt áo lau đôi mắt đỏ mọng vừa kể:

- “Ông ơi, các anh cán bộ xã, các anh ấy bảo chúng cháu bỏ cúng ông vải, vì cúng vái là duy tâm, là chống chính phủ Cụ Hồ. Các anh cán bộ phát động gọi họp ngoài đình để đấu cụ Cử xóm Hạ, bảo là kẻ thù của nhân dân. Ban Nông hội xã thu thuế bắt phơi khô quạt sạch, chúng cháu gặt về mười phần phải nộp đến bảy, tám phần rồi. Rồi đến các anh cán bộ dân công, các anh ấy chia lần thế nào mà mấy vợ chồng bố con nhà cháu lúc nào cũng có người phải đi phục vụ chiến dịch. Các anh cán bộ bảo thế nào chúng cháu cũng xin vâng, vì các anh ấy bảo thế là theo Cụ Hồ kháng chiến. Chúng cháu cũng muốn kháng chiến lắm, nếu có phải khổ gấp trăm, gấp ngàn hồi Pháp thuộc chúng cháu cũng cố chịu.

Người đàn bà nghẹn ngào khi bắt đầu vào đến đoạn thương tâm:

- “ Nhưng về sau có hai điều làm chúng cháu cay đắng, nhục nhằn quá. Là hồi tháng Một năm ngoái, chúng cháu mới gặt xong tay, là đảng gọi họp, bảo chúng cháu đấu ruộng, đấu trâu vào, làm chung. Bố thằng cháu có ý kiến xin cứ để cho ai làm của nấy (vì chả nói ông cũng biết,

chúng cháu cây ít mới làm tốt được, tám sào ruộng nhà cháu là khóm lúa cứ như khóm lúa nếp cả ấy ông ạ) nhưng anh cán bộ giận dữ, buộc là bố cháu phản động, bảo vệ tư hữu (khốn nạn, chúng cháu có mấy sào ruộng quên thì tư hữu, tư hiếc gì!). Bố cháu có nói muốn làm lấy tốt để cho mấy đứa cháu mỗi đứa một tí, gọi là thơm thảo của cha của mẹ chúng nó, thì anh cán bộ bảo cháu cụ Hồ đã có đảng, có Bác.

- “Sau rồi nghe chừng bố cháu buồn bực lắm, mà những nhân dân (!) khác cũng thế, anh cán bộ mới bảo nhân dân về thảo luận với các con, cháu xin chúng nó có bằng lòng lấy ruộng gia tài không. Bố cháu bằng lòng ngay, những tưởng các cháu nó đại, bảo chia ruộng cho chúng nó thì chúng nó mừng. Nào ngờ bố cháu vừa hỏi chưa dứt câu, cái thằng Nhớn nhà cháu này- người đàn bà chỉ đứa nhỏ, chừng tám tuổi, mắt ráo hoảnh, mặt căng căng- nó đã bảo ngay “bố bần thiêu, ù lì, ngoan cố”. Bố cháu giận quá, có đánh nó mấy cái khế, thế mà nó lu loa lên rằng áp bức nó, cấm đoán nó, không cho nó làm cháu cụ Hồ. Nó lại còn đi báo cáo cho ban xã cảnh cáo bố cháu, là chúng cháu có để nhưng chính đảng với Bác nuôi, nên từ nay phải hòa bình (!) với nó. Thế là bố cháu đợi đến đêm hôm ấy thắp hương van với ông bà ông vải, rồi cuối canh Ba cuốn gói đi ngay”.

Người đàn bà nói đến đây liếc nhìn thằng Nhớn. Mặt nó trăn tráo, đáng ghét quá. Tôi khế hỏi, thì bà cho biết vợ chồng phải lừa nó ngủ, lấy giẻ nhét vào miệng rồi trói nó lại mà xé rào, vừa cõng em nó, vừa khiêng nó đi trốn (vì thế không đem theo được tí đồ đạc nào hết). Tôi ngạc nhiên, sao vợ chồng bà không để nó lại: “Cái đồ bất hiếu bất mục ấy, đem nó đi làm gì?”. Nhưng bà ta đã trả lời ngay tôi rằng “nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi”, rằng “cháu nó đại, nghe người ta dụ dỗ, rồi bố cháu sẽ khuyên can cháu”

Lời nói đi thẳng vào đáy lòng khiến cho tôi cảm động. Bao lâu nay quen dùng kỹ thuật để diễn tả tâm tình tế nhị, thiết tha, nhưng rồi ren, giảng mắc, tôi ngạc nhiên thấy cả một bầu trời cao rộng và xanh trong của tình yêu hồn nhiên, giản dị.

Tôi thành thực hổ thẹn, phải nhận rằng bao nhiêu học hành, bao nhiêu từng trải, chỉ làm cho tâm hồn tôi càng ngày càng thêm suy yếu. Tâm hồn tôi đâu còn có khả năng thương yêu một cách trọn vẹn đến thế? Và lòng tin trong tôi không đủ, khiến cho đối trước tương lai, tôi phải đặt ra bao nhiêu câu hỏi không thể trả lời. Tôi thật không bằng người đàn bà chẳng bao giờ nghĩ rằng con cái có bổn phận phải yêu thương và hy sinh ngược lên cho cha mẹ. Tôi học ở trường “hoài nghi” của tinh thần Pháp, hôm nay thật sung sướng vô ngần khi nhận thấy trên đời quả nhiên có những tấm tình “yêu không đòi yêu lại”.

Tôi lại còn được những bài học khác. Bài học về sự khiếp nhược của chúng ta trên đường đời. Chúng ta nhìn về tương lai, tính đếm lợi hại, không lúc nào không cần đến sự giúp đỡ bên ngoài: Nào là sự bảo trợ của một chính quyền dân chủ, nào là quyền tự do cá nhân, nào là cơ sở kinh tế bắt đầu xây dựng. Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi dài những điều kiện. Chúng ta quá nhiều tự ti mặc cảm, so sánh với gia đình nông dân kia, đi chỉ đem theo được có hai thứ vốn liếng: Một là lòng tin ở mình và ở đồng bào mình, rằng đi bất cứ đến đâu cũng có những người tốt; hai là lòng tin ở trời, “trời sinh voi, trời sinh cỏ”, tin ở trời mà thật ra là chắc bằng vào sức khỏe với đức tính cần cù, kiên nhẫn và chịu đựng của mình.

Sự thật hết sức rõ rệt, là nếu chúng ta ở vào địa vị họ, trong một ngàn người chưa để có một người đã dám đi tay không như họ. Tôi đã nói: Vì đời sống của chúng ta phụ thuộc nhiều quá vào những loại vật chất phù phiếm mà chúng ta tưởng rằng không có không được. Có lẽ chính vì thế mà chúng ta không tìm thấy Lễ Sống. Lễ Sống hình như phải là định nghĩa của những hoạt động nhất định thiết yếu của con người, là lao động, tin yêu, và sáng tạo. Lao động để bảo vệ lấy bản thân mình, có bảo vệ được bản thân mình chắc mạnh mới có tin yêu vạn vật quanh

mình, có tin yêu vạn vật quanh mình thì sự sáng tạo, để truyền tiếp nòi giống, truyền tiếp những vẻ đẹp của Vũ trụ và loài Người, lúc đó mới thật có nghĩa lý.

Thân ái Trung,

Tôi nhiều lần len lỏi giữa đám đông những người nông dân ra đi để tìm hiểu họ hơn nữa. Trên bãi xi măng các phi trường Bạch Mai, Gia Lâm, có những tốp người quần nâu áo vá chen nhau tránh nắng dưới bóng những chiếc Dakota hay Nord-Atlas hai thân. Sự hạnh ngộ không thiếu ý nghĩa sâu sắc, đối với ai kia mới ngày này tháng trước, thoáng nghe tiếng máy bay ầm ì đã mau mau xuống hầm, xuống hố, ầm bây giờ sắp trèo vào bụng của chính những con chim dữ tợn ấy, để ngòi vào đúng những chỗ đặt bom, mìn, mìn, làm một chuyến đi suốt đời không bao giờ mơ tưởng.

Sự hạnh ngộ này, tôi hoảng nhiên thức tỉnh, là cả một cuộc đảo lộn của lịch sử. Có viên sĩ quan phi công Pháp quặt tay ra sau lưng để làm thang cho một em nhỏ trèo lên vai, rồi truyền sang ngòi thu lu trên bánh xe kép của chiếc Nord-Atlas. Lớn, bé, với tất cả số đồng bào ngòi quanh đấy, cùng nhau vui cười hỉ hả. Cuộc đảo lộn thật rõ rệt: Giai đoạn thực dân đã hết, giai đoạn sau đã bắt đầu bằng những chuyến đi tập trung vào miền Nam của những người chống Cộng.

Tôi viết “ giai đoạn sau... chống Cộng”, viết xong mới ý thức được rằng, từ trước đến nay, chúng ta quả thực chưa từng có một mặt trận và một giai đoạn chống Cộng. Không kể mặt trận trò hề Tâm, Hữu, những con người yêu tự do, những con người tiểu tư sản đã có lần nào họp được nhau thành tập thể có trách nhiệm hẳn hoi trước lịch sử?

- Chưa có, nhưng sẽ có, vì phải có. Vì Nam Việt là cứ điểm cuối cùng của chúng ta, nếu chúng ta không muốn có ngày biến thành đồ vật. Vả lại, chính Cộng Sản đã dồn vào Nam-Việt hàng trăm ngàn đồng bào từ này phải bầu vịu lấy nhau để sống. Cộng Sản, khi thắng Pháp bằng chiến tranh, không ngờ đã hoàn bị cho người tiểu tư sản một đoàn quân cảm tử. Một đoàn quân, từ nay là cái nhân mãnh liệt trong cái quả dân tộc. Một cái nhân, vốn là cái quả của kháng chiến.... Nếu chúng duy tâm, sẽ cố nhiên cho rằng Đạo Trời huyền bí, yếu mà được, mạnh mà thua là như thế.

Nhưng chưa chắc chúng ta đã duy tâm, cũng như chưa hẳn chúng ta đã duy vật (bôn-sơ-vích). Chúng ta hay biết cứ nhận chân một sự kiện cụ thể, nó chứng minh rằng sau ba, bốn năm phân ly kẻ bị mê hoặc, kẻ bị đàn áp tàn nhẫn, thì bây giờ đồng bào nông thôn, nền móng của xã hội ta, đã lại trở về với trí thức.

Tôi muốn thú nhận với Trung rằng, ngay lúc này, trong tâm hồn tôi tràn đầy một viễn tượng tương lai rực rỡ. Những người bạn trẻ của tôi đã rời khỏi Hà Nội, người đi Pháp, đi Mỹ, người vào Nam, mỗi người nắm trong tay một kế hoạch cho những ngày sắp tới.

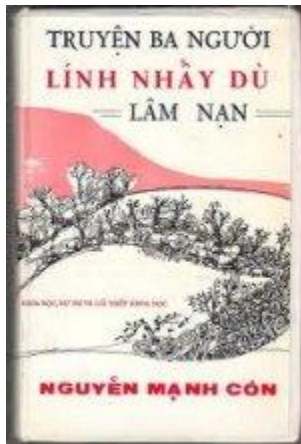
Họ đến thăm tôi để từ biệt, không ai quên nháy một mắt và hất đầu một cái không đầu, để tỏ vẻ đồng tình một cách khoái trá. Riêng tôi còn ở lại, hàng ngày đi tiễn những người lên máy bay không quen biết, nhưng cũng từng đêm ra ngòi trên bờ Hồ Gươm, lắng nghe tiếng im lặng của cảnh vật, của ánh đèn tan trên mặt nước, và của cả bóng đen u uẩn dài quanh Hồ.

Lòng hởi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng chiến quanh co, nay ra đến con đường mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng: Đàn ngựa trẻ đang phóng lên nước kiệu ... Tôi linh cảm Việt Cộng lại đương nhằm, nhằm ở chỗ đáng giá anh em ta quá thấp.

Tôi chấm hết thư ở đây, bằng một điểm hy vọng. Đừng trách nhau chủ quan. Hai mươi năm triệu cái chủ quan sẽ làm nên lịch sử, nghe đâu tôi đã viết thế cho Trung, trong bức thư thứ nhất, để bênh vực một ý muốn lạ đời: ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ.

Hải Phòng,
Ngày 1 tháng 8, năm 1954, viết hết.

Truyện về ba người lính nhảy dù lâm nạn của Nguyễn Mạnh Côn Trần Văn Nam



Tóm tắt truyện: Tháng 6 năm 1954, khi Việt Nam chưa chia đôi ở vĩ tuyến 17, có ba người lính binh chủng Nhảy Dù thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, gồm một nữ trợ tá quân đội, một bác sĩ, một hạ sĩ quan, đang thực hiện một phi vụ gần biên giới Trung Hoa. Phi cơ của họ bị bắn hạ ở vùng chiến khu Việt Minh cách Hà Nội độ 350 cây số. Phi cơ đâm nhào xuống, họ không biết gì nữa: đó là lúc họ lọt vào một vùng không khí nặng lực phi thường (có lẽ là đạt tới tốc độ ánh sáng), nhờ vậy họ lọt vào vũ trụ thuộc kích thước thứ tư.

Tại đây họ diện kiến với Lưu Thần và Nguyễn Triệu, hai cổ nhân từ ngàn xưa cũng nhờ gặp một cơn bão tập trung sức mạnh khủng khiếp (ta cũng nên hiểu là lúc đạt tới tốc độ ánh sáng) mà hai vị đã tới vùng kích thước thứ tư ấy. Vậy đây chính là Thiên Thai với cảnh trí tuyệt vời, nước không chảy, hoa không tàn, thời gian hoàn toàn đình chỉ.

Nơi đây có nhiều bộ máy huyền vi, trong số có một trái cầu nhỏ mà rất kỳ diệu. Nó đưa con người tìm về quá khứ hay tương lai, chỉ cần tâm ý ra lệnh cho những dòng chữ hiện lên trên màn ảnh (có lẽ tác giả muốn nói đến loại phi thuyền vũ trụ điều khiển với các máy điện toán, mà vào năm 1960 những thứ trên còn rất xa vời). Bác sĩ Mai và nữ trợ tá Kiên Trinh ở lại với Thiên Thai, còn hạ sĩ Khang muốn tìm về quá khứ.

Khang ra lệnh cho dòng chữ hiện lên trong trái cầu trở về thế kỷ 18, và đã trở về Thăng Long vừa đúng lúc cứu sống vua Quang Trung. Khang cùng với vị anh hùng Tây Sơn thực hiện tham vọng đòi lại Lưỡng Quảng đã bị Trung Hoa sát nhập từ nhiều thế kỷ trước. Vua Quang Trung rất biết dùng người: mặc dù Khang chỉ là hạ sĩ quân đội nhưng đã là người tiến bộ của thế kỷ 20. Do đó Khang được thống lĩnh lực lượng tiền phương, tổ chức binh đội rất hiện đại thuộc thế kỷ 20, và dĩ nhiên đề bẹp quân nhà Thanh cổ lỗ thuộc thế kỷ 18, rồi thẳng đà định lật đổ chế độ phong kiến Trung Hoa để thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Nhưng quân Tây Sơn vấp phải sự chống cự của dân Trung Hoa bằng phương pháp tiêu thổ kháng chiến và trường kỳ du kích chiến. Đến đời vua cháu ba đời của Quang Trung đại đế thì cuộc tiến chiếm xứ Trung Hoa hoàn toàn thất bại vì đã bị dân Trung Hoa đông đảo làm Hán hóa tất cả. Đến bây giờ, Khang mới sực tỉnh biết mình đã có tham vọng mù quáng, làm tờ trình "xin nhà vua trả cho nước Việt Nam trở về vị trí cũ".

Tình ra, Khang đã mấy đời sống nơi dương thế, trong khi đó chỉ là thời gian rất ngắn ở chốn Thiên Thai. Đã có lần Kiên Trinh cũng trở về trần, đi tìm người yêu là hạ sĩ Khang nơi chốn trận mạc, và đau khổ đên điên dại vì biết Khang đã là phò mã, phu nhân chính là Ngọc Chân Công Chúa, em gái của Ngọc Hân. Bác sĩ Mai trên Thiên Thai thì động lòng nhớ nhà nhớ quê hương: "Nào Hà Nội với Hàng Rèn, với bờ hồ Hoàn Kiếm; nào chiến khu Việt Bắc với đồng bào Thổ áo chàm...". Tóm lại cả ba đều là những con người thuộc thế gian trần lụy: Khang với tham

vọng bành trướng lãnh thổ, Kiên Trinh vì tình duyên, bác sĩ Mai vì lòng nhớ quê hương. Lưu Thần và Nguyễn Triệu biết rằng: *"Những người thường, hữu tình và hiếu động, không thể sống mãi được trong Thiên Thai mà họ mơ ước, bởi lẽ họ không biết Thiên Thai chỉ là nơi con người không còn tình dục"* (trang 271).

Ta nhận ra có những cái không đồng chất trong truyện. Đầu tiên là có sự pha trộn giữa khoa học thật và khoa học thêu dệt. Đánh rằng truyện giả tưởng là bịa đặt, nhưng là bịa đặt cốt truyện, không quá đà bịa đặt luôn cả về máy móc kỹ thuật hoang đường. Làm như vậy người đọc dễ bị hoang mang, nếu không biết qua về khoa học kỹ thuật sẽ khó phân biệt giữa những điều tác giả đã thực sự dựa vào nghiên cứu, và những cái hoàn toàn bịa thêm. Mà hoang mang thì thiếu sự thuyết phục rằng đây là sách *"khoa học dự tri và giả thiết khoa học"* như tác giả cho ghi ở ngoài bìa.

Những điều làm ta phấn khởi là những đoạn viết về Thuyết Tương Đối của Einstein: *"Nếu ánh sáng đi chậm lại thì chúng ta sẽ thấy bụi cây trước rồi mới thấy rặng núi sau... Cái nhầm của cổ nhân coi vạn vật chỉ có bề dài, bề rộng, bề sâu, tức là chỉ có ba kích thước, mà không biết rằng sở dĩ người ta trông thấy ba kích thước ấy là nhờ có ánh sáng. Tùy sức ánh sáng đi nhanh hay chậm, tùy con đường từ ta đến cảnh vật xa hay gần mà ta tức khắc trông thấy vạn vật, hay chỉ trông thấy dần dần... Cảnh vật chung quanh ta tưởng rằng nhất định như thế mà thật ra có thể đổi khác (Thấy không khác vì tốc độ ánh sáng ở cõi ta là một hằng số) ... Einstein đã biết rằng khi một vật di động càng nhanh, càng tới gần tốc độ ánh sáng thì thời gian và không gian hỗ tương ảnh hưởng vào nhau, sẽ uốn cong lại chung quanh cái vật di động kia. Sự uốn cong này chính là kích thước thứ tư ..."* (từ trang 183-186).

Điều làm ta hoang mang như về luồng ngoại tuyến bao bọc thân thể khiến ta lọt vào kích thước thứ tư, theo kịp tốc độ ánh sáng; về cái máy *"xuyên thời di không ký ảnh"* thấy hết mọi điều xảy ra trên Trái Đất giống như trái cầu pha lê của các phù thủy trong truyện cổ tích Tây phương; về viên thuốc kết tinh của ánh sáng thay thế cho thực phẩm trần gian ...

Một pha trộn không đồng chất nữa là sự kết hợp những yếu tố thực sự thuộc về lịch sử và sự tuyên truyền chống Cộng Sản Trung Hoa, vào thời điểm 1960, khi mà đảng Cộng Sản Trung Hoa đang yểm trợ đắc lực cho đảng Cộng Sản Việt Nam. Trở về thế kỷ 18 giúp vua Quang Trung đòi lại Lưỡng Quảng, đó là một điều có thật mà qua Quang Trung muốn thực hiện, sử sách vẫn ghi chép như thế! Đánh rằng giả tưởng là bịa đặt nhưng cũng nên căn cứ trên sự thật lịch sử.

Một đôi chỗ tác giả gượng ép, như bên Tàu lại là lúc có sự xuất hiện của Mao Trạch Đông. Đó là vì tác giả cố ý lồng vào ý tưởng chống Cộng: *"diệt Mãn Thanh, không cho Cộng Sản nảy nở trên đất Tàu... làm cỏ tỉnh Sơn Cương và huyện Thụy Kim. Tìm đến tận gốc để chu di họ Mao"* (trang 220).

Những chỗ khác, tác giả viết nhiều đoạn hay về lịch sử. Như một đạo quân vượt biên thì không thể lấy danh nghĩa gì để thu phục quần chúng, do đó quân Tây Sơn bị lao đao vì tiêu thổ kháng chiến. Như bài học đã từng xảy ra cho một đạo quân viễn chinh trên một lục địa bao la với dân số quá đông như nước Trung Hoa. *(Có lẽ tác giả liên tưởng đến trường hợp Mông Cổ xâm lăng và cai trị nước Tàu mà rốt cuộc là bị Hán hóa)*. Nội việc phải dùng Hán văn để giao tiếp cho thuận tiện với quần chúng là cách lần lần thiểu số bị đa số đồng hóa: *"lúc ban đầu còn dùng quốc văn, về sau càng ngày càng nhiều Hán văn cho thuận tiện... Ngót một triệu người Việt phân tán đi cai quản hơn mười ngàn thị trấn, và chiếm đóng hơn ba mươi ngàn đồn binh"* (trang 265).

Sự pha trộn không đồng chất rõ ràng hơn hết là lối viết biên khảo và lối viết văn chương. Cuốn sách nặng phần trình bày kiến thức về khoa học để dựa vào đó mà lồng truyện giả tưởng. Ta nhận ra có sự bịa đặt về cốt truyện nhưng thiếu chất huyền ảo, dù tác giả lồng vào đó huyền

truyện Đông Phương nơi chốn Thiên Thai, vì hình như tác giả không chú trọng việc "làm văn chương".

Ngoài kiến thức khoa học, còn kiến thức về lịch sử và kiến thức triết lý! Thiết nghĩ những đoạn về trận mạc giữa quân Tây Sơn và quân nhà Thanh trên đất Trung Hoa bao la đáng là một dịp viết những trang hùng tráng trong bối cảnh địa lý vĩ đại, tương tự như cuộc dàn binh của Nã Phá Luân khi tiến đánh vào đất Nga (*mà ta thấy qua màn ảnh đại vĩ tuyến, thực hiện cuốn tiểu thuyết CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH của Leon Tolstoi*). Thiết nghĩ những đoạn khi Kiên Trinh điền đại đi tìm Khang ở chốn ba quân, nếu bằng lối văn phong thiên về mỹ cảm như Mai Thảo, thì đã là một dịp viết thành những trang đẹp kiểu "Người Đàn Bà Điên Dưới Chân Sườn Tam Đảo".

Kết hợp kiến thức về khoa học của Thuyết Tương Đối" với huyền truyện "Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai", đặc điểm làm ta thỏa mãn là cho biết tại sao có chuyện lạc vào chốn thời gian đình chỉ, đó là khi phi cơ rớt và khi gặp bão họ lọt vào một vùng năng lực phi thường, và ta hiểu đó chính là lúc đạt tới tốc độ ánh sáng. Thiên Thai hay vũ trụ thuộc kích thước thứ tư không ở đâu xa: *"Bọn ta ở đây vẫn là ở trên mặt đất, nghĩa là vẫn cùng một không gian, với đời sống dương thế, nhưng nhờ có tốc độ ánh sáng thay đổi nên có thể lẫn lộn vào nhau, chồng chất lên nhau mà không biết. Trong ánh sáng đi nhanh hơn lên 90 ngàn lần, cả một vũ trụ sở tại của chúng ta sẽ trở thành vô hình"* (trang 187).

Nói chung, quá nhiều kiến thức làm cho cuốn sách nặng nề vì viết theo kiểu biên khảo. Bằng không thì văn học ta đã có thêm một tập truyện huyền ảo, dễ cảm nhận hơn với lối văn chương thiên về mỹ cảm, sánh vai cùng bài thơ "Tống Biệt" rất đẹp của thi sĩ Tản Đà.

Hai bài học từ Nguyễn Mạnh Côn Đỗ Quý Toàn

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn, nhà thơ Việt Nam đã chết vì tranh đấu cho tự do. Chúng tôi xin góp mấy lời, xin thắp thêm một nén hương cho cố văn sĩ Nguyễn Mạnh Côn.

Tôi thuộc thế hệ đàn em, ít tuổi hơn nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, đọc Nguyễn Mạnh Côn từ khi còn học ở trường trung học. Lần đầu tiên tôi được đọc anh là trong Tạp chí Chỉ Đạo của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, qua các truyện ngắn. Sau này, tôi hân hạnh được quen biết với anh, gặp anh nhiều lần từ khi tôi bắt đầu viết văn, làm báo.

Chiều nay, chúng ta vừa mới nghe thi sĩ Viên Linh nói về các nhà văn đời xưa, trong đó vai trò của nhà văn và vai trò của người sĩ phu luôn luôn đi đôi với nhau. Khi nghĩ đến Nguyễn Mạnh Côn, chúng ta có thể nói rằng anh đã đóng đúng cả hai vai trò đó. Riêng chúng tôi nghĩ anh không có ý định làm một nhà văn, nếu anh trở thành một nhà văn là do sự lựa chọn để thực hiện một lý tưởng của một sĩ phu lo lắng cho vận nước, lo lắng cho dân tộc. Hoài bão của anh là muốn giúp ích cho cá nhân loại.

Anh Nguyễn Mạnh Côn đã có một thời kỳ sinh hoạt chính trị. Theo hồi ký anh viết lại khi toàn quốc có cuộc kháng chiến vào năm 1945-46, anh là một chiến sĩ ở trong những đoàn thể quốc gia với ý chí chống Pháp. Khi cộng sản chiếm chính quyền Việt Nam thì nhân cái đà cách mạng của dân tộc Việt, cộng sản đã tìm cách chiếm hết quyền ở trong tay mình. Có lúc vì cần thỏa hiệp với sức mạnh của nước ngoài, cộng sản đã mời một số các chiến sĩ quốc gia tham dự vào chính quyền. Anh Nguyễn Mạnh Côn đã được coi như là một chiến sĩ quốc gia để trở thành một dân biểu ở trong Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam. Anh là một đại diện đảng phái quốc gia trong Quốc Hội đó. Vì vậy lúc cộng sản càng ngày càng thao túng chánh quyền, nhất là khi chiến tranh xảy ra, anh Nguyễn Mạnh Côn có thể bị cộng sản sát hại, do đó anh phải trốn đi.

Đọc Nguyễn Mạnh Côn chúng tôi có cảm tưởng là anh trở thành một nhà văn vì anh muốn thực hiện cái lý tưởng của mình. Nếu anh có con đường khác thì chắc anh không cần trở thành một nhà văn. Cái lý tưởng đó, chúng ta đọc lại trong những tác phẩm của anh sẽ thấy.

Thứ nhất là mối quan tâm đối với vận mệnh đất nước. Anh là người luôn luôn lo âu đến khí thế miền Nam VN là làm cách nào để chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc. Các tác phẩm của anh không ngớt nói đến cái họa của cộng sản, và anh luôn luôn đề cao khí thế hào hùng của dân tộc. Anh là người thiết tha với vận mệnh dân tộc đất nước. Anh cũng được xếp vào thế hệ của các nhà văn hóa luôn luôn nghĩ rằng mình có sứ mạng phải giúp cho nhân loại nữa. Giống như các nhà văn hóa khác như cụ Hồ Hữu Tường, cụ Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Mạnh Côn là một trong những người ở miền Nam gọi là "*lý thuyết gia lớn*". Họ nghĩ rằng một khi dân tộc Việt Nam thoát khỏi cái khổ (*khi giải thoát được Việt Nam khỏi nạn cộng sản*) thì chắc chắn con đường đó cũng sẽ mang hạnh phúc ấm no tới cho nhân loại.

Chúng tôi đã được tiếp xúc với anh và thấy anh cùng chia sẻ mối lo âu đó với những nhà văn khác như Nguyễn Đức Quỳnh, Hồ Hữu Tường và sau này là Lý Đại Nguyên.

Chúng tôi thường tới thăm anh trong khu Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Anh tiếp chúng tôi trên cái gác lửng hơi tối tăm. Anh bàn tất cả những chuyện của loài người, từ lý thuyết nọ đến lý thuyết kia, anh nghĩ cái này có khuyết điểm, cái kia có khuyết điểm. Kết quả là anh cũng như những nhà văn hóa đã nhắc ở trên, có một giấc mộng: nếu mình rút tất cả những kinh nghiệm đau thương của dân tộc Việt Nam, có thể tìm đường cho Việt Nam sống an vui, hạnh phúc trong dân chủ và tự do, thì chắc chắn qua con đường đó, cả nhân loại cũng được hưởng an vui, hạnh phúc.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn có một trí thông minh rất đặc biệt, tuy rằng anh sinh vào thời chiến tranh, không hưởng được nền học vấn có tính cách chính thức trên ghế nhà trường. Nhưng trí óc thông minh của anh rất bén nhọn, anh quan tâm đến tất cả mọi vấn đề trong phạm vi trí thức của nhân loại.

Tôi nhớ có một lần khi Bộ Giáo Dục cải tổ chương trình Trung học và thay thế các môn toán cũ bằng các môn toán mới, thì có một bữa tôi tới thăm anh. Anh say sưa bàn về một chuyện là làm sao dạy cho các trẻ em lý thuyết về tập hợp.

Anh là người không bao giờ học chính thức về môn toán cả và khi anh viết về khoa học thì anh mới tìm đọc ngẫu nhiên mọi thứ. Anh quan tâm cả đến chuyện làm thế nào cải tổ chương trình toán nhưng mà dạy được trẻ em cái lý thuyết trừu tượng như là lý thuyết về tập hợp.

Trong căn gác xép ở Phú Nhuận, đầu óc Nguyễn Mạnh Côn nghĩ đến chuyện thế giới, nghĩ đến tất cả những vấn đề lớn lao của nhân loại.

Sau 1975, như quý vị được biết thì anh Nguyễn Mạnh Côn đã bị cộng sản bắt bỏ tù vào trại học tập, và bị biệt giam.

Khi chúng tôi sống ở nước ngoài nghe tin anh Nguyễn Mạnh Côn bị tù, chúng tôi hết sức lo lắng, nghĩ rằng con người như anh, yếu đuối như vậy, nếu cộng sản nó tra tấn, nó dọa dẫm, thì làm sao anh chịu nổi. Nhưng lúc chúng tôi gặp những anh em văn nghệ sĩ ở miền Nam trốn thoát ra, thí dụ như anh Mai Thảo, anh Trần Cao Lĩnh v.v... hay những nhà báo như anh Lê Thiệp, chúng tôi hỏi thăm các nhà văn bị bắt thì tất cả mọi người đều nói rằng anh em rất là vững vàng mà tiêu biểu nhất là các anh Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ và một người đã quá cố là anh Nguyễn Mạnh Côn.

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn từ trần vì tù đầy cộng sản, ước mong rằng chúng ta cố gắng gìn giữ cái truyền thống đó.

Ở anh Nguyễn Mạnh Côn, chúng tôi thấy có hai bài học có thể rút ra được: thứ nhất mối quan tâm của các nhà văn hóa. Nhà văn hóa không những chỉ là người làm công việc thỏa

thích ý riêng của mình, nhưng nhà văn hóa luôn luôn là một sĩ phu có cái mối lo cho đất nước, cho dân tộc và loài người.

Bài học thứ hai mà chúng tôi ước mong thế hệ chúng tôi có thể học được là giữ được tấm lòng ngay thẳng và bất khuất, lúc giàu sang không trở thành sa hoa, mà lúc gặp võ lực ép buộc cũng không bị khuất phục.

(Nguồn: Khởi Hành số 20, Tháng 6-1998)